

Nghiệp Và Kết Quả

LỜI TỰA

Vào cuối thế kỷ 20 này, khoa học tiến bộ vượt bậc so với những thế kỷ trước. Tuy nhiên những tin tức về sự xuất hiện của các đĩa bay (UFO) đã thách thức loài người trước nền văn minh cực kỳ siêu việt của người từ vũ trụ đến. Những nhà khoa học chân chính cảm thấy con người cần phải khiêm tốn hơn vì còn quá nhiều điều mà chúng ta chưa biết, chân lý vũ trụ vẫn còn xa xôi, bí ẩn. Những tiến bộ hôm nay đã cho con người hưởng thụ các tiện nghi của đời sống, các lạc thú của trần gian. Tuy nhiên thêm vào đó có quá nhiều phim ảnh đã gieo rắc tư tưởng hận thù bạo lực và dục vọng. Cái thiện và cái ác vẫn đang giằng xé nhau trong nội tâm của con người. Các nhà đạo đức đại diện cho các tôn giáo truyền thống vẫn ra sức kêu gọi con người vượt bỏ cái ác để đi tìm sự toàn thiện. Đôi lúc con người cảm thấy các thần linh

đã vắng bóng vì dường như không còn ai che chở cho điều thiện, cái ác vẫn tồn tại và lan rộng khắp trong cuộc đời này. Nếu như thần linh đã bỏ mặc cho con người tự quyết định lấy số phận của chính mình. Muốn tốt đẹp, họ hãy tìm về nẻo thiện, nếu không, họ phải gánh lấy khổ đau.

Không ai đem cái thiện đến cho con người. Chính con người phải làm cho mình trở nên thánh thiện. Con người sinh ra đều khát khao hạnh phúc và họ có quyền hưởng hạnh phúc.

Đây là một tiêu đề quan trọng mà không ai có thể phủ nhận. Tuy nhiên hạnh phúc là gì thì vẫn còn là một sự suy xét chưa chấm dứt. Có người cho hạnh phúc là cơm ăn, áo mặc. Có người cho hạnh phúc là danh dự và địa vị. Có người cho hạnh phúc là Tổ quốc hùng cường. Các nhà thần học cho hạnh phúc là cuộc sống vĩnh hằng bên cạnh Thượng Đế ở cõi Thiên đàng. Các nhà đạo học Đông Phương cho hạnh phúc là nội tâm thanh tịnh sau khi đã chấm dứt mọi sự ham muốn, phiền não.

Các nhà từ thiện quan niệm hạnh phúc chỉ thực sự hiện hữu khi chúng ta quên mình phụng sự tất cả mọi người.

Nếu chúng ta đem câu hỏi hạnh phúc là gì để hỏi luật Nghiệp Báo, luật này sẽ trả lời những gì chúng ta gây ra cho kẻ khác sẽ trở lại với chúng ta một cách công bằng. Còn hạnh phúc là gì thì tùy theo quan điểm của mỗi người.

Mỗi người tùy theo tâm trạng, hoàn cảnh, kiến chấp của mình để chọn cho mình một định nghĩa về hạnh phúc. Đối với người đói, bát cơm là hạnh phúc. Với người hèn kém, sự quyền quý là hạnh phúc.

Tuy nhiên rất ít người biết tìm hạnh phúc thanh cao. Đa số chỉ vui đầu trong danh vọng và vật chất. Con người đã tiêu diệt giành giết lẫn nhau. Máu tiếp tục đổ. Máu đã đổ quá nhiều từ khi con người sống đời hoang dã. Máu vẫn còn đổ dù cho con người đã bước sang đời sống văn minh hôm nay.

Nhà bác học Gamov trong truyện ngắn khoa học viễn tưởng "Hành tinh chết" đã

dự báo rằng nền văn minh đích thực mà con người sẽ đạt đến không phải nền văn minh vật chất mà chắc chắn sẽ là nền văn minh tâm linh. Khi đó con người có thể không mang hình hài bé bỏng tạm bợ mà chỉ có một thể tánh "hợp nhất với vũ trụ, đạt được ý chí vạn năng và tự do không bờ bến"

Từ trước khi Đức Phật ra đời. Luật Nhân Quả Nghiệp Báo đã được nói đến tại Ấn Độ trong các kinh điển Vệ Đà truyền thống. Đức Phật khẳng định lại tính chất thật hữu của luật này và gạt bỏ mọi bàn tay của thần linh chi phối vào đó. Không một thần linh nào thưởng thiện phạt ác. Chỉ có Luật Nhân Quả khách quan âm thầm chi phối tất cả. Luật Nhân Quả là một chân lý, một nguyên lý của vũ trụ.

Nếu Luật Nhân Quả được chấp nhận rộng rãi trên hành tinh này, đạo đức xã hội sẽ chuyển biến mạnh mẽ, con người sẽ hạnh phúc hơn, niềm vui sẽ nhiều hơn.

Người tin hiểu Luật Nhân Quả Nghiệp Báo sẽ không bao giờ đi tìm hạnh phúc cho

mình một cách ích kỷ, độc ác. Họ sẽ đi tìm hạnh phúc bằng cách đem niềm vui đến cho mọi người. Và đương nhiên Luật Nhân Quả sẽ mang niềm vui đến cho họ gấp bội lần.

Xuất phát từ niềm mong ước đó, chúng tôi có tham vọng được trình bày đôi phần về Luật Nhân Quả Nghiệp Báo với lý luận lôgic, hợp với khoa học. Và những điều trình bày nơi đây có thể sẽ là sự gợi ý cho những ai về sau muốn chứng minh Luật Nhân Quả một cách chặt chẽ như một phương trình toán học hoàn chỉnh đa chiều.

Những ý kiến ghi lại trong tập sách bé nhỏ này hy vọng sẽ đóng góp được một chút gì cho nền đạo đức của nhân loại hôm nay. Và nếu có công đức thì công đức đó sẽ thuộc về những vị thầy đã dạy dỗ chúng tôi, những huynh đệ đã yêu mến đùm bọc chúng tôi, những đạo hữu đã giúp đỡ chúng tôi, và sau cùng nó thuộc về tất cả mọi người trong pháp giới.

Tác giả kính bút

Am Thanh Lương, năm Nhâm Thân

Chân Quang

CHƯƠNG MỘT

KHÁI NIỆM VỀ NGHIỆP BÁO

Nghiệp Báo là từ gọi tắt đầy đủ của nghiệp và sự báo ứng, hay nghiệp và kết quả của nghiệp.

Nghiệp, karma, là sự hoạt động của ý nghĩ, lời nói và hành động của mọi loài hữu tình có thể tạo thành một kết quả vui

khỏe về sau. Nếu bởi nghiệp thiện, chúng ta đem niềm vui cho kẻ khác, kết quả về sau chúng ta sẽ được vui. Nếu chúng ta bố thí cho người nghèo, chúng ta sẽ được đầy đủ tài vật. Nếu chúng ta chăm sóc sức khỏe cho người bệnh, chúng ta sẽ được mạnh khỏe. Còn nếu bởi nghiệp ác, chúng ta gieo đau khổ cho người khác, đau khổ sẽ trở lại với chúng ta. ” Mắt phải đền mắt, răng phải đền răng” (* Thánh kinh)

(Nghiệp Báo đấu tranh). Đó là sự công bằng vô hình chi phối tất cả.

Đôi khi chúng ta cũng gọi luật Nghiệp Báo là Luật Nhân Quả. Nghiệp được xem là nguyên nhân và sự báo ứng được xem là kết quả.

Tuy nhiên tên gọi Nhân Quả này có một phạm vi quá rộng, bao gồm cả mọi hình thức Nhân Quả khác của cuộc đời, vật lý, xã hội, tâm lý... Còn tên gọi Nghiệp Báo là sự chuyên biệt cho riêng tính chất thiện ác

mà thôi.

Ví dụ như cho rằng ngọn lửa là nguyên nhân và nước sôi là kết quả. Cái Nhân Quả này không dính líu gì đến sự báo ứng của nghiệp. Hoặc nhiên liệu là nguyên nhân, sự chuyển động của xe là kết quả, nhờ nhiên liệu làm cho xe khởi động. Cái tương tác Nhân Quả này khác với Nhân Quả của nghiệp.

Hạt được gieo xuống đất, một số các điều kiện được bổ sung như nước, phân, ánh sáng, rồi hạt nảy mầm, thành cây, kết trái. Cái Nhân Quả của thực vật này cũng cách xa với Nhân Quả của nghiệp mặc dù các nhà đạo học thường dùng hình ảnh này để minh họa cho đường đi của nghiệp.

Các hình thức Nhân Quả của khoa học dễ quan sát trong khi Nhân Quả của nghiệp thì vô hình và ảnh hưởng qua nhiều kiếp luân hồi nên không thể quan sát bằng mắt thường được. Ví dụ cho rằng việc gia tăng

dân số là nguyên nhân dẫn đến kết quả suy thoái kinh tế xã hội. Điều này có thể chứng minh rất rõ ràng. Chính vì thế mà các nhà xã hội học ra sức kêu gọi mọi người làm giảm dân số bằng cách sinh đẻ có kế hoạch.

Hoặc việc sử dụng các nhiên liệu địa khai như dầu mỏ, khí đốt, than đá làm tăng lượng carbonic trong khí quyển phát sinh hiệu ứng nhà kính, làm xáo trộn sinh thái Địa cầu, gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho đời sống toàn nhân loại. Những loại Nhân Quả như trên không phải là Nghiệp Báo nhưng rõ ràng có ảnh hưởng đến khổ vui của con người.

Thế còn việc sử dụng nhiên liệu địa khai làm ô nhiễm môi trường, sử dụng khí Fréon làm thủng tầng Ozone trên khí quyển thì sao ? Tầng Ozone có tính chất bảo vệ trái đất khỏi các tia vũ trụ độc hại. Nhưng núi lửa, các khí Flor công nghiệp

đã làm mỏng và rách lớp Ozone này gây nguy hại cho loài người.

Ngay cả các hàng Alahán được xem là vô học, không còn nghi ngờ gì với vấn đề giải thoát, nhưng nếu quay lại cứu độ mọi người thì kiến thức luôn luôn vẫn cần thiết với các Ngài. Ông Krishnamurti một vị đạo sư của thời đại, không bao giờ xao lãng việc quan sát sự tiến bộ của khoa học trên thế giới.

Một vị chủ trì ngôi tự viện, do thiếu kiến thức, đã áp dụng một Thanh qui sai lầm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và tâm linh của đại chúng. Một nhà thuyết pháp do thiếu kiến thức đã giải thích giáo lý đi ngược với khoa học, gây mê tín và làm giảm giá trị của đạo.

Họ đều phải nhận lấy quả báo nguy hiểm về sau.

Rồi sự tận hưởng những tiện nghi quá đáng đưa đến sự phá hoại sinh thái Địa

cầu cũng được xem là một tội lỗi đáng kể. Con người nên tập sống đời đơn giản gần với thiên nhiên hơn là cứ mãi đòi hỏi những tiện nghi sang trọng mà không để ý đến sức chịu đựng có hạn của môi trường. Hoặc một kẻ phạm tội trộm cắp, giết người bị nhà chức trách bắt giam. Cái Nhân Quả xã hội này giống hệt với luật Nghiệp Báo là một minh chứng của Nghiệp Báo.

Hoặc một bác sĩ tận tụy chữa bệnh nhân, ông được khen thưởng và thăng chức. Cái Nhân Quả xã hội này không khác với luật Nghiệp Báo.

Nhưng nó vẫn không phải là luật Nghiệp Báo vì nó chưa đạt đến sự công bình tuyệt đối. Kẻ tội phạm ranh ma vẫn có thể che mắt luật pháp. Vô số các vụ án chưa phá được. Và không thiếu những người tận tụy tốt bụng bị trù dập vì không ăn cánh với kẻ xấu.

Những người lãnh đạo chính quyền luôn

luôn cố gắng đi tìm sự công bằng cho xã hội, nhưng từ xưa tới nay, cái công bình do con người tạo ra bằng khuôn mẫu pháp luật chỉ đạt được hiệu quả phần nào. Ví dụ một vị chánh án, do thiên kiến cá nhân đã nương nhẹ mức án với người này, gia tăng mức án với người khác. Trước mắt, mọi người đều phải chấp nhận cái công bình tạm thời do con người, do xã hội thành lập.

Nhiều tôn giáo đã nêu lên cái công bình tuyệt đối của Thượng Đế, kêu gọi con người hãy an tâm trước những cái bất công còn đầy trên xã hội, bởi vì Thượng Đế sẽ phán xử lại tất cả sau khi chết hoặc sau ngày tận thế.

Ở đây, với luật Nghiệp Báo, những gì con người làm cho người khác sẽ trở lại cho họ một cách công bình, chắc chắn và hợp lý.

Với một lý luận dễ hiểu, chúng ta có thể

nói rằng một nghiệp thiện sẽ tạo thành một kết quả vui, và một nghiệp ác sẽ tạo thành một kết quả khổ. Ví dụ người hay san sẻ vật chất sẽ được giàu sang, người hay tự cao sẽ rơi vào địa vị hèn hạ.

Tuy nhiên để hiểu thế nào là thiện ác chúng ta phải lệ thuộc vào hoàn cảnh thời đại. Thông thường chúng ta quan niệm rằng một hành động được gọi là thiện khi nó đem niềm vui đến cho kẻ khác, được nhiều người khen ngợi.

Hãy xét trường hợp nơi một bộ tộc bán khai có tục lệ giết một cô gái đẹp mỗi năm để tế thần.

Cô gái được chọn cũng cảm thấy vinh dự. Đối với họ hành động này là thiện, trong khi những nơi khác hết sức kinh tởm. Như vậy quan niệm thế nào là thiện ác cũng chỉ tương đối, bị biến thiên theo hoàn cảnh.

Hoặc cha mẹ quở phạt con cái làm nó khó chịu, thấy dường như ác, kỳ thật đem lại

ích lợi cho nó lâu dài về sau.

Quan niệm về thiện ác bị biến thiên theo nhiều điều kiện, còn luật Nghiệp Báo thì bất biến.

Những điều gì chúng ta làm cho người khác sẽ trở lại với chúng ta một cách công bình.

Ví dụ nơi bộ tộc giết người để tế thần, luật Nghiệp Báo không phê phán thiện hay ác, chỉ lẳng lặng sắp xếp để cho những kẻ giết người cũng sẽ được đưa lên giàn hỏa vào một lúc khác.

Nếu ban phát tình thương, chúng ta sẽ trở thành vị thánh. Nếu truyền bá kiến thức, chúng ta sẽ trở thành nhà bác học. Nếu phổ biến phương pháp thiền định, chúng ta sẽ đắc định sâu thẳm. Những gì đem đến cho người, sẽ trở lại với chúng ta.

Những người quên mình để giúp đỡ mọi người sẽ đầy đủ tất cả.

Tuy nhiên, với đôi mắt phàm phu này

không ai có thể chứng kiến một nghiệp nhân sẽ đưa đến một quả báo ra sao. Một tên cướp giết người, lẩn trốn pháp luật rồi mọi chuyện phôi pha, vụ án không phá được. Có chắc là y sẽ phải chịu một quả báo nào xứng đáng vào tương lai hay không ? Có chắc là y sẽ té xuống vực thẳm, bị đụng xe, hay bị người khác giết lại không ?

Hoặc một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình giàu có, có chắc là đời trước nó đã từng biết bố thí giúp đỡ mọi người hay không ? Có chắc là nó đã từng cúng dường cho những bậc thánh thiện hay không ?

Chính cái khoảng thời gian ngắn cách làm cho luật Nghiệp Báo trở nên bí ẩn, khó thấy và khó chấp nhận.

Trường hợp chúng ta giúp đỡ ai, họ mang ơn, sau này họ đền ơn. Cái Nhân Quả này dễ thấy vì đơn giản. Nhưng đôi khi gặp kẻ

vô ơn, không đếm xỉa gì đến chúng ta. Hoặc trước kia chúng ta làm lỡ hại người, họ mang oán thù và tìm dịp mưu hại chúng ta. Điều này có vẻ công bình và hợp lý với tính chất của Nghiệp Báo. Nhưng đôi khi gặp những người độ lượng tha thứ, họ không tìm cách trả thù. Như vậy luật Nghiệp Báo cũng không dựa vào tâm lý vô ơn hay biết ơn, oán thù hay tha thứ của con người. Nó âm thầm đi con đường riêng, mặc cho tâm lý của con người thay đổi.

Giống như một tấm gương bí mật phản chiếu ánh sáng. Người không biết về tấm gương ở trên cao kia sẽ phải ngạc nhiên tại sao với một ngọn đèn ở đây, bị ngăn cách nhiều lớp vách, lại xuất hiện một vầng sáng ở bên kia. Cũng vậy, không thấy được tấm gương phản chiếu Nghiệp Báo, chúng ta sẽ ngạc nhiên tại sao một nghiệp thiện ác ở đây, bị ngăn cách bởi

thời gian và không gian dị biệt, lại xuất hiện một quả báo vui khổ ở nơi khác.

Tám gương tượng trưng cho BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI của vũ trụ. Tính chất phản chiếu của gương tượng trưng cho luật Nghiệp Báo. Ngọn đèn tượng trưng cho nghiệp nhân. Vàng sáng bên kia tượng trưng cho Quả báo, còn những lớp vách tượng trưng cho những khoảng không gian gần xa. Chiều cao của tám kính chính là chiều sâu tâm linh, không phải chiều cao vật lý.

Không biết về tám gương Bản Thể này, chúng ta càng không biết gì về tính chất phản chiếu Nghiệp Báo của nó. Đứng trước sự khổ vui của con người, chúng ta không thể hiểu nguyên nhân ban đầu ra sao. Nhìn hành vi thiện ác, chúng ta không lường được kết quả sẽ xuất hiện thế nào. Chỉ có những bậc thánh chứng đạo viên

mãn đã có thể thề nhập trọn vẹn Bản Thể Tuyệt Đối, đạt được sự hợp nhất với toàn thể vũ trụ, mới thấy rõ tính chất phản chiếu của Nghiệp Báo công bình hoàn toàn.

Đức Phật gọi khả năng thấy rõ đường đi của nghiệp là Thiên Nhãn Minh. Như vậy thiên nhãn không phải là con mắt trời để nhìn cảnh vật xa gần cho vui. Ở đây, Thiên nhãn có nghĩa là một trong nhiều khả năng của bậc đạt đạo, có thể tận tường sự vận hành của nghiệp trong việc tạo thành quả báo về sau.

"Như một người trên lầu cao tại ngã tư đường nhìn người qua lại, cũng vậy, với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhiên, vị Alahán thấy rõ các hạnh nghiệp và quả báo của mọi người. Những kẻ tạo thiện nghiệp sẽ sinh vào chỗ an vui. Những kẻ tạo ác nghiệp sẽ sinh vào nơi đau khổ"

Vào trước thời kỳ Đức Phật ra đời, đối với

Ân Độ, Trời là tượng trưng cho sự cao cả nhất trong vũ trụ. Thế nên Đức Phật dùng từ thiên nhãn, thiên nhĩ cũng có nghĩa là chỉ cho khả năng hiểu biết cao nhất của bậc đạt đạo. Sau thời Đức Phật, trong Phật giáo, khái niệm "Trời" trở thành kém giá trị nên những luận bản cho ra đời một số từ mới thích hợp hơn như huệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn.

Lúc đó từ thiên nhãn bị hiểu thấp hơn ý nghĩa ban đầu. Thật ra, thời Đức Phật tại thế, Phật dùng từ Thiên nhãn là ám chỉ giá trị cao nhất không gì hơn.

Nếu chúng ta bắt chợt hỏi một vị Thánh đạt đạo một điều chuyên môn nào đó, các Ngài vẫn có thể không biết. Vì sao các Ngài không biết trong khi khả năng của thiên nhãn là siêu việt và có thể gọi là tuyệt đối ?

Thật ra Bản Thể có hai tính chất: tịch diệt và thông đạt.

Tịch diệt hoàn toàn và thông đạt hoàn toàn.

Một vị đạt đạo, tùy theo ý mình có thể an trụ trong tịch diệt tuyệt đối, và không cần phải biết điều gì, bởi vì đối với bản thân các ngài, biết hay không biết chẳng có gì quan trọng. Tuy nhiên, khi có một vấn đề cần tìm hiểu để hóa độ chúng sanh, các Ngài hướng về tính chất thông đạt và lập tức mọi chuyện phơi bày rõ ràng.

Nếu chúng ta hỏi các Ngài đúng vào điều đã được các Ngài quan sát trong định, các ngài sẽ trả lời rành mạch. Ngược lại các ngài vẫn chưa biết.

Do đã từng "quan sát" sự luân hồi của nhiều người, bậc đạt đạo hiểu rõ tính chất của Nghiệp Báo hơn chúng ta. Các ngài hiểu rõ vì sao một người phải mang thân nữ, vì sao một người được thông minh, vì sao một người chịu hèn kém. Trong đời sống, các Ngài luôn luôn cẩn thận từng

hành vi, vì trí tuệ các ngài luôn soi sáng và không chấp nhận một sự sơ hở nhỏ nhất nào. Cả cuộc sống của các ngài là một bức tranh đạo đức toàn vẹn. Nhìn thấy mọi người tạo nghiệp thường xuyên, quay qua bên phải làm một việc bậy, quay qua bên trái nói một lời bậy, cúi xuống khởi một ý nghĩ xấu, với lòng bi mẫn, các ngài rất thương xót vì biết họ sẽ chịu nhiều bất hạnh ở tương lai.

Đối với bậc thánh đạt đạo, luật Nghiệp Báo là một sự thật hiển nhiên không còn gì phải nghi ngờ bàn cãi. Các ngài tuyên bố giảng dạy về Nghiệp Báo một cách xác quyết hùng hồn, khiến cho chúng ta tin hiểu và biết sống cuộc đời đạo đức hơn. Các tín đồ của đạo Phật, đạo Ấn độ tin sâu vào Luật Nhân Quả Nghiệp Báo bởi vì họ được các giáo tổ dạy bảo rất nhiều. Hơn nữa tính chất công bình của Nghiệp Báo phù hợp với lương tâm của con

người.

Tận trong thâm tâm ai cũng cảm thấy kẻ ác đáng bị phạt và người thiện đáng được thưởng. Do đó với luật Nghiệp Báo, điều mong mỗi của họ được đáp ứng, và làm họ yên tâm dù cuộc đời có bất công, con người có thiên vị. Cuối cùng luật Nghiệp Báo sẽ giải quyết công bình tất cả.

Chính vì luật Nghiệp Báo phù hợp với lương tâm con người nên ngay cả những người không có khuynh hướng tín ngưỡng cũng thềm chấp nhận sự thật hữu của Luật Nhân Quả này. Họ tin có một sự công bình âm thầm chi phối đời sống của con người để người tốt sẽ hưởng được nhiều may mắn và kẻ xấu phải chịu nhiều tai vạ. Tục ngữ Anh có câu:

"Man reaps what he sowed" (Người ta gặt những gì mình gieo). Hoặc người Việt Nam nói "Ở hiền gặp lành" "Gieo gió gặt bão"... đều phản ánh niềm tin sâu sắc vào

luật Nghiệp Báo này.

Chỉ có hai hạng người không tin Nghiệp Báo, đó là kẻ độc ác không muốn tin vì sợ mình phải trả Nghiệp Báo sau này, hai là kẻ đòi hỏi phải có một sự chứng minh logic, chứ họ không tin nơi cái trực cảm của nội tâm.

Trong bộ phim "Chiến tranh giữa các vì sao" một nhà bác học đã dạy cho học trò để trở thành hiệp sĩ Reidei phải biết tin vào cái trực cảm của nội tâm hơn là cái thấy nghe của tai mắt, vì có những sự thật mà tai mắt không nhìn thấy, chỉ có cái trực quan mới cảm nhận được mà thôi.

Ở đây cũng vậy, trong khi khoa học chưa đủ sức chứng minh luật Nghiệp Báo, nếu không sử dụng cái trực cảm này, chúng ta cũng không hiểu được sự có mặt của luật Nghiệp Báo âm thầm chi phối đời sống của ta trong từng phút giây nhỏ nhiệm. Một mặt chúng ta cố gắng đi tìm sự chứng minh cho luật Nghiệp Báo, mặt khác chúng ta cũng phải biết dùng cái trực quan của nội tâm để tin hiểu luật kỳ diệu này.

Khoa học ngày nay còn quá hạn chế, chưa thể biết nhiều về các nguyên lý của vũ trụ. Chúng ta có thể chụp hình một nguyên tử, biết gần hết mọi hạt cơ bản của nguyên tử, nhưng đây chỉ là một lãnh vực nhỏ so với vô số quy luật khác. Một thời gian dài người ta còn cho các định luật của Newton (1642-1727) là hoàn hảo. Đến khi Einstein (1879-1955) đưa ra thuyết Tương đối, mọi vấn đề đã khác hẳn, khoa học bước vào một kỷ nguyên mới, phải dùng đến tư duy vô cùng trừu tượng làm điên đầu các nhà bác học đương thời. Trước kia Goethe đã ca ngợi Newton bằng đoạn thơ:

"Ngày xưa vũ trụ mờ mịt tối tăm
Nhưng Thượng đế bảo có Newton
Thế là mọi vật trở nên sáng sủa trật tự"
Sau này một người khác đã khôi hài thêm vào :

"Rồi quỷ Satan hiện ra bảo: Có "Einstein"
Thế là mọi vật lại chìm trong bóng tối"
Với Newton, các lý thuyết về luật hấp dẫn, chuyển động rất cụ thể rõ ràng như hai với

hai là bốn. Nhưng với Einstein, Lý thuyết về vũ trụ cực kỳ trừu tượng, biến ảo khôn lường. Ví dụ như ông cho rằng không gian và thời gian bị thay đổi theo nhiều điều kiện như trọng trường, vận tốc, tỉ trọng... Một người di chuyển một vận tốc như vận tốc ánh sáng, họ sẽ cảm thấy trải qua vài giờ trong khi cùng lúc đó ở Địa cầu cảm thấy đã trải qua vài chục năm. Hoặc ông cho rằng không gian và thời gian có liên hệ với vật chất của vũ trụ. Nếu không còn một vật chất nào, không còn một ngôi sao nào, thì mọi người sẽ tưởng vẫn còn một khoảng không gian bao la vô tận, nhưng ông cho biết sẽ chẳng còn có không gian và thời gian nào cả.

Lý thuyết như vậy quá sức trừu tượng, vượt khỏi cái tư duy truyền thống của con người vốn quen với các điều cụ thể. Để hiểu được lý thuyết của Einstein, các nhà bác học phải sử dụng nhiều đến trực quan hơn là sử dụng lý luận thông thường của ý thức.

Những lý luận của Einstein mở ra một

chân trời mới mẻ cho tư duy trong khoa học. Con người được làm quen dần với những chân lý mới lạ, không thể dùng tai mắt để nhận biết, mà chỉ có thể dùng trí tuệ trực quan để hiểu mà thôi.

Mặc dù nhờ vào Einstein, khoa học bước được một bước dài, nhưng để chứng minh được đường đi của Nghiệp Báo, chúng ta cũng còn phải chờ nhiều sự phát minh của các thiên tài sau này nữa.

Khoa học hiện nay chưa biết hết tính chất của não bộ với hơn 10 tỷ neuron (vào thời điểm 1991)

Sự phối hợp của các neurone để giải quyết các tín hiệu tư duy, sự trao đổi chất một cách nhịp nhàng vẫn còn là bí ẩn.

Hơn nữa, tính chất chủ quan của não bộ vẫn xa lạ với sự nghiên cứu khách quan từ bên ngoài vào. Do đâu não bộ hình thành một bản năng sống mãnh liệt, con người luôn luôn tìm cách duy trì sự sống của mình một cách gay gắt. Do đâu một ước muốn của một nhà ngoại cảm có thể làm tan mây trên trời ?

Như Ignatenko, ở Ukraines đưa bàn tay lên bầu trời đen kịt, với một tâm niệm duy nhất "Mây hãy tan ra" .Vài phút sau mây tan dần trước mắt mọi người, trời bắt đầu hừng nắng.

Vô số các hiện tượng ngoại cảm làm các nhà khoa học ngạc nhiên và chưa thể giải thích được.

Rồi các đĩa bay (UFO) từ đâu bay đến bay đi một cách ung dung thoải mái với các phương pháp di chuyển ngoài sự hiểu biết của người Địa cầu. Làm thế nào họ có thể đến đây sau khi vượt qua đoạn đường dài mấy trăm năm ánh sáng. (Chòm sao Veda cách 100 năm ánh sáng. Chòm Orion cách 1300 năm)

Tất cả vẫn còn là bí ẩn, có nghĩa là khoa học vẫn còn nhiều hạn chế chưa thể hiểu được. Nếu ai đó đòi hỏi phải dùng lý luận của khoa học hôm nay để chứng minh luật Nghiệp Báo như một phương trình toán học chặt chẽ, họ sẽ thất vọng. Ngày đó còn xa lắm. Nhà toán học L.A.Zadeh vào năm 1965 đã đưa ra lý thuyết TẬP MỜ

(Fuzzy Logic) để đưa toán học đi vào lãnh vực trừu tượng. Lý thuyết này đang được áp dụng vào máy vi tính hiện đại để tạo ra người máy thông minh, và áp dụng vào các ngành xã hội học, ngôn ngữ học, y học, sinh học... tức là những ngành trừu tượng.

Có thể nói khoa học đang đi dần vào các lãnh vực trừu tượng ngoài cái thấy biết cụ thể của tai mắt. Đây là một khởi điểm đáng mừng vì chân lý luôn luôn rất trừu tượng, và nơi chân lý tốt cùng này, tính chất phản chiếu của nghiệp mới hy vọng được hiện bày trọn vẹn.

Muốn chứng minh sự thật hữu của nghiệp, khoa học cần phải mở rộng qua nhiều lãnh vực khác, đa dạng hơn, trừu tượng hơn và phổ quát hơn. Với một tập sách nhỏ bé này, chúng tôi có một tham vọng gợi ý một tiến trình cho mục đích chứng minh đó bằng cách kết hợp với các kiến thức sơ đẳng, về lý thuyết tương đối của Einstein, kiến thức về vô thức, trường sinh học, khái niệm về Bản Thể Niết Bàn của Phật

giáo. Sự hiểu biết và trình bày của chúng tôi quả là quá sơ đẳng, đơn giản và ít ỏi, nhưng hy vọng nó cũng vạch ra một vài tia sáng mong manh nào đó, giúp con người tin vào sự thật hữu của luật Nghiệp Báo hơn trong khi chờ đợi sự phát minh vĩ đại của người khác. Dù sao trong đêm tối hoang vu, một vài tia sáng cũng có thể làm vui lòng khách lữ hành đang tìm về chân lý.

CHƯƠNG 2

KHÔNG GIAN VẬT LÝ

Không gian vật lý là đối tượng được nhận thức rõ ràng của khoa học hôm nay. Với người xưa, không gian này là một thế giới nhỏ bé với vòm trời phủ lên mặt đất, các ngôi sao lấp lánh vào ban đêm, ánh trăng treo nghiêng nghiêng và ánh mặt trời rực rỡ.

Hôm nay không gian là cả một vũ trụ bao

la với vô số thiên thể tập hợp thành thiên hà. Mặt trời của chúng ta là một ngôi sao nhỏ bé nằm trong một thiên hà có tên là Ngân hà.

Với sự quan sát theo điều kiện của trái đất, thời gian có một hệ thống căn bản là giây phút giờ. Đơn vị đo thời gian được lấy theo vòng quay của trái đất, hoặc sóng giao động của các nguyên tử.

Với một hệ thống không gian thời gian này, mọi qui luật vật lý đang được khám phá dần dần tới từng electron điện tử và tới những hạt bức xạ vô cùng nhỏ hơn nữa.

Các tàu ngầm lang thang dưới biển để tìm hiểu thế giới đại dương. Các mũi khoan dò vào lòng đất tìm hiểu cấu tạo địa chất. Các kính thiên văn hướng vào vũ trụ mênh mông để tìm hiểu thiên thể xa xăm. Các kính hiển vi điện tử đang đột phá vào thế giới vi mô của cấu trúc nguyên tử.

Các nguyên tắc về chuyển động được tìm hiểu khá rõ ràng (trừ nguyên tắc chuyển động của các UFO) đủ cho con người

thực hiện các chuyến bay ra khỏi trọng trường của trái đất.

Môi trường sinh thái của Địa cầu được theo dõi chặt chẽ để con người có thể phát hiện ra từng biến đổi nhỏ nhất. Các sóng điện tử phủ trùm cả mặt đất để làm phương tiện thông tin khắp nơi. Máy vi tính đã có thể thực hiện những tính toán vô cùng phức tạp và người ta đang ra sức tìm kiếm trí tuệ nhân tạo. Những bệnh nan y như ung thư, AIDS được hiểu thấu tới từng đường tơ kẽ tóc (thực ra đường tơ kẽ tóc quá lớn) và việc tìm cách chữa trị cho hiệu quả chỉ là vấn đề thời gian. Tia laser xâm nhập vào mọi ngành nghề làm tăng thêm hiệu quả.

Khoa học phát triển với tốc độ chóng mặt. Và tội ác cũng chạy đua với tốc độ tương đương.

Khắp nơi, con người vẫn tiếp tục lừa đảo, giết hại, chia rẽ, thù hận lẫn nhau không giảm bớt chút nào. Phương tiện về vũ khí, liên lạc làm cho kẻ khủng bố gia tăng mức độ phá hoại nguy hiểm hơn. Sức tàn phá

của chiến tranh dữ dội hơn.

Những điều mà khoa học tìm thấy nơi không gian vật lý này không giúp ích gì cho con người cải tạo đạo đức của họ!

Với hình học Euclide và vật lý học Newton, không gian này khá ổn định, ngay ngắn, đơn giản. Hai đường thẳng song song sẽ không bao giờ giao nhau. Lực hấp dẫn tùy thuộc vào khối lượng vật thể, khoảng cách và với hằng số K. Ba ngày ở trái đất cũng giống như ba ngày ở một ngôi sao xa xăm nào đó.

Nhưng với Einstein, không gian và thời gian bị biến dạng một cách kỳ cục theo các điều kiện. Ví dụ ở một thiên thể mà mật độ trọng trường cao hơn, nghĩa là một người nặng 50 kg ở Địa cầu, sẽ nặng cả tỷ ký ở đó, thì thời gian và không gian không giống như ở Địa cầu.

Chuyện này giống như chuyện cổ tích Từ Thức lạc vào động tiên vài năm đến khi trở lại trần gian thì ở đây đã trôi qua vài chục năm rồi.

Khoảng cách cũng bị thay đổi tương tự.

Một vật dài ba mét ở Địa cầu, có thể chỉ còn vài phân ở thiên thể kia.

Hoặc vận tốc cũng làm thay đổi thời gian và không gian. Với vận tốc gần bằng vận tốc ánh sáng, vật thể còn lại phân nửa chiều dài ở quả đất, và thời gian dường như chỉ vài giờ, trong khi ở quả đất vài mươi năm.

Một sự biến đổi nơi này đều có ảnh hưởng đến toàn thể vũ trụ, dù rất ít. Vì cả vũ trụ là sự tổ hợp cấu thành chặt chẽ bởi toàn bộ vật chất - năng lượng - không gian - thời gian. Nếu không có vật chất thì không có cái khoảng không mênh mông kia. chúng ta đừng nghĩ đơn giản không gian tức là không có gì, không bị ảnh hưởng bởi không có điều gì. Trái lại không gian là cái được tạo thành bởi vật chất.

Với cấu trúc của các thiên thể như hiện nay thì không gian là như khoảng không bây giờ. Nếu các thiên thể có cấu trúc khác hẳn, gần hơn, xa hơn hình dáng lạ lùng hơn thì không gian sẽ biến đổi kỳ cục hơn. Nhưng kỳ cục như thế nào thì hãy

đội tính toán.

Một xác thú vật bị mục rữa, tan hoại, mất dần dưỡng như không có ảnh hưởng gì đến toàn nhân loại đang nhởn nhơ sinh sống và giành giật. Thật ra nó đã thải vào không khí nhiều thành phần mới lạ do các vi khuẩn tạo ra trong khi gặm nhấm xác chết. Ảnh hưởng của các khí thải đó tuy nhỏ nhưng cũng góp phần làm biến đổi môi trường.

Một người bị giết hình như không ảnh hưởng gì đến toàn trái đất đang tỉnh bơ ăn uống hưởng thụ. Nhưng đằng sau đó là sự thay đổi lớn lao cho gia đình thân quyến. Người vợ có thể sẽ tái giá. Con cái có thể sẽ hư hỏng và xã hội thêm nhiều nguy hiểm.

Điều chúng ta quan tâm là chính nơi không gian vật lý này, mọi người gây lấy nghiệp nhân và nhận lấy quả. Nhưng chúng ta không thể tìm thấy đường đi của Nghiệp Báo nơi đây vì sự ngăn cách của thời gian và không gian

Ví dụ, một tên cướp giết người và trốn

được sự điều tra của pháp luật, mười năm sau y lái xe qua dốc núi, tay lái bị tuột ốc, xe không thể giữ phương hướng đã lao xuống vực thẳm.

Có thể suy luận viễn vông rằng sau cái chết của nạn nhân, người vợ tảo tần nuôi cho con ăn học, nhưng không đủ sức, đã cho người con đi học nghề ở xa. Người con này về sau có nhiều bạn bè và một trong những người bạn đó là thợ sửa xe hơi. Vào lần giỗ thứ mười của người cha mình, người con đã mời bạn bè đến dự tiệc. Vì vội vàng lo đi dự đám giỗ, người thợ máy đã lắp không kỹ volant cho đúng chiếc xe của tên giết người ngày xưa. Khi leo lên dốc núi, tên này nhận lấy quả báo. Hoặc viễn vông hơn, ví dụ như ông Đình đã bố thí một số tiền lớn để đắp con đường trong làng rồi ông chết, sinh qua một quốc gia khác. Nhờ con đường đó đời sống trong làng dễ dàng hơn. Nhiều đứa trẻ trong làng được ăn học tới nơi tới chốn. Một trong những đứa trẻ đó đi du học, trở thành giáo sư dạy cho ông Đình

(lúc này còn trẻ). Nhờ vị giáo sư đùm bọc, ông Đình ở kiếp này thành công lớn lao. Có thể là nghiệp đã đi theo con đường ngoằn ngoèo đó để đến được quả báo. Nhưng nếu đi tìm Nghiệp Báo theo không gian vật lý này, thì chúng ta sẽ bối rối vì mỗi trường hợp đều có đường đi riêng, không trường hợp nào giống trường hợp nào. Khó hơn nữa là sự ảnh hưởng lan truyền dần đến khi người tạo nhân đã sinh qua kiếp khác mà vẫn nhận được ảnh hưởng do chính mình đã tạo nên từ kiếp trước. Làm sao kiểm soát được một người sẽ tái sinh về đâu, trong khi khoa học chưa có loại máy dò tái sinh này.

Hoặc như anh Khải học rất giỏi toán nhờ một vị giáo sư am tường toán học dạy dỗ. Chính vị giáo sư này giỏi toán nhờ vào một số sách được soạn rất công phu. Không ngờ rằng các sách đó là do Khải soạn từ kiếp trước.

Có những trường hợp phải qua cả trăm trung gian, người ta mới hưởng được thành quả của mình. Tìm đường đi của

ngiệp trong trường hợp này thật không đơn giản.

Có những điều được xem là may mắn hay rủi ro. Kỳ thực, nó hoàn toàn là kết quả của một nghiệp từ trước. Ảnh hưởng của nghiệp đó đi lang thang trong không gian vật lý (cuộc sống thực tại) qua nhiều trung gian, cuối cùng gặp lại người đã tạo ra nó. Tác giả Kim Dung chuyên viết các truyện võ hiệp của Trung Hoa, người mà tên tuổi vang lừng khắp thế giới vì tính triết lý sâu thẳm chứa đựng trong tác phẩm, đã tâm đắc loại Nghiệp Báo có tác dụng trực tiếp ngay trong cuộc sống thực tại này. Các tác phẩm của ông đều có một cấu trúc chặt chẽ về Nhân Quả. Ông không bỏ sót một hành vi thiện ác nào mà không nói đến quả báo của nó.

Thạch phá Thiên hy sinh ăn giùm cháo lạp bát cho các đồng đạo võ lâm, ai cũng nghĩ cháo có độc, nên vô tình được tăng công lực lên nhiều lần (Hiệp Khách Hành). Tây Độc Âu Dương Phong vì tâm niệm độc ác nên cuối cùng trở thành người

điên. Nhưng trong khi điên, ông trở nên hiền lành tốt bụng, và cuối cùng ông tỉnh lại, chết trong hân hoan.

Quách Tĩnh giúp cho Thành Cát Tư Hãn xâm chiếm khắp nơi, cuối cùng phải tự tử vì giữ không được thành Tương Dương trước quân đội của nhà Nguyên (Võ Lâm Ngũ Bá)

Toàn bộ những tác phẩm của Kim Dung đều không bị sơ hở về Nghiệp Báo. Tuy nhiên ông thích chứng minh loại Nghiệp Báo cụ thể, dễ thấy được ảnh hưởng của nghiệp đưa đến quả báo như thế nào ngay trong cuộc đời của nhân vật.

Dĩ nhiên là đường đi của nghiệp trong không gian vật lý này không phải là cốt lõi của luật Nghiệp Báo vì nó không đi theo một quy luật nào. Đôi khi chúng ta thấy nó có tính may rủi. Ví như việc mà người thợ máy vì vội vàng đi ăn giỗ đã ráp cái volant không kỹ cho tên cướp, sự kiện này giống như vô tình hên xui vậy thôi chứ không có vẻ chắc chắn, Nhưng chính sức mạnh Nghiệp Báo trong vô hình đã ráp nối các

sự kiện lại, để cho tên cướp nhất định phải đưa xe đến sửa vào lần giỗ thứ mười của nạn nhân của y.

Như vậy trong không gian vật lý này, chúng ta có thể quan sát ảnh hưởng của nghiệp đi dần đến quả báo như thế nào, nhưng chúng ta vẫn không thể "thấy" bản chất của luật Nghiệp Báo ở đâu vì luật Nghiệp Báo là một tính chất của Bản Thể Tuyệt Đối. Chỉ những vị thánh siêu phàm đã chứng đạt Bản Thể mới "nắm" được quy luật này một cách tường tận mà thôi. Tuy nhiên, vũ trụ vật lý này là bề ngoài của Bản Thể. Vũ trụ vật lý không tách rời với Bản Thể. Chúng ta có thể ví Bản Thể như gốc cây mà vũ trụ vật lý giống như là hoa trái muôn màu muôn vẻ. Dù cho vũ trụ có ngàn sai muôn khác nhưng đều quy đồng ở Bản Thể. Chúng ta có thể ví Bản Thể như bóng đèn mà vũ trụ vật lý giống như ánh sáng qua lăng kính nhiều màu. Ánh sáng tuy nhiều màu sắc nhưng đều quy đồng tại bóng đèn. Cũng vậy, các hiện tượng của vũ trụ vật lý sinh sinh hóa hóa

vô cùng tận nhưng đều chung đồng ở Bản Thể. Chính trong Bản Thể này luật Nghiệp Báo hình thành và chi phối đời sống của mọi người trong thế giới vật lý. Sức mạnh của luật Nghiệp Báo vô cùng to lớn dù chúng ta không thể trông thấy bằng mắt thường.

Trong thế giới vật lý, ảnh hưởng của một nghiệp nhân đi ngoằn ngoèo lang thang qua trung gian người này đến người khác rồi giống như vô tình, gặp lại tác giả đã tạo ra nghiệp ban đầu để đem cho tác giả niềm vui hay nỗi khổ. Nếu quan sát trên thế giới hiện tượng, chúng ta thấy đường đi có vẻ mờ lung, hên xui, nhưng tại sao nó luôn luôn gặp lại tác giả. Thật ra trong vô hình, luật Nghiệp Báo trong Bản Thể chi phối một cách không sơ hở.

Một tay buôn ma tuý bị bắt, bị kết án chung thân. Theo luật pháp, y đã nhận lấy hậu quả của tội lỗi mình một cách thỏa đáng. Nhưng ảnh hưởng của nghiệp chưa buông tha y. Sau khi chết y sinh vào một gia đình có cha mẹ là những kẻ nghiện

ngập ma túy nằm trong đường dây buôn lậu của y từ kiếp trước. Cha mẹ y phạm tội rồi bị giam. Y trở thành kẻ lêu lổng, sa vào ma túy, đi cướp giật và bị bắn chết. Chưa hết, nhiều đời sau nữa, cái nghiệp ma túy vẫn đeo đuổi y, y tiếp tục sinh vào những môi trường chung quanh nhiều người nghiện ngập. Cái sa đọa mà y gieo rắc cho kẻ khác đã trở thành máng nhận quán lấy y trong nhiều kiếp luân hồi.

Như vậy cái bản án của luật pháp dành cho kẻ phạm tội không phản ảnh được cái quả báo của luật Nghiệp Báo. Luật này có đường đi riêng mà luật pháp xã hội chỉ là một khía cạnh nhỏ của nó. Kẻ vào tù chưa phải là đã trả xong mọi món nợ trước kia. Ví dụ một tay lừa đảo bị bắt đi tù. Những đời sau y luôn luôn rơi vào tình trạng nghèo túng thiếu thốn và bị lừa gạt liên tục.

Trong suốt một cuộc đời, chúng ta đã tạo nên vô số nghiệp bằng ý nghĩ, lời nói và việc làm. Cả mấy tỷ người cũng như vậy. Tất cả tạo nên một ảnh hưởng của nghiệp

lan đi khắp mười phương bốn hướng gieo xen chằng chịt lẫn nhau mà không có cái nào lẫn lộn với cái nào. Nếu đưa vào máy tính để giải mã, có lẽ đây là một bài tính cực kỳ thú vị và phức tạp. Khoa học đang dồn hết sức mình để tìm hiểu cho hết mọi quy luật của không gian vật lý này. Các quy luật ở đây có tính cách khách quan. Ý muốn của con người không thể làm thay đổi các quy luật này. Như cỏ cây có khuynh hướng hướng về ánh sáng. Chúng ta có thể chặt đứt ngọn cây, hoặc bẻ uốn ngọn cây đi vào bóng tối, nhưng rồi sẽ có những chồi khác vươn ra ánh sáng. Chúng ta chỉ tác động một cách hình thức chứ không thể thay đổi quy luật đó. Các nhà khoa học đi tìm quy luật của Virus gây bệnh tật để tùy theo đó tìm cách chữa trị. Nếu chưa nắm vững qui luật, sự chữa trị không hiệu quả, có khi còn nguy hiểm. Một chất kích thích tố steroid từ ngoài đưa vào cơ thể gây nên hưng phấn nhất thời, nhưng sẽ gây tác hại về sau. Nguyên lý bảo toàn động lượng là cơ sở

cho máy bay phản lực, theo đo, khi hỏa tiễn phun ra phía sau một khối lượng vật chất với vận tốc lớn, thì bản thân hỏa tiễn sẽ di chuyển về phía trước với một vận tốc tương ứng. Hiện nay nguyên tắc này là cao nhất về phương pháp di chuyển của người Địa cầu. Còn các đĩa bay thì có phương pháp khác rất lạ mà chúng ta chưa biết.

Các kính hiển vi với tia quét điện tử đã giúp con người đi vào thế giới vi mô, có thể thấy được hình ảnh nguyên tử, hoạt động của tế bào, và từ đó, họ biết rõ hơn những quy luật chưa được biết.

Con người chỉ có khám phá các quy luật của vũ trụ và tìm cách áp dụng có lợi cho mình. Các quy luật này tồn tại khách quan ngoài ý muốn của con người. Chính vì tính khách quan này mà khoa học được đề cao. Người ta không dùng quyền lực để thay đổi được sự thật của vũ trụ, quy luật của xã hội, người ta không thể dùng các lý thuyết về tín ngưỡng, đẳng phái... để che lấp chân lý. Cuối cùng Khoa học sẽ khám

phá, giải đáp tất cả và ai đi ngược với khoa học sẽ bị đào thải không thương tiếc. Đã đến thời kỳ mà các nhà hoạt động tôn giáo không được quyền thiếu kiến thức khoa học. Hầu hết các triết lý tôn giáo đều có tuổi từ mấy nghìn năm trước. Các tín đồ đều tự mãn cho rằng tôn giáo của mình là chân lý, dù thời gian có trôi mãi, khoa học có tiến bộ đến đâu thì các giáo lý, giáo điều của tôn giáo họ vẫn bất biến.

Quan niệm tự mãn, độc tôn, cố chấp này hoàn toàn bất lợi cho con người muốn tìm chân lý tối thượng.

Con đường không có ích lợi cho kẻ không muốn đi. Ánh sáng không có ích lợi cho kẻ không muốn nhìn thấy. Cũng vậy, chân lý không giúp gì được cho kẻ tự chôn mình trong những niềm tin lạc hậu.

Nếu chúng ta hỏi các tín đồ của các tôn giáo, họ sẽ luôn luôn cho con đường của họ là hơn hết. Ngay trong đạo Phật, mỗi hệ phái đều cho mình là cao hơn hết và chê bai các hệ phái khác. Cuốn "Hành trình qua phương Đông" gần đây đã nêu

ra việc này rất rõ. Các tu sĩ để dành nhiều thì giờ đã kích nhau hơn là lo tu hành thật sự.

Muốn tìm được chân lý đích thực, chúng ta phải cởi bỏ mọi thành kiến từ trước.

Đừng vì chấp ngã để rồi luôn luôn cho những cái gì liên hệ với mình đều tốt đẹp cả như ý kiến của tôi, hệ phái của tôi, tôn giáo của tôi, chủ thuyết của tôi... Chân lý không liên quan đến những cái tôi này.

Đức Phật dạy mọi người phải có tinh thần hoài nghi khi đi tìm lẽ thật. Không nên tin bất cứ điều gì dù đó là do truyền thống để lại, do người khác truyền đạt, do người khả kính nói ra, do ý riêng mình chấp nhận. Chúng ta phải biết hoài nghi trong khiêm hạ. Hoài nghi tất cả kể cả ý nghĩ của chính mình. Không nên hoài nghi ý nghĩ của người khác nhưng lại cả tin vào ý nghĩ của mình.

Các nhà hoạt động tôn giáo trong thời đại khoa học tiến bộ hôm nay càng phải biết hoài nghi hơn nữa. Những tư tưởng, những giáo lý được giảng dạy từ xưa đến

giờ có vẻ hợp lý, nhưng nếu được suy xét kỹ hơn, vẫn có thể bộc lộ nhiều sai lầm lớn lao.

"Những gì giáo chủ tôi đã dạy, thầy tôi đã giữ gìn, là luôn luôn đúng". Tư tưởng bảo thủ này không thích hợp cho xã hội loài người của thời đại hôm nay.

Chân lý là sự khách quan không tùy thuộc vào ý muốn của mỗi người. Quá tin vào ý nghĩ của cái tôi, chúng ta sẽ rời xa chân lý. Tính khách quan của vũ trụ vật lý càng khiến chúng ta phải rời bỏ những thiên chấp chủ quan của mình nếu muốn hiểu được sự thật.

Ai cũng nói mình đi tìm chân lý, sống với chân lý. Nhà khoa học nói như thế và nhà đạo học cũng nói như thế. Nếu cùng đi tìm chân lý thì ắt phải có ngày gặp nhau. Nhà đạo học phải có tinh thần, có hiểu biết về khoa học, cũng như nhà khoa học phải biết những vấn đề của đạo giáo. Đôi khi tinh thần của tôn giáo gợi ý nhiều vấn đề cho khoa học. Ví dụ như đạo Phật đã từng nói đến vô số thế giới trong vũ trụ. Và

ngược lại khoa học cũng giúp cho nhà hoạt động tôn giáo bớt đi vào mê tín, cuồng tín. Nhiều người đã e ngại về sau này, sự bạo động không bắt nguồn từ các tổ chức thuần túy chính trị mà lại bắt nguồn từ các tôn giáo có khuynh hướng cuồng tín.

Tóm lại không gian vật lý này có tính khách quan và tương đối. Những qui luật của nó không phụ thuộc vào ý muốn của con người. Đồng thời tính chất của không gian, thời gian, khối lượng... bị thay đổi theo nhiều điều kiện. Trong không gian này con người tạo nghiệp và nhận lấy quả báo. Những nghiệp do con người tạo ra đã gây ảnh hưởng vào trong cuộc đời và ảnh hưởng đó lan đi mãi cho đến khi nó gặp lại tác giả đã tạo ra nó và đem đến cho tác giả niềm vui hay nỗi khổ một cách tương xứng.

Tuy nhiên không gian này không phải là duy nhất trong vũ trụ. Nó chỉ là hiện tượng của Bản Thể và mọi sự vận động sinh hóa của nó đều xuất phát từ những quy luật bí

mật từ Bản Thể. Ngay cả một ảnh hưởng của nghiệp đi lang thang trong cuộc đời cũng không phải tự phát ngẫu nhiên, nó luôn luôn chịu sự chi phối của Nghiệp Báo từ Bản Thể.

CHƯƠNG 3

KHÔNG GIAN TÂM LINH

Câu chuyện này được hòa thượng Thiên Tâm kể và chúng tôi đã từng thuật lại trong cuốn "Luận về Nhân Quả".

Có lũ trẻ chăn trâu, lừa trâu về ngang qua bờ đất. Chợt một đứa trong đám ngã lăn ra giãy dụa la hét thảm thiết. Những đứa trẻ khác sợ hãi chạy đến giữ tay, giữ chân nó lại. Nhưng nó vẫn gào thét dữ dội. Qua một lúc lâu thì nó mới thôi làm dữ, nhưng khắp người nó nhiều vết cháy xém. Khi được hỏi nguyên do, nó kể rằng khi đi đến bờ đất, chợt nó thấy hiện ra một cổng thành lớn bên trong lửa cháy rừng rực. Nó bỗng cảm thấy kinh hoàng tột độ. Nhưng liền khi đó như có sức mạnh vô hình cuốn hút nó bay vào bên trong để bị thiêu đốt

đau đớn vô cùng. Và bây giờ thì thành lửa đã biến mất, mọi chuyện trở lại bình thường với cái bờ đất, cánh đồng, đàn trâu và lũ bạn, nhưng da thịt còn vết cháy xém và nỗi sợ hãi còn để lại dư âm.

Cái thành lửa có thật hay chỉ là ảo tưởng ?

Nếu không thật chỉ là ảo tưởng của thằng bé thì tại sao vết cháy xém xuất hiện ?

Nếu thật thì tại sao những đứa bạn của thằng bé không thấy ?

Đứng trên lập trường của không gian vật lý, chúng ta sẽ không bao giờ đủ sức giải thích hiện tượng kỳ lạ này cũng như vô số hiện tượng kỳ lạ khác đã và đang xảy ra khắp nơi.

Thật ra không gian vật lý không phải là cõi không gian duy nhất của vũ trụ. Cao hơn không gian vật lý còn có không gian tâm linh với những quy luật hoàn toàn mới lạ mà tai mắt con người không thể biết được. Hầu hết các tôn giáo đều chú trọng vào thế giới tâm linh này với niềm tin và thêm thắt các phỏng đoán, các tưởng tượng vô cùng hấp dẫn.

Khoa học có thể đặt chân đến mặt trăng, nhưng chưa có thể đặt chân đến thế giới tâm linh này. Vì thế đây cũng là môi trường hoạt động tự do cho các nhà thần bí. Họ tô điểm đủ chuyện thần thoại vào không gian này để thu hút tín đồ với một lý lẽ đơn giản: Khoa học không thể biết được!

Điều may mắn cho chúng ta hôm nay là khoa học đã nhìn nhận sự thật hữu của các hiện tượng ngoại cảm như thần giao cách cảm, thôi miên, tiên tri, chữa bệnh bằng sức mạnh tinh thần, kinh thân... và đang tìm chìa khóa để đi vào tìm hiểu sâu xa các vấn đề này. Sự nghiên cứu khách quan của khoa học sẽ trả lại cho thế giới tâm linh đúng với bản chất của nó. Không tô điểm cho nó quá sức cầu kỳ thần bí, cũng không phủ nhận nó một cách võ đoán càn cợt.

Các sinh vật, gồm cả động vật và thực vật đều có bản năng sinh tồn. Bản năng này là khuynh hướng tự duy trì sự sống của chính mình và truyền lại nòi giống của

mình lâu dài về sau. Cây có khuynh hướng mọc rễ đi tìm nguồn thức ăn trong lòng đất như nước, chất đạm, chất khoáng... Lá vươn về ánh sáng để thực hiện sự quang hợp, hấp thụ các thành phần trong không khí... Rồi chúng hoặc kết trái rơi hạt để cây con mọc lên, hoặc hạt bay theo gió đến vùng đất khác, hoặc rễ luồn trong đất đi xa để mọc nên cây mới.

Các loài động vật thì không bám rễ, đứng một chỗ mà linh động hơn, di chuyển từ nơi này sang nơi khác để tìm thức ăn. Chúng chia thành hai giống cái và đực. Sự phối hợp giữa hai giống này sản sinh ra các loài con để nối tiếp nòi giống. Một vài động vật lưỡng tính thì cũng có cách sinh sản thích hợp.

Khác với các máy móc xe cộ vô tri vô giác không có bản năng sinh tồn, phải do con người điều khiển mới hoạt động, còn các sinh vật thì tự có một khuynh hướng mãnh liệt duy trì sự sống. Khuynh hướng đó ẩn dấu trong các gen của tế bào, cụ thể là

chuỗi DNA hình xoắn (Desoxyribo Nucleic Acid) Các nhà khoa học khẳng định rằng không có hai sinh vật hoàn toàn giống nhau về phân tử DNA. Các nhà tội phạm học đã dựa vào tính chất này để truy tìm thủ phạm một cách chính xác khi chỉ có một mẫu tóc, ít máu, da, tinh dịch còn sót lại nơi hiện trường.

Các gen có một cấu trúc phân tử cực kỳ phức tạp mà khoa học vẫn đang lần mò tìm hiểu dần dần. Chính các gen này qui định một sinh vật sẽ phát triển như thế nào, sẽ có một hình dáng tính tình sức khỏe sẽ ra sao. Người ta còn mơ ước việc xen vào thay đổi các gen đó để uốn nắn sự phát triển của sinh vật theo ý muốn. Họ sẽ tạo ra các con người hoàn hảo hơn. Hiện nay một số nhà sinh học đã cấy gen người vào gia súc để các con vật này tiết ra các dược chất hiếm trong sữa. Tinh luyện sữa người ta thu được các dược chất quan trọng, đắt tiền, cần thiết trong y học. Người ta còn cấy gen để tạo ra cây có thân vuông thay vì tròn để khi xẻ gỗ đỡ

phải bỏ phí ván bìa. Những bệnh tật có liên quan đến gen sẽ được chỉnh lại để chữa lành.

Bí mật của sự sống đang dần dần hiện rõ trước sự thành tựu của khoa học.

Bản năng sinh tồn cũng xuất phát từ các gen bé nhỏ nhưng có cấu trúc phức tạp này. Một điều vô cùng quan trọng nữa bị bỏ quên là chính cái bản năng sinh tồn của sinh vật đã tạo thành vùng không gian tâm linh cho chính sinh vật đó.

Bất cứ sinh vật nào, dù là động vật hay thực vật, hễ có bản năng sinh tồn đều tự tạo thành một vùng không gian tâm linh chung quanh mình. Vùng không gian tâm linh này đang được các nhà khoa học gọi là trường của sinh học (bio-field). Khoa học biết rõ về từ trường, chưa rõ lắm về trọng trường, về môi trường chân không, trường hấp dẫn (trường hấp dẫn ở khoảng cách gần thì thành trọng trường, ở khoảng cách xa gọi là trường hấp dẫn) môi trường lan truyền âm thanh, ánh sáng. Nhưng còn vô cùng xa lạ với trường không gian tâm

linh xuất phát từ bản năng sinh tồn này. Chính trường không gian tâm linh là viễn ảnh tươi đẹp cho nền văn minh của con người ở tương lai. Nhiều nhà khoa học đã cảm nhận rằng nền văn minh tương lai của con người không phải là nền văn minh vật lý mà chính là nền văn minh tâm linh. Chúng tôi dùng từ “vùng không gian tâm linh” xuất phát từ bản năng sinh tồn để chỉ một phạm trù khác hẳn với cõi giới siêu hình.

Theo các tôn giáo, ngoài không gian vật lý này, vũ trụ còn có cõi giới siêu hình thiên đường, địa ngục... các cõi giới siêu hình đó tồn tại một cách khách quan giống như không gian vật lý chứa đựng nhiều sinh vật cao cấp như các vị trời, các vị thần linh, các loài quỷ sứ, yêu ma... Có khi có cả lâu đài, cung điện, hoa cỏ. Ở đây chúng ta chưa đề cập đến loại hình này, chỉ nói đến một vùng không gian tâm linh hoàn toàn chủ quan của mỗi sinh vật đang được các nhà khoa học quan tâm và gọi là Trường của Sinh học. Chính cái Không

Gian Tâm Linh chủ quan này mới là cửa ngõ để tiếp xúc với các cõi giới vô hình khác trong vũ trụ chứ không phải bằng các phương tiện vật lý thông thường.

Khác với không gian vật lý tồn tại một cách khách quan với những quy luật tự nhiên vận động không phụ thuộc vào ý muốn của con người, ở đây không gian tâm linh có tính cực kỳ chủ quan, hoạt động lệ thuộc vào mỗi người (hay nói rộng hơn là mỗi sinh vật) với những quy luật lạ lùng đối với các quy luật vật lý hiện có. Vùng không gian này có hào quang riêng của nó.

Năm 1939, S.D.Kirlian kỹ sư điện tử tài ba ở thành phố Krasnoda của Liên Xô, phát minh máy chụp hào quang.

Một hôm trong một bệnh viện, anh điều khiển một máy phát tần số cao. Bỗng nhiên anh nhận xét rằng sự phóng điện giữa lòng bàn tay anh và điện cực của máy phát hoàn toàn không giống sự phóng điện giữa cườm tay và điện cực đó. Có cái gì sai biệt về điện thế giữa hai vùng

cơ thể chỉ cách nhau không đầy một tấc. Tại sao? Đó là cái gì? Tốt nhất là chụp ghi lại hiện tượng lạ thường đó. Nhưng làm thế nào bây giờ? Vì như thường lệ nếu chiếu ánh sáng bình thường vào cho sáng để chụp thì không còn thấy rõ tia điện phóng ra nữa!

Sau một thời gian loay hoay, Kirlian quyết định chụp hiện tượng phóng điện đó bằng một cách khác, không cần dùng máy ảnh thông thường nữa.

Kirlian sáng tạo một thiết bị mới để chụp như sau: Trên bàn đặt một tấm Ébonic dùng để cách điện. Trên tấm Ébonic đó là một điện cực bằng kim loại và trên tấm điện cực đó là một tấm kính ảnh.

Kirlian đứng trên một tấm thảm con để cách điện khỏi nền nhà, rồi nối điện cực thứ hai vào lưng bàn tay. Còn lòng bàn tay ông ép chặt vào tấm kính ảnh. Ông gọi anh thợ trẻ đến giúp, bảo anh thợ đóng cầu giao để dòng điện cao tần chạy qua bàn tay ông. Người thợ trẻ hoảng sợ, nhưng rồi cũng đóng cầu chì và sau đó tắt

mạch.

Họ rửa tấm kính ảnh: Họ thấy một hình ảnh tuy không rõ nét lắm, nhưng dù sao cũng có bóng dáng của bàn tay và trên các ngón tay hiện rõ các lóng xương trắng. Tất nhiên đây không phải là bức ảnh Renghen. Đây là một cái hoàn toàn mới, một hình ảnh của đối tượng sinh học trong một điện trường tần số cao.

Một chiếc lá đặt trong máy Kirlian hiện ra như cả một thế giới điểm sáng. Xung quanh, chiếc lá người ta thấy những tia lửa nhỏ màu ngọc lam, màu da cam, phát ra từ trung tâm và đi xa theo những kinh xác định. Một ngón tay hiện ra như cả một bức tranh, một bản đồ chi tiết gồm các điểm, đường, các hố ánh sáng, các hố lửa.

Sau đó Kirlian và vợ ông đã nghiên cứu một cái máy tối tân hơn và đã chụp được hào quang của mọi sinh vật. Hào quang này bước đầu cho biết về tình trạng sức khỏe của các sinh vật. Sau đó hào quang còn cho tất cả tâm trạng của mọi sinh vật.

Khi sức khỏe hoặc tâm trạng thay đổi, hào quang bị thay đổi theo.

Các nhà đạo học Đông Phương đã nói nhiều về hào quang của cơ thể. Theo họ, các vị Thánh có hào quang chói sáng rất xa, còn các kẻ phạm tặc có một hào quang tối tăm nhỏ bé. Bây giờ qua phát minh của Kirlian, hào quang này đang được thấy bằng mắt thường của mọi người. Vùng không gian tâm linh đang được vén bức màn bí mật một ít. (Xem thêm ở "Các Lạt Ma hóa thân")

Còn ứng dụng của Trường không gian tâm linh này thì sự thật đã làm kinh ngạc mọi người. Nó có tính chủ quan triệt để. Với người có năng lực tâm linh mạnh (trường không gian tâm linh rộng hơn, có mật độ dày đặc hơn), có thể dùng ý muốn của mình thực hiện một hành động phi thường phá vỡ quy luật vật lý nào giờ. Uri Geller (gốc Do Thái) với ý muốn của mình, ông làm cho các vật bằng kim loại cong lại, làm cho đồng hồ Big Ben đứng lại chỉ bằng cách "nhìn" chúng mà thôi.

Ermolaiev (Liên Xô) có thể bay cách mặt đất 60cm. Hoặc ông đưa tay về phía người khác, không chạm đến họ, làm cho người đó bay lên khỏi mặt đất.

Djuna (Grudia, Liên Xô) có thể dùng đôi bàn tay để chữa bệnh. Kết quả làm giới y học thán phục. Năm 1984 bà chấp nhận sự thí nghiệm của một ban nghiên cứu của Mỹ và Liên Xô và chứng tỏ bà có khả năng nhìn thấy cảnh vật tại California (Mỹ) từ Liên Xô.

Anh Thadi-Ichu người Nhật, có cặp mắt tuyệt vời. Khi tập trung nhìn sẽ phát sáng một năng lượng siêu tự nhiên có thể làm nát vụn những hòn đá nhỏ.

Edgar Cayce (Kentucky, Mỹ) có thể chữa bệnh, hướng dẫn dùng thuốc và cho biết tiền kiếp của người bệnh. Có khi ông ra đơn là một loại thuốc còn ở trong phòng thí nghiệm. Ông thường nói đến Nghiệp Báo, chính một hành vi bất thiện ở kiếp trước đã tạo thành những chứng bệnh hiện tại, và khuyên bệnh nhân làm phước thiện kết hợp với thuốc để chữa bệnh.

Các nước lớn như Mỹ, Liên Xô... đều đang lặng lẽ và ráo riết nghiên cứu về thần giao cách cảm, sự liên lạc thông tin từ một khoảng cách xa, giữa hai người, không cần một phương tiện máy móc nào, và đã có nhiều kết quả nhất định. Họ cũng sử dụng các nhà ngoại cảm trong lĩnh vực tình báo, an ninh để phát hiện ra gián điệp và tội phạm.

Có những truyền thuyết về các nhà luyện khí công Trung Hoa có thể lướt trên mặt nước; các Lạt Ma Tây Tạng có thể bay từ đỉnh núi này sang đỉnh núi kia. Đối với các tôn giáo Đông Phương, năng lực tâm linh của con người khi đạt đạo là điều hiển nhiên và được gọi là thần thông.

Bởi vì tính cách vô cùng chủ quan của không gian tâm linh nên các nhà khoa học đã gặp khó khăn không ít khi muốn nghiên cứu vấn đề này theo phương pháp khách quan của không gian vật lý.

Khi một người có năng lực tâm linh mạnh mẽ, họ sẽ sử dụng nó một cách đa dạng theo ý muốn chủ quan của mình. Họ tập

trung tinh thần để đoán biết chuyện từ xa, gửi đi một thông điệp, chữa bệnh, khinh thân, tiên tri, phân thân, thôi miên... Nơi ý muốn chủ quan này, họ vượt qua các quy luật không gian vật lý. Đây là điều cực kỳ hấp dẫn cho giới khoa học. Nếu mọi quy luật của tâm linh được nắm bắt và áp dụng, con người sẽ tiến rất xa.

Nhiều nhà khoa học đã nghi ngờ rằng phương pháp di chuyển của các UFO (đĩa bay) chính là sự áp dụng được năng lực tâm linh vào máy móc. Các UFO coi thường sức hút của quả đất, coi thường quán tính. Nó bay là là chậm chậm rồi đột ngột bằng tốc độ cực nhanh, hoặc tàng hình biến mất. Thêm nữa, để vượt khoảng cách mất trăm ngàn năm ánh sáng ắt hẳn các UFO phải có cách di chuyển vượt hơn tốc độ ánh sáng nhiều lần.

Vận tốc ánh sáng là 299.992 km/giây.

Theo Einstein, trong không gian vật lý này, vận tốc ánh sáng là tuyệt đối. Nếu một vật thể nào bay với vận tốc này, nó sẽ bị triệt tiêu kích thước.

Tuy nhiên, với không gian tâm linh, quy luật vật lý tương đối của Einstein vẫn bị phá vỡ. Sử dụng năng lực tâm linh cực kỳ mạnh vào máy móc, các UFO có thể đạt được vận tốc hơn vận tốc ánh sáng nhiều lần. Nếu cần, nó có thể tàng hình trong khi di chuyển. Người viết kịch bản phim “Chiến tranh giữa các vì sao” đã gọi hiện tượng này là sự đi vào “không gian rút gọn”.

Nhưng tại sao máy móc lại có được năng lực tâm linh? Như chúng ta đã biết, chính bản năng sinh tồn đã tạo ra vùng không gian tâm linh chung quanh cá thể đó. Mà bản năng sinh tồn phát xuất từ cấu trúc tế bào, trong nhân có phân tử DNA làm gene di truyền.

Có thể với phương tiện cực kỳ tiến bộ, họ tạo ra các mảnh vật chất lớn, trong đó, từng nguyên tử được sắp xếp chặt chẽ phỏng theo cấu trúc của tế bào có chuỗi phân tử DNA hình xoắn. Mảnh vật chất này trở thành một cơ thể sống có bản năng sinh tồn khi được cung cấp một dòng

điện. Từng nguyên tử phối hợp hoạt động một cách hoàn chỉnh. Thế là một vùng không gian tâm linh nhân tạo xuất hiện chung quanh mảnh vật chất đó. Bây giờ, với ý muốn của mình, người ta điều khiển mảnh vật chất di chuyển.

Hiện nay, khoa học của chúng ta cũng bắt đầu đi vào “thời kỳ nguyên tử”, có thể trông thấy và đang tìm cách sắp xếp nguyên tử.

Khoa học đã áp dụng phỏng sinh học khá nhiều. Họ bắt chước da cá heo để tạo nên vỏ tàu ngầm, sóng siêu âm của dơi để tạo ra radar, khả năng tích điện của loài cá đuối điện... Nhưng đỉnh cao nhất của môn phỏng sinh học là tạo ra được một vật thể lớn, sắp xếp từng nguyên tử trở thành một cơ thể sống có bản năng sinh tồn khi có một dòng điện chạy qua và không gian tâm linh nhân tạo xuất hiện. Chúng ta hãy chờ ngày đó, ngày Địa cầu đuối kịp nền văn minh của các hành tinh khác.

Không gian tâm linh có hào quang. Đĩa bay cũng có hào quang sáng lòa. Phải

chăng một trường năng lực tâm linh quá mạnh, quá đậm đặc, hào quang của đĩa bay hiện ra khiến mắt thường vẫn trông thấy được, trong khi nơi sinh vật, hào quang này quá yếu, đòi hỏi phải những nhà ngoại cảm dị thường mới thấy được? Rồi vùng không gian tâm linh của động vật và thực vật cũng khác nhau. Động vật có não bộ, có các hoạt động tâm lý phức tạp, biến động. Não bộ có các tế bào não, tế bào thần kinh khác hơn các tế bào của bắp thịt. Vì thế, bản năng sinh tồn của động vật mạnh hơn hẳn thực vật và không gian tâm linh của động vật cũng hơn hẳn thực vật.

Vào năm 1966, ông Backster, nhà bác học chế tạo ra bộ máy điện tử dò nói dối. Nhờ bộ máy đó mà ông trở thành huấn luyện viên cho sở cảnh sát Mỹ về phương pháp sử dụng máy dò nói dối.

Trong một đêm thức trắng để huấn luyện, tâm trí quá mệt nhọc đưa ông đến vô tình cắm hai cọc điện của một điện kế tinh vi vào hai đầu của một chiếc lá cây trong

phòng. Thứ lá cây đó lớn và dày như lá
đá. Cây đang rất khô. Ông tự hỏi xem nếu
gốc cây được tưới nước, nước sẽ chuyển
lên thân, cành, lá và hoa thì sẽ có hiện
tượng gì xảy ra. Điện kế sẽ đo hiện tượng
đó.

Nước dần dần lên thân và lá. Nhưng
không, kim điện kế vẫn đứng im, không có
sự phản ứng nào cả. Đáng lẽ thì kim phải
nhích lên, vì có thêm nước thì sức dẫn
điện phải tăng thêm.

Tự nhiên ông Backster nghĩ rằng, nếu con
người hay con vật có một sự xúc động,
một sự sợ hãi thì kim nhảy, vậy thì tại sao
ông không làm một cái gì khác thường?

Nhà bác học nghĩ đến việc lấy lửa đốt thử
lá cây kia xem sao. Nhưng mới nghĩ như
vậy và chưa hề làm một cử chỉ nào để
cầm lấy hộp quẹt thì ông đã vô cùng kinh
ngạc khi thấy kim điện kế nhích một cái.
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!

Chẳng lẽ cái lá cây đọc được tư tưởng
của ông mà biểu lộ phản ứng sợ hãi của
nó. Ông Backster quyết định đốt chiếc lá

thật. Ông ta bèn đứng dậy để lấy quẹt, tức thì điện kế nhảy một cái nữa. Không do dự gì, ông ta châm quẹt để nhất quyết đốt chiếc lá, kim điện kế lại nhảy tiếp một lần nữa. Nhưng ông không đốt lá. Lần sau, ông ta cầm lấy quẹt và giả bộ như sắp đốt, nhưng trong óc đã tự nhủ trước là không đốt, thì điện kế không nhảy. Rồi ông nhất quyết đốt thật, thế là điện kế lại nhảy một cái mạnh. Lúc đó, trong phòng lặng gió và ông Backster không có đụng tới cây cũng không có đụng tới máy.

Vậy có thể kết luận rằng: Cây đã đọc được tư tưởng người. Backster, ngay lúc đó reo lên và đã có ý đi báo với mọi người rằng cây cỏ có một năng khiếu lạ thường. Chúng biết tư tưởng người khác, tức là chúng biết nghĩ, chúng có tâm hồn. Nhưng ông ta kịp dừng lại. Thái độ đúng của nhà khoa học là phải nghiên cứu đầy đủ để không có kết luận sai lầm. Và ông quyết định phát triển nghiên cứu khoa học của ông sang các loài cây khác.

Ông tập hợp các cộng sự viên lại và sử

dụng 25 loại cây khác nhau trong cuộc nghiên cứu, thí nghiệm vào lá như: lá xà lách, lá cải, vào củ và quả như củ hành, quả cam, trái chuối... Những cuộc nghiên cứu theo đúng phương pháp khoa học cho phép khẳng định rằng: Cây có phản ứng thật sự khi chúng gặp sự nguy hiểm.

Đó là một hình thức đặc biệt của một thứ giác quan vô hình như năng khiếu linh thị, thần nhãn của một vài người. Nhưng đây là những danh từ mơ hồ. Giác quan đặc biệt có nghĩa là một năng khiếu trên những giác quan. Nhưng cây cỏ đâu có mắt, tai, mũi, miệng... Chúng không có óc, không có thần kinh hệ, thì cái biết của chúng hẳn là phải khác.

Như thế có thể cho rằng các giác quan con người chỉ là những giác quan sơ đẳng, chỉ cảm giác trong một phạm vi rất là hạn chế, còn cây cỏ lại có thứ giác quan khác. Suy nghĩ như vậy, càng ngày Bachster càng mở rộng cơ sở nghiên cứu và càng khám phá những mới lạ.

Những máy móc tối tân hơn được ông thu

nhận, nhất là những máy ghi các nhịp
luồng điện. Và cuộc nghiên cứu được tiến
hành với kế hoạch rất tinh vi, được ghi
chép đầy đủ. Các tài liệu được thu thập và
xếp loại cẩn thận.

Từng mảnh lá tách rời cũng có phản ứng
như nêu ở trên (người ta gọi là phản ứng
Backster). Lá xé ra từng mảnh thì từng
mảnh cũng có phản ứng đó. Lại lùng hơn,
cây cỏ phản ứng không phải chỉ trước
những mối nguy do con người tạo ra bằng
ý định mà cả trước một mối nghi bất
thường không tạo ra bằng ý định. Một con
chó bắt thằn lằn bước vào phòng, một người
vốn ghét cây cỏ bước vào, cũng làm cho
điện kế nhảy. Những cử động của một con
nhện tiến đến cây cũng gây ra phản ứng
cho cây. Ông Backster đã làm thí nghiệm
và chứng minh điều đó trước các sinh viên
đại học Yale (Mỹ). Trong trường hợp trên
một khi có người tới đuổi nhện và ngay
trước khi nhện chạy đi, kim điện kế đã hạ
xuống. Y như là trước khi nhện chạy thì
quyết định rút lui của nhện đã được cây

tiếp nhận. Cây đã thấy hết nguy và không phản ứng nữa.

Một cuộc thí nghiệm chứng minh rằng khi sống cạnh nhau, cây để ý cạnh chừng nhau (sợ bị quấy rầy) nhưng khi có một động vật tới gần, mỗi nguy gần hơn, cây cỏ quay sang cạnh chừng động vật.

Những cuộc nghiên cứu còn dài và còn nhiều khám phá lạ lùng hơn nữa.

Ông Backster còn khám phá ra cách tự vệ của cây. Khi ta ăn lá rau nó phản ứng thế nào đây. Cây còn có trí nhớ, nhận biết những kẻ chuyên phá hoại chúng. Chúng còn biết thương yêu người chăm sóc và biết sung sướng khi người đó trở về.

Hiện đã có 7000 nhà bác học yêu cầu ông Backster thông báo cho biết kết quả nghiên cứu kèm theo các tài liệu khoa học. Mọi nhà thảo mộc học đều say sưa nghiên cứu những khám phá dị thường này, và mọi người sẽ thấy yêu loài cây cỏ hơn (Hoàng Vũ sưu tầm, đăng trên báo Thế giới kỳ lạ số 5).

Bà Djuna khẳng định hào quang tâm linh

mỗi loại cây cỏ khác nhau mà bà trông thấy được.

Như vậy phản ứng tâm linh của thực vật có tính cách trực giác, biết trực tiếp, không cần các biểu hiện trung gian, thẳng vào ý thức của đối tượng chung quanh, rất giống với khả năng đọc ý nghĩ kẻ khác của những nhà ngoại cảm tài ba. Phản ứng tâm linh này chứng tỏ sự hiện diện của vùng không gian tâm linh chung quanh cây cỏ.

Những loài thảo mộc lâu năm có năng lực sinh học mạnh có thể sử dụng làm thuốc tăng cường sức khỏe cho con người.

Huyền thoại về củ nhân sâm làm cho giới y học lao vào nghiên cứu phân chất những muốn tìm ra một hoạt chất kỳ lạ nào đó.

Tiếc thay, họ không tìm thấy hoạt chất đặc biệt nào trong củ nhân sâm. Nhưng rõ ràng người dùng nhân sâm vẫn được cải thiện sức khỏe. Hiệu quả này không phải do hóa chất, mà chính là do năng lực sinh học (tâm linh) của củ nhân sâm.

Một số loại cây ngãi có năng lực sinh học rất mạnh được các thầy pháp nuôi trồng. Họ tập trung tinh thần vào cây ngãi với những lời nguyện có khi thiện có khi ác. Khi muốn làm hại ai, họ dùng tư tưởng của họ, cộng với năng lực sinh học của cây ngãi, chú nguyện cho kẻ thù phải đau đớn. Dù cách rất xa, kẻ kia ngã lăn ra vô cùng đau đớn. Năng lực sinh học (tâm linh) có thể gây tác dụng vượt không gian và thời gian.

Tâm linh của cây cỏ phát xuất từ bản năng sinh tồn, còn tâm thức của loài người có cả hoạt động tâm lý phức tạp. Con người là đỉnh cao của hoạt động tâm lý. Tâm lý của con người được chia ra làm hai phần: ý thức và vô thức. Ý thức là bề mặt nổi nhỏ bé của cả một khối băng đảo to lớn. Chính phần chìm sâu vô thức mới choán cả một khối lượng hoạt động mãnh liệt. Chính vô thức đã ghi nhớ, sáng tạo, linh cảm và phát huy mọi thần lực kỳ diệu của con người. Đôi khi chúng ta ghép cả bản năng sinh tồn và hoạt động của vô thức

làm một.

Hệ thần kinh thực vật thuộc về vô thức, nó điều khiển các hoạt động của nội tạng, làm cho tim đập, mạch nhẩy, các tuyến tiết hormone một cách tự động.

Ý thức tuy có vẻ linh hoạt; có thể suy nghĩ, lý luận, phân biệt và nhận biết, nhưng nó không thể biết trực tiếp như vô thức (trực giác).

Cây cỏ còn có thể biết trực tiếp ý nghĩ của người với không gian tâm linh đơn giản của nó thì ắt hẳn con người sẽ phải nhận biết nhiều hơn như thế vì không gian tâm linh của con người cao cấp hơn. Nhưng tại sao dường như chúng ta không thể biết được điều gì ngoài tai mắt ?

Tại sao chúng ta không thể biết bản chất tư tưởng của người đối diện, của một ai ở cách xa?

Chính vì ý thức cạn cợt đã che lấp tất cả! Chúng ta quen sử dụng ý thức mà ý thức thì lệ thuộc vào giác quan thế nên chúng ta không nghe được vô thức đã cảm nhận được điều gì.

Hãy lắng nghe vô thức !

Chúng ta hãy thực hành theo sự khuyên bảo của các nhà đạo học Đông Phương, các thiền sư trong đạo Phật, các linh mục có kinh nghiệm tĩnh tâm sâu thẳm và hãy buông xả ý thức để đi sâu vào lắng nghe vô thức. Khi ý thức suy nghĩ dừng lắng thì trực giác của vô thức sẽ xuất hiện. Khả năng của vô thức với không gian tâm linh vĩ đại sẽ mở ra muôn điều kỳ diệu mà chúng ta chưa bao giờ ngờ được. Những nhà ngoại cảm nổi tiếng trên thế giới đều có khả năng định tâm để sử dụng năng lực tâm linh tuyệt vời này.

Một số loài động vật mà chúng ta cho là thông minh như cá heo, chó và loài chim... Thật ra chúng không có ý thức lý luận lanh lợi như người và khỉ. Hầu hết chúng sử dụng trực giác. Những loài khác như rắn, rùa, mèo, cọp... cũng nhận biết được ý định, tâm tính của các động vật khác bằng tâm linh vô thức. Nhưng đôi khi chúng phản ứng yếu ớt không rõ rệt, hoặc chúng cũng bị ý thức cản trở.

Tính chất của trường không gian tâm linh này cực kỳ chủ quan. Nó phát huy tác dụng theo ý muốn của chủ thể. Chủ thể muốn cái gì, nó làm theo cái đó. Chúng ta muốn biết ý nghĩ người khác, lập tức năng lực tâm linh biến thành khả năng thông tin tiếp nhận tư tưởng. Chúng ta muốn người nhẹ đi (khinh thân) lập tức năng lực tâm linh biến thành khả năng hoá giải khối lượng (chứ không chống lại trọng lực). Chúng ta muốn chữa bệnh cho người khác, lập tức năng lực tâm linh biến thành khả năng điều chỉnh cơ thể. Chúng ta muốn có một sức nóng nơi lòng bàn tay, lập tức năng lực tâm linh biến thành khả năng tạo nhiệt cục bộ... Vô số tác dụng của khả năng tâm linh liên hệ trực tiếp với ý muốn chủ quan của con người. Các nhà khoa học quen với lối nghiên cứu khách quan của không gian vật lý nên rất ngỡ ngàng trước tác dụng kỳ lạ của năng lực tâm linh này. Họ không để ý đến ý muốn của chủ thể, trong khi năng lực tâm linh thì hoàn toàn lệ thuộc vào ý muốn. Có sức định và

có ý muốn, năng lực tâm linh sẽ phát huy tác dụng.

Mặc dù, so với không gian vật lý thì không gian tâm linh có vẻ cao cấp hơn, kỳ diệu hơn, nhưng nó vẫn chịu sự chi phối của định luật Nghiệp Báo.

Những nhà lãnh tụ thiên tài, khi phước còn sung mãn, thường có khả năng đoán từ xa ý định của kẻ địch để phòng thủ và phản công. Khổng Minh là một điển hình tiêu biểu. Dường như ông đoán được hầu hết hành động của đối phương. Họ còn có khả năng đánh giá năng lực và lòng trung thành của người dưới. Trực giác này giúp họ thành công trong việc củng cố quyền lực chính trị. Đến khi phước đã cạn, trực giác giảm sút, họ phán đoán sai và cuối cùng bị sụp đổ.

Những doanh nhân cũng vậy, trực giác giúp họ tiên liệu những biến động của thị trường, từ đó vạch ra kế hoạch đầu tư chính xác. Bên cạnh sự trợ giúp của các nhà chuyên môn, của máy tính, họ vẫn có sự phán đoán riêng bằng trực giác.

Ngoài ra, do phước đời trước, những người lãnh đạo có cái uy lực vô hình làm cho mọi người nể phục vâng lời. Cái uy lực này cũng là năng lực của tâm linh. Đôi mắt họ sáng, nhìn xuyên suốt người đối diện và như có sự thôi miên tự nhiên, làm cho kẻ dưới bị khuất phục tự bao giờ. Các nhà độc tài, các bạo chúa thì uy lực dữ dần, mạnh mẽ. Các giáo chủ chân chính như Đức Phật, chúa Jésus, Mahomet (Xem “Lịch sử văn minh Ả rập” của Will Durant) có cái nhìn từ ái thăm thẳm làm cho mọi người xúc động và dạt dào niềm kính mến. Đến gần các bậc chân sư, chúng ta cảm nghe một cái bình an tươi mát vô hình lan tỏa chung quanh làm chúng ta dễ chịu. Krishnamurti cũng có cái không gian bình an như thế được nhiều người cảm nhận.

Những nhà ngoại cảm tài ba đều là những người tu thiền tập định từ kiếp trước và hướng tâm về thần thông. Một nhà Yogi ở Hy Mã Lạp Sơn từng đạt định và hay dùng năng lực tâm linh để chữa bệnh cho dân

làng. Đời sau sinh ở Liên Xô, vị này tự nhiên xuất hiện khả năng chữa bệnh bằng năng lực sinh học. Một nhà thôi miên từng luyện đôi mắt tràn đầy sức mạnh với nội tâm định tĩnh vững chắc. Đời sau sinh qua Anh, vị này tự nhiên có đôi mắt kỳ lạ, có thể di chuyển đồ vật bằng đôi mắt nhìn từ xa.

Tuy nhiên cũng có trường hợp kết quả không xuất hiện mà bị che lấp bởi một nghiệp khác. Ví dụ, một nhà Yogi có khả năng đi trên mặt nước. Vị này thường khoe khoang tự mãn và chê bai những ai không đạt được thành quả như mình. Đời sau, vị này không còn khả năng khinh thân nữa. Nghiệp tự mãn và chê bai đã chặn đứng kết quả tu tập.

Nhiều người đặt vấn đề rằng nếu quả thực bệnh hoạn có thể được chữa bằng năng lực tâm linh, thì y học hiện đại đâu còn cần thiết nữa, nhà ngoại cảm đã đảm đương từ việc chẩn đoán và chữa trị cả rồi!

Thật ra, từ trong Bản Thể Tuyệt Đối, nghiệp vẫn âm thầm chi phối tất cả, không

phải ai cũng có cơ may gặp được nhà ngoại cảm tài ba để được chữa trị. Chỉ những người có phước duyên mới gặp được cơ hội này. Phước duyên gì đã khiến cho chúng ta được chữa trị bằng năng lực tâm linh, trong khi những người khác phải nhận chữa trị bằng hóa dược, giải phẫu?

Trong những thế kỷ trước, tín ngưỡng còn rất mạnh. Một số tín đồ tốt bụng đã cầu nguyện ơn trên ban phước lành cho các bệnh nhân được khỏi bệnh. Lời cầu nguyện chân thành của họ với niềm tin sâu sắc vào ơn trên đã khơi dậy sức mạnh tâm linh nơi chính họ. Sức mạnh này đã vượt không gian làm dịu bớt cơn bệnh của người kia. Dĩ nhiên là họ chưa đủ năng lực phi thường để chấm dứt cơn bệnh của nạn nhân, nhưng lòng tốt của họ được đáp ứng. Qua kiếp sau, khi mắc bệnh, họ thường được may mắn gặp các nhà ngoại cảm tài ba chữa trị, ít tốn tiền và không đau đớn. Đó là lý do tại sao không phải ai cũng nhận được sự chữa bệnh

bằng năng lực tâm linh. Còn những người thầy thuốc chỉ tin vào hiệu quả của thuốc thang, siêng năng điều chế lá thuốc, hóa chất để chữa bệnh cho mọi người, thì đời sau họ sẽ gặp được sự chữa trị tương tự mỗi khi mắc bệnh.

Tuy nhiên, các thiền sư khuyên không nên sử dụng thần thông nhiều khi chúng ta chưa đạt đạo viên mãn, bởi vì ngã chấp chưa hết. Khi dùng đến năng lực tâm linh, chúng ta phải khởi ý muốn, muốn trời kéo mây và rơi mưa, muốn người bay lên khỏi mặt đất, muốn biết chuyện tương lai như thế nào... Chính “cái muốn” này làm cho chấp ngã tăng trưởng, và khi chấp ngã tăng trưởng, chúng ta không thể giải thoát để tan hòa vào Bản Thể vũ trụ vô biên.

Chỉ những vị Alahán đã chứng ngộ viên mãn, ngã chấp đã hết, mới có thể sử dụng thần thông thường xuyên mà không bị chấp ngã ràng buộc. Chính vì thế khi một người tu tập thiền định, chỉ nên lắng tâm sâu thẳm cho đến tận cùng của sức định, không nên khởi phát thần thông nữa

chừng kéo bị trì trệ về sau.

Một số thầy pháp, thầy phù thủy có năng lực tâm linh mạnh mẽ và lạm dụng nó quá đáng để luyện pháp thuật. Họ tập trung tinh thần để ếm hại kẻ thù. Họ vẽ một hình người, ghi tên họ của đối phương rồi thắp hương, tụng chú cầu nguyện các vị thần linh phù trợ. Sau đó, họ lập một ý muốn hướng về đối thủ, tưởng tượng rằng đối thủ bị đau đớn bệnh tật... Do sức mạnh tâm linh và cũng do người bên kia đến lúc trả nghiệp, người kia chợt thấy trong mình đau thất từng cơn có thể chết được.

Những thầy phù thủy như vậy về cuối đời thường bị quả báo thâm trọng, họ bị bệnh liệt, mù mắt, ăn lấy phân của mình, mình mẩy hôi hám không ai dám lại gần. Sau khi chết, ở kiếp khác, họ còn bị nhiều tai nạn hơn nữa.

Tuy rằng năng lực tâm linh có vẻ cao cấp hơn năng lực vật lý (vì tính tế nhị vô hình của nó), nhưng nó vẫn chịu sự chi phối của Nghiệp Báo. Khi một người sử dụng năng lực tâm linh, họ cũng gây nên ảnh

hưởng vào trong vũ trụ. Ảnh hưởng này lan dần qua nhiều trung gian, cuối cùng gặp lại người đã tạo ra nó. Nếu là một nghiệp thiện, tác giả sẽ nhận lại niềm vui. Nếu là một nghiệp ác, tác giả sẽ nhận lại nỗi khổ.

Một ông thầy Miên, khi còn trẻ đã dụ dỗ cô nhân tình vào rừng vắng rồi giết, mổ lấy bào thai trong bụng rồi đem về luyện Thiêng linh cái. Pháp thuật của ông nổi tiếng cả vùng. Nhiều người nhờ ông trừ ếm kẻ thù của họ, hoặc nhờ ông tìm của bị mất, hoặc nhờ ông chuốc bùa yêu cho các cô gái. Do đó sự quen biết của ông rất rộng rãi. Một chàng trai đi vào rừng tìm lá thuốc. Chợt như sức mạnh vô hình kéo anh ta đi xa mãi đến khi anh ta trông thấy bộ xương trắng của cô gái. Anh thương xót đào lỗ chôn cất tử tế rồi quay về. Vì tốn công sức vào việc chôn bộ xương nên đi ngang nhà ông thầy Miên, anh mệt mỏi ghé vào hỏi thăm, nghỉ ngơi và xin nước uống. Ông thầy nói chuyện ba câu rồi ra sau bếp lấy thêm nước. Một con rắn vừa

mới bò ngang cắn vào tay ông. Nọc rắn này ngoài khả năng chữa trị của ông. Cơ thể ông yếu dần, tinh thần bị giảm sút, năng lực tâm linh biến mất. Trong thời gian nằm chờ chết, ông luôn luôn thấy hình ảnh người nhân tình ngày xưa hiện về oán trách, rồi thấy vô số rắn rết đến cắn xé. Ông kêu la thảm thiết mãi đến khi tắt thở.

Một người chồng đau khổ đến thưa công an vợ mình bị mất tích. Việc điều tra sau đó không đưa đến kết quả. Một trinh sát được giao trách nhiệm bí mật điều tra. Sau nhiều kết quả, anh trinh sát đoán rằng chính người chồng đã giết vợ rồi phi tang. Nhưng cần phải có thêm chứng cứ xác đáng mới có thể kết luận và khởi tố được. Những buổi tối anh thường đến sát buồng ngủ của người chồng để nghe ngóng hy vọng tìm ra thêm một manh mối nào đó. Cứ mỗi lần đi ngang qua bụi chuối gần ao nước là anh bị té. Một linh cảm lóe lên. Anh yêu cầu công an xã đến đào bụi chuối. Và xác người vợ được tìm thấy,

người chồng nhận tội.

Ở đây chúng ta đừng hiểu là có vong hồn xen vào can thiệp. Thật ra chính nghiệp và năng lực tâm linh đã giải quyết. Nghiệp đã thúc đẩy anh chàng đi hái thuốc đến gặp bộ xương. Sự mệt mỏi buộc anh ghé lại nhà ông thầy Miên. Và con rắn độc bò ngang đúng lúc ông vào bếp lấy nước.

Ông đã sử dụng năng lực tinh thần quá nhiều với vô số lời trừ ếm cầu nguyện. Tất cả chuẩn bị cho một sự rối loạn tâm thần về sau. Nhưng có thể ông còn khỏe, định lực còn mạnh để trấn áp mọi sự rối loạn. Đến khi bị rắn cắn, cơ thể suy yếu, tinh thần giảm sút, sự rối loạn tâm thần bùng khởi khiến ông phải khổ sở vì các ảo ảnh hiện ra quấy phá dữ dội.

Cũng vậy, không phải vong hồn người vợ xô té anh trinh sát. Chính tâm lý đau đớn vấy vùng của người vợ lúc bị giết đã tạo nên một năng lực mạnh mẽ ghi dấu vào không gian xung quanh. Nghiệp đã thúc đẩy anh trinh sát đi ngang qua vùng không gian tang tóc này. Năng lực tâm linh còn

ghi dấu đã xô té người trinh sát và tấn công vào tâm cảm của anh khiến anh linh cảm có xác người vợ nằm ở dưới này và vụ án được kết thúc.

Không gian tâm linh tuy vô hình nhưng một khi đã khởi tác dụng thì rất lớn. Vì thế mỗi ý nghĩ thâm kín của chúng ta vẫn lặng lẽ tạo thành nghiệp, gây ra ảnh hưởng vào thế giới này. Với những tư tưởng oán thù ích kỷ, chúng ta đã tung vãi sự xấu xa vào cuộc đời. Ảnh hưởng của tư tưởng vào tâm hồn những người xung quanh khó thấy nhưng vẫn có chứ chẳng phải không. Một nhà thôi miên tập trung định lực dồn vào tâm người nghiện rượu những tư tưởng bỏ rượu. Sau lần thôi miên đó, người kia từ trong sâu kín, cảm thấy không muốn uống rượu nữa.

Một bà mẹ đau khổ vì đứa con lêu lổng ngỗ nghịch, đêm đêm cầu nguyện chư Phật gia hộ cho đứa con thay tâm đổi tính. Những lời nguyện chân thành đó tạo thành sức thôi miên từ xa. Lâu ngày người con trở nên hiền lành và biết nghe lời

khuyên bảo của gia đình.

Đó là những trường hợp tâm lực có tập trung hướng vào một đối tượng nhất định. Còn những tư tưởng thiện ác của chúng ta, không tập trung vào riêng ai, nhưng vẫn gây ra tình trạng lây nhiễm âm thầm vào tâm hồn của người xung quanh.

Thường xuyên thấm nhuần tư tưởng từ bi, vô tình, không cần nói thành lời, chúng ta vẫn chuyển hóa phần nào sự ác độc của mọi người. Ngược lại cũng vậy.

Do đó, nếu không có một lập trường vững chắc, chúng ta sẽ bị nhiễm ác nếu sống gần người xấu thường xuyên. Cái lây lan của tư tưởng này rất giống cái lây lan của virus. Những ai thiếu sức đề kháng sẽ bị tư tưởng của người chung quanh chinh phục.

Người thường xuyên nuôi dưỡng những tư tưởng tốt lành, gây ảnh hưởng đẹp đẽ vào lán giềng, đời sau họ sẽ sinh vào một cộng đồng gồm những người tốt.

Người Nhật vẫn đang là tiêu biểu cho loại cộng đồng thông minh lịch sự này. Tinh

thần võ sĩ đạo trọng danh dự, tinh thần
thiền định thâm trầm, những nghệ thuật
trang nhã sâu sắc về trà hoa... đã quyện
lại thành một nhân cách đặc biệt của dân
tộc Nhật. Gần đây trong xã hội công
nghiệp Nhật có một vài biểu hiện thực
dụng, vật chất, xa rời truyền thống cổ
đang bị lên án. Nhưng so với cộng đồng
khác, người Nhật vẫn còn được đánh giá
cao.

Đối với những người hiểu luật Nghiệp
Báo, hiểu rõ sức ảnh hưởng của tư tưởng
vào môi trường chung, họ sẽ giữ gìn tâm
hồn để không bị nhiễm bẩn bởi các dòng
tư tưởng ác trong không gian, đồng thời
họ còn chân thành cầu nguyện cho mọi
người đều được tốt đẹp, họ thường rải
tâm từ bi đến muôn loài, từ con người, con
thú, đến tận cây cỏ lá hoa. Không nói
được thành lời, họ sử dụng tư tưởng để
cải thiện đạo đức của xã hội. Dĩ nhiên với
hạnh nghiệp này, kết quả đời sau cho họ
là địa vị thánh nhân được mọi người ca
ngợi kính trọng. Những vị thánh triết này

có một nhân cách siêu phàm, có sức cuốn hút đặc biệt làm cho người đến gần cảm thấy khuất phục tự nhiên. Đó là lý do tại sao thỉnh thoảng trong nhân loại, chúng ta thấy xuất hiện các vị hiền triết, thánh nhân danh tiếng lưu truyền mãi như Lão Tử, Khổng Tử, Chúa Jésus, St. Francisco, Léon Tolstoi, Vương Dương Minh...

Có những quả báo phải nhận lấy trong không gian vật lý như bị chửi mắng, đánh đập, giết hại, hoặc giàu sang quyền thế. Nhưng cũng có những quả báo được kết thành trong không gian tâm linh chủ quan của riêng mình. Trường hợp thằng bé chần trâu chọt thấy cái thành lửa rồi bị cuốn vào thiêu đốt đau đớn là một ví dụ xác đáng. Đây là không gian tâm linh của riêng nó, các bạn chung quanh không ai thấy. Cái đau khổ mà nó phải nhận lấy không thua kém gì cái đau khổ bị hành hạ ở không gian vật lý. Có lẽ trước kia nó từng nuôi nấng nhiều tâm niệm ác độc hận thù. Đến lúc đủ nhân duyên, tâm nó xuất hiện ảo ảnh.

Nhiều người khi sống làm nghề sát sinh như giết thịt heo, gà, vịt... Đến lúc gần chết họ ngã bệnh thấy vô số súc vật đến rúc rĩa cắn xé. Họ đau đớn kêu la nhờ người thân đuổi giùm, nhưng vợ con chung quanh đành bó tay đứng nhìn chẳng thấy con vật nào cả.

Ngài Huyền Trang là một tấm gương lớn lao về đạo hạnh nghiêm trang, tâm cầu đạo tha thiết và chí nguyện độ sinh tuyệt vời. Ngài chịu đựng gian khổ sang Ấn độ học hỏi, chiêm bái thánh tích và thỉnh kinh về Trung Hoa. Sau khi về nước, được sự trợ giúp của Đường Thái Tông, Ngài nỗ lực phiên dịch kinh điển. Thời gian cuối đời, Ngài thường thấy cảnh cõi trời, thiên nữ rải hoa cúng dường, tâm Ngài vô cùng hoan hỉ.

Có một số người suốt đời tích đức, làm thiện, khi chết nét mặt rạng rỡ hân hoan và kể rằng họ thấy chư thánh đến rước, hào quang chói lòa, thậm chí có khi mùi hương thơm tỏa ra ngào ngạt thân quyến cùng nghe thấy.

Do hiện tượng khó hiểu này nên nhiều nhà truyền giáo đã giải thích có một sự hiện hữu của các cõi siêu hình như thiên đường, địa ngục...

Còn những cái đau khổ hay vui sướng do thế giới của tâm hồn đem lại cũng tương đương với cái khổ vui của thế giới vật lý, bởi vì nó cũng là kết quả tương xứng với nghiệp quá khứ.

Sự nối kết giữa các cõi với nhau chính là TÂM của mỗi người. Chỉ xoay vào Tâm, chúng ta mới có thể liên lạc hoặc tìm thấy các cõi giới khác. Không một máy bay tên lửa nào đưa chúng ta đến được thiên đường. Tuy nhiên, đôi khi tâm chúng ta cũng hiện ra các ảo ảnh tương tự như những cõi giới khác và chúng ta sẽ hiểu lầm rằng mình đã đạt được sự thông đạt với cõi trên. Mê tín bắt đầu từ đó.

CHƯƠNG 4

BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI

Dùng ngôn ngữ tương đối để nói về Bản

Thế Tuyệt Đối là một điều khó khăn, dễ gây hiểu lầm và đôi khi phản bội chân lý. Ngôn ngữ có thể tải được đạo lý, nhưng chính ngôn ngữ cũng là chướng ngại cho sự thực chứng chân lý. Niết bàn vốn không tên nhưng người ta đã đặt tên Niết Bàn. Phật tánh vốn không tên nhưng người ta đặt tên Phật tánh. Rồi chính cái tên gọi này trì giữ con người đứng lại tại đó, không vượt qua được để đến với chỗ tâm linh mầu nhiệm không ý không lời. Nhưng nếu không nói về chân lý cứu cánh này thì chư Phật mắc tội bồn xển giống như là còn có đôi bàn tay nắm lại. Phải tuyên dương về đạo lý tốt cùng này cho mọi người thú hưởng, chấm dứt sự tự mãn với những giai đoạn nửa chừng. Với người lấy ý thức lý luận làm sự nghiệp, cần phải tạo ra cho họ biết còn có vô thức sâu kín với những tác dụng to lớn phi thường. Tác dụng của vô thức có thể phá vỡ những qui luật của không gian vật lý. Với người đạt được định sâu thẳm, thâm nhập vào được thế giới vô thức, phải cho

họ biết còn có Bản Thể Tuyệt Đối của vạn hữu vũ trụ. Nơi Bản Thể này mới là tận cùng con đường của người đi tìm chân lý. Một vài tôn giáo cho rằng có một thần linh tối cao mà con người chỉ có tuân phục chứ không thể nào bình đẳng được. Con người phải thờ phượng, cầu xin để được vị thần linh tối cao đó ban ân sủng.

Trong đạo Phật và một vài tôn giáo Đông phương phủ nhận quan điểm này. Bởi vì cái tối cao không phải là một thần linh mà chính là Bản Thể Tuyệt Đối. Ai cũng có thể chứng đạt Bản Thể Tuyệt Đối để giải thoát viên mãn và bình đẳng với nhau. Đức Phật là người đã chứng đạt và dạy lại con đường. Ai đủ ý chí và đi đúng đường đều sẽ thành Phật.

Không gian vật lý có tính khách quan triệt để vì những quy luật của nó tồn tại ngoài ý muốn của con người. Ngược lại, không gian tâm linh có tính chủ quan triệt để vì tác dụng của nó hoàn toàn dựa vào ý muốn của con người.

Ở không gian vật lý, nếu con người muốn

bay lên cao, họ phải dựa vào các qui luật khoa học để chế tạo ra các thiết bị bay có cánh tựa vào không khí, có lực đẩy, lực nâng... nghĩa là ý muốn của họ phải dựa vào quy luật. Còn trong không gian tâm linh, nếu đủ năng lực tâm linh, họ chỉ khởi ý muốn bay là có thể bay lên, không đếm xỉa gì đến trọng trường của quả đất. Ở đây, ý muốn của họ là yếu tố quyết định. Nhiều nhà khoa học đã cố gắng tìm hiểu không gian tâm linh một cách khách quan, bỏ quên tính cách chủ quan triệt để của nó, và họ đã lạc lối, không tìm ra chìa khóa của vấn đề. Họ đưa ra các lý thuyết về không-thời gian nhiều chiều, về nhiều loại vũ trụ để giải thích và họ đã đi quá xa. Còn Bản Thể Tuyệt Đối vừa có tính chủ quan vừa có tính khách quan.

Bản Thể có tính khách quan vì ai đã thoát hẳn chấp ngã mới có thể chứng đạt được. Không có chấp ngã nên Bản Thể không có tính chủ quan, có vẻ như khách quan thật sự. Trong Bản Thể không có cái TA riêng rẽ, tất cả đều chung đồng hòa hợp. Nơi

không gian vật lý, mọi thứ đều hiện bày sự sai biệt của riêng nó, nó hiện diện riêng rẽ và tác dụng vào môi trường theo tương quan vật lý. Một cái cây mọc chơ vơ một mình, không giống gì với xung quanh, nhưng có ảnh hưởng vào môi trường, vì hoạt động lọc khí, hấp thụ ánh sáng... Còn trong Bản Thể tất cả đều hòa hợp cảm ứng lẫn nhau. Không còn riêng rẽ, không phải là tương tác vật lý khô khan.

Người hòa nhập vào Bản Thể ngay lúc đó đã trở thành toàn thể vũ trụ, không còn là tương tác vật lý khô khan.

Người hòa nhập vào Bản Thể ngay lúc đó đã trở thành toàn thể vũ trụ, không còn là cá thể biệt lập nữa.

Đứng ở không gian vật lý, ta thấy cái cây và cục đá là hai thứ tách rời. Còn trong Bản Thể cái cây và cục đá là một. Nói là một, chúng ta đừng hiểu là không còn cái cây không còn cục đá, đừng hiểu là cái cây và cục đá biến mất. Chúng vẫn hiện hữu, vẫn không lẫn lộn, nhưng vẫn chung đồng duy nhất với nhau. Ngôn ngữ không

diễn tả được chỗ này. Người chứng ngộ thì “thấy” rõ ràng, người chưa chứng ngộ thì phải có trực giác để cảm nhận phần nào chỗ vi diệu đó.

Toàn bộ không gian và thời gian đều chung đồng nơi Bản Thể.

Ở không gian vật lý chúng ta thấy không gian trải rộng vô biên, và thời gian kéo dài vô hạn. Nhưng trong Bản Thể mọi vị trí đều chung đồng với nhau, không còn xa cách, mọi thời điểm đều tụ hội không xa xôi. Nói như thế không có nghĩa là mọi vị trí, mọi thời điểm đều biến mất. Không, chúng vẫn hiện hữu, không lẫn lộn. Nhưng vẫn “như là” ở một chỗ với nhau trong Bản Thể kỳ diệu này. Mặt trời vẫn là mặt trời. Sao Lalande vẫn là sao Lalande (cách nhau 8 năm ánh sáng) không lẫn lộn nhưng vẫn “như là” ở một chỗ với nhau trong Bản Thể.

Thời gian cũng vậy, năm 1990 vẫn là 1990 không lẫn lộn với năm 2000, nhưng vẫn như là một chỗ với nhau trong Bản Thể. Bộ phim khoa học giả tưởng “Trở về

tương lai” của Mỹ trình bày một nhà bác học chế được một cái máy để đưa con người sống trở lại quá khứ. Ông và người bạn trẻ sống lại thời gian cách đây gần 100 năm. Họ mang quan điểm, tư tưởng, y phục của thế kỷ này để sống lẫn lộn với những người đang sống thế kỷ trước. Sau nhiều rắc rối, họ tìm cách trở về tương lai, nơi họ đã xuất phát.

Tư tưởng của bộ phim thật là táo bạo, trong đó, người viết kịch bản đã xem thời gian như là không gian, nếu có phương tiện, người ta có thể đi từ thời điểm này sang thời điểm khác.

Thật ra, đối với Bản Thể, điều này không thích hợp vì đã có sự lẫn lộn giữa con người vượt thời gian đó. Cách đây một thế kỷ, đã có người đó sống với tư tưởng, quan điểm y phục của thời bấy giờ. Không thể nào xóa nhân vật đó để đưa con người tương lai sau một thế kỷ thay chỗ với tư tưởng, quan điểm, y phục khác biệt. Như vậy là lẫn lộn giữa vấn đề, cùng một con người, nhưng ở một quá khứ bị xóa mất,

thay vào đó là người tương lai nhờ máy móc trở lại quá khứ để sống.

Nơi Bản Thể có sự hòa hợp chung đồng nhưng không có lẫn lộn.

Hoặc một phim thần thoại HongKong tựa Hoa Sơn Thánh Mẫu. Để tiêu diệt Hoa Sơn Thánh Mẫu, Ma Vương đã tìm lại thời gian 500 kiếp trước để tiêu diệt tiền thân của bà. Nếu tiền thân bị tiêu diệt, lập tức thân hiện tại bị tan vỡ. Đây cũng là một lối hiểu sai lầm vì đã lẫn lộn về thời gian.

Trong Bản Thể, mọi thời điểm đều nằm chung một chỗ, nhưng thời điểm nào vẫn là thời điểm ấy. Người ở thời điểm này không thể lộn qua con người ở thời điểm kia. Ma Vương ở thời điểm hiện tại không thể đem ý đồ ác độc của mình để trở lại 500 đời trước vì lúc đó hắn đã từng có mặt với một tư tưởng khác. Chúng ta chỉ có thể trở lại quá khứ bằng cái Biết mà thôi.

Chúng ta nói Bản Thể vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, bởi vì Bản Thể là vô ngã (Giống như Hòa thượng Thiện

Siêu nói vô ngã là Niết Bàn) nên có tính khách quan; nhưng trong cái vô ngã đó vị đạo đạo vẫn có cái cảm ứng thấu rõ tất cả sự kiện gì nếu vị ấy muốn. Thế nên, Bản Thể vẫn có vẻ mang tính chủ quan. Ví dụ vị đạo đạo muốn biết một hành tinh xa xôi, vị ấy, từ nơi cái tịch diệt tuyệt đối của Bản Thể, xuất hiện cái cảm ứng siêu việt, nơi cái cảm ứng này vị ấy trở thành duy nhất với hành tinh kia và thấu rõ về hành tinh kia như “xem một trái xoài trong lòng bàn tay”. Ở đây, cái cảm ứng giống như là cái biết, nhưng nơi cái biết này, người biết và đối tượng bị biết không chia ra làm hai, biết mà vẫn vô ngã.

Chính vì có cái “biết-cảm ứng” này mà Bản Thể như có tính chủ quan, nhưng vì vô ngã nên như có tính khách quan.

Ở không gian vật lý, chúng ta thấy thời gian trôi mãi không ngừng. Hàng tỷ tỷ năm đã trôi qua và còn tỷ tỷ năm nữa sẽ đến. Những gì của quá khứ xa xăm dường như đã mất hút, tan hoại, thay đổi. Những gì của tương lai lâu dài về sau dường như

mờ nhạt, không rõ ràng, chưa có. Nhưng thật ra trong Bản Thể, tất cả đều “dường như” ở tại một chỗ không chia cách với nhau. Do đó, một vị đạo đạo có thể an trụ tại Bản Thể Tuyệt Đối này để tìm hiểu những gì đã qua hoặc những gì sẽ đến một cách rõ rệt.

Đứng ở không gian vật lý, con người có cái nhìn khách quan, họ vô tư đi tìm mọi quy luật của vũ trụ. Đó là điểm đáng quý của khoa học hôm nay. Họ không thể dùng ý muốn của mình để thay đổi các quy luật đó. Đôi khi họ có phỏng đoán nhưng họ sẽ kiểm chứng lại. Ví dụ như người xưa từng cho rằng mặt trời quay quanh trái đất. Nhưng người nay đã kiểm chứng lại rằng trái đất quay quanh mặt trời. Hoặc trước kia Le Verber dựa vào chuyển động nhiễu loạn của Thủy tinh để lập luận rằng có một hành tinh đặt tên Vulcain ở giữa thủy tinh và mặt trời. Nhưng rồi Einstein đã phủ nhận và ông dùng thuyết Tương đối để giải thích nhiễu loạn của Thủy tinh bởi các nguyên nhân

khác. Ở không gian vật lý này, con người không thể dùng ý muốn của mình để thay đổi quy luật. Họ chỉ áp dụng những quy luật đó mà thôi.

Nhưng khi bước sang không gian tâm linh, sự tình bỗng thay đổi ngược lại, ý muốn của con người sẽ tạo ra tất cả. Với một năng lực tâm linh mạnh mẽ, con người có những thần thông phép lạ. Họ có thể bay lên cao, có thể hóa giải khối lượng, di chuyển đồ vật từ xa không cần chạm đến, có thể đoán biết ý nghĩ người khác, có thể thôi miên sai khiến người khác, có thể tiên tri, chữa bệnh... Vô số hình thức thần thông biến hóa sẽ xuất hiện theo ý muốn chủ quan của con người. Thậm chí, khi muốn có một linh hồn xuất ra khỏi thân thể để bay dạo khắp nơi, lập tức một linh hồn sẽ thành hình. Thậm chí, khi tin và muốn có một thiên đường lộng lẫy, lập tức, một cõi thiên đường sẽ thành hình. Vì thế ở không gian tâm linh, niềm tin và ý muốn chủ quan của con người lại che lấp sự thật. Nếu từ trước họ được cung cấp một

niềm tin xác quyết rằng có một vị trời tên là Krish đã tạo ra vũ trụ và đang cai quản vũ trụ. Sau này khi tập trung được tinh thần có một định lực mạnh, năng lực tâm linh xuất hiện, người này muốn gặp vị Krish đó, lập tức tâm linh chủ quan sẽ hiện ra đấng Krish với khung trời rực rỡ vinh quang.

Chính vì tính chất chủ quan cực độ này dễ che lấp chân lý làm phát sinh tà kiến, nên các bậc đạo sư sáng suốt đều cảnh giác đệ tử phải cẩn thận về các tín điều đã được mớm từ xưa, phải hóa giải hết các ước muốn thầm kín, chỉ lấy giới hạnh (giới,) tâm thanh tịnh (định) và vô ngã (huệ) là tôn chỉ trong suốt quá trình tu hành. Chỉ khi nào họ vượt khỏi ngã chấp, chứng đạt Bản Thể Tuyệt Đối, không còn bị các ước muốn chủ quan thôi thúc, họ mới không bị làm lẫn về vũ trụ và con người.

Những tín điều từ trước như cho rằng mỗi con người đều có linh hồn bất biến, hoặc cho rằng trong vũ trụ có nhiều cõi siêu

hình là nơi cư ngụ của các thần linh, những tín điều đó luôn gây nguy hiểm khi con người bước vào không gian tâm linh. Năng lực tâm linh sẽ theo niềm tin và ước muốn để tạo ra tất cả. Đó là lý do tại sao trên thế giới có quá nhiều tín ngưỡng, quá nhiều thần linh được thờ phụng, quá nhiều giáo điều lạ lùng. Hầu hết được tạo ra từ không gian tâm linh của vị giáo tổ, mà mỗi vị giáo tổ đều có niềm tin riêng, ước muốn riêng và sức tưởng tượng phong phú riêng.

Khoa học dựa vào không gian vật lý với các quy luật khách quan nên dù ở bất cứ nơi đâu, người ta cũng lập lại được các thí nghiệm giống nhau. Còn đối với tín ngưỡng dựa vào không gian tâm linh với tính chất chủ quan cực độ nên không có kinh nghiệm của người nào giống người nào. Bởi vì mỗi người có ý muốn khác nhau.

Chỉ khi nào vượt qua được chấp ngã, chứng đạt Bản Thể, cái thấy biết của họ không còn sai lầm vì không còn bị niềm tin

và ước muốn chi phối.

Bản Thể còn là chỗ tựa cho vạn hữu trong vũ trụ.

Giống như bao nhiêu hoa, lá, cành đều phải dựa vào gốc, cũng vậy, vạn hữu sinh hóa vô tận đều dựa vào Bản Thể. Giống như xe cộ chạy dựa vào mặt đất, cũng vậy, vạn hữu sinh hóa vô tận đều tựa vào Bản Thể, không tách rời Bản Thể. Bản Thể là chỗ dựa vô hình, là gốc chi phối vô hình cho mọi sự sinh hóa trong không gian tâm linh và không gian vật lý.

Chúng ta đừng tưởng một chiếc lá rơi, một con kiến bò không có dính líu gì tới Bản Thể. Thật ra không một hạt bụi nào không tựa vào Bản Thể để tồn tại. Tất cả đều chung đồng, hòa hợp, tương tác lẫn nhau, dù đó là một giọt nước, một hòn sỏi, một con trùng hay một ý nghĩ.

Không gian vật lý này có vẻ biến động ồ ạt, thay đổi nhanh chóng. Dòng nước đang chảy, mây đang bay, hành tinh đang di chuyển, các sinh vật đang phát triển và hoại diệt.

Không gian tâm linh thì có vẻ yên lặng hơn, vô hình hơn, phi thường hơn nhưng vẫn bị chi phối bởi niềm tin và ước muốn của mọi người để khởi tác dụng.

Đến Bản Thể thì chỉ còn sự tịch lặng tuyệt đối và cái “biết cảm ứng” vô lượng vô biên. Nhưng chính nơi chỗ tịch lặng tuyệt đối này lại là chỗ tựa vững chắc cho các vật thể, các tác dụng, các hiện tượng nơi không gian vật lý và không gian tâm linh. Cái biến động làm cho tâm hồn con người nhỏ hẹp, thiển cận, không thể nhìn vấn đề bao quát. Càng đi sâu vào thanh tịnh, tâm hồn con người càng trở nên rộng lớn hơn, sáng suốt hơn và sắc bén hơn. Và khi hoàn toàn tịch lặng thì con người trở thành toàn thể vũ trụ. Đây là giá trị nhân bản cao cả nhất mà không ai có thể phủ nhận. Đối với không gian vật lý, con người chỉ là một hạt bụi nhỏ bé vô nghĩa so với vũ trụ bao la. Nhưng “đi vào” Bản Thể, con người nhỏ bé đó bỗng chính là vũ trụ.

Vì vậy ai chỉ biết nhìn con người theo không gian vật lý, họ sẽ xem thường con

người, đánh giá con người như một công cụ của guồng máy chung, như một cái vốn của tài sản chung. Nếu nắm lấy quyền hành, họ sẽ sử dụng con người như một món đồ vật cao cấp để phục vụ cho tham vọng của họ. Khi cần, họ loại trừ những đồ vật kém giá trị.

Nhưng nếu đứng trên lập trường Bản Thể, con người đã ẩn chứa một giá trị tuyệt đối sẵn có. Vấn đề còn lại là làm sao cho tất cả mọi người đều đạt đến giá trị tuyệt đối bằng cách thực hành thiền định sâu thẳm để chứng nhập Bản Thể.

Nếu quan điểm này được phổ biến sâu rộng, con người sẽ yêu mến nhau hơn, tôn trọng nhau hơn và giúp đỡ nhau nhiều hơn. Tình thương sẽ thật sự hiện hữu khi con người biết được rằng tất cả đều có khả năng trở thành tuyệt đối. Không gian vật lý này chỉ là một bề mặt cạn cợt trong cấu trúc vũ trụ, nó thay đổi bất thường, dòn bở, dễ tan hoại. Dựa vào nó để sống, con người phải chịu nhiều bất an, xao xuyên và đau khổ. Chỉ có Bản Thể Tuyệt

Đôi, là bề sâu trong cấu trúc vũ trụ, là chỗ tựa vững chắc của vạn hữu, là tịch lặng tuyệt đối và cảm ứng vô biên, mới đúng là chỗ sống đích thực của con người. Nơi đây, tất cả mọi người đều giao hòa, chung đồng với nhau. Không cần nói đến hai chữ tình thương mà tình thương vẫn bát ngát tràn đầy.

Từ xưa đến nay, các bậc hiền triết đều kêu gọi con người yêu mến nhau. Ở mức độ ban đầu, trong tình thương này vẫn còn chia làm hai: người thương yêu và kẻ được thương yêu. Chỉ khi nào đạt được Bản Thể, ngã chấp tan biến, con người sẽ biết thương nhau với một tình thương mới, không bị chia làm hai người thương và kẻ được thương. Trong đó người thương và kẻ được thương đã trở thành duy nhất. Đó là Tâm Từ xuất phát từ Bản Thể Tuyệt Đối.

Bản Thể là tịch lặng tuyệt đối. Chính vì tịch lặng tuyệt đối nên nó cũng là cái Biết tuyệt đối (Cảm ứng), nó cũng là tình thương tuyệt đối (từ bi) và nó cũng là công bình

tuyệt đối.

Nơi tính chất công bình TUYỆT ĐỐI này, luật Nghiệp Báo vận hành chi phối tất cả. Chúng tôi muốn kể lại câu chuyện ông Già Chồn vì ý nghĩa thâm thúy của nó.

Trong những lần thuyết pháp, Thiền sư Hoài Hải Bá Trượng thường thấy một ông già lạ theo đại chúng vào nghe. Một lần sau buổi thuyết pháp, đại chúng đã lui ra mà ông già vẫn nán lại.

Bá Trượng hỏi:

- Ông là ai?

Ông già đáp:

- Bạch Hòa Thượng! Con không phải là người, con là con chồn ở sau núi. Năm trăm đời trước thời Đức Phật Ca Diếp, con cũng là một vị tu hành. Có một người hỏi con:

“Bậc đạt đạo có còn ở trong Nhân Quả chăng?”

Con đáp:

“Không còn ở trong Nhân Quả”

Từ đó con đọa thân chồn đến nay đã năm trăm đời mà vẫn không biết chỗ sai của

mình ở đâu. Con mong Hòa Thượng chỉ dạy để con thoát được chỗ hiểu sai và thoát được thân chồn.

- Vậy ông hỏi lại ta.

- Bạch Hòa Thượng! Bậc đạt đạo có còn ở trong Nhân Quả chăng?

Ngài Bá Trượng đáp:

- Không còn làm Nhân Quả! (Bất muội Nhân Quả, không còn hiểu sai về Nhân Quả)

Ngay đó ông già đại ngộ, thưa:

- Bạch Hòa Thượng, thế là từ nay con thoát thân chồn, xin Hòa Thượng tống táng con theo nghi lễ dành cho Tăng.

Nói xong ông già biến mất.

Sau buổi cơm trưa, ngài Bá Trượng dẫn chúng vòng ra hang sau núi, lấy gậy khều xác con chồn cho đem về làm lễ trà tỳ.

Có một người tu thiền, nghe nói tất cả đều không, cuối cùng đưa đến phủ nhận Nhân Quả. Họ cho rằng luật Nghiệp Báo chi phối kẻ phạm phu chứ không thể chi phối bậc thánh. Tà kiến này không đúng.

Thật ra, luật Nghiệp Báo xuất phát từ Bản

Thể sâu kín. Người chỉ biết có không gian tâm linh thì chưa thấy được luật Nghiệp Báo rõ ràng. Vị đạo sư chứng nhập Bản Thể mới có thể tận tường đường đi của Nghiệp Báo. Bất cứ một hạnh nghiệp nào đều có quả báo của nó, dù đó là hạnh nghiệp của bậc Thánh hay của phàm phu. Các Bồ tát đã chứng đạo, thị hiện vào sinh tử để hóa độ mọi người đều cũng phải dựa vào luật Nghiệp Báo. Các Ngài phải gieo duyên lành với mọi người để được mọi người thương mến, sau đó mới dùng đạo lý để dạy dỗ họ. Muốn cho họ được thiện định sâu thẳm để giải thoát, Bồ Tát phải hướng dẫn họ tạo phước ban đầu ra sao, tu tập thế nào chứ không thể dùng thần thông của mình để làm cho họ nhập định. Không có một sơ hở nào nơi hành động của một Bồ Tát. Mọi hành động của Bồ Tát đều dùng để tạo quả báo lành về sau. Không bao giờ các ngài hành động bừa bãi, bởi vì từ khi chứng đạt Bản Thể, Bồ Tát đã thấy rõ luật Nghiệp Báo lưu xuất thế nào.

Triết gia Spinoza (1632-1667, Hòa Lan) cho rằng Bản Thể là tập hợp các quy luật của khoa học khách quan của vũ trụ. Điều này đúng bởi vì cả không gian vật lý, không gian tâm linh đều dựa vào Bản Thể để vận động. Tuy nhiên, hai không gian đó đều chưa có quy luật Nghiệp Báo. Từ trong Bản Thể, luật Nghiệp Báo âm thầm chi phối sự vận hành của Vạn hữu trong không gian vật lý và tâm linh. Nhưng quy luật Nghiệp Báo lại dấu mặt tận trong Bản Thể. Vạn hữu vận hành theo bàn tay sắp xếp của luật Nghiệp Báo nhưng chúng ta không hề thấy rõ luật Nghiệp Báo đó mặt mày, hình dáng ra như thế nào. Chính vì thế, con người ít chịu chấp nhận luật Nghiệp Báo. Các quy luật khoa học khác thuộc không gian vật lý đều đang được dần dần tìm thấy. Nhưng luật Nghiệp Báo không thể được tìm thấy nếu người ta không “đứng” trong Bản Thể.

Con đường còn rất xa để cho khoa học tìm thấy luật Nghiệp Báo bởi vì khoa học còn đứng ở trong không gian vật lý, chưa

bước sang không gian tâm linh, và chưa hề nghĩ đến Bản Thể Tuyệt Đối. Thật ra không cần phải đi hết không gian này rồi mới bước sang không gian khác. Khoa học vẫn có thể cùng lúc nghiên cứu cả ba lãnh vực (vật lý, tâm linh và Bản Thể) và sự nghiên cứu ở lãnh vực này trợ giúp cho sự nghiên cứu ở lãnh vực kia mau chóng hơn.

Tuy nhiên, nhiều nhà đạo học sẽ không đồng tình khi nghe nói đem vấn đề tâm linh và Bản Thể ra làm đối tượng để nghiên cứu, bởi vì tâm linh thì vô cùng chủ quan và Bản Thể thì tịch lặng tuyệt đối không có chỗ bám.

Nói nghiên cứu, không có nghĩa là nghiên cứu vấn đề tâm linh, Bản Thể giống như nghiên cứu vật lý. Mỗi lãnh vực có cách nghiên cứu riêng. Miễn là có người đi trước nắm được vấn đề rõ ràng để giúp cho nhân loại có thêm tri thức, có thêm hướng đi và có thêm ích lợi.

Khi nhân loại có thêm sự hiểu biết về không gian tâm linh và Bản Thể, họ sẽ

sống sâu sắc hơn, thâm trầm hơn, thanh tịnh hơn và đạo đức hơn.

Theo những thông tin về sự tiếp xúc với người ngoài hành tinh, chúng ta được biết họ có khả năng tâm linh rất mạnh, có thể thôi miên sai khiến chúng ta, có thể xóa trí nhớ chúng ta về cuộc gặp gỡ, có thể biết ý nghĩ chúng ta, có thể truyền tư tưởng vào tâm chúng ta. (Tổng hợp nhiều tài liệu nước ngoài, Con người và Trường Sinh Học của Nguyễn Hoàng Phương)

Phải chăng một nền văn minh đích thực là một nền văn minh có sự phát triển cao độ về cả ba lãnh vực Khoa học, Thiên định và Đạo đức ? Thiết bị bay của họ chứng tỏ sự tiến bộ vượt bậc về khoa học vật lý nơi hành tinh họ, khả năng tâm linh của họ chứng tỏ sự thông thái về tâm linh. Còn vấn đề họ có khái niệm gì về Bản Thể hay không thì rất khó đánh giá. Nếu họ có kiến thức, có khái niệm về Bản Thể, họ sẽ hiểu rõ luật Nghiệp Báo và đương nhiên họ sẽ có một nền đạo đức cao độ. Nếu quả thực nơi hành tinh của họ có nhiều người

chúng đạt Bản Thể thì chúng ta sẽ kinh ngạc vô cùng khi kinh điển đạo Phật đã từng nói đến những bậc giác ngộ ở mười phương thế giới.

Một hành động thiện vừa xuất hiện, ngay lập tức một kết quả vui được thành lập trong Bản Thể. Một hành động ác vừa xuất hiện, ngay lập tức một kết quả khổ liền được hình thành trong Bản Thể.

Trong Bản Thể, quá khứ, hiện tại và vị lai đều ở chung một chỗ và không lẫn lộn với nhau. Một hành nghiệp ở hiện tại, ngay lập tức đã có liền một quả báo ở vị lai. Tất cả vẫn còn ở trong Bản Thể. Nhưng để ứng ra trong không gian vật lý, hiện tại đi đến vị lai là cả một thời gian dài chia cách.

Ví dụ, vì thương xót cảnh cháy nhà khổ sở của người láng giềng, ông Tư Quạ đem tặng họ một số tiền lớn mà ông đã chắt chiu dành dụm từ lâu nay. Lập tức trong Bản Thể đã hình thành xong một kết quả là vào thời điểm bốn mươi năm sau, khi ông Tư Quạ được hai mươi tuổi ở kiếp kế tiếp, ông được trúng số độc đắc.

Ví dụ bà Hai Nhãn vì ganh ghét đưa con riêng của chồng, đã bí mật giết nó rồi phi tang. Lập tức trong Bản Thẻ xuất hiện hai quả báo, một bà bị giết chết khi còn nhỏ ở kiếp sau, hai là qua kiếp sau nữa, con bà bị giết chết khiến bà vô cùng đau khổ.

Vì toàn bộ thời gian đều ở chung một chỗ nên một nghiệp nhân vừa có mặt là lập tức một quả báo xuất hiện. Tuy nhiên, để ứng hiện ra không gian vật lý này, chúng cần một khoảng cách khá xa.

Đôi khi chúng ta có thể ví Bản Thẻ giống như một máy siêu điện toán, vừa đưa bài toán vào liền có đáp số, vừa đưa dữ kiện vào liền có phương án để thực hiện. Nhà lập trình đưa vào các dữ kiện về phân bố quy hoạch vùng nông nghiệp, lập tức máy điện toán đưa ra các phương án tối ưu để thực hiện. Nhưng để thực hiện phương án đó, bộ nông nghiệp cần nhiều thời gian. Bản Thẻ cũng vậy, một nghiệp nhân vừa được gây tạo, lập tức một quả báo được hình thành.

Tuy nhiên, nghiệp duyên của mọi người

rất phức tạp. Một hành vi bố thí liền hình thành một quả báo giàu sang. Sau đó người này còn gây nhiều nghiệp thiện ác kế tiếp. Những nghiệp sau làm biến dạng quả báo giàu sang trước đó. Ví dụ, do hành vi bố thí thuần thực, ông Sáu cảm được quả báo giàu có. Bên cạnh hành vi bố thí, ông Sáu còn có lòng hận thù với người láng giềng và hại họ chết tức tưởi. Sau đó ông hối hận tìm đến chùa để quy y, tụng kinh tập tu dần dần. Quả báo hình thành cho ông là đời sau trong đời sống giàu có, vợ con ông bị chết vì tai nạn. Ông đau khổ bỏ nhà đi xuất gia làm tu sĩ. Rồi qua một đời khác nữa, chính ông bị giết hại mới trả hết nghiệp cũ.

Từng nghiệp, từng nghiệp của hiện tại vẽ lên bức tranh của đời sống vị lai. Mỗi nghiệp giống như một nét vẽ. Tùy theo nét vẽ khéo hay vụng, bức tranh vẽ đẹp hay xấu. Tùy theo nghiệp ác hay thiện, cuộc đời sẽ khổ hay vui.

Mỗi người tự gây rất nhiều nghiệp, tạo nên rất nhiều quả báo phức tạp chông chéo

làm biến đổi lẫn nhau. Một hành động ác kết thành một quả báo để dành sẵn trong Bản Thể. Nhưng những hành động Thiện kế tiếp làm cho quả báo khổ kia bị hạn chế, biến dạng không còn giống như ban đầu.

Ví dụ một người đi lạc vào rừng sâu bị thiếu nước uống, thiếu thức ăn và tránh né thú dữ một cách vất vả. Cái chết đã chập chờn trước mặt. Nhưng rồi anh ta được một nhóm thợ săn cứu sống.

Có lẽ đời trước anh gây một nghiệp ác đáng lẽ phải bị chết vì đói, vì thú dữ trong rừng sâu. Nhưng sau đó anh tạo nhiều nghiệp thiện khiến cho quả báo bị biến dạng và anh được cứu sống.

Nếu chúng ta có thể chế tạo một máy siêu điện toán để tính ra quả báo, rồi đem hết hạnh nghiệp thiện ác của một người từ hành vi, lời nói và ý nghĩ vào cho máy tính toán, có lẽ máy sẽ cho chúng ta thấy một bức tranh quả báo ở vị lai vô cùng thú vị, trong đó các nghiệp trừ lẫn nhau làm thành muôn màu muôn vẻ phong phú vô

cùng.

Nhưng chưa hết phức tạp, ngoài nghiệp riêng của mỗi người còn có tương quan giữa mọi người với nhau. Được gọi là thiện khi chúng ta làm lợi ích cho con người. Được gọi là ác khi chúng ta gây đau khổ cho người. Như vậy khi tạo nghiệp thiện hay ác tức là ta tác động vào mọi người chứ không phải tác động vào hư không. Một nghiệp được gây tạo luôn luôn có liên hệ với người khác. Nghiệp thiện ác trở thành tài sản phước tội của riêng chúng ta, để dành riêng cho tương lai ta; nhưng sự liên hệ giữa ta với mọi người tạo thành cái DUYÊN cho đời sau. Nghiệp và Duyên luôn luôn đi đôi.

Chúng ta đã tạo vô số nghiệp cũng có nghĩa là tạo ra vô số Duyên với mọi người. Do duyên đó, những đời sau ai sẽ là cha mẹ, ai sẽ là bạn bè, đều được sắp xếp ngay từ bây giờ trong Bản Thể.

Máy điện toán luôn luôn có giới hạn trong khả năng tính toán. Nó không thể tính một bài toán quá phức tạp vượt khỏi khả năng

xử lý của nó. Còn với Bản Thể thì khả năng này là vô hạn. Có vô số mọi người, mỗi mọi người tạo vô số nghiệp, vô số duyên chồng chéo đan xen lẫn nhau; rồi nghiệp mới làm biến dạng thay đổi quả báo của nghiệp cũ. Bản Thể vẫn khách quan sắp xếp tất cả một cách chặt chẽ để tạo thành một bức tranh toàn xã hội, toàn thế giới, toàn vũ trụ không một chút lầm lẫn, xã hội sẽ thịnh hay suy, thế giới sẽ tiến hay lùi, vũ trụ sẽ ổn định hay rối loạn... đều do nghiệp chung của tất cả mọi người tạo nên.

Nói “Bản Thể sắp xếp tất cả”, chúng ta đừng hiểu Bản Thể trở thành một vị thần linh mới để làm việc này, bày việc nọ... Bản Thể vẫn là tịch lặng tuyệt đối, vô ngã hoàn toàn. Trong Bản Thể không còn có ý muốn chủ quan của riêng ai. Không gian tâm linh là riêng của mỗi người vì chưa hết ngã chấp. Nhưng Bản Thể không còn riêng rẽ vì ngã chấp đã hết. Ai chứng đạt thiên định thì thể nhập Bản Thể có sẵn này. Lúc đó vị ấy trở thành toàn thể vũ trụ,

cảm ứng với tất cả mọi người.
Trong Bản Thể chứa đựng quy luật
Nghệp Báo âm thầm chi phối vạn hữu.
Mọi người gây nghiệp nhân và tự động
Bản Thể hình thành sẵn quả báo để dành
cho vị lai. Đúng thời điểm thì quả báo hiện
rõ nơi không gian vật lý. Chúng sanh gây
vô số nhân thì Bản Thể tự động hình
thành vô số quả. Còn Bản Thể vẫn tịch
lặng và vô ngã. Không có ý muốn của ai
chen vào sắp xếp trong đó.

CHƯƠNG 5

LUÂN HỒI

Theo các tôn giáo Ấn Độ, đời sống hiện tại
không phải là đời sống duy nhất của con
người. Trước đời sống này chúng ta đã
từng có vô số đời trước, và nếu không tu
tập đến giải thoát viên mãn, còn có vô số
đời sống chờ đợi chúng ta ở phía sau.
Khi đời sống này chấm dứt, chúng ta sẽ
tái sinh qua một đời sống khác. Đó là luân
hồi.

Luân hồi được nói đến rất nhiều trong đạo Phật, trở thành một trong những giáo lý quan trọng trong tôn giáo này. Giáo lý mười hai nhân duyên giải thích rõ nguồn gốc luân hồi bắt đầu từ tế đến thô như thế nào, từ tâm tế trong vô thức đến hành vi bên ngoài như thế nào.

Gần đây, bác sĩ Edgar Cayce, trong khi đi tìm nguyên nhân bệnh tật của người bệnh, đã nói về nhiều kiếp luân hồi.

Một người da trắng có tư tưởng căm thù người da đen kinh khủng, bởi vì một kiếp trước ở Trung Đông, anh ta bị những người da đen bắt và giết chết trên một chiếc ghe.

Một người bị bệnh thiếu máu mạn tính, bởi vì trước kia chiến đấu ở trận tuyến, anh đã làm đổ máu nhiều người.

Có những người khi được thôi miên đã nói lại các tiền kiếp của mình với nhiều chi tiết nhỏ.

Một số người khác nằm mơ thấy lại một số đoạn đời trong những kiếp trước.

Những vị Lạt Ma Tây Tạng khi còn bé

thường kể về tiền kiếp của mình. Gần đây báo chí thế giới có đưa tin về em bé Tenzin Osel Rinpoche, người Tây Ban Nha, mới 6 tuổi nhưng đã có một đạo hạnh vững chắc và trí thức như vị sư Tây Tạng ở Los Angeles (Hoa Kỳ) mất năm 1984. Em sinh năm 1985 trong một gia đình nghèo ở ngoại ô Madrid. Em có tư thái rất lạ từ lúc mới lên ba. Năm tuổi, em đã có thể ngồi Thiền suốt 2 giờ không nhúc nhích. Em kể lại tiền thân, người ta kiểm tra thì thấy khớp với tiểu sử của Lạt ma Tây tạng Thubten Yeshe. Nhà sư Thubten di cư đến Mỹ từ năm 1959 và chết ở Los Angeles năm 1984.

Em bé này liền được một nhà sư Tây ban Nha là Basili Lloria bảo trợ nuôi dạy và cho xuất gia. Trong một lần cùng với Basili Lloria đi qua các nước phương Đông để chiêm bái Phật Tích, em đã đến Kuala Lumpur (Malaysia) tại trung tâm Phật Giáo Thean-Hou. Em thuộc nhiều kinh Phật, thuyết pháp và cầu nguyện cho tín đồ Malaysia hoàn toàn như một cao tăng.

Người ta hy vọng em Tenzin sẽ trở thành một vị Lạt Ma uyên bác kỳ tuyệt của thế kỷ 21.

Nhiều người Tây phương đã bắt đầu tin có luân hồi tái sinh. Một đoạn Phúc âm sau đây cho thấy tư tưởng về vấn đề tái sinh cũng đã có xuất hiện từ thời Chúa Jésus.

"Nicodem thưa rằng: Người đã già thì sanh lại làm sao được? Có thể nào trở lại bụng mẹ và sanh lại lần thứ hai sao?

Chúa Jésus đáp: ... Chớ lấy làm lạ về điều ta đã nói với người: Các ngươi phải sanh lại. Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động nhưng chẳng biết gió từ đâu đến, và cũng không biết đi đâu... Quả thật, quả thật, ta nói cùng người, ta nói điều mình biết, xác quyết điều mình đã thấy.

Còn các ngươi chẳng hề nhận lấy lời chứng của ta. Ví bằng ta nói các việc thuộc về đất (cụ thể) các ngươi còn chẳng tin, huống hồ ta nói các việc thuộc về trời (trừu tượng) thì các ngươi tin sao được..." (Jean).

Tuy nhiên, tư tưởng này không được khai

triển tiếp và vấn đề tái sinh trở nên rất xa lạ với người Thiên Chúa Giáo.

Đối với luật Nghiệp Báo thì luân hồi tái sinh là một điều khẳng định.

Tất cả đều thay đổi biến dị. các sinh vật đều đi theo những giai đoạn giống nhau. Phát sinh, tăng trưởng, già nua và chấm dứt sự sống. Cây cỏ cũng vậy và động vật cũng vậy. Tuy nhiên trong đó, nghiệp được hình thành không đơn giản giống nhau. Ví dụ, một tia sét đánh chết một người khác với tên cướp giết chết một người. Tia sét không có tâm. Nó chỉ là hiện tượng vật lý đơn thuần và phát sinh do nhiều điều kiện như nhiệt độ, sự va chạm các luồng điện tích khác chiều (âm và dương) trong các đám mây. Ngoài những điều kiện vật lý, nó còn bị chi phối bởi luật Nghiệp Báo trong Bản Thể. Do người kia đến lúc phải thọ quả báo nên nghiệp lực vô hình thúc đẩy các điều kiện vật lý tụ hội lại đúng lúc. Ở đây chỉ có người thọ quả báo mà không có người gây Nghiệp Báo.

Như vậy, trong định nghĩa thứ nhất, nghiệp là hành vi (hay lời nói, ý nghĩ) được tạo nên từ một chủ thể có cố tâm và có ý thức rõ rệt. Một cành cây khô rớt trúng đầu người bộ hành, cành cây khô này không có cố tâm và không có ý thức nên nó không có tạo nghiệp, chỉ là người bộ hành thọ quả báo mà thôi.

Một viên đạn làm gãy cánh tay của cô gái. Viên đạn không có cố tâm nên không có nghiệp. Nhưng chính người lấy cò có chủ tâm, có ý thức thì nghiệp đã hình thành. Rồi một người bị bệnh tâm thần, trong cơn khùng hoảng đã giết vợ của mình. Có nghiệp hay không? Theo luật pháp xã hội thì nếu có đủ chứng cứ về bệnh trạng, đương sự được miễn trách nhiệm hình sự, nghĩa là coi như không có tội. Nhưng theo luật Nghiệp Báo thì rõ ràng trong khi giết vợ, hắn biết rất rõ việc mình làm và có chủ tâm. Cơn khùng hoảng tâm thần và cơn nóng giận giống nhau, chỉ khác mức độ. Người trong cơn nóng giận giết người và người trong cơn bệnh tâm thần giết người,

trạng thái tâm lý có chủ tâm và có ý thức giống nhau. Họ biết rõ việc mình làm và quyết làm cho bằng được. Như vậy nghiệp đã hình thành !

Tuy nhiên, bệnh tâm thần là bệnh do nghiệp từ quá khứ. Khi bệnh đã hình thành, những tâm lý bất thường như muốn giết người, muốn đốt nhà cứ bí mật khởi lên mà ý thức không kèm được. Đôi khi ý thức còn chạy theo ý muốn kỳ lạ đó để tăng sức mạnh cho nó. Và khi có ý thức tham gia, nghiệp hình thành.

Trong bộ truyện Thần Điêu Hiệp Lữ của Kim Dung tiên sinh, nhân vật Cừu Thiên Nhậm là một kẻ ác đã giết nhiều người, sau này theo xuất gia với Nhất Đăng đại sư Đoàn Nam Đế. Nhưng dù đã thọ sát giới, Cừu Thiên Nhậm thỉnh thoảng vẫn bị tập khí cũ khởi lên mãnh liệt là muốn giết người. Những lúc đó ông tự trối mình lại để đề phòng ý thức không kèm được, đã thuận theo tập khí và ra tay giết người. Cơn khủng hoảng khởi lên dẫn vật con người ông dữ dội. Nhất Đăng đại sư chỉ

đứng một bên ân cần khuyên bảo để giúp cho ý thức của ông đủ sức mạnh kèm chế tập khí cũ. Sau nhiều lần ý thức chiến thắng được tập khí cũ, ông trở nên hiền lành như một tu sĩ bình thường, tập khí không còn khởi lên nữa.

Cũng vậy, người bệnh tâm thần do cấu trúc của não bất bình thường (bẩm sinh hoặc chấn thương hoặc khủng hoảng) nên ý thức yếu đuối không kèm chế được những thôi thúc ác độc từ trong vô thức tuôn ra. Rồi ý thức thuận theo để gây nghiệp. Nếu người nào biết tu thiền, biết tách đôi ý thức tỉnh giác khỏi những ý nghĩ vọng động kia, không cần kèm chế cũng không thuận theo, chỉ lặng lẽ nhìn thấy rõ những ý nghĩ khởi và diệt như là nhìn một đối tượng bên ngoài, thì những ý nghĩ bệnh hoạn ác độc sẽ lu dần và hết hẳn. Ví dụ, từ trong vô thức bệnh hoạn, một ý nghĩ khởi ra là phải đốt nhà hàng xóm; Ý thức bình tỉnh nhìn thấy ý nghĩ đó như là một đối tượng xa lạ, giả dối, nên không thuận theo, và ý nghĩ đó tự biến mất.

Có một tu sĩ trước kia rơi vào trạng thái tâm thần kỳ lạ. Tỉnh thoảng, từ trong vô thức, những thôi thúc bí mật khiến thầy phải đánh đá dữ dội, múa những bài quyền chưa từng học, ý nghĩ “đánh nó! giết nó!” vang vang đầy cả đầu y như một chiến sĩ đang đánh với quân địch ngoài chiến trường. Nhưng nhờ hiểu thiền, thầy cứ cố gắng ý thức tỉnh giác, không chạy theo những tâm lý quái đản bí mật kia. Lâu dần bệnh chấm dứt. Không có ý thức chạy theo để gia tăng sức mạnh. tập khí cũ yếu dần.

Như vậy, một ý nghĩ bất chợt, rời rạc từ đâu khởi lên thì chưa thành nghiệp.

Nhưng một khi có ý thức nhập cuộc, chạy theo, thì nghiệp thành hình. Và nghiệp có mặt thì quả báo đã xuất hiện ngay theo đó - từ trong Bản Thể.

Bây giờ trường hợp một người trong cơn mộng du, ý thức hoàn toàn vắng mặt, chỉ có vô thức điều khiển hành động, đã giết người. Có nghiệp hay chẳng? Trong trạng thái hiện tại, hành động của người này

giống như một cái máy vô tư, không có ý thức, chỉ có vô thức trực tiếp điều khiển cơ thể hành động. Nhưng từ đâu vô thức hướng đến hành vi giết người ? Chính vì trước kia (kiếp này hoặc kiếp khác) ý thức người đó đã nuôi nấng những ý nghĩ thù hận mưu hại... Những ý nghĩ này sôi sục nhưng bị đè nén lại bị ghi giữ trong vô thức. Đến lúc chín muồi, khi ý thức vắng mặt, vô thức đã trỗi dậy để hành động. Như vậy, tuy trong lúc giết người, ý thức không có, nhưng trước kia ý thức đã có ý muốn giết người rồi. Nghiệp vẫn được hình thành bởi ý thức trước đó cộng với hành động sau này.

Rồi một người vô ý ném tàn thuốc vào một giỏ rác, hậu quả là lửa thiêu rụi mấy chục căn nhà và vài nhân mạng. Người này không cố tâm, không biết được hậu quả sẽ như thế nào. Có nghiệp hay không ? Trước hết, đây là quả báo của những gia đình kia đến lúc phải trả. Nhưng sẽ hoàn toàn không có nghiệp mới nếu đó là một cơn gió mạnh bất ngờ thổi văng cây đèn

dầu xuống sàn nhà rồi lửa bốc cháy. Ở đây ngọn lửa bốc từ hành vi của một người. Người này không có mục đích gây nên hậu quả cháy nhà, nhưng sự ngu dốt, sự bất cẩn của anh ta đã gây nên hậu quả đó. Nếu xét cho kỹ ta sẽ thấy sự bất cẩn của anh phát sinh từ sự thiếu tôn trọng mọi người. Do thiếu tôn trọng mọi người nên anh ta thờ ơ với việc kiểm soát hậu quả của mình có gây thiệt hại cho mọi người hay không. Thật ra người biết tôn trọng mọi người sẽ cẩn thận từng lời ăn tiếng nói. Và nghiệp thành hình từ sự ngu dốt, bất cẩn, thiếu tôn trọng mọi người này !

Tuy nhiên, có những trường hợp không thể nào biết trước và không cần phải biết trước. Luật hình sự Việt nam cũng không truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp này. Ví dụ một người lái xe trên đường, tuân thủ đầy đủ luật lệ giao thông. Bất ngờ trong căn nhà lề đường có hai vợ chồng đang gây gỗ; người chồng rượt đánh vợ khiến người vợ vọt chạy ngang ra

đường. Xe đụng phải ! Không ai có thể biết trước chuyện này và không cần phải biết trước. Người lái xe không có tạo nghiệp, chỉ là gặp rắc rối chút đỉnh về việc điều tra của công an. Nghiệp thuộc về người chồng thô bạo.

Có rất nhiều nghiệp khó biết vì thiếu kiến thức như việc phá hủy môi trường sống của Địa cầu. Người tiêu thụ tàn phá rừng không thương tiếc, người chủ xí nghiệp cho khói bay mịt mù vào không gian; Người nông dân cho thuốc trừ sâu vào nước ruộng khiến các loài thủy sinh vật chết sạch; y học cho sử dụng thuốc DDT tràn lan rồi mấy chục năm sau mới thấy hậu quả tai hại của nó.

Trong truyện ngắn nổi tiếng “Bút Máu” của nhà văn Vũ Hạnh, nhân vật Lương Sinh vì không hiểu hết sự tình, bị viên quan tổng trấn họ Lý mua chuộc khéo léo nên đã dùng thơ văn ca ngợi công đức của hắn. Nhờ thế tên tổng trấn thoát được cuộc thanh tra của triều đình vì quan thanh tra tin vào văn thơ của Lương Sinh hơn là

đơn tố cáo của người dân. Sau khi quan thanh tra ra về, Lý tổng trấn cho bắt giết sạch những ai đã tố cáo hắn. Cách đó hơn trăm dặm Lương Sinh lâm bệnh, thấy như vô số oan hồn về báo oán. Sinh cầm đến bút mực thì mực trở màu đỏ như máu tươi và bốc mùi tanh tột độ. Sinh không biết oan trái này đến từ đâu. Sau nhờ sự góp ý của người cậu, Sinh lặng lẽ tìm về vùng đất ghé chơi ngày trước của tổng trấn họ Lý để tìm hiểu, mới biết rằng ngòi bút của mình đã che chở cho tên tổng trấn ác độc và đã gây nên cái chết của nhiều người. Chàng hối hận không nguôi.

Sinh tạo nghiệp vì “thiếu hiểu biết”, lỡ ca ngợi một tên quan ác độc nhiều hại dân lành khi chưa tìm hiểu cặn kẽ vấn đề.

Trong khi dân tình làm than đang đệ đơn tố cáo lên triều đình, quan thanh tra đang đi đến tìm hiểu, thì những bài thơ của Sinh như một bờ lũy bảo vệ ngôi vị của tên tổng trấn để hắn tiếp tục gây tội ác. Sinh không cố ý, nhưng đã góp phần tạo nghiệp. Cái thiếu hiểu biết rồi tạo nghiệp cũng giống

như cái thiếu kiến thức gây ô nhiễm môi trường. Tùy theo hậu quả nặng nhẹ mà quả báo sẽ lập thành một cách thích ứng. Gần đây trên báo chí cũng nêu ra một số vị giám đốc cơ quan kinh doanh nhà nước, vì thiếu kiến thức đã gây thiệt hại cho công quỹ nhiều tỷ đồng.

“Thiếu hiểu biết” cũng là một trong những nguyên nhân gây tội.

Người lãnh đạo một tập thể, một đất nước mà thiếu hiểu biết, gây thiệt hại cho người dưới, quả báo sẽ rất nặng nề.

Như vậy, những hành vi, lời nói, ý nghĩ được gọi là nghiệp (có khả năng tạo thành quả báo) khi:

- Có cố tâm, có ý thức, có dự tính.
- Có cố tâm, có ý thức trong cơn khùng hoảng do nóng giận, khùng hoảng do tâm thần.
- Không có ý thức lúc hành động, do vô thức điều khiển, nhưng có ý muốn trước kia.
- Không cố tâm, nhưng thiếu hiểu biết gây hậu quả nghiêm trọng.

Hành động với một trong bốn trường hợp đó được xem đủ tiêu chuẩn để tạo thành nghiệp, và mỗi nghiệp liền có một (hay nhiều) quả báo tương xứng, có một (hay nhiều) Duyên tương quan, và TẬP HỢP TOÀN BỘ quả báo, nhân duyên đó, chúng ta có được một bức tranh rõ nét về các kiếp sống tiếp theo.

Việc hình thành một cuộc đời về sau rất là phức tạp. Ví dụ, ông Thanh có đủ duyên để sau này làm cha của anh Tâm. Nhưng kiếp kế tiếp quả báo dành cho ông Thanh là người giàu mà quả báo dành cho anh Tâm là sinh trong gia đình nghèo. Có duyên với nhau mà phước không đồng nên duyên cha con đành khát lại kiếp khác, lúc mà phước của họ tương xứng với nhau.

Phải chọn lựa toàn bộ tội phước của mọi người, nhân duyên giữa mọi người rồi mới lắp ráp tất cả lại, thật ăn khớp để hình thành những kiếp sống kế tiếp. Công việc này của luật Nghiệp Báo còn hơn cả khả năng của một máy siêu điện toán tối tân

nhất.

Mỗi chặng thời gian ở kiếp sau, chúng ta sẽ gặp gỡ những ai, sẽ thăng trầm vui khổ thế nào, thành công thất bại ra sao, tư tưởng bị chuyển biến thế nào... đều có liên quan đến nhiều người. Cho nên việc hình thành một bức tranh kiếp sau của một người phải là sự phối hợp với vô số nhân duyên của những người khác. Chỉ có luật Nghiệp Báo ở Bản Thể mới đủ sức, vừa tịch lặng, vừa chặt chẽ, điều động toàn bộ công việc đó.

Thật ra, chính chúng ta, qua trung gian luật Nghiệp Báo, đã tự vẽ lấy bức tranh cuộc sống ở kiếp sau của chính mình. Mỗi nghiệp là một nét vẽ, một vết mực điểm lên dần dần để hoàn thành bức tranh đó. Một lời nói thiện vừa buông ra, lập tức một niềm vui đã hình thành cho kiếp sau. Một hành vi ác vừa thực hiện xong, lập tức một nỗi khổ đã có mặt cho kiếp sau. Đời sống ở kiếp sau với bao nhiêu khổ đau và hạnh phúc, cay đắng và vinh quang đã hình thành xong từ kiếp trước.

Chúng ta sẽ sinh vào gia đình nào với cha mẹ, anh chị em, thân quyến, láng giềng... Chúng ta sẽ có bạn bè nào, học ở trường lớp, đạt được bằng cấp, giữ những địa vị... Chúng ta sẽ trải qua những cơn bệnh, những tai nạn, sẽ đón nhận những dịp may, những lời khen... Tất cả đều đã sắp sẵn bởi nghiệp của đời trước, không có gì là ngẫu nhiên.

Đời sau đã có đủ chi tiết bởi nghiệp đời trước.

Có một vài lý thuyết, cũng tin vào sự tái sinh, nhưng lại cho rằng sau khi chết, thần thức mọi người thoát ra khỏi thân và lang thang đi tìm bào thai để nhập vào. Điều này không đúng! Không hề có sự lựa chọn tìm tòi ở thân đời sau, bởi vì thân đời sau đã có sẵn, có sẵn gần như một định mệnh. Nhưng định mệnh này không phải do thần linh quy định mà do chính con người tự tạo lấy.

Ví dụ một người hiện ở Việt Nam, nhưng toàn bộ nghiệp và duyên mà anh ta đã tạo đã sắp sẵn cho anh một kiếp sau ở Ấn Độ.

Sau khi bỏ thân ở Việt Nam, sự sống mới được thành lập tiếp theo tại Ấn Độ. Không có vấn đề đi tìm kiếm gì cả.

Ở đây, chúng ta phân biệt hai loại nghiệp.

- Ý nghiệp tức là những tư tưởng, những ý muốn chưa khởi ra hành động và lời nói, chưa có tác dụng vào mọi người chung quanh một cách cụ thể, chỉ có sự lây nhiễm vô hình vào tâm hồn người khác một cách yếu ớt mà thôi.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp (hành vi và lời nói) có tác dụng vào mọi người chung quanh một cách cụ thể, làm cho họ vui buồn, lợi ích hay thiệt hại.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp vì có tác dụng với mọi người nên nó là một loại nghiệp rõ nét, có đủ sức để tạo thành một quả báo vui khổ về sau.

Một người làm ăn cướp giết người.

Nghiệp cụ thể này tạo thành quả báo nghèo khổ chết thảm về sau.

Một người làm việc từ thiện, giúp đỡ trẻ em mồ côi, giúp đỡ người bị thiên tai, giúp đỡ những bậc chân tu... Nghiệp cụ thể này

tạo thành quả báo vinh quang huy hoàng về sau.

Một viên chức nhà nước tận tụy phục vụ nhân dân, luôn hoàn thành trách nhiệm một cách chu đáo. Quả báo về sau là địa vị lớn hơn nữa.

Người tu sĩ chuyên thuyết pháp giáo hoá đạo đức cho mọi người. Nghiệp cụ thể này tạo thành quả báo làm thánh hoặc ở địa vị xã hội cao có nhiều thuộc hạ tài giỏi, đạo đức cộng sự.

Thân nghiệp và khẩu nghiệp vì có tác dụng với mọi người nên nó là NGUYÊN NHÂN tạo nên QUẢ BÁO khổ vui về sau.

Tuy nhiên, thân nghiệp và khẩu nghiệp lại chính là kết quả của ý nghiệp. Ý nghiệp là NGUYÊN NHÂN của thân khẩu nghiệp.

Tâm có nghĩ thì miệng mới nói, tay mới làm. Điều này ai cũng biết vì nó rõ ràng trong đời sống. Tuy nhiên, trong luật Nghiệp Báo, ý nghĩ của đời này tạo thành hành vi và lời nói ở đời sau. Tại sao kẻ kia chọn nghề ăn cướp giết người ? Vì đời trước hắn đã suy nghĩ, khởi ý muốn về

vấn đề này rất nhiều.

Tại sao ông nọ thích làm việc từ thiện ? Vì đời trước ông đã suy nghĩ, ham thích về việc này rất nhiều.

Tại sao người kia trở thành tu sĩ ? Đời trước ông đã đầy ắp tư tưởng từ bỏ trần thế bụi bặm.

Hành vi của một người là kết quả của tư tưởng đời trước. Đó là lý do tại sao chúng ta khó chuyển hóa nhân cách của một người. Nhiều gia đình có giáo dục nề nếp, nhưng vẫn lọt những đứa con ngỗ nghịch độc ác, dạy gì cũng không sửa đổi. Vì sao? Vì hành động đời này của nó là kết quả của tư tưởng đời trước. Thành ngữ Việt nam có câu “Cha mẹ sinh con Trời sinh tánh” để nói lên cái bất lực trong việc dạy dỗ một người. Có những người dưng như đã đầy đủ đạo đức từ trong bụng mẹ. Có những người đã độc ác từ khi chưa chào đời. Cũng có những người lững lờ không có lập trường rõ rệt. Tất cả nhân cách đó đều do tư tưởng đời trước tạo thành.

Muốn chuyển hóa nhân cách một người, chúng ta phải thông minh, có phương pháp và rất cực nhọc vì phải gieo những tư tưởng mới để xóa hết những tư tưởng cũ đã bắt rễ quá sâu. Giáo dục đạo đức là việc có thể làm được, nhưng rất khó khăn. Một vài người cho rằng nhân cách, tư tưởng, khuynh hướng của một người là do hoàn cảnh xã hội tạo nên. Điều này chỉ đúng một phần nhỏ. Sự hình thành lớn nhất của nhân cách là do tư tưởng từ kiếp trước tạo ra.

Nếu chúng ta muốn có một nhân cách phi thường ở đời sau, thì ngay bây giờ hãy nuôi dưỡng kỹ lưỡng những tư tưởng cao thượng, loại trừ những tư tưởng thấp hèn. Hãy luôn luôn nghĩ đến việc yêu thương tất cả mọi người. Hãy tâm niệm dù đứng trước hiểm nguy, nghịch cảnh cám dỗ vẫn không bao giờ từ bỏ đạo đức. Hãy khởi ước vọng đạt được thiên định thâm sâu. Hãy phát nguyện sẽ mang chân lý đi lang thang trong luân hồi để giáo hóa mọi người không mệt mỏi... Còn những tư

tưởng ích kỷ, thù hận hãy nghiêm khắc loại trừ.

Ví dụ, người có tính nóng nảy, mỗi khi gặp việc trái ý, bây giờ muốn không còn nóng nảy nữa, thì khi còn bình tĩnh chưa gặp việc trái ý, hãy tự nhủ với lòng sẽ giữ bình thản dù cho có người chửi mắng, dù cho mọi người không làm đúng theo ý mình... Khi thường xuyên tự nhủ như vậy, bất ngờ gặp việc trái ý, tâm ta sẽ bình thản hơn xưa.

Như vậy, thân nghiệp và khẩu nghiệp tạo thành kết quả khổ vui ở đời sau, còn ý nghiệp tạo thành nhân cách ở đời sau. Kết hợp cả hai loại kết quả này - khổ vui và nhân cách - chúng ta có một bức tranh ở đời sau khá rõ nét.

Có người cho rằng thân, khẩu, ý nghiệp luôn luôn đi đôi. Nếu người nào làm việc thiện, nói lời thiện chỉ vì tâm hồn họ suy nghĩ điều thiện. Ba nghiệp đều thiện thì ắt hẳn đời sau họ vừa sung sướng, vừa có nhân cách khả kính. Sự thực không đơn giản như vậy! Chúng ta thấy nhan nhản

trong cuộc đời, nhiều người rất giàu có, quyền quý nhưng lại ác độc, ích kỷ; cũng có người nghèo khổ nhưng tốt bụng độ lượng. Kết quả như vậy bởi vì thân khẩu nghiệp làm một đường mà ý nghiệp nghĩ một nẻo.

Ví dụ một nhân viên vì tuân thủ mệnh lệnh cấp trên và phấn đấu để thăng chức, đã siêng năng tổ chức việc xây dựng một cây cầu lớn. Hành vi lợi ích cho mọi người này đem đến cho ông một đời sống thoải mái ở kiếp sau. Tuy nhiên, ý ông nghĩ khác, ông chỉ lo cho ông mà thôi. Kiếp sau trong hoàn cảnh sung túc, ông vẫn là con người ích kỷ.

Nếu nói rằng thân khẩu nghiệp là nguyên nhân của hoàn cảnh khổ vui ở kiếp sau thì ý nghiệp chính là nguyên nhân cho thân khẩu nghiệp. Nếu kiếp này chúng ta thường làm việc từ thiện chỉ bởi vì kiếp trước chúng ta đã suy nghĩ về việc này rất nhiều. Như vậy, ý nghiệp là nguyên nhân của thân khẩu nghiệp. Thân khẩu nghiệp là nguyên nhân của hoàn cảnh.

Ý nghiệp > Thân khẩu nghiệp > Hoàn cảnh.

Chúng ta vẫn còn đang sống ở kiếp này nhưng đang tụt tay vẽ ra dần dần bức tranh ở đời sau cho mình. Bức tranh của đời sau đó được gọi là HỮU trong giáo lý Mười hai nhân duyên.

Giáo lý Mười hai nhân duyên thuyết minh rằng HỮU dẫn đến SINH (... Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh...).

Có Hữu rồi mới có sự tái sinh ở đời sau.

Khi chúng ta đã tạo ra đủ nghiệp duyên cho đời sau, đã vẽ xong bức tranh của kiếp kế tiếp. Đó cũng là lúc chúng ta chấm dứt sự sống này để bước qua sự sống mới. Kiếp sau không còn gì để lựa chọn nữa, nó đã được quy định rõ ràng từng chi tiết nhỏ rồi ! Thế nên sự sống tâm linh sau khi chết không phải là yếu tố quan trọng cho tái sinh

Tuy nhiên, như đã nói khi chấm dứt cuộc sống này, chúng ta lập tức “bước sang” cuộc sống kế tiếp. Vậy cái gì “bước sang” có phải một linh hồn, một thần thức gì đó

chăng? Có phải một thần thức đã rời thân này nhập vào thai kia để nối liền hai kiếp sống với nhau chăng ?

Trong kinh tạng Nikàya nguyên thủy, Đức Phật nói rằng “Chết ở đây và sinh ở kia.” Câu nói đơn giản này cần được giải thích thêm bởi cái lý luận của người sau.

Có người cho rằng phải hiểu ý nghĩa của câu nói đó là khi một người vừa trút hơi thở ở đây, cũng là lúc vừa lọt lòng mẹ bên kia. Lời giải thích này có một điểm hở là như vậy, thời gian ở trong thai là người nào ? Không lẽ bào thai chưa phải là một mọi người sao ?

Abhidhamma giải thích rằng: “Khi tử tâm tối hậu chấm dứt, lập tức kiết sinh Thức tối sơ xuất hiện”, tâm thức cuối cùng của Thân cũ vừa hết thì một tâm thức ban đầu vừa hình thành ở thân mới.

Như vậy, tâm thức vừa mất ở thân này, lập tức xuất hiện ở thân sau. Hay nói rõ hơn, sự sống vừa chấm dứt ở thân này, lập tức một sự sống mới vừa xuất hiện ở thân sau. Một người vừa chết ở thân này,

ngay lúc đó tinh trùng của cha lọt vào tiểu noãn của mẹ để cho một bào thai được hình thành. Sự sống được nối tiếp không một sát na gián đoạn.

Không cần có một tâm thức nào để nhập vào thai kia, vì thân sau đã có sẵn trong Nhân Quả Nghiệp Báo. Trường hợp đời sống tâm linh hiện hữu sau khi chết một thời gian nào đó, nó sẽ tắt mất khi bào thai của thân sau vừa thành hình. Khi tinh trùng cha vừa lọt vào tiểu noãn mẹ, lập tức thần thức cũ tan biến.

Trên không gian vật lý, hai kiếp sống bị ngăn cách bởi một khoảng không gian khá xa. Có thể người chết ở Việt Nam và tái sinh ở Thụy Điển, chết ở Trung Hoa và tái sinh ở Nam Dương... Chính vì bị cái khoảng cách của không gian vật lý “bịt mắt” nên người ta không thấy được sự liên tục của dòng sống, cứ tưởng là hề bị ngăn cách bởi không gian thì sự sống cũng phải gián đoạn theo. Có một sự tồn tại của đời sống tâm linh sau khi chết tùy

theo nhân duyên của mỗi người. Có người vừa chấm dứt sự sống ở thân này liền lập tức hiện diện ở bào thai mới. Có người lại tồn tại bằng một sự sống tâm linh thêm một khoảng thời gian nữa.

Xét về phương diện thời gian, hai kiếp sống là liên tục không gián đoạn. Còn về phương diện không gian vật lý, có một khoảng cách nhất định giữa hai kiếp với nhau. Sự sống Tâm linh sau khi chết vẫn thuộc về kiếp trước.

Ở không gian vật lý, khoảng cách xa và gần là một phạm trù có ý nghĩa quan trọng. Để đi từ Moskva đến Tokyo, con người cần nhiều phương tiện tốn kém. Nhưng đối với luật Nghiệp Báo trong Bản Thể thì khoảng cách đó hoàn toàn vô nghĩa. Tất cả vị trí không gian đều ở một chỗ mà vẫn không lẫn lộn với nhau. Thế nên, việc chết ở thân này và tái sinh ở thân sau, dù cho hai thân có xa nhau cách mấy vẫn không có gì quan trọng đối với luật Nghiệp Báo, không có gì phải tốn công đi tìm và mất chút thì giờ nào cả. Chỉ

vì chúng ta không hiểu sâu luật Nghiệp Báo, chỉ nhìn theo không gian vật lý nên mới tưởng tượng rằng phải tốn nhiều công sức để đi từ một vị trí này sang đầu thai ở một địa điểm khác.

Tuy nhiên, thế nào là chết ?

Chúng ta cần phân biệt hai loại chết: cái chết lâm sàng theo y học và cái chết thực sự.

Theo y học, biểu hiện lâm sàng của cái chết được đánh giá theo sự ngừng hoạt động của não, kéo theo là tim ngừng đập, phổi ngừng thở, thân nhiệt hạ dần. Vì thế đối với bệnh nhân tình nguyện hiến tạng các bộ phận của cơ thể sau khi chết, các bác sĩ theo dõi sự hoạt động của não, nếu thấy não vừa dừng hoạt động là lập tức họ cho giải phẫu cơ thể để lấy đi các bộ phận còn tốt rồi đem ghép với những bệnh nhân khác. Đó là cái chết lâm sàng.

Nhưng giữa cái chết lâm sàng và cái chết thực sự có một khoảng cách khá xa. Chết nghĩa là đình chỉ hoàn toàn mọi hoạt động của sự sống, trong đó, hoạt động của não

là quyết định, mà hoạt động của não còn có nghĩa là hoạt động của tâm thức. Hoạt động của tâm thức rất phức tạp. Những hoạt động của ý thức thì dễ đo được bằng máy móc. Còn những hoạt động của vô thức đã trở nên “tàng hình” đối với máy móc. Phải là những máy siêu nhạy mới bắt được những rung động của tâm vô thức. Còn loại tâm thức mà Abhidhamma gọi là tử tâm tối hậu thì cực kỳ nhỏ nhiệm. Đó là một hoạt động tâm thức cuối cùng để rồi chấm dứt hẳn. Tâm tối hậu này quá mịn, quá nhỏ, hầu như máy móc hiện đại chưa ghi nhận được.

Đôi khi một người đã có những biểu hiện của cái chết lâm sàng như người đã trở lạnh, tim đã ngừng đập, não (phần thô) đã dừng hoạt động. Nhưng thật ra họ đang chìm trong dạng tâm thức nhỏ nhiệm cuối cùng chứ chưa chấm dứt hẳn. Theo y học và theo luật pháp, người này đã chết.

Nhưng theo định nghĩa về luân hồi, thì người này chưa chết vì chưa qua cái tử tâm tối hậu. Đôi khi, từ cái tâm yếu ớt cuối

cùng này, bỗng nhiên tâm thức hoạt động mạnh trở lại, và, họ hồi sinh! Báo chí cũng đăng tải một số đạo sĩ Ấn Độ, Tây Tạng, các bộ tộc ở Châu Phi có khả năng làm cho người chết sống lại, miễn là đừng chết quá lâu. Đừng chết quá lâu nghĩa là chưa vượt qua cái ngưỡng tử tâm tối hậu, còn trong dạng tâm thức yếu ớt gần chết (cận tử tâm). Rồi bằng năng lực tâm linh của mình, các đạo sĩ thêm sức mạnh cho não người chết tăng khả năng hoạt động trở lại. Đối với cái chết lâm sàng thì đây quả thực là một cuộc hồi sinh màu nhiệm. Nhưng thực ra người này chưa chết thực sự. Nếu đã vượt qua tử tâm tối hậu thì người này không thể sống lại được nữa. Có một số người trong cơn gây mê để giải phẫu, hoặc bị chấn thương mê man gần như chết, đã thấy mình thoát ra khỏi thân xác bay đi chơi vui trong một thế giới kỳ lạ có nhiều hình ảnh lạ lùng, có những con đường hầm để đi sang thế giới bên kia. Thậm chí còn có người quay lại nhìn thấy rõ ca giải phẫu cái xác của mình. Một số

nhà nghiên cứu gọi đó là hiện tượng NDE - ear Dead Experiment - Kinh nghiệm gần kề cái chết. Đối với số người này ý thức bị mê man, nhưng vô thức còn hoạt động mạnh. Họ chưa chết hẳn nhưng khối tâm linh đã một lần tách rời khỏi thân vật lý.

Nếu thực sự vượt qua cái ngưỡng tử tâm tối hậu, lập tức một "tâm thức tối sơ" vừa xuất hiện ở bào thai khác khi tinh trùng của cha lọt vào tiểu noãn của mẹ. Hai sự kiện này luôn luôn trùng nhau. Tử tâm tối hậu chấm dứt luôn luôn đồng thời với lúc tinh trùng lọt vào tiểu noãn của mẹ. Một kiếp sống mới bắt đầu ! Trạng thái tồn tại trong thế giới vô hình vẫn thuộc về kiếp trước. Khi bắt đầu sự sống ở thai mới, sự sống Tâm linh đó sẽ biến mất.

Kinh Địa Tạng Trung Hoa cho rằng sau khi chết 49 ngày, người đó mới lọt vào thai mới. Con số 49 ngày chỉ là biểu tượng, ám chỉ cho thời gian từ cái chết lâm sàng đến cái chết thực sự. Thời gian này không giống nhau ở mọi người. Có người từ lúc chết lâm sàng đến lúc chết thực sự chỉ có

vài giờ, có người vài ngày, có người vài tháng. Thậm chí những người tu luyện định lực sâu, khi chết họ nhiếp tâm trong định, thời gian “cận tử tâm” có thể kéo dài nhiều năm rồi mới chết hẳn.

Một vài cụ già kinh nghiệm ở miền Bắc Việt Nam cho biết rằng. Khi một người đã chết (âm sàng) chờ mãi mà xác họ vẫn không cứng (chết thực sự) để có thể đem liệm, thì chỉ việc đặt xác họ trực tiếp với đất, xác sẽ lạnh cứng nhanh sau đó.

Điều này có thể giải thích rằng trong khi cái chết âm sàng, người này đang chìm trong cận tử tâm chứ chưa chết hẳn. Não họ vẫn còn tích một ít điện để nuôi dưỡng sự hoạt động của cận tử tâm. Bây giờ để cơ thể họ tiếp đất tức là làm cho một ít điện đó xuống “masse” hết hẳn. Không còn điện để hoạt động, cận tử tâm chấm dứt, người này chết thực sự.

Ngược lại khi thấy người chết rồi mà cơ thể không lạnh cứng, ta phải nghĩ ngay người này còn trong trạng thái cận tử tâm (NDE - Near Dead Experiment). Nếu ai có

thể truyền sinh lực sang, để tăng cường hoạt động của não, người này có thể sống lại.

Nhà hiền triết Platon (428-348 trước CN) có thuật chuyện một chiến binh tử trận, nhưng 10 ngày sau, khi được khiêng xác về nhà, người ta thấy xác đó vẫn lành lặn không thối vữa, song cứ mang tiếp về bản quán. Tối ngày thứ 12, lúc gia đình bắt đầu cử hành tang lễ thì người lính bỗng sống lại, tuy không đủ sức rời xa đồng lửa hỏa thiêu. Người lính đó tên là Ehr, con ông Armerius, quê ở Pamphilic.

Thế kỷ thứ tám, tu sĩ Bede, Anh quốc kể lại một người tên là Canninghame tại Northambryans đã ngã bệnh, yếu dần yếu dần, cho tới lúc nguy kịch và tắt thở vào một đêm khuya. Nhưng rạng sáng, anh bỗng nhồm dậy trước sự hoảng hốt của mọi người đang than khóc quanh giường. Họ bỏ chạy tán loạn. Chỉ có người vợ rất mực yêu chồng vẫn đứng lại nhưng hãi hùng đến mức toàn thân run bắn lên.

Cựu ước kinh, phần Vua, cuốn 2, chương

4, có kể chuyện tiên tri Élisée (850-800 trước CN) đã cứu sống con trai thiếu phụ Sunam.

“Élisée đi vào nhà - Kìa! Thằng nhỏ chết rồi, nằm bẹp trên giường ! Vào hẳn bên trong, ngài đóng chặt cửa, chỉ còn lại mình với đứa bé [...]. Ngài nằm sấp lên mình đứa trẻ, miệng áp miệng, mắt áp mắt, tay áp tay. Ngài áp lấy mình đứa trẻ. Bỗng cơ thể con trẻ vụt ấm lại. Rồi ngài trở xuống, đi tới đi lui trong nhà, đoạn trèo lên áp thêm. Bỗng đứa trẻ hắt hơi bảy lần, mở choàng mắt [...] Ngài bảo [bà mẹ]: “Hãy bồng con bà lên”. Bà tới ôm lấy chân ngài, sấp mình thờ kính, rồi ẵm con trai ra ngoài.

Rõ ràng đây là phương pháp truyền sinh lực làm hồi sinh.

Sử gia Hy Lạp Philostrate (175-249) kể về triết gia Apollonius de Tyane (khoảng 1 thế kỷ sau CN).

Trong một lần sang Roma, nhà hiền triết bỗng gặp đám tang một trinh nữ thuộc gia đình thế tộc. Thấy cảnh than khóc,

Apollonius động lòng trắc ẩn, bèn phán: ”
Hạ quan tài xuống vì ta có phép làm
ngưng những dòng lệ các người trào tuôn
cho người trinh nữ xấu số kia!”. Đoạn, ông
hỏi tính danh nàng. Nhiều người đình ninh
ông định đọc một bài điệu thường được
nghe vào những dịp đưa tang để xoa bớt
những buồn thương của thân bằng quyến
thuộc. Nhưng không, Apollonius nâng đầu
thi thể trinh nữ dậy, khẽ thì thầm vào tai
nàng... Vậy mà trinh nữ vụt bừng tỉnh, ngỡ
ngác thốt lên những lời hỏi han, rồi ngồi
dậy, quay về dinh cơ cha mẹ.”

Qua câu chuyện này ta thấy các nhà hiền
triết ngày xưa có năng lực tâm linh rất
mạnh, không phải chỉ thuần là kẻ lý luận
mà thôi.

Hàng trăm nhân chứng bị chết lâm sàng,
về sau được các bác sĩ cứu sống, có thể
xác nhận về trạng thái tâm linh gần chết
(cận tử tâm). Tiến sĩ Raymond Maudy
trong cuốn “Sống lại sau khi tắt thở” (mới
công bố gần đây) đã đưa ra hàng trăm lời
tường thuật của các ca tương tự. Họ cho

biết họ nghe rõ hết những lời trao đổi của các chuyên gia và thân nhân, cảm nhân được đầy đủ những biến cố kề cận mình trong thời gian nằm tại phòng hồi sức.

Một bác sĩ kiêm nhà du lịch Mỹ George Wright viết trong cuốn “nhân chứng của các pháp thuật” (1970) từng tận mắt chứng kiến tại Benin (Phi Châu) một ca hồi sinh.

“Một người chẳng còn dấu hiệu nào của sự sống nằm ngửa trên mặt cát.

Tôi nhờ một bạn đồng hành người địa phương đưa tới bên anh ta rồi nói: “Tôi là một thầy thuốc. Tôi muốn được khám nghiệm để biết đích xác anh ta đã chết hẳn chưa?” Họ vui vẻ nhận lời. Tôi ngò xuống vạch mí mắt người chết, thử phản xạ đồng tử theo phương pháp Argyll-Robinson. Mắt vẫn đờ đẫn và tim hoàn toàn ngừng đập... Rồi viên pháp sư vẫy tay ra hiệu cho đám đông bắt đầu cất tiếng ca hát. Âm hưởng điệu hát nửa như kêu gào, nửa như nức nở khóc than. Họ hát mỗi lúc một nhanh thêm, một cao giọng

hơn. Dường như những âm điệu đó cũng được chính người chết nghe thấy hết. Tôi sững sờ bởi chưa bao giờ chúng kiến chuyện tương tự trong đời.

Người chết vụt đưa tay lên vuốt ngực, cổ nghiêng người lại. Tiếng la hét của đám đông bỗng hóa thành tiếng rú dài. Trống chiêng bắt đầu khua vang, càng lúc càng gấp gấp hơn. Rốt cuộc, người chết trở mình được, gập hai chân lại, rồi thong thả nhồm dậy, ngồi xổm trên cát. Hai mắt anh ta vài phút trước đây còn đờ đẫn khi bị chiếu thẳng đèn pin vào, giờ bỗng mở to nhìn chòng chọc vào đám người vây quanh...”

Dân Benin còn cho G.Wright biết thêm các thuật sĩ xứ họ có thể hồi sinh nhiều người, miễn là kẻ xấu số chưa chết quá lâu.

Nhiều người da trắng cư ngụ lâu năm ở đó đã công nhận hoàn toàn lời họ, vì nghi lễ kia tháng nào cũng có cử hành.

Ở đây, không phải âm thanh làm cho người chết sống dậy, mà chính là ước muốn chủ quan mạnh mẽ của mọi người,

tức là năng lực tâm linh, đã làm thức dậy một não bộ đang yên nghỉ ở cận tử tâm. Tuy nhiên, điều lạ là tại sao nằm trên cát mà họ không bị mất đi phần điện ít ỏi cuối cùng như ở Việt Nam.

Cũng có một số người trong thời gian cận tử tâm thấy đi dạo chơi ở địa ngục (chứ không bị hành hạ) hoặc dạo chơi ở thiên đường gặp các vị thánh ngày xưa. Đến khi hồi sinh họ kể lại điều đã thấy và làm tăng thêm niềm tin về thế giới siêu hình cho mọi người.

THÂN TRUNG AM

Trong Phật Giáo Đại Thừa, khái niệm Thân Trung Am được nêu ra để chỉ cho giai đoạn mà một người đã chết, sự sống nơi thân vật lý không còn tồn tại, nhưng tồn tại một sự sống trong thế giới vô hình. Cái Ngã nơi Thân Trung Am này cũng vẫn là cái Ngã nơi sự sống lúc còn gắn nơi thân vật lý. Trước khi chết người này là Đậu, con ông Xoài, thì ở Thân Trung Am người này vẫn thấy mình là Đậu con ông

Xoài. Cho đến khi duyên đã hết, phải sinh về một kiếp khác, Thân Trung Am tan biến, sự sống thành hình ở bào thai mới, lúc đó cái Ngã cũ chấm dứt hoàn toàn. Cái giây phút mà Thân Trung Am tan biến luôn luôn đồng thời với cái lúc tinh trùng cha lọt vào noãn của mẹ. Abhidhamma thuộc Kinh Tạng Nguyên Thủy gọi là “khi Tử tâm tối hậu chấm dứt thì Kiết sinh thức tối sơ xuất hiện”. Cái Ngã cũ đã hết nên người này không còn thấy mình là Đậu con ông Xoài nữa. Chuyện kiếp trước bị quên, người này mang một hình hài mới, tên họ mới, dòng tộc mới, số phận mới.

Do nghiệp đã tạo sẵn nên kiếp sắp tới của một người sẽ sinh vào gia đình nào là điều chắc chắn, không có gì thay đổi được nữa. Lúc tử tâm tối hậu chấm dứt cũng là lúc tinh trùng lọt vào noãn sào và một kiếp sống mới bắt đầu trong hình thức một bào thai nhỏ bé mà mắt thường không thể trông thấy.

Trong 500 triệu tinh trùng của người cha,

có những tinh trùng chỉ mang nhiễm sắc thể X, nếu kết hợp với tiểu noãn sẽ cho ra một bào thai nữ; có những tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y, nếu kết hợp với tiểu noãn sẽ cho ra một bào thai nam. Nhưng do nghiệp của chính người đó sẽ mang thân nam hay nữ nên khiến cho tinh trùng loại nào sẽ lọt vào tiểu noãn.

Lúc tiểu noãn thụ tinh, các nhiễm sắc thể (chromosome) của tinh trùng và của trứng phối hợp thành 46 cái, một số lượng cần thiết để sự sống có thể xuất hiện. Con người, lúc bấy giờ mặc dù chỉ là một tế bào, nhưng định mệnh đã bao trùm lấy nó, vì những nhiễm thể của người cha và người mẹ đã định đoạt giới tính, màu tóc, màu mắt cũng như vóc dáng của hài nhi tương lai. Cũng chính nhiễm thể này khiến trẻ con sẽ được sinh ra trở thành một vĩ nhân hoặc một kẻ ngu đần.

Những nhiễm sắc thể có hình xoắn giống một dây ngọc hoặc một dây có thắt nơ và chứa hàng nghìn phân tử di truyền (gènes), cấu tạo bởi Acid Désoxyribo

Nucleic (ADN), một chất hóa học chứa đựng bí mật về sự sống và sự sinh trưởng của con người. Hiện nay các nhà khoa học đang tìm cách giải mã từng gene để biết được nhiệm vụ của chúng một cách chắc chắn.

Những nhiễm sắc thể chứa hàng ngàn phân tử di truyền, có nhiệm vụ rõ rệt trong từng giai đoạn, trong việc sinh trưởng. Mỗi phân tử di truyền tự hoạt động riêng rẽ hoặc cộng tác với phân tử di truyền khác. Một số phân tử di truyền ấn định màu mắt, một số khác ấn định về màu da và một số nữa ấn định chiều dài của xương.

Con người hưởng thụ 1/2 số lượng nhiễm thể của cha và 1/2 của mẹ (tổng cộng 46). Sự kiện này là nguồn gốc của sự khác biệt giữa những cá thể trong nhân loại.

Khi những cặp nhiễm thể của tiểu noãn được phân làm hai, sự ngẫu nhiên (theo luật Nghiệp Báo bí mật chi phối) sẽ định đoạt nhiễm thể nào của mỗi cặp sẽ ở lại, và nhiễm thể nào sẽ bị loại bỏ. Do đó người phụ nữ có thể truyền lại cho con

mình màu mắt, trí khôn đã thụ hưởng từ tổ tiên và cả bệnh tật. Và cũng chính sự ngẫu nhiên theo nghiệp sẽ phân chia và chọn lựa nhiệm thể của người cha. Tất cả đều diễn biến tương tự một cuộc xổ số vĩ đại vì những nhiệm thể của tiểu noãn và của tinh trùng có thể được phân chia theo tám triệu kiểu khác nhau.

Chính nghiệp của đấng bé đã sắp xếp cuộc tạo dựng nhỏ nhiệm và quan trọng này.

Đầu tiên, nghiệp của đấng bé đã quy định nó sẽ làm con của bậc cha mẹ nào để có thể nhận lấy tính di truyền về sức khỏe, trí khôn, hình dáng của dòng họ đó. Rồi nghiệp tiếp tục chi phối sự phối hợp, phân chia các gène để cho nó có những tính chất khác hẳn anh chị em của nó.

Nếu đời trước nó thường chăm sóc sức khỏe cho mọi người, hoặc dùng sức lực để làm việc thiện, thì nội việc chọn lựa các gène, nó sẽ thừa hưởng được các gène tạo thành sức khỏe tốt.

Nếu đời trước nó hay truyền đạt kiến thức, dạy học tận tâm, xây cất trường học, thì

bây giờ nó được hưởng các gene tạo nên bộ óc thông minh.

Nếu có nhiều phước, nó được sinh trong gia đình giàu có, từ nhỏ đã đầy đủ tất cả. Ở đây, luật Nghiệp Báo đã “thò tay” sắp xếp từng gene cho đứa bé.

Khi tinh trùng đã kết hợp với tiểu noãn, một tâm thức tối sơ xuất hiện. Lúc này đồng thời với cái chết thực sự ở thân cũ. Trước khi tinh trùng kết hợp với tiểu noãn, mỗi bên đã có 23 cặp nhiễm sắc thể chứa đựng các gene (các đoạn phân tử ADN) ấn định sự phát triển về sau. Các nhiễm sắc thể đã có tạo thành một vùng không gian tâm linh vô cùng nhỏ nơi giao tử (trứng hoặc tinh trùng), nhưng chưa đủ để gọi là tâm thức tối sơ. Tính chất tinh thần của tinh trùng hay tiểu noãn quá ít ỏi và đơn giản nên không đủ để định nghĩa đó là một mọi người. Chỉ khi nào tiểu noãn và tinh trùng đã kết hợp, năng lực tâm linh tại đó được nhân bội lên vì đã hình thành các gene (các đoạn phân tử ADN) để ấn định sự phát triển của bộ não, lúc đó tâm thức

tối sơ của một mọi người mới thật sự hình thành.

Tâm thức này càng lúc càng phát triển phức tạp dần dần theo sự phát triển của các tế bào não. Ban đầu, phôi (trứng đã thụ tinh) dường như chỉ có một tâm thức tối sơ cao cấp hơn bản năng sinh tồn của tế bào bình thường một chút. Đến khi các tế bào não phát triển theo hai cơ cấu: thần kinh động vật và thực vật; theo hai bán cầu; theo các trung khu, lúc đó tâm thức cũng phát triển theo hai cơ cấu: ý thức và vô thức.

Qua hai tháng, não bộ đã phát triển hoàn chỉnh với 15 tỷ tế bào. Ý thức và vô thức đã được thành lập xong. Tuy nhiên, não bộ vẫn trong tình trạng hoạt động thảnh thơi đơn giản, bào thai ngủ nhiều hơn thức. Thỉnh thoảng bào thai cũng thức dậy vui đùa chút ít rồi lại chìm vào giấc ngủ say sưa. Song, nơi cái não bộ trình trướng đó, thật ra đã mang đủ các mầm mống thiện ác phức tạp do ý nghiệp đời trước tạo nên. Những tư tưởng đời trước đã quy

định nhân cách, tính tình cho đời sau.

Một số người cho rằng nếu tư tưởng đời trước tạo ra tư tưởng đời sau, vậy phải chăng có một loại tâm thức nào đó không bị tiêu diệt theo cái chết, đã giữ nguyên các hạt giống tư tưởng đời trước để nhập qua bào thai mới ? Và như vậy người thông minh sẽ tiếp tục thông minh, kẻ ngu dốt sẽ tiếp tục ngu dốt ?

Thật ra, vấn đề không đơn giản như vậy. Có thể một người đời trước là một bác học. Nhưng ông luôn đố kỵ với kẻ có tài vì sợ họ giỏi hơn mình. Kiếp sau, ông là một người ngu dốt. Có thể một người nông dân ít học, nhưng ông biết lo lắng việc học hành của con cái, thường hay phụ giúp xây cất trường học trong làng. Kiếp sau ông là một người thông minh học giỏi. Không có tâm thức nào rời thân cũ nhập qua thai mới để mang theo các hạt giống tư tưởng cũ. Chỉ có luật Nghiệp Báo từ trong Bản Thể quy định tất cả. Nếu đời này chúng ta có được tư tưởng tốt lành, nhân cách trác việt, chỉ bởi vì đời trước

chúng ta thường xuyên tán thán một bậc thánh nào đó, hoặc hơn nữa chúng ta thường tâm nguyện sẽ đạt được sự cao cả của vị thánh đó.

Luật Nghiệp Báo sắp xếp tất cả mà không bị ngăn cách bởi không gian vì trong Bản Thể, tất cả vị trí đều chung một chỗ, nhưng không lẫn lộn với nhau.

Trong thế giới sinh vật, người ta quan sát thấy những hiện tượng biến dị không theo truyền thống. Ví dụ trong một bầy chim lông vàng chột xuất hiện con chim lông xám, mặc dù chúng cùng sự di truyền từ cha mẹ. Những biến dị này có nhiều nguyên nhân, hoặc do môi trường, nhiệt độ, hóa chất, tâm lý.

Trong loài người cũng vậy, không phải hề là anh chị em thì phải giống nhau. Sự biến dị lạ lùng đã khiến cho anh chị em vẫn có sự sai khác về tính tình, hình dáng, tài năng. Ở đây, chính nghiệp riêng đời trước đã đạo diễn nên sự sai khác này. Họ có duyên làm anh chị em với nhau nhưng vẫn cư mang nghiệp riêng biệt của mình từ

vô lượng kiếp trước.

Rồi thêm nữa, gene không phải đã là đại biểu cho luật Nghiệp Báo. Nó cũng chỉ là một mắc xích trong chuỗi Nhân Quả mà thôi. Ví dụ một người bị dư một nhiễm sắc thể, 47 thay vì 46 như mọi người, nên mắc hội chứng Down. Người này ngu đần, yếu ớt, mặt mày bị biến dạng. Do nghiệp đời trước nên trong quá trình tạo thành trứng hoặc tinh trùng của cha mẹ, một giao tử đã dư một nhiễm sắc thể để dành sẵn cho kẻ xấu số kia. Đúng vào lúc trứng đó rụng, nó được thụ tinh và đưa bé ra đời với định mệnh khắc nghiệt. Vì là bệnh từ trong nhiễm sắc thể nên rất khó chữa. Biết đâu sau này do phước của người bệnh đến lúc tốt đẹp, y học sẽ tìm được phương pháp bỏ bớt một nhiễm sắc thể tai hại kia.

Các nhà khoa học đang lần mò vào từng gene để thay đổi số phận của con người. Những người bệnh do gene tức là do nghiệp cố định khó chuyển, biết đâu đến khi đủ phước, y học sẽ can thiệp vào gene để chuyển nghiệp cho họ.

Chỉ có một cái cố định, đó là luật Nghiệp Báo. Một nghiệp chắc chắn sẽ có một quả báo. Phần còn lại là do mỗi chúng ta tự chọn cho mình loại quả báo nào bằng cách gây nghiệp ra sao. Nếu muốn cuộc đời mình được nhiều tốt đẹp, hãy cố gắng tạo nhiều nhân lành và gạt lọc tư tưởng của mình thường xuyên.

Có một số tôn giáo không tin có luân hồi tái sinh, có một số người nghiên cứu khoa học cũng không tin có luân hồi. Nhưng cũng có một số nhà khoa học đang khách quan tìm hiểu vấn đề này một cách nghiêm túc.

Bác sĩ Mỹ lan Stevenson, tác giả cuốn “Hai mươi trường hợp về luân hồi”, sau nhiều năm nghiên cứu ông đã tin rằng “Có thể có sự sống sau khi chết đi”. Ông bắt đầu tìm cách chứng minh Thuyết luân hồi từ năm 1961 trong chuyến đi Ấn Độ lần thứ nhất. Dùng máy vi tính phân tích 1200 trường hợp được coi là đầu thai, Bác sĩ Stevenson tuyên bố: “Không có lý do để coi thuyết luân hồi là mê tín, ngược lại nó

đáng được nghiên cứu một cách nghiêm túc.” Ông cho một số trường hợp những nốt ruồi, mụn cóc trên mình trẻ sơ sinh có thể là dấu vết dao đâm, đạn bắn trong tiền kiếp.

Ở Hy Lạp, các triết gia Empedocles, Pythagore và Plato đã giảng giải về đầu thai. Ngay các giáo phẩm cao cấp của nhà thờ Kitô buổi đầu cũng tin ở việc đầu thai. Mãi đến năm 553, hội đồng Constantinople dưới sự chủ tọa của giáo hoàng Vigilius mới phán rằng luân hồi là tà thuyết. Nhiều triết gia cận đại bênh vực thuyết luân hồi, trong đó có Kant (1724-1804) và Schopenhauer (1788-1860). Rồi ngay cả những người tin ở thuyết luân hồi cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng ngoài việc tái sinh ở thân người hoặc thú, một người theo nghiệp của mình có thể tái sinh ở một thế giới siêu hình của các thần linh, hoặc tái sinh ở địa ngục, ma quỷ. Như vậy họ tin rằng ngoài không gian vật lý này còn có các thế giới siêu hình cũng có tính khách quan

như không gian vật lý. Ở đó các sinh vật không mang thân xác vật lý mà có một hình dáng đặc biệt, khó thể trông thấy bởi đôi mắt của người trần gian.

Hầu hết các tôn giáo đều chấp nhận có các cõi giới siêu hình tồn tại khách quan ngoài ý muốn con người. Chúng ta cần phân biệt cái không gian tâm linh do Bản năng sinh tồn của sinh vật tạo nên có tính chủ quan triệt để, với các thế giới siêu hình tồn tại khách quan theo quan niệm của tôn giáo.

Nơi không gian tâm linh chủ quan, mọi thần thông, tác dụng đều xảy ra theo ý muốn và niềm tin của con người. Thậm chí một số ảo ảnh về thiên đường, địa ngục, ảo ảnh về các bóng ma cũng được tạo ra từ nơi đây. Hơn nữa, mặc dù không gian tâm linh có vẻ kỳ diệu hơn, cao cấp hơn không gian vật lý nhưng nó vẫn liên quan với không gian vật lý bởi vì nó được hình thành từ cấu trúc của tế bào sinh vật, từ cấu trúc của các ADN. Như vậy do cấu trúc cao cấp của vật chất, tế bào hình

thành, ADN hình thành và bản năng sinh tồn hình thành, đồng thời không gian tâm linh cũng từ nơi cấu trúc đó mà xuất hiện. Ở mỗi tế bào sống đều có một vùng không gian tâm linh nhỏ bé bao phủ. Toàn bộ tế bào của cơ thể tạo thành một vùng không gian tâm linh lớn bao quanh cơ thể. Riêng những sinh vật có não bộ, nhất là người, thì không gian tâm linh mạnh hơn vì tế bào não tạo thành không gian tâm linh mạnh hơn tế bào thường.

Chúng ta có thể ví dụ không gian tâm linh với điện trường chung quanh một dây dẫn điện. Khi có dòng điện chạy qua một dây dẫn, lập tức chung quanh dây điện xuất hiện một vùng điện từ trường. Trường điện từ này vô hình nhưng có tác dụng lớn lao trong các kỹ thuật hiện đại như Radar, vô tuyến viễn thông... Người ta ứng dụng tính chất của trường điện từ trong vô số lĩnh vực nhưng thật ra bản chất thực sự của cái gọi là trường này nghĩa là gì thì vẫn còn là bí mật.

Một số nhà bác học đã dùng lại khái niệm

Éther để tạo cơ sở cho một cái nền của không gian. Khái niệm này từ lâu đã bị bác bỏ, nhưng lại bắt đầu được nhắc đến.

Trường điện từ cũng do vật chất mà có. Trường không gian tâm linh của sinh vật cũng vậy, cũng từ vật chất mà có, nhưng phải là một cấu trúc hết sức đặc biệt của ADN mới đủ sức tạo thành một trường không gian tâm linh phát ra chung quanh. Như vậy, không gian tâm linh vẫn phải dựa trên vật chất mà có. Tinh thần và thể xác không thể tách rời. Tinh thần và thể xác có tính chất khác nhau rất xa nhưng vẫn dựa vào nhau để tồn tại. Người nào tách đôi tinh thần và thể xác sẽ phạm sai lầm. Chính vì lý do này nên khi có người hỏi Đức Phật :

“Ngã (tinh thần) và Thân (thể xác) là một hay khác?”

Đức Phật im lặng.

Theo tính toán, các nhà vật lý vũ trụ cho rằng phải cần số lượng vật chất gấp nhiều lần số lượng vật chất đang có trong vũ trụ thì mới phù hợp với vận tốc chuyển động

của các thiên thể. Và các nhà khoa học kết luận rằng phải tồn tại một loại “vật chất vô hình” rất lớn trong vũ trụ. Ở đây chúng ta thấy bắt đầu có sự nối tiếp trùng hợp giữa lý thuyết khoa học và lý thuyết về các cõi giới siêu hình của tôn giáo như cõi trời, cõi địa ngục. Một ngày nào đó, khoa học mở rộng phạm trù về môi trường sống sang các thế giới vô hình và chúng ta sẽ xem thế giới vô hình cũng là một dạng tồn tại để đi đến sau cái chết của cuộc đời này.

Tuy nhiên chúng ta nên cẩn thận vì một cõi trời thật sự và một cõi trời do ảo ảnh của tâm hiện ra rất khó phân biệt. Nhiều người đã trở nên mê tín, tà kiến vì quá chú trọng vào cõi siêu hình và thường hay có ảo ảnh thiên đường trong giấc mơ.

CHƯƠNG 6

NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ.

Chúng ta đã đi qua một số lý thuyết căn bản về nghiệp từ các vấn đề phân loại trường không gian, nguồn gốc Bản Thể, cơ chế luân hồi tái sinh. Bây giờ chúng ta sẽ bàn qua tính chất của Nghiệp và những kết quả của nó.

1- ĐỊNH VÀ BẤT ĐỊNH.

Như chúng ta đã biết, khi một nghiệp được thành lập, ngay đó quả báo cũng đã hiện diện. Vậy, trên tương đối, dường như nghiệp là bất định vì nó tùy thuộc ý muốn thực hiện của con người, còn quả báo là cố định. Nếu con người có tạo nghiệp thì mới có nghiệp, chứ nghiệp không có sẵn. Phải có bố thí cho kẻ nghèo chúng ta mới có được một nghiệp thiện, bằng không thì nghiệp chưa xuất hiện. Như vậy, trong cuộc đời chúng ta, tùy theo ý muốn của chúng ta mà bao nhiêu nghiệp thiện hay ác sẽ được tạo ra. Tạo nghiệp thiện hay tạo nghiệp ác là quyền của chúng ta, điều đó không có ai bắt buộc.

Chỉ khi nào nghiệp đã tạo ra rồi thì quả báo bắt buộc phải có. Tất cả những quả

báo đó dệt thành một định mệnh mà chúng ta phải trải qua trong cuộc đời kế tiếp. Những may mắn từ đâu kéo tới, những rủi ro không lường trước ập lại, là những cái gì dường như ngoài quyền quyết định của con người. Một số người phải gọi đó là thời vận để than thở.

“Thời lai đồ điều thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.”

(Đặng Dung).

Ngay những kẻ có tài mà vận may không có cũng phải đón nhận thất bại. Không ai có kế hoạch hành động chu đáo kỹ lưỡng như Khổng Minh, cuối cùng ông vẫn không dựng nổi đế nghiệp cho nhà Hán, đành phải than: “Mưu sự tại nhân - Thành sự tại Thiên.”

Trong cuộc đời nhan nhản những kẻ thiếu tài, nhưng một phước nghiệp nào đó đã đưa họ lên địa vị cao sang có nhiều người tuân phục.

Trên tương đối, nghiệp là bất định và quả báo là cố định. Nghiệp được tạo ra hay không là do con người, nhưng một khi

ngiệp đã tạo rồi thì quả báo chắc chắn phải có.

Tuy nhiên, đi sâu vào phân tích, chúng ta thấy vấn đề không đơn giản. Chúng ta sẽ thấy dường như nghiệp cũng đã được quy định rồi. Trong cuộc đời sắp tới, chúng ta sẽ làm những gì, sẽ tạo thiện vào lúc nào, sẽ tạo ác vào lúc nào, dường như cũng đã được quy định từ kiếp trước.

Trước khi chết, Thiền Sư Minh An đã tiên đoán rằng mười năm sau, Bình Thị giả sẽ quật mồ của ngài. Quả đúng như vậy.

Bình Thị giả đã quật mồ của Minh An và cầm búa chẻ vỡ đầu khi mà thân thể của Minh An sau 10 năm vẫn không hoại.

Như thế, rõ ràng hành động Bình Thị giả quật mồ không phải là ngẫu hứng tức thời, vì ngài Minh An đã thấy trước hành động đó rất lâu. Phải chăng hành nghiệp cũng là một số phận ?

May rủi được cho là do nghiệp quá khứ tạo thành, vậy nghiệp do cái gì tạo thành mà nó cũng gần như định sẵn ? Năm năm sau ta sẽ tạo nghiệp gì; mười năm sau ta

tạo nghiệp gì... dường như tiến trình này cũng đã được sắp sẵn !

Chúa Jésus đã biết trước rất lâu là Judàs sẽ phản bội, sẽ báo lính tới bắt ngài. Vậy hành động phản bội của Judàs đã được định sẵn rồi hay sao ?

Bốn tên cướp xông vào giết hại gia đình ông chủ tiệm làm móng tay. Đứng về phía gia đình ông chủ tiệm thì đây là quả báo bắt buộc phải trả. Nhưng còn hành vi cướp bóc, giết hại của bốn tên cướp là ngẫu nhiên hay đã có quy định ? Nếu là ngẫu hứng nhất thời thì làm sao ăn khớp với quả báo của gia đình nạn nhân; vì một bên là cố định, một bên là ngẫu hứng ?

Chúng ta đã biết, chính tư tưởng đời trước sẽ tạo nhân cách đời này. Nếu một người nuôi dưỡng những tư tưởng ác độc, chắc chắn đời sau họ sẽ có nhiều hành động ác độc. Hành động đời này do tư tưởng đời trước quy định.

Trừ trường hợp ông cán bộ xây cầu vì tư tưởng làm đẹp lòng cấp trên chứ không phải vì thương dân nên đời sau ông ta

được sung sướng nhưng vẫn thiếu đạo đức, còn lại hầu hết người ta nghĩ sao làm vậy.

Một người ăn cắp vì đã có tư tưởng ăn cắp. Như vậy hành vi ăn cắp ở đời này sẽ tạo ra quả báo nghèo khổ mát mát ở đời sau, và tư tưởng ăn cắp đời này sẽ lập lại hành động ăn cắp ở đời sau nữa. Do đó, “Nghịệp có khuynh hướng lập lại.”

Một người làm việc thiện sẽ tiếp tục làm việc thiện, một người làm việc ác sẽ tiếp tục làm việc ác.

Một bà mẹ có thói quen hành hạ con mình, kiếp sau bà đã bị ông bố hành hạ từ khi còn nhỏ. Lớn lên có chồng con, bà đã lập lại hành vi hành hạ con cái.

Không hiểu luật Nghịệp Báo, chỉ quan sát một đời, chúng ta sẽ hiểu lầm là quả báo có trước (bị bố hành hạ từ nhỏ) và nghịệp nhân có sau (hành hạ con cái của mình). Thật ra bà đã lập lại nghịệp hành hạ con cái của bà đời trước mà thôi.

Chính vì khuynh hướng lập lại này của nghịệp mà hành động dường như cũng

được quy định sẵn.

Do sự biến thiên tự tưởng đời trước nên hành động của đời sau cũng bị thay đổi. Có những giai đoạn chúng ta siêng năng học hành. Qua lúc khác chúng ta biếng nhác. Lúc thích làm việc thiện, lúc lại quay sang nghiên cứu nghệ thuật. Đời sau hành động cũng theo đó mà thay đổi, khi thì ham học, khi thì chán nản, lúc lại thích làm việc từ thiện xã hội, lúc quay sang vẽ tranh.

Như vậy, không phải chỉ quả báo khổ vui là cái mà chúng ta không thể cưỡng lại, ngay cả hành động cũng là cái khó cưỡng được. Chúng ta sẽ đối xử tốt đối với người này, tệ với người kia, hành động đó khởi lên một cách tự nhiên, mà chúng ta không sao lý giải được, chỉ bởi vì nó được tự tưởng đời trước sắp sẵn rồi.

Nếu cho rằng quả báo khổ vui trong hoàn cảnh đã được quy định sẵn 100% thì hành động cũng được quy định khoảng 70% rồi, chỉ còn lại 30% là quyền làm chủ hiện tại để lựa chọn lần cuối.

Chúng ta không thể chọn cái may mắn cho mình vì đó là do phước nghiệp đời trước. Chúng ta có thể chọn hành động tốt để làm vì muốn đời sau được tốt đẹp, nhưng quyền lựa chọn trong hiện tại chỉ có 30% mà thôi, vì 70% đã thuộc về tư tưởng kiếp trước.

Trong hiện tại, chúng ta chỉ có quyền làm chủ nhiều nhất nơi tư tưởng. 50% tư tưởng là do quyền chọn lựa của chúng ta bây giờ, chỉ có 50% là sức mạnh lập lại của quá khứ. Nhưng hầu hết chúng ta đã không sử dụng quyền làm chủ 50% này mà chỉ thuận theo cái 50% lập lại từ kiếp trước. Những tư tưởng ích kỷ, tự cao, tham lam sẽ lập lại. Chúng ta buông xuôi chạy theo nó và đi dần vào sa đọa tội lỗi. Chúng ta không dùng đến quyền làm chủ 50% kia để hóa giải tư tưởng ác và xây dựng tư tưởng thiện, chúng ta đã bỏ phí sự tự do của mình, chỉ cúi đầu đi theo khuynh hướng của kiếp trước, trong khi khuynh hướng này không phải là ưu thế. Giá trị của người tu là ở chỗ biết tạo dựng

cho mình một tâm hồn trong sáng, thoát khỏi những tư tưởng thấp hèn từ kiếp trước. Trong quá trình cải tạo tâm hồn này, chúng ta có quyền tự do 50% để chống lại sức mạnh lập lại tư tưởng kiếp trước chỉ có 50% mà thôi.

Tóm lại về mức độ quy định của kiếp trước, chúng ta có thang giá trị như sau:

- Tư tưởng được quy định 50%, 50% còn lại tùy thuộc tư tưởng của kiếp này.
- Hành động được quy định 70%, 30% còn lại phụ thuộc quyết tâm của kiếp này.
- Hoàn cảnh được quy định 100%,
Đối với hoàn cảnh gần như một định mệnh, chúng ta chỉ nhẫn nhục bình thản đón nhận chứ không thêm bớt được gì nhiều.

Đối với hành động, hết 70% là sự thôi thúc từ kiếp trước, chỉ còn 30% để chúng ta lựa chọn.

Đối với tư tưởng, hết 50% là sự lập lại của đời trước, còn đến 50% để chúng ta rộng rãi lựa chọn.

Vậy thì tại sao chúng ta không mạnh mẽ

chọn lựa, gạn lọc từng tư tưởng để xây dựng tâm hồn mình và vẽ thành một nhân cách cao cả cho đời sau ?

2- THIỆN VÀ ÁC.

Thiện và ác chỉ có thể được định nghĩa một cách tương đối. Ví dụ hành vi giết người để tế thần linh nơi các bộ lạc bán khai, đối với họ việc làm này là thiện, nhưng đối với chúng ta việc làm này là ác. Hoặc khi Hitler xua quân đội Đức Quốc Xã đi đánh chiếm khắp nơi. Người tướng lãnh thắng trận được dân Đức xem như anh hùng, nhưng bị dân các nước khác xem như kẻ cướp.

Một hành vi được xem là thiện ở nơi này, nhưng lại là ác ở nơi khác. Dường như không có cái gì hoàn toàn thiện cho tất cả mọi người cùng lúc.

Cụ thể hơn, chúng ta có thể cho rằng một hành vi được gọi là thiện khi nó đem lại lợi ích cho mọi người như bố thí người nghèo, an ủi người đau khổ, thả những thú vật bị giam cầm, đắp những đoạn

đường hư lỗ. Rõ ràng là người nhà nghèo được lợi ích nhờ bố thí, người đau khổ được lợi ích nhờ an ủi... Như vậy, cái lợi ích là tiêu chuẩn để định giá trị thiện ác của một nghiệp. Lợi ích cho người càng nhiều, giá trị thiện càng lớn.

Tuy nhiên, ngay một hành vi được gọi là thiện vẫn mang theo một vài khía cạnh ác của nó. Ví dụ, đắp đường là một việc thiện rất lớn. Nhưng trong khi đắp đường, người này cũng phải đào xới, đổ đất đá, chất dụng cụ làm cản trở giao thông một thời gian ngắn.. Như vậy cũng là ác, nhưng cái ác nhỏ so với giá trị thiện lớn lao lâu dài về sau.

Ví dụ, người mẹ mang tiền bố thí cho kẻ nghèo. Đó là việc thiện đối với kẻ nghèo vì giúp họ qua cơn đói khổ, nhưng lại làm giảm mất tài sản của gia đình, làm cho con cái phải mất đi một ít sự tiêu dùng của họ. vậy người mẹ thiện với kẻ nghèo mà ác với chồng con của mình. Nhưng so ra trong số tiền bố thí đó, kẻ nghèo thoát được cái đói khổ ghê gớm dày vò nên giá

trị thiện rất lớn, còn các người trong gia đình cũng không bị ảnh hưởng bao nhiêu nên giá trị ác không nhiều.

Trước khi làm một việc gì, nói một lời gì, chúng ta phải sáng suốt nhìn thấy mọi khía cạnh thiện ác của nó. Nếu thấy ác rất ít mà thiện rất nhiều thì hãy làm. Còn nếu thiện và ác sấp xỉ với nhau thì nên tránh.

Ví dụ, việc xịt thuốc trừ sâu rầy bảo vệ cây trồng. Việc này có khía cạnh thiện là làm ra lương thực cho con người sử dụng, và ác là sát sinh một số sâu rầy. Cứ cho rằng cái ác trong việc giết hại sâu rầy là nhỏ và cái thiện làm ra lương thực là lớn. Nhưng bên cạnh đó, thuốc trừ sâu giết luôn những côn trùng có ích, làm ô nhiễm môi trường có hại cho sức khỏe con người...

Cái hại này làm cho giá trị ác lớn thêm, có thể sấp xỉ với cái thiện trước đó.

Hiện nay các nhà nghiên cứu nông dược đang tìm cách giảm thiểu cái ác như thuốc sẽ không làm ô nhiễm môi trường, không giết hại côn trùng có ích, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người và súc

vật... Thậm chí họ còn nghiên cứu thuốc trừ sâu sinh học, không cần phải giết sâu rầy, chỉ làm cho nó trở nên không sinh sản tiếp tục mà thôi. Với những thuốc trừ sâu loại mới này, cái ác được hạn chế tối đa và chúng ta có thể mạnh dạn sử dụng hơn trước.

Ví dụ một triết gia nhiệt tình chống lại tệ mê tín dị đoan đang núp dưới chiêu bài tôn giáo. Điều này có vẻ như thiện vì ông làm cho chân lý được sáng tỏ, giúp mọi người xa lìa những hiểu biết sai lầm.

Nhưng bên cạnh đó, ông cũng làm tổn hại danh dự của những tu sĩ chuyên khai thác mê tín để trục lợi, đồng thời làm chơi với hoang mang một số tín đồ đã từng chấp nhận các hình thức đó. Dù sao thì đây cũng chỉ là cái ác nhỏ so với lợi ích do việc phá trừ mê tín đem lại cho xã hội.

Thời nào cũng vậy, những tư tưởng tiến bộ mới lạ luôn luôn bị công kích gay gắt. Mãi về sau mới được con người chấp nhận hoan nghênh và lúc đó có khi tác giả đã qua đời. Tôn giáo với những lý thuyết

cách đây vài nghìn năm chắc chắn có những điểm cần phải điều chỉnh cho phù hợp với những khám phá của khoa học. Một số nhà hoạt động tôn giáo đã chấp nhận ý kiến này, nhưng họ luôn luôn bị ác cảm từ những đồng nghiệp đã quen đi theo cái cũ. Nhưng chính những con người gan dạ biết tìm tòi, biết hoài nghi mới có thể để lại cho cuộc đời nhiều ý kiến tốt đẹp đúng đắn.

Dường như không một hành nghiệp nào thuần thiện hoặc thuần ác. Nó thiện ở khía cạnh này và ác ở khía cạnh khác. Ngay cả một số hành vi được xem là ác, đôi khi cũng có những tác dụng thiện không ngờ. Ví dụ gây chiến tranh là một tội ác lớn, nhưng đối với kinh tế gia Malthus (1766-1834) thì chiến tranh, chết đói, bệnh tật là những điều cần thiết để làm giảm bớt sự gia tăng dân số của loài người. Theo ông, lương thực tăng rất chậm trong khi dân số tăng rất nhanh. Con người càng đông thì càng phải phá rừng nhiều hơn để lấy chất đốt. Rừng bị tàn phá thì sinh thái xáo trộn,

mùa mưa có nhiều bão lụt và mùa nắng thì mạch nước tắt khô. Thủy điện bị ảnh hưởng nghiêm trọng, không khí không được lọc sạch... Tất cả chuyên gia về kinh tế đều lo ngại về dân số đến nỗi một số quốc gia khuyến khích việc phá thai bất chấp sự chống đối của tôn giáo.

Tóm lại, hầu hết mỗi hành nghiệp đều thiện ác lẫn lộn, thiện ở khía cạnh này và ác ở khía cạnh kia. Trước khi hành động chúng ta hãy cân nhắc cẩn thận xem thiện có nhiều hơn ác hay không. Nếu nhận thấy tính thiện rất nhiều mà ác không đáng kể thì bắt đầu làm.

3- GIẾT HẠI.

Đa số con người đều cho rằng giết người là tội ác lớn nhất trong các tội, thế nên tử hình là hình phạt cao nhất trong các hình phạt. Điều này khá đúng. Để được gọi là một sinh vật đúng nghĩa, loài đó phải có bản năng sinh tồn. Bản năng sinh tồn là sự thôi thúc bí mật khiến cho sinh vật đó luôn luôn muốn duy trì sự sống của mình. Nhìn sự lam lũ vất vả của đàn kiến tìm

mồi, của con giun trườn trong lòng đất, chúng ta mới thấy loài vật đều thiết tha muốn sống. Nhìn những người nghèo khổ không mái nhà để ở, sống vất vưởng ở hè phố, chúng ta càng thấm thía ai cũng yêu cuộc sống. Sự sống là một cái gì quý giá vô cùng. Thế nên hành vi tước đoạt mạng sống của con người được xem là một tội ác nghiêm trọng.

Theo ý nghĩa công bình, nếu một kẻ giết người, chắc chắn quả báo chờ đợi cho hắn là bị giết hại trở lại. Đôi khi luật pháp xã hội chỉ phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm, nhưng luật Nghiệp Báo vẫn không dễ dàng tha thứ.

Tuy nhiên, không phải luôn luôn nạn nhân ở đời này sẽ đích thân trả thù ở đời sau. Nếu trong khi bị giết, nạn nhân khởi niệm căm thù và muốn trả oán. Tư tưởng đó sẽ biến thành hành động, chắc chắn nạn nhân đời này sẽ trở thành thủ phạm ở đời sau.

Trước kia ở Mỹ có một câu chuyện khó hiểu. Hai người bạn da đen và da trắng ở

chung với nhau và rất thân tình. Một lần người bạn da đen cầm dao giết bạn mình rồi đến cảnh sát tự thú. Khi được hỏi động cơ giết bạn, anh đau khổ trả lời là không biết tại sao vì anh không có động cơ nào cả.

Thật ra họ đã có mối thù sâu kín từ kiếp trước. Người bạn da đen đã khởi tư tưởng trả thù, rồi lại bỏ qua. Anh cứ ngỡ rằng nếu đã khởi ý mà không làm thì chẳng có ảnh hưởng gì. Nhưng ý tưởng đó đã biến thành hành động ở kiếp sau trong lúc không ai ngờ được.

Chúng ta hãy cẩn thận với tư tưởng của mình, đừng cho rằng những ý tưởng, những tham muốn sẽ trôi qua mất. Không! Nó sẽ biến thành hành động ở đời sau khi nhân duyên đã đầy đủ.

Còn trường hợp khi bị giết mà nạn nhân không có ý niệm trả thù bởi vì họ mãi lo nghĩ đến người thân, của cải... hoặc do họ đạt được hạnh nhân nhục cao độ, thì đời sau tử phạm sẽ bị giết bởi một người khác, hoặc bị một tai nạn rủi ro như lật xe,

rơi máy bay, sét đánh, cành cây khô rơi phải...

Nếu kẻ đã giết người khá nhiều, quả báo dành cho hắn là thường xuyên bị giết hại ở nhiều kiếp về sau. Thậm chí chưa ra khỏi thai mẹ đã bị trục bị nạo bỏ rất nhiều lần.

Chưa hết, khi giết một người chồng, tức là người vợ và người con sẽ bơ vơ, cô cút, nghèo khổ. Quả báo còn để dành cho tên sát nhân là đời đời sinh ra bị bỏ rơi, nghèo khổ, lang thang ít học.

Chưa hết, khi giết một người tức là làm đổ vỡ những sự nghiệp của người đó đang ôm ấp xây dựng. Quả báo dành cho tên sát nhân là thường xuyên gặp thất bại ở đời sau.

Chưa hết, một người bị giết tức là rất nhiều người thân đau khổ. Quả báo dành cho tên sát nhân là thường xuyên rơi vào tâm trạng tuyệt vọng đau khổ giống như bị bệnh hoang tưởng tâm thần.

Chúng ta thấy, một nghiệp nhân chính luôn luôn tạo ra chung quanh nhiều nghiệp

nhân phụ. Luật Nghiệp Báo sẽ sắp xếp để kẻ phạm tội phải trả sòng phẳng mọi tội lỗi của hắn. Dĩ nhiên, việc đền trả tội lỗi này không dễ chịu chút nào.

Tuy nhiên, không phải hễ giết người là tội bằng nhau. Tùy theo giá trị của người bị giết mà tội của kẻ sát nhân nhiều hay ít. Nếu người bị giết là một công dân lương thiện làm được nhiều điều tốt đẹp cho cuộc đời, thì sự giết hại một người như vậy tội rất nặng. Nếu sự có mặt của anh là niềm vui cho nhiều người thì sự vắng mặt của anh là nỗi khổ lớn lao. Giết người này tên sát nhân khó lường hết hậu quả phải gánh chịu ở đời sau.

Nếu người bị giết là một vĩ nhân thánh thiện đã từng đem lợi ích lớn lao cho nhân loại. Sự ra đi của vị này là sự mất mát to lớn của thế giới. Quả báo mà thủ phạm phải đền trả là cực kỳ đau khổ. Hắn sẽ bị đày đọa hành hạ ở vô số kiếp, khi làm thú bị đánh đập giết hại, khi làm người bần tiện khốn cùng bị giết chết. Phải cộng nỗi đau khổ của mọi người lại để tính ra con

số đau khổ mà hẳn phải đền trả ở nhiều kiếp. Đó là sự công bình không thể thay thế.

Ngược lại, một nhân viên trong đội săn bắt cướp đã bắn chết một tên cướp nguy hiểm đang gây án. Tên cướp đã từng giết người cướp của gây kinh hoàng cho mọi người. Cái chết của hắn làm cho mọi người thở phào nhẹ nhõm vui mừng. Giết tên cướp này, tội của người nhân viên không đáng kể, trái lại khi cộng tất cả niềm vui của mọi người, anh được một số phước khá khá. Đây là sự công bình không thể nói khác đi được.

Rồi trường hợp người chiến sĩ chiến đấu ở tuyến đầu để bảo vệ sự bình yên cho người dân ở hậu phương được sống yên lành. Trong quá trình chiến đấu ngăn chặn quân địch, sự bắn giết là điều không thể tránh khỏi. Nhưng cái tội đó có thể bù đắp bởi công lao đã giữ gìn cho rất nhiều người dân được yên ổn phía sau. Chỉ khi nào người chiến sĩ nằm trong một quân đội đi xâm lăng rõ rệt, tội của anh ta mới

lớn.

Như vậy tùy theo giá trị của người bị giết mà luận thành phước hay tội cho kẻ giết chứ không cố định một chiều.

Thấp hơn con người là thú vật. Giết thú vật cũng là hành vi tước đoạt sự sống, thế nên trước hết nó cũng là một tội. Tuy nhiên tùy theo giá trị của con vật mà tội và phước sẽ được phân biệt cụ thể.

Ví dụ người ta giết một con chó để lấy thịt đãi bạn bè. Cái phước ở đây là làm cho bạn bè một bữa ăn ngon miệng (nhưng nếu có uống rượu quậy phá thì tính sau), cái tội ở đây là giết một con vật trung thành và thông minh. Cái phước kia không bù nổi cái tội này. Rồi cái đau khổ của con vật bị giết sẽ trở thành cái đau khổ của người giết ở mai sau.

Trường hợp con người nuôi súc vật để chuyên lấy thịt như bò, heo, gà... cái phước ở đây là tạo ra thực phẩm cho con người.. Còn cái tội ở đây là sự giết hại mạng sống của con vật, gây đau khổ cho con vật khi mổ thịt, đồng thời thịt của súc

vật cũng dễ gây bệnh cho người dùng như tim mạch, ung thư, nhiễm thú tính. Cái phước kia không bù nổi cái tội này. Các nhà khoa học đã nghiên cứu thành công thịt nhân tạo và nhiều xí nghiệp đã chế biến cung cấp cho nhà hàng. Đây là điều đáng khuyến khích. Hơn nữa các nhà kinh tế cũng tính toán rằng để thu được một ký thịt, người ta phải cho con vật ăn một số ngũ cốc đủ cho nhiều người dân Phi Châu sống qua mấy ngày. Như vậy rõ ràng sử dụng thịt súc vật làm thực phẩm không có lợi cho con người bao nhiêu.

Có một số người cho rằng người ăn chay cũng đã sát sinh vì cây cỏ, rau quả cũng có sự sống.

Điều này đúng ! Cắt một ngọn rau cũng là xâm phạm đến sự sống của sinh vật.

Chúng ta đã biết rằng thực vật cũng có bản năng sinh tồn, có vùng không gian tâm linh bao phủ, có phản ứng tâm linh đơn giản khi bị nguy hiểm... nói chung cây cỏ dường như cũng có tâm hồn. Tuy nhiên, cấu trúc tâm linh của cây cỏ thì đơn

giản. Khi bị cắt tỉa, cây cỏ có “biết” mình bị cắt tỉa, có phản ứng, nhưng không có cảm giác đau đớn. Thế nên khi cắt cây, tỉa cành, hái rau, chúng ta có phạm tội nhưng không nhiều, vì cây cỏ không đau đớn. Tuy nhiên, một người suốt đời ăn chay, tiêu thụ rất nhiều rau quả, cộng lại cũng thành một số nghiệp kha khá. Nhưng người này thường tu hành làm việc phước thiện, giáo hóa đạo đức... như vậy cái phước này quá dư để bù lại cái tội kia. Những tiều phu chuyên vào rừng đốn cây, mặc dù có phước là làm ra gỗ ván, chất đốt cho xã hội, nhưng đã gây nạn phá rừng làm xáo trộn sinh thái Địa cầu, tước đoạt đời sống của cây lớn, nên tích lũy thành tội cũng nặng. Cây càng lâu năm có năng lực tâm linh càng mạnh. Có những cây sao lâu năm - mấy trăm năm mọc ven đình chùa, có năng lực tâm linh rất mạnh. Khi có người đến muốn đốn, phản ứng tâm linh của cây đủ sức làm người kia mang bệnh rồi chết. Người dân không hiểu điều này đã gán cho có thần linh ở

trên cây. Ông bà ta có câu:

“Nhất phá sơn lâm

Nhì đâm hà bá.”

Hai nghề này không bao giờ khá giả.

Người làm nghề này luôn luôn cực nhọc

vất vả suốt đời mà không bao giờ có dư.

Có lẽ do quả báo sát sinh nhiều quá. Tùy

mỗi loại cây, tùy theo tuổi cây mà phản

ứng tâm linh của cây khác nhau. Với chiếc

lá của Backster thì phản ứng chỉ đủ làm

cho kim của đồng hồ đo nhảy. Nhưng

phản ứng tâm linh của một cây cổ thụ có

thể gây chết người tức khắc khi người đó

muốn đốn nó.

Như vậy, nếu đốn cây là một tội nặng thì

việc trồng cây, bảo vệ rừng là một phước

lớn. Mỗi cây trồng được xem như một tế

bào phổi cho toàn hành tinh của chúng ta.

Toàn bộ cây trồng, cây rừng hợp thành

một bộ phổi cho cả thế giới. Cây lọc không

khí, hấp thu bớt nhiệt độ, giữ độ ẩm lâu

dài cho đất, giữ mạch nước vào mùa

nắng, cản lũ lụt vào mùa mưa, tạo thức ăn

cho ong và các thú vật hoang dã, cân

bằng sinh thái của toàn cầu...

Tuy nhiên, vì nhu cầu sử dụng gỗ ván và chất đốt, con người đang tàn phá rừng không thương tiếc. Mặc dù các quốc gia kêu gọi phát triển trồng rừng, nhưng việc trồng rừng không đáp ứng kinh tế cấp bách cho con người, đồng thời những khu rừng nhân tạo không thể sánh bằng các khu rừng thiên nhiên cả nghìn năm, hơn nữa, đa số người trồng rừng đã chuẩn bị đốn khai thác sau mười hoặc hai mươi năm trồng.

Rừng, một bài toán nan giải!

4- PHƯỚC VÀ ĐỨC.

Thông thường người ta sử dụng chung hai chữ phước và đức. Tuy nhiên hai từ này có nghĩa khác nhau.

Khi chúng ta làm lợi ích cho người khác, sau này chúng ta sẽ hưởng được một hay nhiều niềm vui. Một nghiệp thiện sắp sẵn một quả báo lành ở vị lai. Đối với Bản Thể thì nghiệp nhân vừa tạo xong thì quả báo cũng đã xuất hiện. Song trên không gian

vật lý, thời gian để cho từ một nhân đi đến một quả khá lâu. Người ta cho rằng khi nghiệp thiện vừa tạo xong thì phước xuất hiện trong vô hình để giữ gìn cho quả báo không bị mất. Phước được ví dụ với tấm ngân phiếu. Tiền gửi ngân hàng càng nhiều thì tấm ngân phiếu càng có giá trị lớn. Tác thiện càng nhiều thì phước càng sâu dày. Người đã từng làm nhiều lợi ích cho mọi người thì người ta nói kẻ đó có phước.

Đến khi duyên đã đủ lập tức phước hiện thành quả báo lành khiến cho kẻ đó được hưởng nhiều vui sướng. Quan điểm này là do đứng trên lập trường không gian vật lý mà có, chứ đối với Bản Thể, toàn bộ quả báo ở vị lai đã được sắp sẵn. Mỗi quả báo đều đã được ấn định một thời điểm để xuất hiện.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cứ cho rằng người đã làm nhiều việc thiện, đã làm lợi ích cho nhiều mọi người tức là người có nhiều phước.

Như vậy, PHƯỚC là do làm lợi ích mọi

người mà có.

Còn Đức là cái tốt của tự tâm.

Ví dụ, một người siêng năng thanh lọc tư tưởng của mình, giữ gìn giới cấm kỹ lưỡng, tu tập thiền định trí tuệ, từ tâm thương yêu mọi người. Người như vậy được gọi là người có ĐỨC. Nhưng đức chưa phải là phước !

Chỉ khi nào người này ra tay giúp đỡ kẻ khác, giáo hóa đạo đức cho mọi người, truyền đạt phương pháp tu tập thiền định... lúc đó người này mới có phước.

Bản thân mình tốt gọi là đức.

Làm lợi cho người gọi là phước.

Có những trường hợp vì muốn được nổi danh, vài nhà giàu có đã bố thí những số tiền lớn cho các cuộc lạc quyên cứu trợ.

Một vài công ty làm việc thiện để góp phần quảng cáo. Vì thâm ý của họ không tốt, chỉ có mục đích cá nhân nên họ chỉ có phước mà không có đức.

Ngược lại, một vài nhà tu hành thanh lọc nội tâm trắng như tuyết, ẩn cư nơi vắng vẻ, ít giao tiếp với mọi người. Vị này có

đức mà không có phước.

Theo truyền thuyết của Thiên tông Trung Hoa, khi Lương Võ Đế khoe đã cất chùa, độ tăng rất nhiều, Tổ Đạt Ma đã khẳng định hoàn toàn không có công đức. Về sau Tổ Huệ Năng giải thích rằng chỉ được gọi là công đức khi đã giác ngộ tự tánh thanh tịnh.

Thật ra người có nội tâm trong sạch cao thượng cũng đã có một phần phước vì tư tưởng lành của tâm luôn luôn lan tỏa trong không gian và lây nhiễm âm thầm vào tâm hồn của mọi người. Ngay cả những thiền sư đạt đạo, tâm không khởi niệm thiện cũng vẫn có tâm lành lan tỏa xung quanh. Dù ngài không cố ý khởi tư tưởng thiện nhưng chính nội tâm thanh thản, vô ngã, từ bi vẫn gây ảnh hưởng rất nhiều. Song cái phước này không lớn lắm vì không có tác dụng cụ thể, rõ ràng và mạnh mẽ.

Người hiểu đạo thấu đáo cần phải biết chiêu tập đầy đủ cả phước lẫn đức. Bởi vì đức và phước hỗ trợ lẫn cho nhau. Tâm có tốt thì việc làm thiện mới chu đáo và lâu

bền. Đức có sâu thì phước mới lớn.
ngược lại, trong khi làm việc thiện, chúng ta cũng cố thêm chất tốt của nội tâm mình. Hơn nữa, nếu có một kẻ làm phước mà không có đức, làm việc thiện vì mục đích vị kỷ, chắc chắn sẽ có lúc làm việc ác vì tư tưởng nào cũng có ngày khởi ra hành động. Phước sẽ bị hạn chế không thể phát triển đến vô cùng tận.

Và bậc chân tu cũng phải phát tâm làm lợi ích cho mọi người bởi vì hai lý do:

Thứ nhất, do làm lợi ích mọi người nên vị này có đủ phước để được no đủ vật thực và hoàn cảnh yên ổn để tiến tu thiền định nội tâm.

Thứ hai, chỉ bởi việc quên mình lo cho mọi người mới giúp cho ngã chấp mau tan vỡ hơn. Với nữa, một người được gọi là vô ngã khi người đó hoàn toàn vị tha.

Chúng ta không nên quá thiên về làm phước mà quên đi trau dồi Đạo Đức sâu thẳm bên trong, cũng không nên quá thiên về Đức tốt của tự tâm để quên đi việc làm lợi ích cho mọi người bên ngoài.

5- THỜI GIAN TỪ NGHIỆP ĐẾN KẾT QUẢ.

Câu chuyện của Ngô Đạt Quốc Sư bị mù tịt ghê mặt người làm ngài đau đớn vô cùng. Nguyên nhân của nó từ khoảng 10 kiếp trước ngài là nhân vật Viên Án tâu vua chém chết Triệu Thố một cách oan uổng. Chuyện khác gần đây, trong cơn căm giận tột độ, anh Tư đã dùng hết sức bình sinh tung một cước độc hại vào ngực anh Tuấn. Anh Tuấn đang ngồi dựa vào tường. Thoáng thấy cú đá anh lách người né ra cửa. Không trúng anh Tuấn, cú đá đi luôn vào tường dày 20 làm tường chấn động rạn nứt và năm ngón chân của anh Tư bị dập nát, phải đưa anh đi bệnh viện cấp cứu.

Ở câu chuyện của Ngô Đạt, thời gian để cho quả báo xuất hiện là 10 kiếp. Ở câu chuyện dưới quả báo xuất hiện song song với nghiệp nhân.

Không có thể xác quyết rằng một nghiệp

phải có quả báo ở lúc nào, đời này, đời sau, hay nhiều đời khác. Nó tùy thuộc vào nghiệp duyên của mỗi người. Ngay khi chúng ta vừa đắp xong một đoạn đường hư lỗ, lập tức ngay trong Bản Thể, luật Nghiệp Báo đã sắp xong các quả báo lành cho vị lai. Nhưng để xác định thời điểm cho mỗi quả báo xuất hiện, cần phải phối hợp với tất cả nghiệp duyên từ trước. Ở đây, luật Nghiệp Báo giống như một máy siêu điện toán cực kỳ tinh vi, trong thoáng chốc đã “tính ra” tình trạng của quả báo này và thời điểm của quả báo.

Có người từng tạo phước quá nhiều, đời này có lỗi làm tội, quả báo cũng ít khi xảy ra trong thời gian gần, có thể kéo dài qua nhiều kiếp sau nữa. Ngược lại, người ít phước, năm nay vừa lừa gạt bạn bè, vài năm sau đã bị lừa gạt lại.

Hoặc có người tội dày, bây giờ có ráng tu tập làm phước cũng khó thấy được kết quả nhanh chóng. Có khi phải qua đời sau mới được hưởng. Ngược lại người ít tội, vừa làm phước như bố thí, phóng sinh,

năm mươi năm sau đã thấy cuộc đời tràn đầy may mắn yên lành.

Một ông già giữ mía, tưởng là heo đến phá, đã phóng cây xà-búp ghim vào bụng đứa bé. Ông sợ hãi chôn đứa bé để phi tang mặc dù nó chưa chết. Hơn mười năm sau, đứa bé tái sinh qua nhà hàng xóm, đã lỡ tay làm rớt con dao ghim vào bụng ông khi ông đang cõng nó để hái trái đu đủ.

Ông chịu đựng đau đớn suốt mấy ngày, cho gọi gia đình có đứa bé bị giết hồi mười năm trước và tất cả mọi người thân thuộc đến, ông thuật lại câu chuyện đã được dấu kín từ lâu, và xác nhận đây là quả báo mà ông phải trả. Ông vui lòng nhận lãnh và khuyên mọi người ráng làm lành. Sau đó ông qua đời (trong Luận về Nhân Quả, Chơn Quang).

Trong câu chuyện này thời gian để quả báo xuất hiện là mười năm, ngay trong kiếp hiện tại của ông già giữ mía.

Mặt khác, một nghiệp nhân chính thường tạo ra nhiều nghiệp nhân phụ. Ví dụ tên trộm lén vào lấy cắp chiếc xe của ông chủ

nhà. Nghiệp chính là đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp. Bên cạnh đó một số ảnh hưởng phụ kéo theo như, vì thiếu xe đi làm ông phải thay đổi sở làm gần nhà hơn và thu nhập ít đi, kinh tế gia đình bị giảm sút. Các con phải bỏ bớt giờ học thêm. Nỗi buồn kéo dài triền miên trong gia đình. Những nghiệp chính và phụ đó tạo thành nhiều loại quả báo khác nhau. Thời gian để cho mỗi loại xuất hiện cũng khác nhau. Tên trộm phải trả quả báo mất mát trong kiếp này, quả báo ít học trong kiếp sau, quả báo trầm uất trong kiếp sau nữa.

Ví dụ một người mẹ kế đã âm mưu giết đứa con riêng của chồng. Có hai quả báo hiện ra từ một nghiệp nhân đó: một, chính bà sẽ bị giết khi còn nhỏ tuổi ở kiếp sau; ngay trong kiếp này bà phải chứng kiến đứa con ruột mình bị chết oan uổng.

Ở tính chất khác, một người biết tu hành, có lòng thương loài vật, phát nguyện không sát sinh. Ông ít nghiệp ác, chỉ có nghiệp thiện và công đức tu hành hiện tại.

Đời sống ông yên ổn bình thản. Một lần ông lỡ đốt rác làm chết nhiều con mối núp ở dưới. Vài ngày sau ông trở bệnh. Căn bệnh của ông có hai nguyên nhân. Một là do tâm ông áy náy khi biết mình lỡ sát sinh; hai là do quả báo trả sớm, không để dây dưa qua kiếp khác.

Một nhà kiến trúc tên Nhâm (tác giả công trình trụ sở Imexco) không theo tôn giáo nào, chỉ sống theo đạo lý do mình tự tìm thấy. Nhà ông có nuôi ít gà vịt. Ông quan niệm rằng không nên ăn thịt con vật nào đã từng cung cấp trứng cho mình trước đó vì nó đã có ơn với mình. Còn con nào chưa từng cho trứng thì có thể ăn thịt được. Một lần vợ ông giết thịt một con vịt cho cả nhà ăn. Sau đó cả nhà mới phát hiện ra rằng con vịt đã từng cho trứng. Chiều đó miệng ông sưng to như một sự trừng phạt vì đã vi phạm lời thề. Triệu chứng đó cũng có hai nguyên nhân. Một là tâm lý ray rứt của ông, hai là quả báo đến sớm.

Một tính chất khác cũng cần được nói đến

là sự thay đổi thời gian của quả báo. Ví dụ: anh Tám lỡ tạo nghiệp giam cầm thú vật. Sự ấn định của luật Nghiệp Báo từ trong Bản Thể là anh phải bị tù tội ngắn hạn vào mười năm sau. Nhưng khi gần đến thời gian ấn định, anh lại phát tâm làm các việc phước thiện như đắp đường, phóng sinh, bênh vực kẻ oan ức. Cái phước lớn này làm cho quả báo bị tù tội bị đẩy lùi qua kiếp sau để cho đời sống hiện tại của anh không bị xáo trộn.

Như vậy những nghiệp mới làm thay đổi biến dạng quả báo của nghiệp cũ. Nhờ vào tính chất này, chúng ta có thể chuyển nghiệp từ xấu thành tốt, từ nặng thành nhẹ.

6- NGƯỜI VÀ THÚ.

Khi tinh trùng của cha kết hợp với tiểu noãn của mẹ, lúc đó mọi người bắt đầu một kiếp sống mới. Nhưng tùy theo nghiệp của mình mà tinh trùng và trứng đó là của loài người hay loài thú.

Thông thường, người nào tội nặng mới bị đọa làm thú. Dưới ánh mắt của con người

thì loài thú không có nhiều giá trị. Người ta có thể dùng thú vật để làm thức ăn, để thực hiện các thí nghiệm khoa học, để phục vụ cho con người. Mặc dù thời gian gần đây ở các nước tiên tiến có luật bảo vệ thú vật, hoặc có luật bảo vệ các loài có nguy cơ tuyệt chủng. nhưng thú vật vẫn thuộc một “đẳng cấp” thấp kém so với loài người.

Như vậy, kẻ nào tạo những nghiệp bỉ ổi, thấp hèn, mất giá trị, mất nhân phẩm sẽ bị đọa làm thú, và ở thân thú vật này họ bị coi thường khinh rẻ.

Những nghiệp nào được xem là hèn hạ, mất nhân phẩm?

Đó là tà dâm, loạn luân, phá vỡ luân thường đạo lý của xã hội loài người. Dục vọng không biết kiềm chế, không có lý trí hướng dẫn, rõ ràng tương đương với dục vọng của loài thú. Hạnh nghiệp giống với loài thú đưa tác giả đi đến kiếp thú về sau. Hoặc lòng ích kỷ tột độ biến thành hành vi tranh giành xâu xé đồng loại không thương tiếc cũng rất giống với loài thú.

Những người quá ích kỷ chỉ nghĩ đến mình, dùng mọi thủ đoạn hiểm độc để bức hại kẻ khác, dành quyền lợi cho mình. Tư cách này không khác biệt với loài thú chỉ biết sống theo bản năng ích kỷ, tranh giành hành vi giống như thú thì quả báo đọa làm thú là điều không tránh khỏi.

Hoặc có người mỗi khi nóng giận thường chửi mắng kẻ khác là thú vật bằng cách gọi họ là trâu, chó, heo, ngựa... Lời nói ác khẩu này lập đi lập lại nhiều lần suốt đời sẽ đủ sức kết thành quả báo đọa thú ở thân sau. Trong luật Sadi của Phật Giáo Bắc Tông có kể câu chuyện một Sa Di, vì vô tình đã chê bai một vị A La Hán tụng kinh giống như tiếng chó sủa. Do lời nói này, người Sa Di bị đọa làm chó năm trăm đời liên tiếp.

Hoặc có người làm nghề giết thịt như mổ gà vịt, mổ heo bò... Đến khi gần chết họ bỗng trở bệnh kêu la như vịt, như heo và thấy ảo ảnh có vô số thú vật đến cắn xé. Chuyển qua kiếp kế tiếp, chắc chắn họ phải đọa làm thú để chịu lại cảnh đau đớn

khi bị mổ giết. Nhưng do trong một đời hành nghề, họ đã giết quá nhiều thú vật nên họ phải đọa làm thú liên tiếp nhiều kiếp sau để trả cho hết oan trái ngày xưa. Nếu người đó đã từng sát sinh thú vật cộng với một nhân cách hèn hạ chắc chắn đời sau họ sẽ đọa làm thú để vừa bị khinh rẻ, vừa bị giết hại trở lại.

Còn nếu người đó chỉ phạm tội sát sinh, nhưng có nhân cách cao cả, độ lượng thương yêu mọi người, kiếp sau họ vẫn trở lại làm người nhưng phải chịu tai nạn thương tật hay chết yểu.

Có người đời trước thọ nhận, nhiều tài vật của người khác một cách bất chính như trộm cắp, giật nợ, hoặc tu sĩ nhận cúng dường nhưng không giới hạnh, cộng với một tư cách đời bại ích kỷ... Kiếp sau họ sẽ đọa làm các loài lao động nặng như trâu, bò, ngựa, lạc đà... để trả nợ. Còn nếu họ chỉ mắc nợ tài vật nhưng vẫn giữ được tư cách tốt thì đời sau họ cũng được làm người nhưng vẫn phải lao động quần quật để trả nợ. Sự thụ hưởng tài vật không

chân chính luôn luôn để lại những món nợ khó chịu cho đời sau. Người phải nai lưng hầu hạ chủ, phải cẩn thận tùy thuận từng ý muốn của chủ một cách sợ sệt, hoặc con vật phải kéo cày, chở nặng chịu roi vọt đều là những hình thức trả nợ đời trước một cách đau khổ. Sở dĩ như vậy vì họ đã thọ những món nợ quá nhiều. Thế nên bây giờ khi được dâng tặng hậu hĩ, chúng ta hãy coi chừng phải chằng đây là những món nợ khó chịu để dành cho đời sau. Chỉ những tài sản được tạo nên từ công lao của mình bởi cách thức chân chính, dù ít hay nhiều, mới thật là thành quả đền bù của cuộc sống, không phải là nợ dây dưa về sau.

Có người bị đọa làm thú, trở nên một loài giống bị khinh rẻ bởi vì họ thường xuyên khinh thường mọi người. Đó là sự công bình ! Khi chúng ta luôn luôn đánh giá thấp người khác, xem thường người khác tức là chúng ta đã tạo cho mình một quả báo bị khinh rẻ trở lại. Có nhiều hình thức để bị khinh rẻ. Hoặc người mang bệnh lây

nhiệm khó chữa như phong hủi, lở loét hôi hám, hoặc người mang thân phận tù tội, hoặc người kém tiền bạc, kém tài năng, kém nhân cách, hoặc người bị mang tiếng xấu (do sự thực hay bị vu khống). Nhưng thân thú vẫn là “thân phận” bị xem thường rõ rệt nhất. Vì vậy, tâm tự cao cho mình là hơn, thấy người là kém, nếu quá đáng vẫn có thể đưa đến quả báo đọa làm thú ở mai sau.

Trong các trường hợp khác chúng ta cũng thấy có một vài ngoại lệ. Một số con chó được chủ cưng chiều nuôi nấng còn sướng hơn con người (tất nhiên là người nghèo). Quả báo này do hai nguyên nhân: một, ở thân trước làm người, con chó này có nhiều ân nghĩa với chủ, đã giúp đỡ chủ đắc lực; hai, bên cạnh đó nó gây một số nghiệp bĩ ối, mất nhân phẩm. Do nghiệp kém nhân cách, nó phải đọa làm chó, và do ân nghĩa lớn lao với chủ, nó được cưng chiều quá đáng.

Đối với thuyết tiến hóa, các nhà sinh vật cho rằng thỉnh thoảng xuất hiện các đột

biến về cấu trúc của thú vật khiến cho một vài con có đặc tính hơn hẳn đồng loại. Trong một đàn chó sói, thỉnh thoảng có một vài con thông minh hơn, hiền lành hơn, được con người tuyển chọn để nuôi dưỡng thuần hóa dần dần tạo thành giống chó nhà như hiện nay. Những con vật khác nhờ có tính chất đột biến này đã thích hợp với sự thay đổi của môi trường Địa cầu trong khi những con khác bị thiên nhiên đào thải. Sự đột biến đó làm cho loài vật tiến hóa dần dần để trở thành loài người. Rồi trong loài người cũng có sự đột biến để cho ra những vĩ nhân nổi bật. Nhưng con người không tìm thấy tiếp tục rằng với những vĩ nhân đó có thể sản sinh ra một "loài người mới" cao cấp hơn con người hiện tại. Họ chỉ như một vài vì sao đơn độc lóe sáng giữa bầu trời rồi rơi rụng bỏ lại con người với những sự quay cuồng lộn xộn tầm thường như xưa. Sự sống ban đầu của Địa cầu đã xuất hiện như thế nào vẫn còn là một bí ẩn. Các nhà khoa học tính toán rằng với điều kiện thiên

nhiên ban đầu, khả năng xuất hiện một Protéin là một phần hai tỷ, nghĩa là coi như bằng không. Thế nhưng các tế bào đã có mặt càng lúc càng nhiều và phức tạp dần dần. Nhân Quả ở đây phải giải thích làm sao? Từ một chỗ không có gì, bỗng nhiên có sinh vật xuất hiện, rồi sau đó động vật chính thức ra đời có tâm thức phức tạp, có tạo nghiệp nhân để thọ quả báo. Ai đã làm thành động vật có tâm thức để cho động vật đó phải lăn lóc đấu tranh vì sự sống một cách cực khổ. Trong sự đấu tranh sinh tồn đó, các động vật khi thì giúp đỡ lẫn nhau (thiện) khi thì xâu xé lẫn nhau (ác) để tạo thành vô số nghiệp thiện ác lẫn lộn thúc đẩy họ lăn trôi trong luân hồi mãi mãi. Phải chăng nguyên nhân ban đầu là một Thượng Đế có quyền năng đã tạo ra tất cả như một vở bi hài kịch không lối thoát?

Ở dịp khác chúng ta sẽ trở lại vấn đề này một cách kỹ lưỡng hơn.

7- NGHIỆP CHUNG VÀ NGHIỆP RIÊNG.
Một cơn động đất kinh khủng đã phá hoại

một vùng đất rộng lớn ở Trung Hoa. Nhiều người chết, nhiều người bị thương và nhiều nhà cửa bị hư hại. Trước một tai họa chung đó, các nhà Nghiệp Báo học gọi là cộng nghiệp (nghiệp chung).

Trong một khu phố yên tĩnh. Ông Ba bị dây điện đường đứt rơi trúng khi đi ngang. Ông chết tại chỗ, người ta gọi trường hợp này là biệt nghiệp (nghiệp riêng).

Đối với nghiệp riêng thì vấn đề trở nên đơn giản, nghiệp ai đã gieo thì nấy chịu.

Nhưng trước một tai họa chung thì sự việc phức tạp hơn nhiều.

Không hẳn là những người cùng chịu chung một tai họa bởi vì trong quá khứ đã xúm nhau làm chung một điều ác. Họ chỉ là những người có quả báo giống nhau, rồi do sự thúc đẩy của nghiệp đã tìm về ở chung một môi trường với nhau.

Bốn mươi người có chung quả báo sẽ bị tai nạn xe cộ, đã mua vé đi cùng một chuyến xe đò. Khi tài xế lái đến quãng đường vắng thì thấy bóng một cô gái áo trắng tóc xỏa chời vờn trước mũi xe. Anh

vội vã bề volant và đập thẳng. Xe mất thăng bằng lật nhào vào cánh ruộng bên đường. Người nghiệp nặng thì chết, người khác thì bị gãy tay chân, chấn thương. Một vài người nghiệp nhẹ thì qua một cơn kinh hoàng và chỉ bị xây xát chút ít.

Chính nghiệp của 40 người đã tạo ra một ảo ảnh trước mặt người tài xế. Nhiều người giải thích rằng có một hồn ma tại khúc đường đó muốn làm cho xe lật đổ tìm thêm người chết làm bạn.

Chưa chắc là 40 người này đã tạo chung một nghiệp ác từ quá khứ. Có thể họ chỉ tạo nghiệp riêng rẽ, nhưng đều chiêu thành một quả báo giống nhau nên nghiệp duyên đã thúc đẩy họ đi cùng một chuyến xe định mệnh.

Sông Mêkong dâng nước làm ngập lụt nhiều vùng ở hạ lưu. Một trong những nguyên nhân được tìm thấy là do khói các giếng dầu ở Koweit bị Irak đốt cháy làm xáo trộn thời tiết Địa cầu, cộng với nạn phá rừng từ thượng nguồn sông từ Hy Mã Lạp Sơn qua Vân Nam đến Lào, Thái

Lan... khiến cho thiếu rừng giữ nước mưa lại. Như vậy phải chăng người Irak gây nhân và người Việt Nam chịu quả báo? Không phải vậy, đó chỉ là Nhân Quả của khoa học vật lý trong không gian vật lý. Nó chỉ là bề nổi của luật Nghiệp Báo ẩn dấu đằng sau.

Hệ quả của việc phá rừng đầu nguồn là gây lũ lụt ở vùng hạ lưu. Những ai cũng có quả báo phải chịu lũ lụt sẽ sinh ra lớn lên, hoặc từ đâu chuyển về sinh sống, nơi những vùng đó để cùng nhau chịu chung tai họa. Còn những kẻ phá rừng đầu nguồn sẽ được “tính sổ” ở tương lai.

Ở tính chất khác, có những người cùng tạo chung một nghiệp, cũng dễ dàng cùng chịu quả báo đồng thời.

Ví dụ một ông quan ra lệnh giết một người tốt chỉ vì người này bênh vực dân nghèo chống lại những kẻ giàu có ức hiếp họ. Khi xử thiêu ở giàn hỏa, những kẻ giàu có reo hò biểu lộ sự đồng tình. Đến đời vị lai, ông quan, đao phủ và đám người hùa theo vô tình hội họp ở nhà ăn lớn. Thế rồi nhà ăn

phát lửa, nhóm thực khách kinh hãi hỗn loạn, ông quan và tên đao phủ bị chết thiêu, còn những kẻ khác thì bị phỏng nặng.

Nghiệp tùy hỉ với kẻ khác cũng làm chúng ta bị vạ lây. Mỗi khi trông thấy người mổ heo bò, đánh lộn hoặc cướp giật, nếu không ngăn cản được thì thôi chứ chúng ta đừng khởi tâm đồng tình với họ. Nếu có tâm niệm đồng tình ắt có ngày chúng ta “ăn theo” một chút quả báo của họ. Nhiều kẻ ăn không ngời rồi hay xúm xít xem cảnh một người làm thịt chó với vài ý kiến đóng góp nhiệt tình, hy vọng sẽ được chia ít phần. Họ đâu biết rằng nghiệp nhân đó làm họ đổ thịt chảy máu ở mai sau.

Cũng có trường hợp nhiều người chung tạo nghiệp, nhưng vì thiếu duyên để gặp gỡ nên họ chia ra nhận quả báo riêng rẽ mỗi nơi khác nhau mặc dù quả báo khá giống nhau.

Ví dụ, ba người cùng phát tâm đắp một con đường cho dân làng đi lại dễ dàng. Nhưng do tư tưởng và một số nghiệp khác

lại không giống nhau nên đời sau họ sinh qua ba đất nước khác nhau. Mỗi người đều học ngành xây dựng cầu đường và thành công giàu có tốt đẹp gần như nhau. Trong truyện tích về trưởng lão Losaka Tissa kể rằng vì đời quá khứ, trưởng lão đã đổ kỵ với một vị ALaHán, nên nhiều đời về sau trưởng lão đọa làm chó đói, đến khi trở lại làm người cũng bị đói kém thâm trầm. Trong kiếp cuối cùng, khi ngài đầu thai tại làng đánh cá, cả làng bỗng nhiên bị một tai họa như mất mùa cá, lửa cháy, hồ nước cạn, vua xử phạt. Họ tìm ra sự xui xẻo xuất hiện từ gia đình của đứa bé và đuổi người mẹ có mang ra đi. Bà mẹ đi xin ăn để nuôi con. Khi đứa bé vừa có thể chập chững xin ăn được, người mẹ bỏ trốn! Sau này chú bé được ngài Xá Lợi Phất tiếp độ và được gọi là Losaka Tissa. Mặc dù chúng được đạo quả ALahán, nhưng trưởng lão vẫn chịu sự đói thiếu suốt đời (Luận về Nhân Quả).

Ở trường hợp này, không phải là họ cùng tạo nghiệp chung với trưởng lão từ quá

khứ. Chỉ là do nghiệp của trưởng lão không được sống một cách êm ả, phải lang thang đói thiếu vất vả nên nó thúc đẩy toàn bộ dân làng hiện ra quả báo xấu của họ, để cho họ buộc lòng phải đuổi người mẹ có mang ngài ra đi.

Không hẳn là nghiệp ác đời này sẽ sinh ra quả báo ở đời sau. Nó có thể kéo dài vài trăm năm về sau. Có những nhà tiên tri lừng danh như Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), Nostradamus (1503-1566 Pháp), Jeane Dixon (Mỹ) có thể thấy trước việc tương lai từ rất xa. Nostradamus có thể tiên tri những việc sau đời ông 7000 năm! Cho đến hôm nay khi nghiệm lại các lời tiên tri bóng gió của ông, người ta thấy đúng nhiều chi tiết đến kỳ lạ. Cuộc Cách Mạng Pháp với Công Xã Paris được diễn tả rành mạch; nhân vật De Gaulle được nói đến khá chi tiết... Những sự việc chung này được tiên đoán từ rất lâu chứng tỏ rằng luật Nghiệp Báo từ trong Bản Thể đã sắp xếp quả báo của mọi người khá rõ ràng từ nhiều nghìn năm về trước.

Nostradamus có một sự nhạy cảm tâm linh cao độ, đã “đọc” được tiến trình này dù cho nó chưa hề có dấu hiệu nào nơi không gian vật lý.

Những quả báo chung của mọi người như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn... dường như đã được sắp xếp sẵn từ rất lâu. Đó là sự tập hợp nghiệp của mọi người từ khắp nơi trên thế giới. Ví dụ có ba nghìn người tạo nghiệp ác ở rải rác mọi nơi. Quả báo của họ khá giống nhau là phải chịu một trận phun núi lửa dữ dội. Nhưng nhân duyên để họ quây quần về sống gần nhau dưới chân núi lửa cần phải một thời gian là năm trăm năm sau nữa. Và một vài nhà tiên tri siêu việt đã nhìn thấy sự kiện sẽ xảy ra này.

Có một tai họa chung mà toàn thể nhân loại phải gánh chịu đó là ngày tận thế! Một số tôn giáo đã nói nhiều về ngày tận thế để khuyến khích tín đồ cố gắng tu thiện ngay từ bây giờ. Các nhà khoa học đã chứng minh rằng vào kỷ Gjura đã từng xảy ra một vụ va chạm giữa Địa cầu với một

thiên thể lớn khiến cho các loài khủng long
dường như bị tuyệt chủng đồng loạt. Vào
năm 1988, một vãn thạch lớn cắt ngang
quỹ đạo Địa cầu tại một nơi mà Địa cầu
mới đi qua. Các nhà thiên văn còn e ngại
một sự gặp gỡ tương tự sẽ xảy ra vào lúc
khác . Nếu có một sự va chạm lớn như
vậy, chắc chắn đó là ngày tận thế của
nhân loại. Tuy nhiên, có một ngày tận thế
chắc chắn nhất mà chúng ta không thể
tránh khỏi là sau vài tỷ năm nữa, mặt trời
đã nguội, không còn sưởi ấm cho trái đất
nữa, lúc đó một cái lạnh khủng khiếp tiêu
diệt toàn bộ sự sống nơi hành tinh này. Từ
nay tới ngày đó còn quá xa để cho chúng
ta phải lo sợ, chỉ sợ những tai họa bất ngờ
xảy ra ngoài dự kiến của con người, và
xảy ra trong thời gian rất gần khi mà con
người chưa đủ khả năng bùng nổ, kéo
sang một hành tinh khác để lánh nạn.
Tận thế, một quả báo chung của toàn thể
sinh vật (nhất là động vật) là do nghiệp
nhân gì của mọi người?

Cái chết tập thể này là do tất cả mọi người

cư ngụ trên quả đất, vì sự sống của mình đã thường xuyên tạo các nghiệp PHÁ HOẠI SỰ SỐNG LẤN NHAU.

Những loài vật có khả năng hơn đã ăn thịt các loài vật kém khả năng hơn. Con cọp mạnh bắt đi con dê yếu đuối, vồ đi con người mảnh mai. Con cá lớn nuốt con cá bé. Con người thì đủ thông minh để có thể giết tất cả các loài khác và đồng loại của mình.

Việc giết hại động vật có tâm thức thường gây nên các quả báo rõ ràng trong thời gian gần như vài năm, vài kiếp, vài trăm năm. Kẻ thủ phạm phải chịu đền trả một mình (nghiệp riêng) như bị thương tật, bị chết chóc; hoặc phải chịu tai họa chung với nhiều người khác (nghiệp chung) như bị các thiên tai, bệnh dịch, tai nạn giao thông.

Có một nghiệp “hủy hoại sự sống” rất âm thầm khó thấy nhưng quả báo của nó đủ sức đưa đến tận thế, đó là sự chặt phá cây cối. Thực vật có sự sống và có tâm linh, một tâm linh đơn giản. Tuy thực vật

không biết đau đớn nhưng ai hủy diệt sự sống của thực vật (nhất là phá rừng) cũng đã tự chuốc lấy quả báo bị hủy diệt sự sống của chính mình về sau. Toàn thể nhân loại mỗi ngày đều tiêu diệt sự sống màu xanh trên hành tinh để làm món ăn (rau), để làm vật dụng (gỗ), để làm nhiên liệu (củ). Cái nhân tiêu diệt sự sống màu xanh đó tích lũy qua nhiều kiếp, nhiều triệu năm, nhiều tỷ năm, ắt phải đưa đến sự tận thế ghê gớm.

Đối với không gian vật lý, việc phá rừng có nguy hại trầm trọng đến với sinh thái Địa cầu. Những khu rừng già rậm rạp có chức năng lọc không khí như một bộ phổi của hành tinh, rừng hấp thu nhiệt độ của ánh sáng làm dịu bớt cái nóng của mặt trời và giữ độ ẩm cho không khí; rễ cây rừng giữ nước mưa để không làm thành lũ lụt, giữ độ ẩm cho đất khi không còn mưa khiến cho mạch nước được duy trì trong suốt mùa khô. Phá rừng là một hành vi tự hủy diệt chính mình, nhưng không đủ để gọi là gây nên tận thế. Cái quả báo tận thế được

nói đến ở đây chính là dựa vào không gian tâm linh. Sự tiêu diệt sự sống của cây cối, tiêu diệt tâm linh đơn giản của cây cối tạo thành một quả báo trầm trọng hơn chúng ta nghĩ theo không gian vật lý. Nó âm thầm tích lũy dần dần để đưa đến một tai họa khủng khiếp cho toàn thể loài vật đến nỗi đáng được gọi là tận thế.

Chúng ta sẽ đặt vấn đề nếu không sử dụng thực vật, dù trực tiếp hay gián tiếp thì con người làm sao giải quyết nhu cầu đời sống, và chính vì đã chung nhau tích lũy nghiệp hủy diệt sự sống màu xanh nên ngày tận thế của nhân loại là điều không tránh khỏi. Nhưng dù sao, đối với dòng luân hồi vô tận sinh tử sinh tiếp nối mãi thì cái chết lúc tận thế có gì quá quan trọng để chúng ta phải sợ hãi đâu ? Miễn là chúng ta có một sự nghiệp phước đức cực kỳ lớn đã tích lũy nhiều đời đủ đưa chúng ta đi sang một kiếp sống mới, ở một hành tinh khác vui sướng hơn Trái đất gấp bội lần.

Sau ngày tận thế, kẻ nhiều tội sẽ tái sinh

qua một hành tinh đầy khổ sở, biến động, hoang dã. Kể có phước sẽ tái sinh qua một hành tinh văn minh, tiện nghi, hạnh phúc tràn trề. Dòng luân hồi vẫn tiếp tục lăn mãi trừ phi kẻ nào đã chứng đạt Bản Thể Tuyệt Đối để giải thoát hoàn toàn mới không bị luân hồi chi phối.

Nếu nhân loại cứ bạo tàn hủy diệt sự sống lẫn nhau và sự sống màu xanh của thực vật thì ngày tận thế sẽ đến gần hơn. Nếu nhân loại biết bồi đắp giữ gìn sự sống lẫn nhau, giữ gìn sự sống màu xanh cây cỏ thì ngày tận thế sẽ dang ra xa mãi, nhưng dù sao ngày tận thế cũng phải đến khi mặt trời bắt đầu nguội. Luật vô thường sinh-trụ-hoại-không- là điều không tránh khỏi.

Thế nên, có mặt trên cuộc đời này, chúng ta hãy trân trọng sự sống của muôn loài, dù đó là con người, thú vật hay cây cỏ lá hoa. Hãy thương yêu và giữ gìn tất cả để góp phần đẩy lùi ngày tận thế ra xa hơn.

8- GIÚP ĐỠ

Hành động giúp đỡ được thể hiện qua nhiều cách, hoặc bằng lời nói hướng dẫn

cách thức làm ăn mua bán cho người, hoặc bằng hành động làm giúp công việc nặng nhọc cho người, hoặc bằng cách cho, tặng (bồ thí cúng dường) tài vật đến người. Từ sự giúp đỡ như thế, người khác được dễ dàng trong cuộc sống hơn, nghĩa là họ được vui sướng hơn.

Mỗi một sự giúp đỡ cho người khác sẽ tạo thành một hay nhiều quả báo lành ở vị lai cho chúng ta. Ví dụ anh Hai đã giúp ông Tám dựng lại ngôi nhà sau cơn hỏa hoạn. Hành vi giúp đỡ của anh Hai đem lại cho ông Tám những lợi ích sau đây:

- Gia đình ông Tám có nơi ẩn trú, tránh được mưa nắng và bớt bị bệnh tật.
- Tài sản còn lại như một số quần áo, giường ghế được cất giữ tử tế tránh được mất mát.
- Ông Tám nhanh chóng ổn định, xây dựng lại kinh tế gia đình.
- Gia đình ông được vui bớt nỗi buồn vì thấy có sự quan tâm giúp đỡ của láng giềng.

Mỗi lợi ích của gia đình ông Tám sẽ kết

thành một quả báo lành cho anh Hai ở vị lai.

Sau này ngay ở trong kiếp hiện tại hoặc những kiếp vị lai. Anh Hai thường có nhà cửa ổn định, không phải bệnh tật vì phải phơi mình giữa mưa nắng, tài sản ít bị mất mát vì có nơi cất giữ an toàn, nhanh chóng ổn định về kinh tế, luôn luôn được mọi người quan tâm giúp đỡ.

Nếu một người suốt đời tích lũy nghiệp từ thiện, thường xuyên giúp đỡ mọi người một cách nhiệt tình, quả báo dành cho họ là sự thành công vinh quang rực rỡ ở những kiếp về sau.

Trong cuộc sống có những người làm chơi ăn thiệt, họ được thần may mắn mỉm cười, những dự định đều được tiến hành suôn sẻ. Đôi khi mọi người phải ngạc nhiên về sự may mắn liên tiếp của họ. Tất cả đều bắt nguồn từ hành vi giúp đỡ kẻ khác trong quá khứ! Thiếu làm việc từ thiện, cuộc đời chúng ta sẽ kém may mắn.

Tuy nhiên tùy theo tính chất của việc làm từ thiện mà chúng ta sẽ đạt được quả báo

lành về sau một cách khác nhau.

Ví dụ nếu đời trước chúng ta dùng lời nói để chỉ bảo cho người khác đi đến thành công. Nhờ sự chỉ bảo này họ gặt hái được kết quả tốt đẹp. Quả báo về sau của chúng ta là dễ dàng, may mắn tiếp nhận được những phương pháp tốt để hành động, nhưng trên bước đường hành động chúng ta phải nỗ lực bởi chính khả năng của mình, ít được sự giúp đỡ chia xẻ gánh nặng bởi vì trước kia chúng ta chỉ giúp đỡ người khác chứ không “làm giùm” cho họ. Ví như chúng ta chỉ cho một người đi về ngọn núi phía Tây mà đào vàng nhưng không đi đào giúp họ. Về sau tuy chúng ta cũng được chỉ vẽ phương pháp làm ăn mua bán (hay học tập), nhưng phải làm lấy tất cả bởi sức lực của mình.

Nếu chúng ta hay giúp đỡ kẻ khác về tài vật nghĩa là bố thí hoặc cúng dường, khiến cho kẻ khác không tốn công sức mà vẫn có tài sản, thì quả báo chờ đợi chúng ta là thường gặp những may mắn kỳ lạ để có được tiền mà không cần phải cực nhọc

nhiều như trúng số, hoặc tìm thấy kho tàng, hoặc kinh doanh lời hơn mức dự tính, hoặc được thừa kế gia tài của tiền nhân.

Lisa Marie Presley mới 9 tuổi đã thừa kế một gia tài kếch sù của cha cô là vua nhạc Rock Elvis Presley khi ông qua đời vì bệnh tim.

Một số người mua nhằm tờ vé số trúng độc đắc. Một người mua khu vườn, đã đào phải hũ vàng khi sửa sang lại khu vườn đó.

Vô số trường hợp không làm mà hưởng như thế đều là quả báo của sự bố thí tài vật lớn lao từ những kiếp trước.

Phần đông còn lại ai cũng phải làm mới có ăn. Tuy nhiên với công lao khó nhọc của tâm hồn và thể xác giống nhau, nhưng sự thành công mỗi người lại khác nhau. Có những người từ kẻ mua đồ đồng nát dạo, gánh trên vai rao mua ve chai (phế liệu), sau này trở thành tỷ phú lừng lẫy một thời như chú Hỏa ở Chợ lớn. Hoặc từ một đại phú như Âu Vinh có tiền cho vay khắp cả

Sài gòn thuở trước, bây giờ chết không có hòm chôn tại HongKong. Riêng Âu Vinh có một đặc tính là không bao giờ bỏ thí từ thiện một xu nhỏ “Hãy bảo họ ráng làm mà ăn” ! Đó là câu trả lời cho đoàn lạc quyền cứu trợ khi đến gặp ông ta.

Mức độ thành công của chúng ta ở kiếp này tùy thuộc vào mức độ chúng ta giúp đỡ mọi người ở kiếp trước. Nghiệp từ thiện càng nhiều thì sự thành công càng lớn lao.

Đôi khi chúng ta nhìn lại cuộc đời mình và không tránh khỏi giật mình sợ hãi. Bao nhiêu năm tháng bình an trôi qua, chúng ta làm việc và sống một cách êm đềm. Thỉnh thoảng có một vài biến động nhỏ không đáng kể. Nhưng khi tính sổ lại, dường như suốt thời gian vừa rồi chúng ta chưa làm được việc thiện nào cả, chưa giúp đỡ ai một cách tận tình có ý nghĩa. Khi nhìn lại điều này chúng ta cũng “nhìn thấy” luôn về kiếp sau, dường như sẽ không có sự may mắn nào đến với chúng ta, sẽ không có một thành công đặc biệt

nào cho đời sống kế tiếp.

Như vậy, không siêng năng làm việc từ thiện là một sai lầm, một sự kém hiểu biết, một sự thiếu sót nghiêm trọng trong cuộc đời.

Ở phương diện khác, quả báo của sự giúp đỡ tùy thuộc vào đối tượng được giúp đỡ. Nếu chúng ta giúp đỡ cho một vị Thánh cao cả để vị này sống một cuộc đời đẹp để thánh thiện với một nội tâm bình an vô hạn, với một đạo đức hoàn hảo tuyệt vời. Sự tốt đẹp còn lan tỏa cho nhiều người khác khi vị thánh ấy rao giảng về đạo đức, thiên định và giải thoát cho mọi người. Với một “đối tượng” như thế, sự giúp đỡ - cúng dường đem đến một quả báo cực kỳ vinh hiển ở vị lai. Chúng ta đã đem hạt giống gieo trên mảnh đất vô cùng màu mỡ và sẽ gặt hái một vụ bội thu về sau.

Khi nói về một triệu phú vừa chết ở thành Vương Xá, không con để thừa kế nên vua Pasenadi cho sung công tài sản, Đức Phật bảo rằng nhiều kiếp về trước, ông ta thường hay cúng vật thực cho một vị đạo

giác Phật khất thực ngang nhà. Kết quả trở lại là bảy đời liên tiếp ông luôn được giàu sang sung túc. Chỉ vì có lần ông đã giết người con trai duy nhất của người anh mình nên ông mắc quả báo là không bao giờ có con để kế thừa tài sản sau khi đã trả xong quả báo giết người kia với hình phạt vô cùng đau đớn.

Ở mức độ thấp hơn, đối tượng được giúp đỡ là một người bình thường, cũng có những buồn thương giận ghét trong đời sống hằng ngày như mọi người. Với một đối tượng như thế, quả báo đem lại cho thí chủ là những sự may mắn vừa phải, không đặc biệt lắm. Tuy nhiên, nếu tích lũy nhiều nghiệp thiện như thế, chúng ta cũng đạt được phước báo lớn lao.

Thế rồi, với sự hiểu biết Nhân Quả sâu sắc, chúng ta đã lựa chọn đối tượng để giúp đỡ, lựa những người có đạo đức tốt đẹp để cúng dường vì mong sẽ được quả báo lớn lao về sau và không ngó ngang tới những người bình thường vốn dày đặc trên cuộc đời bụi bặm này. Như vậy, rõ

ràng hành vi giúp đỡ của chúng ta không xuất phát từ tấm lòng thương yêu kẻ khác. Chúng ta chỉ lợi dụng luật Nghiệp Báo để mưu cầu lợi ích cho bản thân mình về sau. Với ý tưởng như thế chúng ta chỉ có phước (vì đã làm lợi ích cho người khác) mà không có đức (vì xuất phát từ một tâm hồn vị kỷ). Phước mà không có đức cũng giống như nhà không có nền móng vững chắc, sự sụp đổ là điều không tránh khỏi. Sau này, tuy được giàu sang sung sướng nhưng tâm hồn chúng ta vẫn đầy những mưu toan ích kỷ hẹp hòi. Chính khuynh hướng vị kỷ này sẽ thúc đẩy chúng ta tạo những nghiệp bất thiện để rồi chuốc lấy đau khổ về sau.

Vì thế, chúng ta hãy trang bị cho tâm hồn mình một tình thương yêu rộng lớn đối với mọi người, mọi loài, hãy giúp đỡ họ qua cơn khốn khó, hãy làm tất cả vì họ chứ không phải vì quả báo của mình mai sau. Ở khía cạnh khác, chúng ta phải cẩn thận khi giúp đỡ kẻ ác, bởi vì có thể từ sự giúp đỡ này họ có thêm phương tiện hãm hại

người khác. Và như vậy sự giúp đỡ của chúng ta tới với họ sẽ tạo cho chúng ta một quả báo xấu về sau giống như chúng ta đã tiếp tay cho họ tạo ác nghiệp.

Nói như thế không có nghĩa là chúng ta ruồng bỏ kẻ xấu, không giúp đỡ gì cho họ. Lòng từ bi không cho phép chúng ta hạn chế sự giúp đỡ của mình đối với mọi người. Chỉ là, đối với kẻ xấu, chúng ta vừa giúp đỡ họ qua cơn khó khăn, vừa khéo léo dẫn dắt họ về với đạo đức. Con người chỉ chịu nghe lời khi họ đã thọ ân. Các vị Bồ Tát đi vào sinh tử để hóa độ mọi người cũng phải tuân theo quy luật này, nghĩa là phải tạo ân nghĩa cho mọi người rồi mới dùng lời nói để đưa họ về với đạo đức. Chúng ta chưa phải là Bồ Tát đã chứng ngộ nhưng cũng có thể bắt chước hạnh Bồ Tát bằng cách bố thí để giáo hóa cho kẻ xấu.

Sự giúp đỡ đối với kẻ xấu đòi hỏi nơi chúng ta một sự kiên nhẫn, khôn khéo và độ lượng. Chúng ta vẫn phải giúp họ mà vẫn không tạo điều kiện cho họ làm ác, chỉ

làm sao cho họ chuyển hóa tâm hồn để trở thành người tốt cho xã hội mà thôi. Tùy theo tình hình giúp đỡ, chúng ta sẽ nhận lại một quả báo tương ứng. Ví dụ người thường hay dùng sức lực để làm lụng đỡ đần cho kẻ khác, quả báo trở lại là sức mạnh sung mãn. Và với sức mạnh này họ vươn tới thành công.

Ví dụ, người thường hay phụ giúp xây cất trường học, giúp đỡ việc học hành của người khác, quả báo trở lại là học giỏi, bằng cấp cao và có nhà cửa khang trang rộng rãi.

Ví dụ, người thường hay lo việc thắp sáng công cộng, quả báo trở lại là được đôi mắt tinh tường.

Người thường hay lo việc cứu trợ cho những nạn nhân bị thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh... quả báo trở lại là được yên ổn trong cuộc sống, nếu vừa gặp bất trắc liền có người giúp đỡ.

Người thường hay bênh vực kẻ cô thế, yếu đuối, oan ức... quả báo trở lại là được thể lực lớn (để cho không có ai dám ăn

hiếp).

Có một số người đang giàu có sung mãn, bỗng do một biến động trong việc kinh doanh, hay tai nạn liền trở thành một người nghèo khổ túng thiếu. Quả báo này xuất phát từ đời trước họ hay làm việc thiện, bỗng qua một lần nóng giận đã rũ bỏ tất cả, phá hoại tất cả.

Bà Thái là một hội viên đắc lực của một hội từ thiện. Bà đã đóng góp cả tài sản và công sức rất nhiều cho hoạt động từ thiện suốt một thời gian dài. Thế rồi trong một lần tranh cãi với bạn bè về địa vị trong hội, bà bất mãn ra khỏi hội và ngăn trở hội tiếp tục hoạt động.

Hoặc một ông phật tử thường lo lắng công quả cho ngôi chùa trong làng với các nghi lễ và các hoạt động phước thiện xã hội. Sau một lần bị va chạm tự ái ông đã chấm dứt sự công quả của mình.

Quả báo của những trường hợp như thế là ở những kiếp sau, sự thành công bỗng ngưng bị đổ vỡ, bị dừng lại.

Thế nên, đối với các việc thiện, chúng ta

phải phát tâm kiên trì trường viễn. Đừng vì những việc nhỏ nhặt mà tự phá hoại thiện nghiệp của mình, Phải tích lũy mãi, tích lũy mãi từng chút phước nghiệp bằng cách hề có cơ hội là giúp đỡ người khác không tiếc công.

Có một người thưở niên thiếu gian nan vất vả, đến khi trưởng thành mới đạt được may mắn, thành công. Có hai nguyên nhân của quả báo đó.

Một là do từ kiếp trước, lúc còn trẻ họ chỉ mãi lo vui đùa học hành, không làm được nghiệp phước nào. Đến lớn tuổi, có ý thức, họ bắt đầu làm việc từ thiện. Qua kiếp sau, thời gian tương ứng với từng giai đoạn là thiếu thời bình thường, đến trưởng thành mới bắt đầu thành công.

Hai là do từ kiếp trước, họ ít quan tâm giúp đỡ người nhỏ tuổi, chỉ để ý đến người lớn tuổi. Quả báo trở lại là khi còn nhỏ tuổi họ kém may mắn, đến khi lớn tuổi mới gặt hái nhiều tốt đẹp.

Có nhiều người than thở rằng họ thường bị phản bội bởi những kẻ đã thọ ân của

họ. Họ mất niềm tin với luật Nghiệp Báo vì thấy rằng họ không hưởng được sự tốt đẹp nào từ hành vi giúp đỡ người khác. Tại sao sự tử tế của họ được đáp lại bằng thái độ vong ân tráo trở?

Có nhiều nguyên nhân của hiện tượng đó. Có thể là lỗi không phải từ nơi người thọ ân. Họ cũng biết ơn và mong muốn có dịp đền trả. Nhưng họ thấy khó gần gũi ân nhân vì ân nhân này luôn kể công và tự phụ. Người thọ ân cảm thấy bị sỉ nhục và khó chịu khi đến gần một ân nhân như thế. Đôi khi họ ân hận vì đã lỡ thọ ân với một con người tầm thường kiêu hãnh đó.

Cũng có thể là lỗi xuất phát từ nơi người thọ ân vì người này quá vị kỷ, chỉ lo cho mình, chỉ nghĩ đến cái được mất của mình mà quên đi ơn nghĩa của người khác. Nếu gặp phải hạng người này chúng ta chỉ nên cười xòa rồi bỏ qua vì người cao thượng có bao giờ “Thi ân cầu báo” đâu, phải không bạn?

Đối với luật Nghiệp Báo, không bắt buộc rằng quả báo lành phải do nơi kẻ thọ ân

đền trả. Nếu khi thọ ân người này có khởi ý niệm đền ơn thì sau này (có thể qua nhiều kiếp) chính họ sẽ đền ơn một cách mỹ mãn. Trong cuộc đời thỉnh thoảng chúng ta gặp một vài người tốt với ta một cách đặc biệt, giúp đỡ chúng ta đủ điều. Có thể họ đã chịu ơn chúng ta từ kiếp trước và có khởi ý niệm đền trả.

Đối với người vong ân, không có ý muốn đền ơn, thì quả báo lành sẽ đến từ vô số trường hợp khác. Hoặc chúng ta được trúng số, hoặc kinh doanh gặp thời thu lợi bội phần, hoặc được những người tốt giúp đỡ (người tốt này không phải là kẻ đã chịu ơn ta).

Chúng ta sẽ thấy nghiệp tác động vào tận trong tâm thức của mỗi người.

Một tên cướp với tâm hồn nhuốm đầy sự ác độc, luôn sẵn sàng mưu hại kẻ khác, thế nhưng khi quan sát trên đường phố để tìm đối tượng đánh cướp, tâm ác độc của hắn chỉ khởi dậy khi trông thấy người có tạo ác nghiệp, và dường như bỏ qua những người không có ác nghiệp trong

quá khứ.

Cũng vậy, một nhà hảo tâm luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người, nhưng khi gặp một kẻ đã gieo nghiệp bòn xén quá nhiều, tâm tốt của ông dường như lơ đãng chìm lặng không khởi dậy, khiến cho ông quên đi việc giúp đỡ kẻ đó. Và tâm ấy chỉ khởi dậy mạnh mẽ khi gặp những người đã gieo nghiệp thiện từ quá khứ.

Thế nên, một người gieo ác nghiệp quá nhiều, đi đến đâu chỉ đánh thức ác tâm của mọi người chung quanh khiến cho họ chỉ chực muốn hại mình, xua đuổi, mắng chửi mình. Ngược lại, một người gieo thiện nghiệp quá nhiều, đi đến đâu đều khơi dậy thiện tâm của mọi người, khiến cho mọi người phải đổi xử tử tế.

9- GIAO THÔNG

Trong các việc phước thiện, đắp đường, bắt cầu là việc thiện được nhiều người ca ngợi.

Giao thông là yếu tố vô cùng quan trọng

trong sinh hoạt của xã hội. Ngay trong ngôi nhà nhỏ bé của chúng ta cũng cần phải có lối đi; rời từ làng này sang làng khác, vùng này sang vùng khác tất cả đều cần đường sá để giao lưu qua lại. Người ta đi lại để làm ăn, mua bán, học tập, thăm hỏi... Hầu hết mọi sinh hoạt của con người đều dính líu với đường đi (kể cả đường hàng không, và đường thủy), nếu đường sá bị tắc nghẽn, sinh hoạt của con người sẽ gặp nhiều trở ngại, thậm chí còn gây nên tai nạn nghiêm trọng. Một người lái xe hai bánh đi từ Sài Gòn về Tây Ninh, bị vấp vào ổ gà, ngã soài xuống đường. Chiếc xe lớn từ sau lướt tới cán anh chết tại chỗ. Hiện nay, ở các quốc gia tiên tiến, đường sá thuộc về công trình quốc gia được thi công với kỹ thuật cao. Những đường xa lộ cao tốc, đường ray xe lửa cao tốc được thực hiện rất hoàn hảo. Mạng lưới giao thông trong quốc gia, liên quốc gia được phát triển không ngừng. Anh và Pháp đã hoàn thành đường ngầm xuyên biển Manche để nối liền hai quốc gia bằng

đường bộ đi dưới đáy biển.

Thuở xưa, kỹ thuật thi công cầu đường còn đơn sơ kém cỏi. Những con đường đất bụi bặm, đường sá lổm chổm nối các làng mạc, thị trấn lại với nhau. Họ phải vượt qua những đường đèo hiểm trở, những dòng sông chảy mạnh bằng đôi chân hoặc bằng sức ngựa. Ngay cả ngồi trên một chiếc xe ngựa có bánh tròn cũng không sung sướng gì vì dằn xóc dữ dội.

Do giao thông bị hạn chế nên sự giao lưu văn hóa, phát triển xã hội bị thu hẹp.

Trong bối cảnh đó, việc tu sửa đường sá, nối bắt cầu cống luôn luôn là việc làm cần thiết và được mọi người tán thán. Đối với luật Nghiệp Báo, phước của hành vi đắp đường bắt cầu cực kỳ lớn lao. Những quả báo lành xuất phát từ nghiệp thiện đó có thể kể ra như sau:

- Vì làm cho sinh hoạt của mọi người được thuận tiện nên mọi sinh hoạt, mọi dự định của mình đều được trôi chảy tốt đẹp.
- Vì làm cho người đi đường được an toàn nên chính mình không gặp tai nạn khi đi

đường.

- Vì khiến cho mọi người dễ dàng đi lại nên chính mình sẽ được khỏe mạnh, không bị tật nguyền, lệch lạc.

- Nếu dùng sức lực để đắp đường, quả báo trở lại là được sức khỏe hơn người khiến cho gặt hái nhiều thành công trong lao động.

- Nếu dùng tiền bạc để thuê người làm, quả báo trở lại là được giàu có sung mãn.

- Luôn luôn được xe cộ xanh xang, di chuyển thuận lợi.

Hạnh đắp đường bắt cầu được chú trọng đến nổi trong kinh điển của Phật giáo Bắc Tông xuất hiện một vị Bồ Tát tên là Trì Địa với hạnh nguyện mãi mãi thị hiện vào sinh tử để gieo duyên với mọi người bằng cách tu sửa cầu đường.

Vua Asoka chỉ hãnh diện vì đã trồng cây lấy bóng mát ven đường cho khách bộ hành, đào giếng ven đường cho khách uống.

Một câu chuyện cảm động được kể trong “Góp nhặt cát đá” (Bản dịch Đỗ Đình

Đồng) như sau:

Zenkai, con trai một Samurai, du hành đến Edo và trở thành người hầu cận của một viên chức cao cấp ở đó. Zenkai yêu người vợ của viên chức này và việc đó bị phát giác. Để tự vệ, Zenkai giết người chồng và dẫn người vợ tẩu thoát.

Sau đó cả hai trở thành những tên ăn cắp, nhưng người đàn bà quá tham lam khiến Zenkai trở nên khinh bỉ. Cuối cùng Zenkai bỏ người đàn bà và đến một tỉnh xa tên là Buzen. Ở Buzen để chuộc lại dĩ vãng Zenkai quyết định làm một vài việc tốt trong đời. Biết trên sườn núi đá có một con đường nguy hiểm đã làm nhiều người bị thương và thiệt mạng, Zenkai quyết định đào một con đường hầm xuyên qua núi đá.

Ban ngày xin ăn, ban đêm đào núi. Khi Zenkai hơn 30 tuổi thì đường hầm đã đào được dài 695 thước, cao 6 thước, rộng 9 thước.

Hai năm trước khi công việc hoàn thành, một người con trai của viên chức bị Zenkai

giết, đã học kiếm và trở nên một người giỏi kiếm thuật, tìm được Zenkai và muốn giết Zenkai để báo thù cho cha.

Zenkai nói:

“Tôi sẽ dâng mạng cho anh, nhưng hãy cho tôi làm xong công việc này. Khi công việc hoàn thành anh có thể giết tôi cũng được.”

Người con trai đồng ý đợi đến ngày xong việc. Nhiều tháng trôi qua và Zenkai vẫn tiếp tục đào đường. Người con trai trở nên chán nản vì không có việc gì làm nên anh bắt đầu giúp Zenkai đào đường. Sau khi giúp Zenkai hơn một năm, anh ta trở nên kính phục dũng chí và tư cách của Zenkai. Cuối cùng con đường hầm đã hoàn thành và người ta có thể qua lại an toàn.

Zenkai bảo:

“Bây giờ việc đã xong rồi, hãy chém đầu tôi đi!”

“Làm sao con có thể cắt đầu thầy được?”

Người thanh niên hỏi qua làn nước mắt.

Ở câu chuyện này công hạnh khổ nhục đào đường hầm của Zenkai đã xóa được

mối thù sâu đậm của người con trai. Ngoài việc này Zenkai còn hưởng vô lượng phước ở vị lai. Tuy nhiên, dù sao ông cũng phải trả quả báo giết người và đoạt vợ ở một kiếp khác.

Một người phật tử bán sữa đậu nành ở Phan rang đã “công quả đắp đường” bằng cách bồi dưỡng sữa cho công nhân đắp đường gần đó.

Ở nước ta lao động đắp đường có vẻ nặng nhọc và ít được coi trọng. Nhưng không có ai ngờ là họ đang tạo phước rất lớn. Sự giúp đỡ bồi dưỡng cho công nhân làm đường luôn luôn là điều đáng khuyến khích, cũng giống như chính chúng ta chung sức làm đường vậy. Hoặc nhặt mảnh vỡ, gai góc trên đường để tránh cho người sau khỏi dẫm đạp cũng là điều rất tốt.

Đôi khi chúng ta cũng cảm thấy buồn khi đi qua xóm nhỏ có những đoạn đường hư lổ, những vũng nước ứ đọng tro tro trước mắt mọi người. Đó là những cơ hội để mọi người có dịp làm phước, nhưng họ bình

thần vô tư bỏ qua. Những lợi ích chung của thôn xóm mà không ai thèm đoái hoài thì nói gì đến lợi ích của quốc gia, của nhân loại! Một đất nước chỉ phát triển khi những con người trong đất nước đó luôn luôn biết nghĩ đến lợi ích của toàn thể hơn là lợi ích của cá nhân.

Ngược lại với thiện nghiệp đắp đường là ác nghiệp phá đường. Người làm ngăn trở giao thông cũng sẽ chịu quả báo tương xứng như di chuyển khó khăn, sinh hoạt bị trở ngại, tật nguyền ở chân và nghèo khó. Đối với các công trình phúc lợi công cộng như đường sá, cầu cống, nếu không bảo vệ được thì thôi, chúng ta đừng vì lợi ích riêng mình mà xâm phạm làm cho hư hỏng. Quả báo về sau sẽ khó chịu vô cùng. Nhu cầu về giao thông trên thế giới càng lúc càng tăng. Xe máy được sản xuất ồ ạt. Nạn kẹt xe thường xuyên xảy ra. Phải chăng vì có phương tiện dễ dàng nên con người càng muốn di chuyển nhiều hơn? Sở làm ở xa nhà là một yếu tố chính làm cho giao thông bị tắc nghẽn ở những giờ

cao điểm.

Trong tương lai không xa, phương tiện viễn thông được hoàn thiện sẽ giải tỏa bớt nhu cầu đi lại của con người. Với hệ thống truyền hình điện thoại được điều khiển tự động bởi máy điện toán, người ta có thể ở nhà mà vẫn dự được các buổi hội nghị, vẫn điều khiển công việc của sở làm.

Thậm chí người công nhân có thể ở nhà mà vẫn điều khiển cỗ máy hoạt động bình thường qua máy viễn thông điện toán.

Nhưng điều đó không làm cho con người chám dứt mộng ước đi của họ. Họ sẽ lao tâm khổ tứ để đi đến các hành tinh khác. Con người vẫn còn ham đi lắm.

10- ĐIỆN MẠO

Sinh ra giữa đời ai cũng muốn mình được xinh đẹp. Giá trị của sắc đẹp lớn lao đến nỗi người ta thường tổ chức các cuộc thi hoa hậu để tìm ra những người đẹp nhất.

Người đoạt giải, ngoài món tiền thưởng hậu hỉ, còn được săn đón bởi các hãng phim, các hãng thời trang lớn.

Hầu hết các diễn viên thủ vai chính đều

phải có diện mạo nổi bật để thu hút cảm tình của khán giả.

Trong giao tiếp xử thế, người có gương mặt khả ái dễ dàng thành công hơn.

Sắc đẹp như là một cái phước dành sẵn để người đó đi đến đời sống sung sướng khi cơ hội mở ra. Ngược lại, người có diện mạo xấu xí thật là một bất hạnh trong đời, ít được cảm tình của mọi người và do đó dễ bị thất bại. Sự xấu xí làm cho con người đau khổ, và thậm chí viện đã giàu to nhờ giúp cho người xấu trở nên dễ coi hơn.

Có nhiều nghiệp nhân khác nhau để tạo thành một quả báo diện mạo đẹp đẽ.

Khi hoàng hậu Mallika hỏi Đức Phật về nguyên nhân đẹp xấu, Đức Phật trả lời rằng người có tâm nhu hòa, nhẫn nhục sẽ được đẹp đẽ và kẻ có tâm sân hận sẽ chịu xấu xí.

Đức Phật cho rằng nét đẹp được tạo nên từ một tâm lý đạo đức có giá trị hơn những loại khác. Người ta có thể gây nhiều nghiệp nhân khác để tạo ra quả báo

xinh đẹp, nhưng nét đẹp tạo nên từ một đức tính tốt vẫn là nét đẹp chân thật.

Trong lịch sử nhân loại không hiếm gì những người đàn bà đẹp với nhiều thủ đoạn độc ác để chiếm đoạt quyền hành và gây sóng gió khắp nơi. Cái phước xinh đẹp của họ được gây tạo từ một nhân nào đó không phải là đạo đức chân thật. Từ nơi cái phước xinh đẹp này, họ đạt được vinh quang và gieo rắc đau khổ cho người khác.

Đức Phật không khuyến khích người ta tìm sắc đẹp bằng những nghiệp nhân tạm bợ khác, ngài nhấn mạnh đạo đức bên trong làm căn bản cho sắc đẹp bên ngoài. Đó mới là một sắc đẹp nhân hậu và bền vững.

Thật vậy, mỗi khi nổi giận, chúng ta đã tự tạo cho mình một gương mặt nhăn nhó khó coi với mắt trợn, mày nhăn, miệng quặm, răng nhe... nhiều lần tự tạo nét mặt như thế, kiếp sau nét mặt khó coi đó sẽ trở thành cố định lâu dài. Với người hiền lành từ ái, vẻ mặt hiện ra là đôi mắt ân

cần, miệng cười vui vẻ, gương mặt bình
thản nhẹ nhàng. Lâu dần, nét mặt dễ coi
đó sẽ trở thành cố định ở kiếp sau.

Trong cuộc đời chúng ta vẫn gặp nhiều
người đẹp đẽ, nhưng có những tính chất
khác nhau. Có nét đẹp gây nên sự quý
mến kính trọng trong sạch; có nét đẹp gây
nên sự ham muốn chiếm đoạt thấp hèn.
Có nét đẹp bày tỏ sự cao thượng từ tốn.
Có nét đẹp lộ ra sự kiêu hãnh tự phụ. Có
nét đẹp kín đáo. Có nét đẹp lẳng lơ... Sở
dĩ có sự sai khác giữa các nét đẹp bởi vì
mỗi người đã gieo những nghiệp nhân
khác nhau.

Nếu người tạo nên nét đẹp từ nơi tâm lý
đạo đức thuần thực, nét đẹp này sẽ toát ra
vẻ thánh thiện, hiền lành, khả kính.

Nếu người thường hay mang hoa trang trí
đền thờ các bậc thánh, họ sẽ được cả hai
quả báo. Một là sắc đẹp như ngàn đóa
hoa kết tụ, hai là sẽ được các công hạnh
như các bậc thánh. Mỗi tôn giáo đều có
thờ các vị Thánh đặc trưng riêng. Người
tín đồ cúng dường hoa cho vị Thánh nào

sẽ trở nên giống hao hao phong cách của vị Thánh đó. Hoặc một người không theo tín ngưỡng, chỉ đem hoa trang trí tại tượng của các vĩ nhân thế giới, cũng sẽ gặt hái được kết quả tương tự. Tâm sùng kính một Thánh nhân hoặc vĩ nhân sẽ gây thành quả báo giống hao hao phong cách của vị đó.

Nếu người ít có chê bai kẻ khác, thường hay khen ngợi điều tốt lành của mọi người, cũng sẽ thành tựu được quả báo có hình dáng đẹp đẽ. Họ ít chê bai ai nên không bị xấu xí để bị chê bai trở lại. Họ hay khen ngợi nên được vẻ đẹp để được khen ngợi trở lại.

Nếu người hay dùng tài năng để tô vẽ tranh tượng của các vị Thánh, làm tôn thêm vẻ khả kính của các Ngài, quả báo đẹp đẽ là điều hiển nhiên. Còn những họa sĩ hay vẽ tranh biếm họa, chuyển gương mặt của các nhân vật nổi tiếng sang dạng méo mó, kỳ cục, hài hước sẽ phải chịu quả báo có gương mặt rùng rợn, quái đản ở kiếp sau.

Có người, để cầu phước, đã đem tiền cất chùa, xây nhà thờ, tạo cảnh, đắp tượng, trang trí điện đài... Họ rất tốt với ngôi chùa, với nhà thờ, với tượng Phật, tượng Chúa nhưng không tốt với mọi người chung quanh. Quả báo trở lại là họ được diện mạo đẹp đẽ nhưng để lộ ra vài nét vỹ hẹp hòi mà một người tinh ý sẽ nhìn thấy. Đúng là nếu biết gieo nhân, một người vẫn có thể tạo cho mình một quả báo có diện mạo đẹp đẽ về sau, nhưng nét đẹp đó không liên quan tới đạo đức. Mặc dù đẹp nhưng họ vẫn có thể là người ác. Theo nhận xét của tâm lý học, một người càng chú trọng tới việc trang điểm cá nhân nhiều chừng nào, tâm địa càng hẹp hòi chừng nấy. Người đứng đắn là người chỉnh tề, vừa phải, không dư bản cũng không se xua chường diện quá đáng. Một người có đôi mắt lẳng lơ cũng là người có tính tình độc ác hung dữ. Thói lẳng lơ hoa nguyệt với tính hung dữ thường đi đôi với nhau.

Trong cuộc đời thỉnh thoảng chúng ta gặp

một vài người đẹp mà không có duyên, hoặc có duyên mà không đẹp.

Thường là người đẹp nhanh chóng thu hút kẻ khác ngay buổi đầu nhưng không giữ được tình cảm lâu bền vì không có duyên. Từ “có duyên” của Việt Nam thật là đặc biệt. Nó nói lên cái gì ẩn dấu kín đáo đằng sau mà làm người khác phải xiêu lòng. Người có duyên mới là người giữ được tình cảm tốt của người khác một cách bền bỉ.

Hầu hết những mệnh phụ phu nhân đều thuộc về hạng người có duyên này. Chồng của họ “đi lang thang” rồi cũng phải trở về với họ. Còn các kỹ nữ hầu hết đều đẹp mà “vô duyên” khách ghé lại giây lát rồi đi mất. Những người “có duyên” chính phục được tình cảm kẻ khác lâu bền chỉ bởi vì họ đã từng kiên trì làm các công đức từ đời trước. Hoặc họ đã từng kiên trì giữ giới hạnh, sắt son chung thủy với bạn đời, tín nghĩa với bạn bè, hiếu đễ với cha mẹ, trung hậu với chủ nhân, cúng dường bố thí không ngừng nghỉ... Chính những

phước nghiệp được theo đuổi kiên trì đã tạo cho họ một cái “có duyên” ở đời sau để cho mọi người quý mến họ mãi mãi. Còn những người có tính hay thay đổi, phát tâm làm phước rồi bỏ dở, hoặc ít giữ chung thủy, hiếu đễ, tín nghĩa, trung thành với mọi người sẽ cảm quả báo vô duyên ở đời sau. Dù có đẹp họ cũng chỉ chiếm được cảm tình của người trong chốc lát. Để nhìn thấy cái “có duyên” của một người chúng ta phải có trực giác tế nhị vì cái “có duyên” không lộ ra ngoài như nét đẹp. Nó thường ẩn dấu trong ánh mắt và sắc da. Các nhà xem tướng số đã căn cứ vào hình tướng và sắc khí để đánh giá cuộc đời của một người. Họ có thể biết người đó thọ hay yếu, giàu hay nghèo, trí tuệ hay đần độn... Đối với những nhà tướng số giỏi họ có thể đọc được 60% cuộc đời của con người hiện ra trên hình thể. Như vậy có sự tương quan giữa Nghiệp Báo và tướng mạo. Nghiệp đã in dấu vết lên hình dáng con người!

Ví dụ một người trong quá khứ đã từng

nóng nảy, hung dữ làm hại kẻ khác. Qua đời này người đó sẽ phải chịu một tai nạn thảm khốc. Nghiệp đã quy định như vậy. Song song với sự an bài của nghiệp, trên gương mặt họ, dấu vết của sự hung dữ còn in trên đôi mắt. Các nhà tướng số nhìn thấy “hung quang” lộ trên đôi mắt và kết luận rằng kẻ này phải chịu một tai nạn nặng nề. Và đúng như thế tai nạn đã xảy ra.

Ví dụ, một người trong quá khứ từng giúp đỡ mọi người, làm cho mọi người được vui vẻ, bình yên, vững tâm. Qua kiếp này người đó cũng trở thành một kẻ giàu có sung sướng. Bên cạnh sự an bài của nghiệp, gương mặt họ còn hiện ra vẻ độ lượng, vui tươi, vững tâm, bình tĩnh trên ánh mắt, miệng cười, dáng điệu khoan thai, sắc da tươi nhuận. Nhà tướng số nhìn thấy biểu hiện đó và nhận định rằng kẻ này sẽ trở nên giàu có. Sự thật đã đến đúng như dự đoán.

Các nhà tướng số còn đọc được rất nhiều dấu hiệu tinh tế khác để nhận định về con

người, ví dụ như đôi tai to là dấu hiệu thọ, tai dày là sung mãn tài vật, răng trong đẹp là phú quý, hàm tròn đầy là phước về hậu, hàm tóp nhỏ là yếu hay cơ cực lúc già, lông mày gần mắt là người hẹp hòi, trán rộng là vinh hiển sớm, mũi to đầy kín là tạo được sự nghiệp lớn...

Thật ra không phải là nhà tướng số mới có thể hiểu được các dấu hiệu của diện mạo con người. Ai có trực giác đều có thể hiểu được mỗi dấu hiệu đó muốn nói lên điều gì. Một người trước kia chưa có trực giác, nhìn đôi mắt của mọi người không thấy ý nghĩa gì. Sau một thời gian tu tập thiền định, trực giác phát triển, người này chợt hiểu được mỗi một ánh mắt, một nét mặt, một nụ cười đều là biểu hiện của Nghiệp Báo. Các dấu hiệu đó là mật mã của nghiệp đời trước ghi lại cho đời này, ai khéo đọc được sẽ hiểu rất nhiều về con người.

Vì tướng mạo là biểu hiện của nghiệp nên nó cũng bị thay đổi theo nghiệp.

Một tay bán dầu tên Bùi Độ (đời vua Hán

cảnh Để) nghèo khổ lang thang, được thầy tướng số cho biết sẽ chết đói vì có hai đường chỉ chạy xéo từ cằm lên mép miệng. Ngày kia Bùi Độ gặp một thiếu nữ ngồi khóc bên giếng sâu. Hỏi ra sự tình mới biết thiếu nữ mang vàng đi để chuộc tội oan của cha, chẳng may bị đánh rơi xuống giếng. Ai cũng nói dưới giếng có con rắn to. Thiếu nữ đang tuyệt vọng muốn quyên sinh.

Bùi Độ thương tình, nghĩ mình trước sau cũng chết đói nên liều mạng leo xuống tìm được vàng cho thiếu nữ. Nhờ đó gia đình thiếu nữ được phục hồi danh dự và quyền thế.

Một lần gặp lại, nhà tướng số kinh ngạc nói rằng tướng chết đói của Bùi Độ đã biến mất mà thay vào đó là tướng công khanh phú quý rực rỡ.

Đúng vậy, sau này thiếu nữ tên Ngọc Hà đền ơn, đem Bùi Độ về dạy học và giao ước vợ chồng rồi mới thừa với phụ thân. Cha nàng gửi gắm Bùi Độ sang một người bạn khác để nhờ tiến cử. Thời gian xa

cách Ngọc Hà, Bùi Độ đã lạc lòng với những hình bóng giai nhân khác.

Trên bước đường tiến quan, Bùi Độ ghé vào thăm nhà tướng số cũ để tạ ơn, nhưng ông bảo Bùi Độ đã hiện lại tướng chết đói. Bùi Độ tức giận bỏ đi.

Sau khi được làm quan, Bùi Độ đánh mất nhân cách, chỉ lục lạo, cưỡng bức các cô gái đẹp, bị triều đình hạ lệnh bắt về kinh trị tội. Bùi Độ sợ hãi trốn vào rừng rồi chết đói cạnh một mỏm đá. Ngọc Hà đau khổ tìm chồng, trông thấy bộ xương và cũng gục chết bên cạnh.

Cái phước của Bùi Độ xuất hiện do tâm niệm liều mạng tìm vàng cứu cô gái.

Phước đó quá lớn đến nỗi chuyển hẳn tướng mạo và số mệnh để cho Bùi Độ trở thành quan chức vinh hiển. Nhưng rồi, tư cách tầm thường tham dục đã phá vỡ phước cũ để cho nghiệp chết đói đủ cơ duyên xuất hiện trở lại.

Như vậy, tướng mạo tùy thuộc vào nghiệp chứ không cố định. Nếu chúng ta thường xuyên biết “liều mạng” cứu giúp mọi

người, ắt hẳn tướng mạo và số kiếp chúng ta sẽ thay đổi một cách tốt đẹp lắm.

11- TÀI NĂNG

Mỗi người sinh ra có cấu trúc não bộ khác hẳn nhau nên trí thông minh đã không đồng. Người sáng suốt, kẻ ngu si. Người giỏi về kinh doanh, kẻ có khiếu về âm nhạc. Có những thần đồng vừa mới sinh ra đã biết nói như Christian Heineken. Ông có thể đọc lại nhiều đoạn trong Thánh kinh lúc lên một, trả lời những câu hỏi về địa dư lúc lên hai, nói được tiếng Pháp và tiếng Latin lúc lên ba, và khi lên bốn đã theo học các lớp triết.

”... John Stuart Mill có thể đọc chữ Hy Lạp lúc mới ba tuổi; Macanlay có thể viết thể giới sử lúc mới mười sáu tuổi; William James Sidis đọc và rành đọc rành chữ mẹ đẻ (Hoa Kỳ) lúc mới lên hai, và đã nói được tiếng Pháp, Nga, Anh, Đức, chút ít Latin, Hy Lạp khi lên tám... Charles Bennet xứ Manchester có thể nói được nhiều thứ tiếng lúc mới ba tuổi...” (Trích Đức Phật và Phật pháp của ĐĐ Narada)

Hiện nay báo chí thế giới nói nhiều về em Arthur, cha người Madagascar, mẹ người Pháp. Năm chín tuổi, Arthur đậu bằng BEPC (trung học đệ nhất cấp, cấp 2 Việt nam), hai năm sau đậu tú tài. Năm 12 tuổi em mới bắt đầu ghi danh vào một khóa học tập thể để làm quen với lề lối thi cử, khi em chuẩn bị lấy bằng cử nhân toán. Hiện nay em đang chuẩn bị một bằng sau đại học về toán thuần lý, đồng thời nghiên cứu định lý cuối cùng của Fermat. Hầu hết thời gian học của em là tự học có sự hướng dẫn của cha mẹ.

Einstein đã hoàn thành thuyết Tương đối hẹp lúc mới 25 tuổi. Cho đến nay, không hẳn là mọi người hiểu rõ khi nghe thuyết trình về đề tài đó mặc dù sách vở đã nói đến rất nhiều.

Vô số những bộ óc kỳ diệu đã đóng góp làm cho nền văn minh của nhân loại càng lúc càng tiến bộ. Có những người tên tuổi vang lừng. Có những người dấu kín tên tuổi vì những lý do khác.

Bên cạnh các tài năng đặc biệt đó cũng có

những người “chậm hiểu” đến kỳ lạ. Họ không thể tiếp thu bài toán của lớp năm hoặc lớp sáu. Một cái hàng rào giới hạn vô hình nào đó đã chặn đứng tâm trí, không cho phép họ tiến sâu vào các vấn đề phức tạp. Họ đành chấp nhận các nghề thủ công để sinh sống.

Các nhà giáo dục đều nhìn nhận rằng yếu tố giáo dục chỉ có giá trị một phần nhỏ trong việc khai mở tâm trí con người. Sự giáo dục chỉ bao gồm vấn đề:

- Truyền đạt kiến thức.
- Tập cho học viên suy luận.

Tuy nhiên, hai vấn đề từ bên ngoài đem đến đó còn bị giới hạn bởi yếu tố chủ quan của học viên là:

- Khả năng tiếp nhận kiến thức nhiều hay ít.
- Khả năng suy luận nhanh hay chậm, sâu hay cạn, phối hợp các dữ kiện rộng hay hẹp.

Mỗi bộ não con người giống một máy tính đã được chế tạo sẵn. Tùy theo sự chế tạo ban đầu mà khả năng máy tính có thể xử

lý bao nhiêu lượng thông tin (tính theo đơn vị byte, kilobyte, megabyte...) Vấn đề quá phức tạp so với khả năng được chế tạo, máy tính không thể giải quyết, hoặc giải quyết rất chậm với sự trợ giúp của chuyên viên.

Từ khi sinh ra, tùy theo nghiệp đời trước, mỗi người có một não bộ khác nhau và mỗi não bộ “dường như” có một khả năng được quy định sẵn. Với khả năng giống hệt nhau nhưng gặp hoàn cảnh giáo dục khác nhau, tài năng của họ sẽ khác nhau. Như vậy có hai loại quả tạo thành tài năng của một người.

- Một, loại quả báo tạo thành não bộ có một khả năng nhất định chừng mực nào đó (chủ quan).

- Hai, loại quả báo tạo thành môi trường giáo dục hay dở nào đó (khách quan).

Phối hợp hai quả báo này, tài năng của một người được hình thành.

Có những người được phước thông minh nhưng không có phước được học nhiều nên tài năng bị hạn chế. Ngược lại, có

người kém thông minh, lẽ ra kém tài, nhưng được ở trong môi trường giáo dục tốt, được cha mẹ, anh chị, thầy cô chăm sóc dạy dỗ kỹ lưỡng nên cũng đạt được một số khả năng nhất định.

Mặc dù ngay từ khi còn trong bào thai, não bộ con người đã hình thành xong các chi tiết và như thế đã quy định xong mức độ thông minh của từng người, nhưng cũng giống như thời vận, cái thông minh của một người cũng bị thăng trầm tăng giảm theo duyên nghiệp. Vào những giai đoạn phước lành bộc lộ, người đó bỗng nhiên sáng suốt kỳ lạ, phán đoán tiên liệu sâu sắc từng vấn đề. Đến khi phước đã hết, cũng con người đó, tự nhiên trở nên lú lẫn mờ mịt, không thể nhìn xa trông rộng, không thể phán đoán sự việc sẽ xảy đến, và họ đi vào thất bại.

Khi đương thời, những bạo chúa như Napoléon, Hitler tính đâu được đấy, có sức cuốn hút kỳ lạ đối với mọi người, chiến công vang dội hoàn cầu. Khi phước đã hết, trận Waterloo chôn vùi sự nghiệp

để quốc Napoléon, còn Hitler thì tự sát dưới hầm trú ẩn.

Một số doanh gia cũng rơi vào trường hợp tương tự. Khi thời vận hanh thông, họ phán đoán trước sự diễn biến của thị trường để đầu tư thích hợp và đạt được những thành công lớn. Đến khi phước đã hết, họ tiên liệu sai lầm, đầu tư không đúng chỗ và bị phá sản.

Luật Nghiệp Báo xuất phát từ Bản Thể Tuyệt Đối nên nó chi phối tận trong tâm thức sâu kín của con người. Khi quả báo lành xuất hiện, nó thúc đẩy tâm con người khởi ra những dự tính chính xác, độc đáo. Với những dự tính đó, họ nỗ lực hành động và thành công. Ngược lại khi quả báo dữ xuất hiện nó thúc đẩy tâm con người mưu tính chuyện trật đường rầy để họ rơi vào thất bại.

Một doanh nhân quyết định mua một số đất tại khu vực mà ông biết rằng gần đây một hải cảng lớn sẽ được xây dựng. Khi hải cảng thành hình, giá đất sẽ tăng lên gấp 10 lần. Điều ông không ngờ được là

biến động chính trị đã xảy ra khiến cho đề án bị hủy bỏ. Khu đất ông mua vẫn phải để hoang và vốn ông bị kẹt vào đó khá nhiều.

Một chuyên viên sửa máy vô tuyến viễn thông thú nhận rằng có một loại trực giác nào đó bên trong giúp ông nhanh chóng đoán được phần hư của máy giữa hệ thống máy chằng chịt như đám rừng già. Vì nhanh chóng đoán được pan nên ông giải quyết lẹ làng khiến cho bạn bè nể phục. Riêng ông tự xét mình và “nhìn thấy” một loại tâm linh đặc biệt nào đó đã giúp ông trong công việc khó khăn này.

Chính cái phước trong quá khứ xa xăm đã tạo ra những cái sáng suốt kỳ diệu trong hiện tại, và bởi suy nghĩ đúng, họ hành động đúng.

Như vậy những phước nghiệp như bố thí, cúng dường, đắp đường, bắt cầu, giúp đỡ người hoạn nạn, bệnh vực kẻ thế cô, săn sóc người bệnh... đã góp phần tạo ra trí sáng suốt cho những đời sau. Nếu phước nghiệp được bền bỉ gây tạo mãi, những

đời sau chúng ta có được sự thông minh thường xuyên. Nếu phước nghiệp được làm “có cơ”, nghĩa là khi thì hăm hở, khi thì lười biếng, đời sau chúng ta sẽ có được một trí thông minh “có cơ” khi thì khôn ngoan, khi thì khờ khạo.

Có một số người có học trong nhà trường, trong sách vở rất giỏi, nhưng bước vào đời họ như con nai vàng ngơ ngác, không lường được sự gian trá của con người và liên tiếp gặp thất bại. Nhân Quả được đánh giá như sau.

Sự thành công có được là do nghiệp giúp đỡ kẻ khác. Chính vì thiếu sự giúp đỡ mọi người một cách thực tế nên họ không gặt hái được thành công. Trong cuộc đời chúng ta cũng thấy nhan nhản nhiều người rất siêng năng đọc sách, nghiên cứu đủ thứ vấn đề, nhưng dường như rất hiếm khi họ bắt tay làm việc thiện một cách cụ thể. Thói quen nghiên ngẫm lý thuyết cũng tạo ra cho họ một khả năng suy luận các vấn đề trừu tượng ở đời này và đời sau. Dĩ nhiên không phải họ mang

khả năng tri thức đó qua đời sau bởi một loại linh hồn thần thức. Chỉ là ý nghiệp đời trước tạo ra nhân cách cho đời sau mà thôi. Và ở đời sau họ có khiếu suy tư trừu tượng, nhưng lại cảm thấy mờ mịt hoang mang khi phải bước ra làm ăn buôn bán... Có thể một người tạo phước học giỏi bằng cách siêng năng dạy học cho học trò. Vì họ tận tụy trong việc dạy các môn toán, văn, ngoại ngữ... nên đời sau họ được phước vừa thông minh, vừa gặp được môi trường giáo dục tốt. Tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần dạy các kiến thức khoa học (khoa học tự nhiên, và khoa học xã hội) mà không có kèm theo việc làm từ thiện, họ sẽ chỉ được thông minh mà ít thành công ở cuộc đời thực tế. Đó là hình ảnh các nhà giáo, các nhà nghiên cứu chỉ giỏi về lý thuyết nhưng vẫn nghèo khổ trong đời sống. Nếu các nhà giáo trong khi truyền đạt kiến thức, có dạy cho học trò đạo đức làm người, hoặc có làm thêm các việc từ thiện, thì chính cái phước lớn lao của việc truyền đạt đạo đức hoặc việc làm

từ thiện sẽ tạo nên sự thành công cho người đó về sau. (Ở phần sau chúng ta sẽ trở lại bàn về cái phước của việc truyền bá đạo đức).

Trong kinh Bốn Sanh Đức Phật có kể về nhân duyên của trưởng lão Culla Panthaka. Những đời về trước, trưởng lão là một người học nhiều hiểu rộng. Tự thị vì tài trí của mình, trưởng lão đã cười khinh bỉ một huynh đệ thiếu trí, khiến vị đó mắc cỡ không thể tiếp tục học tập kinh điển. Do nghiệp nhân như thế nên vào đời hiện tại (thời Đức Phật) trưởng lão phải chịu qua một thời gian đần độn, không thể học thuộc một bài kệ ngắn. Trưởng lão đau khổ vô cùng vì sự kiện này. Đến khi nghiệp đã hết, Đức Phật dùng phương tiện khai ngộ khiến cho trưởng lão chứng được quả vị A La Hán, sự thông minh uyên bác trời dậy mãnh liệt, trưởng lão khởi biện tài thuyết pháp như mây như mưa khiến cho đại chúng kinh ngạc thán phục vô cùng.

Như vậy, thái độ khinh thị người dốt cũng

khiến cho chúng ta chuốc lấy quả báo kém tài năng. Nhưng con người bao giờ cũng thế, luôn luôn thán phục trước bậc kỳ tài và coi thường kẻ kém cỏi. Sự kính trọng bậc kỳ tài tạo một quả báo tốt lành về sau, trong khi sự khinh thường người dở tạo một quả báo bất lợi. Vấn đề rắc rối nằm tại chỗ làm sao chúng ta vẫn giữ được sự kính trọng người có tài mà vẫn giữ được sự thương mến kẻ kém cỏi. Như thế mới tránh được quả báo xấu về sau.

Hơn nữa, nếu chẳng may chúng ta lại là người thông minh đỉnh ngộ, nhìn quanh có rất nhiều người dở kém hơn ta. Nếu ta xem thường mọi người, quả báo hèn hạ chắc chắn sẽ xảy đến. Sự khiêm hạ luôn luôn phải được giữ gìn kỹ lưỡng như giữ gìn xương thịt của mình.

Một số nhà thơ miên đã làm thí nghiệm như sau:

Một vài người không biết vẽ, được các nhà thơ miên ám thị rằng họ chính là những danh họa siêu tuyệt như Picasso, Constable, Vangogh... Trong trạng thái

được thoi miên, những người kia vốn không rành về hội họa, bỗng vẽ nên những bức tranh tuyệt diệu. Họ đã đồng hóa với các danh họa và đạt được tài năng không thua kém bao nhiêu.

Một số nhà ngoại cảm có thể đi trên lửa, cắt mình lơ lửng giữa hư không, một số nhà tiên tri biết trước từ rất lâu các việc xảy ra trên thế giới...

Qua các hiện tượng đó, các nhà khoa học cho rằng khả năng con người vô cùng lớn lao nhưng chưa được khai thác. Những vùng não chứa các khả năng tuyệt vời vẫn còn yên nghỉ chưa chịu hoạt động. Nếu đánh thức được các vùng não còn yên nghỉ thì khả năng con người sẽ vượt bậc không ngờ.

Riêng các nhà đạo học Đông Phương chẳng lạ gì vấn đề đó và cách giải quyết rất rõ ràng. Mọi khả năng phi thường của con người được dấu âm thầm trong vô thức (xem Năm âm là gì). Chỉ có người nhập được thiền định mới có thể sử dụng các khả năng dường như vô hạn của tâm

vô thức này... Như đã nói ở phần trước, không gian tâm linh có tác dụng lệ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Có khi nó phá vỡ các quy luật vật lý thông thường để tạo nên những kỳ tích. Nhà ngoại cảm có thể nhìn xuyên qua vách tường, đọc được ý nghĩ người khác, chữa bệnh bằng tâm lực, tàng hình... Tất cả điều đó là do năng lực tâm linh và năng lực tâm linh lại do vô thức điều khiển. Ai “nắm” được vô thức, người đó là siêu nhân. Con đường đưa đến sử dụng được vô thức là thiền định.

Trong khía cạnh nói về nghiệp quả của tài năng, chúng ta cũng nhìn thấy mỗi người dường như có năng khiếu bẩm sinh khác nhau. Người giỏi về khoa học tự nhiên như toán, lý, sinh... trong khi người khác chỉ thích thú với ngôn ngữ, lịch sử, luật pháp... Người học võ thuật một cách khéo léo giỏi giã, trong khi kẻ khác tập cho xong một bài quyền chậm chạp vất vả. Chính những nghiệp nhân sai biệt từ đời trước đã tạo nên các năng khiếu sai biệt

cho đời này.

Người say mê âm nhạc tức là đã tạo cho mình một năng khiếu âm nhạc ở kiếp sau. Xin lập lại không phải một loại thức nào đó đã mang cái say mê qua kiếp sống mới, chỉ là ý nghiệp tạo thành nhân cách cho đời sau mà thôi. Tuy nhiên nếu ngoài cái say mê, họ còn truyền dạy âm nhạc cho người khác, đời sau năng khiếu âm nhạc được tăng lên bội phần.

Một võ tướng từng tạo nên chiến công hiển hách rồi sau cáo quan ẩn tu. Trong quá trình tu hành, ông luôn luôn muốn quên đi khả năng võ thuật phi thường của mình. Kiếp sau, thưở còn trẻ, ông có một đam mê võ thuật đến kỳ lạ, rèn luyện không mệt mỏi, mặc dù tính tình hiền lành như một nhà sư. Nhưng do tâm nguyện đời trước không muốn nhắc đến chuyện kiếm cung nên khiến cho ông dù có đam mê vẫn không có điều kiện được đào luyện để thành tài. Rồi dần dần sự đam mê biến mất đúng như ý nguyện của kiếp trước.

Một bác sĩ, nếu thiếu lòng vị tha tận tụy, chỉ tìm cách làm giàu, đời sau nghiệp y vẫn còn đeo đuổi nhưng ở mức độ thấp hơn : y tá. Ngược lại một y tá bình thường nhưng tâm hồn quảng đại, tận tình chăm sóc cho bệnh nhân, kiếp sau ngành nghề được phát triển để trở thành bác sĩ giỏi. Vô số nghiệp nhân phức tạp linh động để tạo thành tài năng của mỗi người. Nhưng tất cả đều được phát triển nếu có tâm hồn vị tha hướng dẫn.

12- SỨC KHỎE

Trong không gian vật lý có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Chúng ta có thể kể ra như sau:

* Nguồn gốc của gene. Một số người được thừa hưởng các gene của tổ tiên nên có được sức khỏe tốt, khả năng đề kháng của cơ thể cao, sự lão hóa đến rất chậm. Các yếu tố làm người khác gây bệnh vẫn không ảnh hưởng đến được loài người có gene trời cho này. Vì trùng vừa xâm nhập liền bị tiêu diệt; có lẽ ăn nhiều

mỡ (Cholestérol) cũng được cơ thể chuyển hóa và đốt bở; các ADN luôn điều hòa không cho tế bào phát sinh bừa bãi tạo thành u bướu; não bộ rất tốt, dễ ngủ, hoặc thức nhiều vẫn không mệt...

Ngược lại với loại người có phước này là những người đã mang sẵn mầm bệnh từ khi còn trong trứng. Họ đã có sẵn các gene gây bệnh tiềm ẩn chờ đúng thời gian là phát bệnh. Đây là những bệnh di truyền, khó có thể chữa lành bằng phương pháp thông thường. Do vấn đề gene chưa được giải mã hoàn toàn nên các nhà khoa học vẫn chưa hoàn toàn biết được là bệnh nào có thật do di truyền, bệnh nào không.

* Do ăn uống. Mỗi món ăn đều có dược tính của nó. Có món ăn chữa bệnh này, nhưng làm sinh bệnh kia. Các vitamin và chất vi lượng trong thức ăn cần thiết cho cơ thể, đồng thời các độc tố tích tụ cũng phá hại cơ thể không ít.. Món ăn được con người sử dụng sau một quá trình “ăn thử” thấy không có hại gì. Tuy nhiên về sau, với sự kiểm nghiệm của khoa học, nhiều

món được xem là có hại như bắp cải làm
thải iod, thịt mỡ động vật làm tăng nguy
cơ bệnh tim mạch, Vitamin C sau bữa ăn
làm mất chất đồng...

Giáo sư OHSAWA người Nhật, có phổ
biến phép ăn uống theo nguyên lý âm
dương. Nhưng về sau, một số điều được
công nhận là đúng và một số bị xem là sai.
Có những người vô tình ăn nhầm các món
không thích hợp với thể tạng và bệnh phát
sinh; ngược lại, có người bỗng hết bệnh
không rõ nguyên do, chỉ vì vài ngày trước
vô tình ăn một món có được tính chữa
đúng căn bệnh.

Các nhà khoa học có khuynh hướng tìm
hiểu về thức ăn, phổ biến cho toàn nhân
loại để mỗi người tự chọn thức ăn thích
hợp cho chính mình trong việc phòng và
chữa bệnh. Nhà sinh học Liên Xô Xuren
Avacovich Arakelian tin rằng con người có
thể thọ đến 300 tuổi nếu biết ăn kiêng
đúng phương pháp. Thời gian ăn kiêng,
người ta chỉ dùng nước và các loại rau.
Có thể ăn kiêng mỗi tháng 3 ngày liên tiếp,

hoặc mỗi năm có một tháng.

* Yếu tố làm việc và nghỉ ngơi. Một người không có vận động sẽ làm cơ thể suy yếu. Nhưng một người không biết nghỉ ngơi đúng lúc cũng làm tổn hại cơ thể. Sự vận động và nghỉ ngơi phải được thực hiện một cách hợp lý theo thể tạng và tuổi tác. Người trẻ, khỏe có thể làm nhiều, làm nặng và nghỉ ít. Nhưng người già, yếu chỉ được làm việc tượng trưng và nghỉ ngơi nhiều. Các bác sĩ cho rằng một giờ nghỉ trưa có lợi cho sức khỏe và ngăn ngừa bệnh tim mạch.

Những sự căng thẳng (Stress) trong đời sống cũng là nguyên nhân gây bệnh đáng kể. Khi hệ thần kinh trung ương bị suy yếu bởi stress, nó sẽ không còn làm đúng chức năng điều hòa cơ thể, và rất nhiều bệnh phát sinh sau đó. Vì thế, các nhà khoa học đã ca ngợi thiền định như là một phương pháp tuyệt diệu để chữa trị bệnh stress của thế kỷ hôm nay khi mà cuộc sống con người có tốc độ chóng mặt. Hai mươi bốn giờ trong một ngày không còn

đủ cho con người sử dụng nữa. Họ chắt mót từng phút để sống thật căng thẳng. Yếu tố tinh thần được xác nhận là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Với người có nội tâm thanh thản, thân thể sẽ khỏe khoắn hơn, và những bệnh thuộc về thân cũng giảm mức độ tác hại hơn. Ngược lại, một tâm lý bất ổn như buồn bã, nóng nảy, ganh ghét, tham lam... làm tăng nhanh một số bệnh của cơ thể.

* Vi khuẩn. Từ lúc Pasteur đem vi trùng ra ánh sáng, nền y học thế giới bước được một bước dài. Sự xâm nhập của vi khuẩn đã làm cơ thể sinh bệnh. Một số bệnh dịch lan rộng nhanh chóng do sự lây nhiễm của vi khuẩn. Hiện nay Virus HIV gây bệnh AIDS làm kinh hoàng con người hơn cả.

* Địa lý. Các nhà khoa học đang củng cố về lý thuyết địa lý với bệnh tật. Vào cuối thế kỷ VI, giáo chủ Grigori Tursky kể lại về nạn dịch ở thành phố Narbon và đưa ra nhận xét. Những con người trốn ra khỏi vùng hoành hành của nạn dịch, đợi khi

nạn dịch đã qua mới trở về, liền phát bệnh mà chết.

Vào năm 1720, tại Marseille lan tràn dịch hạch. Một số người may mắn trốn được sự kiểm soát của chính quyền để thoát ra khỏi vùng bệnh và được sống sót. Sau khi cơn dịch đã yên, họ trở về và phát bệnh chết.

Năm 1896, tại Bombay, dịch hạch cướp đi 400 ngàn mạng người. Các bác sĩ Anh tìm thấy vi trùng dịch hạch ở những người trốn từ Bombay đến Calcutta. Nhưng tại đây suốt hai năm, chẳng có ai lây bệnh cả. Vào đầu thế kỷ 20, nhà vi trùng học Nga Vladimir Khavkin bào chế được thuốc chủng ngừa dịch hạch, cứu sống hàng ngàn người Bombay. Cũng vẫn thứ thuốc này lại hoàn toàn vô hiệu đối với vùng Mãn Châu và 100 ngàn người chết vì dịch hạch vào năm 1910-1911.

Năm 1982, các nhà y học Scandinavie phát hiện thấy trong Fromage mua từ Pháp về, có vi trùng kiết lỵ đã làm nhiều người dân Scandinavie phải cấp cứu.

Nhưng người dân Pháp ăn thứ fromage đó và tỉnh bơ.

Ngày 25/5/1987, báo Times đăng một tin giật gân: Cô Susanna Palerian là kiều dân Philippins hành nghề y tá ở Nhật, đã bị đuổi về nước vì phát hiện thấy có virus SIDA trong máu cô ta. Nhưng khi về đến quê nhà và khám lại thì các chuyên gia y học nhiều nước tiên tiến lại đưa kết luận là cô Susanna bị oan! Đương sự thưa tòa và đòi bồi thường 1 triệu đôla.

Từ nhiều sự kiện tương tự như thế, các nhà khoa học đưa ra giả thuyết là sự cấu tạo về tính chất của từng vùng có ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, trong đó trường điện từ của quả đất được nói đến nhiều nhất.

* Yếu tố môi trường. Ô nhiễm môi trường là một yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe con người rất nhiều. Khí thải độc hại vào khí quyển; rác; sông ngòi nhiễm bẩn; bức xạ của sóng điện từ, âm thanh ồn ào... làm cho nguy cơ mắc bệnh của con người tăng cao hơn.

Ngoài vô số những yếu tố vật lý tác động vào sức khỏe con người còn có các yếu tố của không gian tâm linh cũng ảnh hưởng không kém.

Nhân điện từ bàn tay người mẹ khi săn sóc vỗ về làm cho đứa trẻ phát triển cơ thể tốt hơn.

Tình thương chân thành của những người cùng sống gần nhau cũng làm cho cơ thể họ khỏe hơn mà họ không hề hay biết.

Phương pháp xoa bóp phản xạ thần kinh được giới y học đánh giá cao trong việc phòng và chữa một số bệnh. Nhưng thật ra hết 30% là do tâm lực của người xoa với ý muốn cho bệnh nhân khỏi bệnh. Nếu có tâm lực mạnh thì chính năng lực tâm linh đã góp phần làm lành bệnh hơn phân nửa.

Khi con người chăm sóc cây cối, cái tương tác tâm linh giữa cây và người làm cho cả hai đều khỏe mạnh hơn. Đó là lý do tại sao những cây mọc gần nhà thường tốt hơn cây mọc xa nhà. Vậy chúng ta hãy nâng niu trân trọng từng cọng cây chiếc lá.

Hãy dành một ít thì giờ để chăm sóc vườn tược hoa kiểng. Sức khỏe chúng ta nhờ đó sẽ tốt hơn.

Với thực vật còn như vậy huống hồ là với thú vật và con người. Nếu chúng ta được sống trong môi trường mà người và chim thú đều quán quýt thương yêu nhau, người với người cũng thương nhau chân thành, không có hận thù ganh ghét, thì tác động của không gian tâm linh hỗ trợ cũng làm cho mọi người khỏe mạnh. Đây không phải là vấn đề tâm lý ! Không phải vì tâm chúng ta thấy dễ chịu khi thương yêu và được thương yêu, rồi sự dễ chịu thoải mái đó làm chúng ta mạnh khỏe.

Không phải vậy! Chính năng lực vô hình phát ra từ sự thương yêu đã làm nên phép lạ, làm tăng sức đề kháng của cơ thể hơn. Một số thống kê mới đây cho thấy rằng người độc thân mau chết hơn người có gia đình. Ban đầu các nhà y học đánh giá là do vấn đề sinh hoạt tính dục. Nhưng ngay cả những người độc thân có quan hệ tình dục ngoài hôn nhân (mua bán) cũng

vẫn chết sớm. Người ta lại cho rằng khi có gia đình ổn định, con người được chăm sóc tốt hơn nên sức khỏe cải thiện hơn. Thật ra đó chỉ là lý do phụ, lý do chính là chính tình thương yêu chân thật của vợ chồng đã tạo ra năng lực tâm linh làm cho họ khỏe hơn.

Như vậy chìa khóa vấn đề nằm ở chỗ là một môi trường có tình thương! Nếu chúng ta sống độc thân, như các tu sĩ chẳng hạn, hãy chọn một tu viện nào trong đó mọi người biết thương mến lẫn nhau thấm thiết, và nhờ vậy, sức khỏe mọi người sẽ tốt hơn.

Trường hợp phải sống cô độc để tĩnh tu, hãy bỏ một ít thì giờ để chăm sóc vườn cây, vài chậu kiểng. Tình thương đối với cây cỏ cũng làm sức khỏe chúng ta khá hơn.

Đặt vấn đề ngược lại, nếu sự chăm sóc cây cối làm sức khỏe tăng tiến thì ngược lại chần chẫn sự tàn phá cây cối làm cho sức khỏe của con người bị giảm sút.

Những người thường xuyên chặt phá cây

cối thường gặp điều kém may mắn và hay nhuộm các bệnh lạ. Khi cây bị xâm phạm, phản ứng tâm linh yếu ớt của cây cũng đánh vào thủ phạm. Mỗi lần một ít, lâu dần người đồn cây sẽ bị bệnh nặng nề.

Có một số cây lâu năm, số tuổi đến vài trăm năm, vài ngàn năm, năng lực tâm linh của cây rất mạnh. Nó có thể phát ra phản ứng tâm linh làm hộc máu lập tức người muốn đến cưa đốn. Các cụ chứng kiến hiện tượng dị thường này đã kết luận rằng cây có thần linh trú ngụ hoặc yêu tinh quỷ quái gì đó. Thật ra chỉ tại vì cây càng lâu năm nên phát ra năng lực tâm linh càng mạnh mà thôi.

Hiểu được điều này, chúng ta hãy chung sức bảo vệ rừng cây, bảo vệ sự sống màu xanh cho trái đất thân thương này để mọi người đều được khỏe mạnh.

Tuy nhiên, ẩn dấu kín đáo từ trong Bản Thể, luật Nghiệp Báo đã chi phối tình trạng sức khỏe của con người một cách chặt chẽ.

Nếu một người thường hay dùng sức lực

để giúp đỡ mọi người, hoặc thường xuyên chăm sóc sức khỏe của nhiều người.

Thiện nghiệp như thế đã trở nên thuần thục, trở thành bản chất gần như cố định, nó khiến cho đời sau người này có được các gene di truyền vô cùng đặc biệt tự điều chỉnh cơ thể một cách hoàn hảo, tự bảo vệ cơ thể khỏi mọi sự xâm nhập tai hại từ bên ngoài. Những người này sẽ sống một đời khỏe mạnh và sẽ chết một cách êm ái không đau đớn.

Kỹ sư Eiffel, người đã dựng tháp Eiffel tại Paris nổi tiếng khắp thế giới, suốt đời chỉ tận tụy bắt cầu qua sông. Vào ngày sinh nhật 90 tuổi, sau khi dự tiệc với con cháu, ông cảm thấy hơi mệt và đi vào trong nằm nghỉ, rồi ông đi vào giấc ngủ nghìn thu một cách êm ả nhẹ nhàng.

Tùy theo nghiệp đời trước qui định khiến cho cơn bệnh của một người phải dây dưa khó chữa hay nhanh chóng chấm dứt. Có khi họ đi từ nơi này sang nơi kia tìm thầy chữa mãi không khỏi. Đến lúc nghiệp đã hết, họ vô tình ăn phải thức ăn có được

tính, và bệnh khởi một cách không ngờ. Hoặc đến khi phước đã đủ, họ mới gặp được thầy thuốc giỏi chữa trị.

Khi nghiệp chưa hết, đôi khi họ cũng gặp thầy thuốc hay, nhưng nghiệp đã khiến cho tâm trí người thầy bị che ám, không chẩn bệnh một cách chính xác và không thể chữa lành.

Ngoài ra, mỗi nghiệp sẽ tạo ra một loại bệnh khác nhau.

Với người tạo ra khói bắn thải vào chỗ đông người, quả báo nhiều đời sau họ thường bị bệnh khó thở, viêm khí quản hoặc lao phổi.

Với người lấy cắp đèn nơi công cộng, quả báo nhiều đời sau là đôi mắt mờ kém.

Với người phá hư đường sá cầu cống, quả báo là đôi chân tật nguyền.

Với người làm đổ máu mọi người, do sát sinh thú vật hay chiến đấu ở chiến trường, sau khi trả những nghiệp chính, nghiệp phụ còn lại là xanh xao thiếu máu thường xuyên.

Với người khinh bỉ coi thường bậc Thánh,

quả báo tìm đến là bệnh phong cùi lở loét. Với người hay cự nự, cần nhần, gây rối làm cho người khác lo lắng bất an, quả báo trở lại là một số bệnh về nội tiết, thần kinh làm cho não bộ căng thẳng, khó ngủ, xao xuyến.

Với người nghe hoặc thấy người hoạn nạn mà làm ngơ, quả báo trở lại là tai điếc, mắt mù.

Vân vân....

Vô số nghiệp của mọi người tạo thành vô số bệnh trạng phong phú đa dạng, làm điên đầu các nhà khoa học. Vì bệnh là do nghiệp nên khi mọi người chưa dừng tay tạo nghiệp thì bệnh không bao giờ hết. Khoa học có tiến bộ thế nào chẳng nữa, thế gian cũng xuất hiện tiếp bệnh nan y mới để thử thách trí tuệ và đạo đức của con người. Bệnh AIDS hiện nay là một điển hình rõ rệt.

13- ĐỊA VỊ

Con người sống trong xã hội tức là bắt buộc sống trong một cơ cấu tổ chức, hoặc giản đơn hoặc phức tạp. Vào thời xa xưa,

tổ chức của xã hội khá đơn giản. Ông quan cai trị một vùng vừa là nhà làm ra luật lệ (lập pháp), vừa là thi hành luật lệ đó (hành pháp) và vừa bảo vệ luật lệ đó (tư pháp). Ngoài việc chăm sóc đời sống cho người dân, ông còn là một quan tòa xử kiện. Khi cần, ông phải lên lưng ngựa truy lùng giặc cướp.

Đến khi dân số loài người tăng lên dần dần, tổ chức xã hội phức tạp hơn, nhà cầm quyền muốn tăng cường khả năng kiểm soát của mình đối với cộng đồng nên phải bổ sung đội ngũ quan lại. Luật pháp cũng vì thế mà phong phú chi li hơn.

Ở đâu có xã hội, ở đó có luật pháp. Ngạn ngữ La Mã đã nói như vậy. Chúng ta có thể nói thêm, ở đâu có xã hội ở đó có tổ chức, có người cai trị và kẻ bị trị.

Dù một xã hội thu gọn như một gia đình, cũng vẫn có người lãnh đạo là cha mẹ với thần dân là con cái. Một tổp thợ xây cũng phải có người cai coi ngó chỉ huy công việc. Và riết rồi trong một lớp học người ta cũng phải tổ chức trưởng lớp phó lớp.

Điều kiện để được gọi là người chỉ huy khi người ấy có được một số người chịu vâng lời sai bảo, dù là sự phục tùng đó do sự tự nguyện hay do bị bắt buộc. Ở địa vị chỉ huy đó, người này có quyền ăn trên ngồi trước, buộc những người dưới quyền phải ngồi nghe mình tuyên thuyết hùng biện hằng giờ, buộc kẻ dưới quyền phải làm theo ý của mình nếu không muốn bị trừng phạt.

Cái quyền được chỉ huy đó đã làm mê say tâm hồn của bao nhiêu người. Họ khát khao quyền lực đến độ cuồng nhiệt và sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để tranh giành lẫn nhau, giết hại lẫn nhau không thương tiếc. Có người nhờ thủ đoạn và may mắn đã đạt được địa vị như mơ ước. Có người kém may mắn, tuy cũng dùng thủ đoạn, nhưng thất bại và nhục nhã ê chề. Lại có người bỗng dưng được mọi người đề bạt đưa lên địa vị chỉ huy như trường hợp Lý Công Uẩn được triều thần tôn lên làm vua mở đầu triều đại Lý của Việt nam. (Tuy về sau các nhà sử học cũng có cho rằng đã

có sự chuẩn bị của Sư Vạn Hạnh). Hoặc có những người do công lao khó nhọc được thăng thưởng lên địa vị chỉ huy... Con đường đi đến quyền lực rất đa dạng. Có người dùng thủ đoạn để đạt đến. Có người nhờ mọi người tôn cử. Có người nhờ tài năng tháo vát. Có người nhờ thân thích quen biết. Có người may mắn. Có người xứng đáng ở địa vị cao. Cũng có kẻ bất tài kém đức nhưng do nhiều lý do nào đó, vẫn được ở địa vị cao.

Dù với bất cứ lý do nào, kẻ đạt được quyền lực vẫn là kẻ có tạo phước từ kiếp trước. Chúng ta có thể điếm qua một số nghiệp nhân có thể đưa đến địa vị cao ở mai sau như:

Khi ở địa vị cao, họ luôn được mọi người kính trọng nể phục. Với quả báo đó, ắt hẳn từ đời trước họ phải là một người khiêm hạ, biết tôn trọng các bậc trưởng thượng, kính trọng các bậc thánh, không khinh rẻ những người thấp kém hơn mình. Với nghiệp nhân thường kính trọng những người đáng kính, họ đạt được địa vị sang

trọng ở những kiếp về sau. Tuy nhiên, nếu chỉ thuần gieo nghiệp phổ kính (kính trọng mọi người) mà thiếu nghiệp bố thí cúng dường, họ sẽ được địa vị cao nhưng vẫn nghèo khổ. Đó là trường hợp của nhân vật Mạc Đĩnh Chi. Từ những đời trước ông biết kính trọng những bậc hiền tài thánh đức nên vào đời đó (nhà Trần), ông có tài xuất chúng, đậu Trạng Nguyên Việt nam và được vua nhà Nguyên phong luôn trạng nguyên của hai nước. Những câu đối đáp phi thường của ông vẫn được nể phục của nghìn năm sau nữa. Tuy nhiên, ông rất nghèo và rất xấu (tương truyền mẹ ông bị một con vượn cưỡng hiếp rồi sinh ra ông). Có lẽ bởi vì ông đã thiếu gây nhân bố thí cúng dường, và hay dùng văn tài của mình châm biếm diện mạo của người khác.

Ở mặt khác, người ở địa vị cao luôn có nhiều thuộc hạ dễ sai khiến. Kẻ dưới quyền luôn nơm nớp làm theo từng ý muốn nhỏ nhặt của chủ nhân không dám trái phạm. Hình ảnh đó là do sự thọ ân

quá nhiều của những đời trước. Như vậy, để có được nhiều thuộc hạ, kẻ này phải là người đã từng ban ân rộng rãi từ nhiều đời quá khứ. Thật vậy, sự bố thí lớn lao cũng đem lại quả báo quyền lực. Tuy nhiên chúng ta sẽ nhận thấy sự khác biệt của mỗi loại.

Nếu là người được địa vị bởi nghiệp nhân khiêm hạ, họ vẫn còn giữ được phong cách từ tốn lễ độ tôn trọng mọi người, kể cả người dưới quyền.

Còn người đạt được địa vị bởi nghiệp nhân ban ân rộng rãi, đời này họ rất giàu có và có vẻ thiếu khiêm tốn, vì đời trước mỗi khi ban ân cho ai họ đều cảm thấy đôi chút tự hào. Chính tâm lý tự hào tích góp lâu ngày biến thành thái độ cao kỳ ở kiếp sau khi họ đã nắm trong tay quyền lực.

Đôi khi một người cũng đạt được địa vị cao sang chỉ bởi vì đời trước đã từng cung kính cúng dường những bậc chân tu đạo hạnh. Lẽ ra nghiệp nhân này sẽ đưa họ đến vị trí một tu sĩ thượng phẩm ở đời sau, nhưng do tâm họ không hướng về

một đời sống thoát tục, chỉ thuần lo toan việc thế gian nên quả báo đã đi lạc sang hướng khác: Họ được quyền chức lớn trong xã hội. Ở địa vị này họ vẫn là người có đức độ, đôi khi hao hao giống một ẩn sĩ, tuy có quyền chức mà vẫn thích có một am thất vắng vẻ để tĩnh tâm. Và không hẳn họ là một người có tài. Những thành công đem đến hầu hết do may mắn và do người cộng sự giúp đỡ mà thôi.

Có một số vì phải tuân lệnh cấp trên nên đã sốt sắng làm những công đức lớn như đắp đường, bắt cầu, đắp đê, dẫn nước, khẩn hoang lập ấp định cư cho dân từ xa đến, tổ chức công ăn việc làm cho người lao động, xây dựng bệnh xá trường học, kiến thiết nhà cửa cho dân nghèo... Họ chẳng có chút tâm từ thiện nào đối với mọi người. Họ chỉ đơn thuần muốn làm thật tốt để lấy lòng cấp trên, để được khen thưởng. Với nghiệp nhân như vậy, đời sau họ cũng được địa vị lớn vì đã làm lợi ích cho nhiều người, nhưng tâm địa họ rất hẹp hòi ích kỷ. Khi cần, họ sẵn sàng sử

dụng thủ đoạn để tranh đoạt quyền lợi với kẻ khác. Hơn nữa, do thiếu đạo đức nên họ luôn luôn cậy quyền ỷ thế.

Ở thời đại phong kiến quân chủ, ông vua được xem là con của trời, do thượng đế an bài sắp đặt, cả giang san gấm vóc thuộc quyền sở hữu của vua. Sự trung thành đối với vua được đề cao gần như tuyệt đối vì “vua bảo bầy tôi phải chết, nếu bầy tôi không chịu chết là bất trung”. Trừ trường hợp ở Anh Quốc có mầm mống dân chủ rất sớm nên nói rằng “Khi mặt trời đã lặn, nếu không được phép của chủ nhà, Nữ Hoàng cũng không được bước vào”. Với vị trí thượng tôn quá độ như vậy, một ông vua được hưởng sự kính trọng tột cùng của mọi người.

Bước sang thời đại dân chủ, người lãnh đạo tối cao của đất nước do dân đề cử thông qua lá phiếu. Ý nghĩa tinh thần có vẻ thần thoại đã biến mất, người Tổng Thống không còn cái hào quang thiêng liêng như ông vua ngày xưa nữa. Họ vẫn đạt được kính mến bởi mọi người, vì nếu không,

người dân đâu có bỏ phiếu đề cử, nhưng mức độ trở nên vừa phải chừng mực. Không còn cái cảnh kẻ bề tôi dập đầu trước bệ rồng cầu kiến tung hô vạn tuế. Nếu cần phải nịnh, kẻ thuộc quyền phải khéo léo và kín đáo hơn.

Cùng ở vào địa vị lãnh đạo đất nước như nhau, nhưng một tổng thống không còn được hưởng sự kính trọng chất ngất như một ông vua nữa. Rõ ràng nghiệp nhân của họ đã có chỗ sai khác. sự sai khác đó do khoa học, do quan điểm triết học đã có nhiều thay đổi.

Ở thời đại cổ xưa, con người rất tin vào thần linh và thượng đế. Tín ngưỡng lúc bấy giờ hướng dẫn con người phải đặt trọn lòng kính tin vào thần thánh và các tu sĩ đại diện cho thần thánh. Song song với niềm kính tin mãnh liệt đó, họ còn được hướng dẫn làm các điều thiện một cách triệt để, xả thân, không tiếc mạng sống. Kẻ nào thực hiện được cả hai điều đó, vừa có niềm kính tin mãnh liệt, vừa làm việc thiện triệt để, sẽ cảm quả báo làm vua ở những

kiếp sau để hưởng lại sự kính trọng quá mức của mọi người.

Khi khoa học tiến bộ, màu sắc thần thoại trong thế giới quan bị xóa dần, quan điểm triết học bị thay đổi tận gốc rễ, nên niềm tin của con người đối với thần thánh và đại diện cho thần thánh (giai cấp tăng lữ) đã giảm sút quá nhiều. Họ vẫn thích làm điều thiện vì lương tâm của họ cảm nhận cái hay của từ thiện chứ không phải như ngày xưa làm việc thiện với sự giám sát của thần linh. Vì vậy mức độ làm việc thiện không còn mãnh liệt như trước. Con người của thời đại khoa học vật lý hôm nay trở nên dễ ngờ vực, ít kính phục, có khuynh hướng thực dụng cá nhân. Nhân như thế nên quả báo trở lại một cách tương xứng. Do làm việc thiện rất nhiều nên một kẻ sẽ được phước làm lãnh tụ, nhưng không còn được người dân nhìn vào với vẻ thiêng liêng thần thánh như một hoàng đế nữa.

Người hiểu rõ luật Nghiệp Báo thì không mong cầu quyền cao chức trọng. Vì họ

biết rằng sự mong cầu đó là dấu hiệu của tham vọng cá nhân, là dấu hiệu của sự tổn đức bên trong. Họ chỉ bình thản kính trọng mọi người và sẵn sàng giúp đỡ mọi người với khả năng sẵn có của mình.

Chúa Jésus cũng nói:

“Kẻ nào chen lên phía trước sẽ phải bị đẩy lùi về sau; kẻ nào lui về phía sau sẽ được đưa lên phía trước”.

14- NHÂN CÁCH

Từ “Nhân cách” bao quát một phạm vi rộng rãi gồm cả tâm lý, cá tính, thái độ cư xử ở đời, khả năng kiềm chế tâm, phong thái biểu lộ ra ngoài nơi cử chỉ...

Có những nhân cách vĩ đại như các bậc thánh muôn đời được truyền tụng như Socrate, Jésus, Đức Phật, Lão Tử, Khổng Tử, San Francisco, Martin de porres, Gandhi, Vinoba, Trang Tử, Vương Dương Minh... Rồi trong mỗi tôn giáo có các bậc Thánh riêng biệt được các tín đồ ngưỡng mộ mãi mãi như các vị thánh của Thiên Chúa Giáo, các vị A La Hán, Thiên Sư của đạo Phật... Trong lịch sử của mỗi quốc gia

cũng có những nhân cách xuất chúng với lòng yêu nước nồng nàn, và chiến công giữ gìn đất nước, xây dựng quê hương. Trong lĩnh vực khoa học cũng có những nhà bác học đem cả cuộc đời cống hiến cho nền văn minh tiến bộ của nhân loại với lòng kiên trì không mệt mỏi như Pasteur, Newton, Einstein, Marie Curie... Họ là những người vừa có công lao lớn đối với nhân loại, vừa có nhân cách cao cả khả kính.

Ngược lại với những nhân cách trác việt đó, cũng có những hạng người tầm thường chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, nham hiểm, ác độc, lừa đảo, nóng nảy, cố chấp, hẹp hòi... Con số này khá đông đến nỗi các trại giam chật cứng, khiến cho Mỹ phải chấp nhận thiết lập nhà tù tư nhân. Nhà nước muốn tư nhân giam giữ các phạm nhân theo đúng chính sách và nhận tiền thù lao của chính phủ.

Luật pháp chỉ xử lý khi đã có dấu hiệu phạm tội, chế tài để không cho kẻ đó tái phạm, nhưng khó thay đổi được ác tâm đã

bám sâu vào tiềm thức của con người. Nhiều kẻ vừa được phóng thích đã gây án lập tức. Có kẻ giả vờ ngoan ngoãn để được giảm án, được trả tự do sớm hơn, nhưng vừa ra khỏi nhà tù là trở lại con đường tội lỗi.

Thế gian này dường như đã trở thành địa ngục khi mà “Con người còn là sói đối với người”. Sự đấu tranh giành giật quyền lợi xuất hiện ở khắp mọi nơi. Trong gia đình, trong trường học, trên ruộng đồng, trong xí nghiệp, ngoài xã hội, giữa các quốc gia, giữa các công ty lớn... Khắp nơi đều có xâu xé, thủ đoạn, lừa lọc, chửi mắng, chém giết và cả ở mức độ tàn khốc như chiến tranh hủy diệt cả những vùng rộng lớn.

Trước những cảnh đau lòng như vậy, nhiều người mơ ước có một thế gian mới, trong đó con người biết yêu thương lẫn nhau, sống vui vẻ với nhau như bộ lạc Papua ở đảo New Guinée. Quanh năm họ vừa lo làm lụng tìm thức ăn, vừa vui chơi múa hát với nhau và thường tiến hành

viếng nghĩa địa của những người đã khuất. Họ sống trong tự do, chết trong tình thương nhớ của cộng đồng bộ lạc. Họ sống trong cảnh núi rừng âm u vắng lặng, nhưng vẫn đoàn kết thương yêu, vui tươi hạnh phúc. Đó là điều đáng cho chúng ta phải suy nghĩ.

Các nhà đạo đức học đã kêu gào giữa thế gian để cho con người đạo đức hơn, nhưng tiếng kêu của họ lạc lõng như tiếng vang giữa sa mạc. Con người vẫn trụy lạc, ác độc như xưa.

Nhiều tôn giáo đã ra đời để tạo ra một sắc thái thần bí thiêng liêng nhằm đem con người đến với đạo đức qua cửa ngõ niềm tin thần bí. Họ tin rằng các thần linh luôn luôn theo dõi mọi hành động của họ, sẽ ban thưởng khi họ làm lành và sẽ trừng phạt khi họ làm ác. Mỗi tôn giáo có những thần linh riêng, nhưng đều giống nhau ở chỗ thưởng thiện phạt ác. Tuy nhiên, về sau này các tôn giáo mới xuất hiện càng nhiều với những mục tiêu quái lạ. Thậm chí hiện nay ở Ấn Độ, có một tôn giáo đã

phá hết tất cả mọi giá trị cũ, ca ngợi sự giải thoát bằng con đường tự do tình dục bừa bãi- chỉ trừ những người mắc bệnh AIDS. Tôn giáo mất dần giá trị thánh thiện vì không còn đứng vững ở vị trí xây dựng đạo đức cho xã hội. Đôi khi một số tôn giáo trở thành cái gai chọc tức các nhà xã hội học và khoa học.

Như chúng ta đã biết, ý nghĩ là nhân mà hành động là kết quả. Có ý muốn làm mới có sự thực hiện. Đôi khi ý muốn xuất hiện ở kiếp này và việc làm xuất hiện mãi ở kiếp sau. Lạt ma Govinda ở kiếp trước là một nhà văn Đức, chết khi còn trẻ và từng ấp ủ ý định đi tìm chân lý với đạo Phật. Kiếp này sinh sang Colombia, ông xuất gia theo đạo Phật rồi đi du học ở Tích Lan, sang tham học ở Tây Tạng, viết nhiều quyển sách nổi tiếng.

Như vậy, nhân cách là nguyên nhân, và hành động là kết quả. Một nhân cách tốt thì trong tương lai-kiếp này hay kiếp sau- chắc chắn sẽ tạo ra những hành động tốt. Người thường nuôi nấng những hoài bão

cao thượng, chắc chắn sẽ làm được những hành vi cao cả. Do đó, trau dồi nhân cách là một việc làm vô cùng quan trọng cho tất cả mọi người. Không những chúng ta chỉ biết tự trau dồi nhân cách của mình mà còn phải giúp đỡ mọi người chung quanh xây dựng nhân cách của họ. Tuy nhiên, như đã nói, nhân cách không phải là nguyên nhân ban đầu, nó vẫn còn là kết quả của một nguyên nhân trước đó. Nắm được nguyên nhân phía trước này, chúng ta sẽ có phương pháp để cải hóa nhân cách hiệu quả hơn.

Ví dụ, sự ngưỡng mộ phong thái trầm mặc của một bậc thánh sẽ gây cho chúng ta một phong thái trầm mặc tương tự ở vị lai. Sự ca ngợi tâm từ bi của một vĩ nhân cũng tạo nên tâm từ bi trở lại trong chính chúng ta.

Vì thế, nếu con người được đọc nhiều về các giai thoại đạo đức tuyệt vời của các danh nhân, lòng họ khởi lên một chút kính ngưỡng nào đó, ấy chính là nguồn gốc tạo thành nhân cách tốt đẹp cho họ về sau.

Các tội phạm bị giam giữ lâu ngày trong trại dưởng như không bao giờ được nghe kể chuyện về những thánh nhân vĩ đại. Họ chỉ chứng kiến vô số chuyện tội lỗi, lừa đảo, giết hại lẫn nhau, kẻ có sức mạnh và mưu mô là kẻ chiến thắng. Lòng nhân ái không bao giờ được nhắc đến. Những lúc trò chuyện, tay nào cũng kể những thành tích rùng rợn của mình để làm cho kẻ khác nể phục. Được tẩm mình trong bầu không khí đó, chẳng trách được vì sao ít có ai khi mãn hạn tù sẽ trở thành một kẻ lương thiện. Lòng thán phục đối với các tay anh chị gan lì, ác độc và ích kỷ sẽ tạo ra một nhân cách ghê tởm cho họ. Và như vậy, trại tù sẽ không bao giờ là nơi làm cho con người được thuần lương cải hóa.

Bắt đầu bằng sự kính phục một nhân cách nơi kẻ khác, nhân cách đó sẽ hiện hữu nơi chúng ta. Có một người mắc tật nóng nảy, anh cũng rất phiền với thói xấu này.

Nhưng mỗi khi nổi nóng anh vẫn không thể nào kiềm chế được. Một lần anh vô tình đọc câu chuyện về thiền sư Bạch Ẩn

(Hakuin) của Nhật giữ được vẻ bình thản khi bị người ta vu khống đã gây ra một bào thai cho cô gái trong làng. Khi đứa bé được sinh ra, nó được giao cho ông. Ông bình thản đi xin sữa cho đứa bé mặc dù mọi tiếng tăm vinh quang đã mất sạch. Sau này, cô gái ân hận thú thật rằng cha đứa bé là một thanh niên bán cá ngoài chợ. Cha mẹ cô đến xin lỗi ông và xin đứa bé trở lại. Ông cũng bình thản như chưa từng có việc gì xảy ra. Câu chuyện làm anh xúc động. Anh tự vẽ hình thiền sư Bạch Ẩn treo ở trong phòng để chiêm ngưỡng. Vài năm sau trong giới bạn bè, anh nổi tiếng là một người trầm tĩnh, không bao giờ nổi nóng khi đối diện nghịch cảnh.

Cái khó khăn trong việc cải hóa nhân cách con người là làm sao cho họ biết xúc động, kính ngưỡng trước một nhân cách phi phạm nào đó. Họ cần có tấm gương thực tế của những người xung quanh; họ cần được đọc nhiều về cuộc đời thánh thiện của các vĩ nhân trong quá khứ.

Trong tập “Góp nhặt cát đá” cũng kể câu chuyện một tên ăn trộm, sau khi ra tù đã đến xin xuất gia với một thiền sư mà trước đó anh đã đến lấy cắp, chỉ bởi vì khi bị ăn cắp như vậy, tâm hồn vị thiền sư vẫn ung dung và tràn đầy sự tha thứ. Suốt thời gian trong tù, có lẽ lòng kính phục của anh đã chín muồi lớn mạnh.

Đôi khi chúng ta lên án sự kiểm duyệt văn hóa phẩm ở phương Tây quá lơ lửng. Những câu chuyện thiếu lành mạnh đã giáng những đòn nặng nề vào nền đạo đức của nhân loại. Những lối sống ích kỷ, thực dụng, oán thù được đề cao đã tác hại không lường được cho các thế hệ. Tại sao người ta cấm đoán ma túy, thực phẩm độc hại... nhưng vẫn nhân danh tự do ngôn luận để cho sự ác độc lan tràn vào tâm hồn con người qua ngõ sách báo phim ảnh?

Cỏ dại luôn luôn dễ mọc. Cây lương thực luôn luôn khó trồng tỉa. Cũng vậy, bản năng chấp ngã, ích kỷ, hưởng thụ của con

người rất dễ nảy nở phát triển, trong khi tâm hồn vị tha, nhu hòa, tha thứ rất khó nuôi trồng giữ gìn. Những tác phẩm văn hóa độc hại giống như những thùng phân bón vào cánh đồng cỏ ác độc trong tâm hồn con người. Không biết bao giờ thế giới mới kiểm soát được các tác phẩm gây tác hại cho đạo đức của loài người!

Bên cạnh cái nghiệp nhân kính ngưỡng nhân cách cao cả của bậc Thánh để tạo thành nhân cách cao cả của chính chúng ta, còn một nghiệp nhân thứ hai cũng có hiệu quả không kém đó là TÂM NGUYỆN. Nếu bạn là người có tín ngưỡng, bạn hãy chân thành quỳ trước lễ đài, gửi trọn lòng thành kính lên đấng tối cao và dâng lên vị đó tâm nguyện tha thiết của mình.

“Con nguyện từ đây và mãi về sau, con sẽ từ bỏ mọi tâm niệm ích kỷ, hẹp hòi, độc ác, nóng nảy, tham lam, ganh tị... Con nguyện sẽ yêu thương tất cả mọi loài với tình thương thấm thiết nhất. Con nguyện tất cả cuộc đời con, chỉ để dành sống vì tất cả mọi người, sống để thương yêu và

phụng sự tất cả, dù có phải xả bỏ thân mạng này con vẫn mỉm cười vui vẻ. Đây là lời nguyện hứa chân thành của con, xin ơn trên soi sáng cho con.”

Chỉ cần mỗi ngày một lần, bạn quỳ trước lễ đài để tâm nguyện tương tự như thế, không bao lâu, một nhân cách tuyệt vời sẽ xuất hiện nơi tâm hồn bạn. Bóng tối đang lui dần, ánh sáng đang ngự trị.

Nếu bạn là người không có tín ngưỡng, không có tôn giáo, không đặt niềm tin nơi giáo chủ nào, một vị thần linh nào, không sao ! Miễn là bạn tin rằng tất cả mọi người đều có không gian tâm linh giao xen lẫn nhau, miễn là bạn tin rằng tất cả vạn hữu đồng một Bản Thể Tuyệt Đối là đủ ! Bạn vẫn có thể ngồi lại trầm lắng nội tâm của mình và tự nhủ rằng:

“Từ nay ta sẽ từ bỏ mọi sự ích kỷ, hẹp hòi độc ác, tâm ta sẽ trải rộng tình thương đối với tất cả muôn loài. Ta sẽ sống để đem lại bình an và hạnh phúc cho mọi loài”

Với sức mạnh của tâm linh, lời tâm nguyện đó đủ sức chuyển hóa nhân cách

bạn và còn lây lan nhiễm vào tâm hồn của nhiều người sống gần đây. Còn Bản Thể thì đã tạo xong một quả báo mới : Một nhân cách phi phạm, đang dần dần được hiện ra nơi con người vật lý của bạn.

Ở khía cạnh khác, sự chê bai nhân cách kẻ khác cũng gây ra một nhân cách tương tự nơi chúng ta. Ví dụ, chúng ta thường chỉ trích kẻ khác về sự thiếu khiêm tốn.

Sau này, bỗng nhiên nơi hành vi của chúng ta lại lộ ra một số biểu hiện tự cao, ngạo mạn. Hoặc chúng ta chê bai sự ích kỷ của người, để rồi trong một lúc không kiểm soát được, sự hẹp hòi chột hiện diện nơi chính chúng ta.

Thế nên người hiểu đạo rất dè dặt khi phải chỉ trích người khác. Nếu có duyên giáo hóa kẻ xấu thì hãy nói thẳng với họ. Còn không, nên tránh việc nói vòng quanh, nói nhảm, hoặc rao lỗi người một cách rộng rãi.

Đôi khi ở kiếp trước chúng ta không phải là một người nóng nảy, nhưng chỉ vì quá công kích sự nóng nảy của người, nên đời

này chúng ta bỗng mắc tật nóng nảy không kèm chế được.

Ngoài những nguyên nhân sâu xa kể trên, nhân cách còn là kết quả thiết thực của một số tâm lý, quan điểm.

Ví dụ, khi ngã chấp trở nên lớn mạnh, chúng ta sẽ trở nên nóng nảy, bảo thủ, cố chấp, tham vọng... Tục ngữ Việt Nam có câu : “Già sanh tật, đất sanh cỏ”. người già thường dễ phát sinh một số thói tật quái gở mà con cháu lấy làm khó chịu không hiểu nổi. Riết rồi người ta đành phải chấp nhận xem như một hiện tượng bình thường phải xảy ra như đất bắt buộc phải mọc cỏ mà thôi. Lý do rất đơn giản chỉ vì khi người ta lớn tuổi, con cháu càng đông, thấy mình thuộc vai vế lớn, là ông, là bà, ai cũng gặp phải chào kính tôn trọng. Lâu ngày chấp ngã tự tôn bên trong được củng cố dần dần. Rồi cái tâm lý tự tôn đó kéo theo sự rối loạn nhân cách trầm trọng như bảo thủ, cố chấp, hèn dỗi, khoe khoang...

Hoặc một số nhân vật bỗng nhiên được

nổi tiếng thành công vang dội, được nhiều người nể phục. Nếu không kèm giữ được tâm lý tự cao, họ cũng dễ phát sinh một số tật kỳ cục. Đây là điều mà các ông bầu gánh hát phải thường xuyên chịu đựng với các đào kép nổi tiếng. họ vùi vãnh, hờn dỗi, đủ chuyện.

Hoặc một số học giả đọc được một số triết lý đề cao cái “tuyệt đối tánh” nơi chính mình, phủ nhận sự tương quan chung quanh, cho rằng chỉ có cái tuyệt đối sẵn có nơi mình mới là quan trọng hơn cả. Quan điểm triết học này cũng rất dễ phát minh tâm lý tự tôn ngạo mạn và kéo theo sự rối loạn nhân cách như gàn gàn, kên kiêu, kỳ lạ, nghe ai nói gì cũng cãi cũng chống... Ngoài nguyên nhân tâm lý, còn có nguyên nhân bệnh lý cũng đưa đến thay đổi nhân cách. Một số bệnh về tuyến nội tiết cũng làm xáo trộn tâm lý nhân cách của con người. Các tuyến yên, tuyến giáp trạng, tuyến thượng thận, tuyến tụy... ảnh hưởng rất rõ lên tâm lý con người. Người bị bệnh suy tuyến giáp trạng thường có tâm trạng

uể oải, chán nản. Ngược lại người bị cường tuyến giáp trạng thường sôi nổi hiếu động. Đôi khi một số dục vọng, ham muốn, tự cao... bị phát khởi, hoàn toàn chỉ do sự rối loạn của tuyến nội tiết chứ không phải do sai lầm về tâm lý hay quan điểm. Thế nên, ở những trường hợp này, sự can thiệp chữa trị của y học là điều cần thiết chứ không phải chỉ đưa ra những lời khuyên nhủ đơn thuần cho người bệnh. Những bệnh nội tạng như loét dạ dày, yếu phổi, suy gan... cũng gây ra những bực bội, căng thẳng tại thần kinh não làm ảnh hưởng đến nhân cách. Người bệnh vẫn có thể dùng ý chí và sự khéo léo của mình để kiềm giữ không cho tâm lý mình bị rối loạn quá đáng, nhưng vẫn không đủ để chấm dứt cơn bệnh. Cần phải có sự can thiệp y học từ bên ngoài để chữa căn bệnh thực thể.

Hiện nay các nhà khoa học đang đi sâu tìm hiểu dần dần mọi chức năng của não bộ. Họ nhận thấy rằng mỗi vùng não chịu trách nhiệm một trạng thái tâm lý. Nếu

“vùng não nóng nảy” lớn hơn bình thường thì rõ ràng kẻ này rất nóng tánh. Nếu “vùng não dục vọng” teo nhỏ hơn bình thường thì rõ ràng kẻ này ít có ham muốn thấp hèn.

Tuy nhiên vì sao vùng não này lớn, vùng não kia nhỏ vẫn còn là điều phải tìm hiểu. Có thể chính tâm lý ham muốn dục vọng làm cho vùng não dục vọng phát triển hơn bình thường.

Hoặc một người có “vùng não tự cao” lớn nhưng họ biết chuyển hóa tâm lý của mình trở thành khiêm hạ và thế là vùng não này teo nhỏ lại theo sự tự cải tạo bản thân của mình.

Như vậy, có nguyên nhân tâm lý chủ quan cộng với nguyên nhân bệnh lý khách quan cùng tác động thành nhân cách của con người. Muốn cải hóa con người trở thành cao thượng hơn, chúng ta phải nắm vững nhiều mặt của vấn đề mới có thể đạt được hiệu quả.

Bảo một người đừng nóng nảy độc ác nữa, vô ích! chỉ vì tuyến nội tiết của họ bị

rối loạn trầm trọng cần phải chữa trị thích hợp.

Tuy nhiên, chữa xong các bệnh thực thể rồi vẫn chưa đủ, cần phải gây cho họ tâm lý cao thượng để họ tự giáo dục lấy chính họ. Tâm lý chủ quan của con người mới là yếu tố bền vững lâu dài.

Một nhà tội miên có thể tác động vào tâm thức sâu thẳm của một tên cướp để hắn dừng lại tâm ác độc. Nhưng đó chỉ là tạm thời. Lâu dài về sau sự ác độc sẽ tái phát. Phải làm sao chính tên cướp ý thức được tội lỗi xấu xa của mình và tự phát tâm hoàn thiện. Và công việc này chỉ có thể thực hiện bằng con đường giáo dục chân chính.

Nếu sau này, mọi nhà tù đều có những nhà tội miên, tâm thần phụ trách, thì có lẽ số tội nhân sẽ không tái phạm. Khi mãn hạn tù vì họ đã được cải hóa trên cả hai lĩnh vực. Sự tác động khách quan của tội miên, y học và sự giáo dục chân chính để gây nên sự cải hóa chủ quan nơi chính họ. Việc giam giữ, đánh đập dọa nạt không

bao giờ làm cho con người chuyển hóa nhân cách. Hơn nữa một môi trường toàn là những kẻ ác độc ở chung với nhau, tâm ác độc đó sẽ cộng hưởng, khuếch đại càng lúc càng mạnh và cuối cùng nhà tù chính là lò đào tạo tội ác.

Đến lúc nào đó, người ta sẽ xem những tội nhân chính là người bệnh, bệnh nhân cách, giống như những bệnh nhân tâm thần, bệnh nhân cơ thể...

Đa số các bệnh nhân cơ thể đều được khuyên dùng thuốc, giải phẫu (tác động khách quan) và tự luyện tập thể thao dưỡng sinh (tác động chủ quan). Cũng vậy, những người bệnh nhân cách cũng phải được dùng thuốc, được thôi miên (tác động khách quan) và được giáo dục để tự ý thức về đạo đức của chính mình (tác động chủ quan). Ngoài ra họ cũng cần phải được ở trong môi trường không bị lây nhiễm xấu, giống như những bệnh nhân cơ thể tránh sự nhiễm trùng vậy.

Với cái nhìn mới mẻ như vậy, chúng ta sẽ cảm thấy yêu thương con người hơn, sẽ

khoan dung hơn khi đối diện với kẻ xấu (kẻ bệnh nhân cách).

Các nhà nghiên cứu còn cho biết rằng vào thời kỳ trăng tròn, con người cũng dễ bị kích động hơn bình thường.

Ngoài các vấn đề căn bản trên, thỉnh thoảng có một số người bị bệnh “đa nhân cách”. Khi thì họ thấy mình là một nhà văn. Chợt hôm sau họ thấy mình là một bà tiên tri nổi tiếng... Nhiều người đã giải thích đây là hiện tượng nhập đồng. Xác họ đã bị các vong hồn về mượn tạm. Tuy nhiên lời giải thích đó không hoàn chỉnh.

Một số diễn viên xuất sắc khi đóng vai đã nhập vai một cách trọn vẹn. Họ thật sự thấy mình là nhân vật được ghi trong kịch bản và diễn xuất thật hoàn hảo. Trong một đời làm diễn viên, họ đã nhập quá nhiều vai và vai nào cũng đóng một cách như thật. Đó là nguyên nhân của bệnh “đa nhân cách” ở kiếp sau. Hoàn toàn chẳng có gì lạ. Họ đã sống lại từng vai mà họ đã diễn từ kiếp trước. Điều quan trọng là ở kiếp trước, họ đã tự ám thị mình quá

manh rằng chính mình là nhân vật đang đóng để đạt được khả năng diễn xuất cao độ. Sự tự kỷ ám thị đó đã gây ra một nhân cách cho đời sau. Nhiều vai diễn khác nhau với nhiều lần tự kỷ ám thị đã gây ra kết quả “đa nhân cách” làm ngạc nhiên các nhà tâm thần học.

Ngoài ý nghĩa nhân cách cao cả hay hèn hạ, còn có những người bị rối loạn nhân cách nghiêm trọng mà người ta quen gọi là điên và y học gọi là những bệnh tâm thần kinh với sự phân biệt phức tạp.

Những người điên không còn giữ được sự hòa hợp bình thường với xã hội chung quanh. Họ bị kích động kỳ lạ từ bên trong rồi biểu lộ ra ngoài những lời nói và hành vi quái gở. Có người trong cơn điên vô cùng hung dữ, sẵn sàng đập phá giết hại tất cả những gì chung quanh mình. Có người trong cơn điên nói lảm nhảm như đang nói chuyện với một kẻ vô hình. Có người quên tất cả mọi quan hệ với người chung quanh và như lạc vào thế giới ảo tưởng của riêng họ.

Một số bệnh nhân tâm thần tự cho mình là thần thánh giáng thế. Một số khác tuyên bố không thèm yêu ai mặc dù tất cả thế giới đang xin cưới mình. Một số rơi vào bệnh loạn dâm khủng khiếp. Một số khác bỗng thềm được giết thật nhiều người... Vô số tình trạng quái gở của bệnh tâm thần khó lý giải.

Thân và tâm là một khối thống nhất, ảnh hưởng qua lại rất chặt chẽ. Những rối loạn nhân cách như trên rõ ràng là sự biến dị của não bộ hoặc một vài vùng của não bộ. Khi một vùng nào đó bỗng nhiên phình to (u não), nó tự hoạt động mạnh mẽ và chèn ép các vùng chung quanh. sự hoạt động mạnh mẽ của nó lập tức thúc đẩy sự sai lệch trong tư tưởng, lời nói và việc làm. Ví dụ vùng hoang tưởng chột lớn hơn bình thường, khiến cho người này luôn luôn cảm thấy căng thẳng (tăng áp sọ não) khó ngủ và luôn luôn phải tiếp xúc với các ảo ảnh chập chờn chung quanh, hoặc nghe nhiều tiếng nói bên tai xúi giục làm chuyện bậy bạ.

Những biện pháp cần được xử lý là thuốc men, thôi miên hoặc giải phẫu để giải quyết cấp thời. Sau đó dùng sự giáo dục để khơi dậy ý thức tỉnh táo chủ quan của người bệnh để giải quyết lâu dài về sau. Một số người do tập trung tư tưởng nhiều quá vì công việc bề bộn, hoặc vì dụng công tọa thiền sai cách, hoặc tham vọng quá lớn, hoặc tâm lý tự cao quá mạnh, hoặc mê tín dị đoan quá đáng... đều có thể làm biến dị não bộ để xuất hiện trạng thái bệnh tâm thần kinh.

Chúng ta cần sống một cách thanh thoi, hợp với chánh pháp, hợp với khoa học, hợp với đạo đức. Cần tự cải tạo mình thoát khỏi tâm lý tham vọng quyền lực hoặc tự tôn thái quá. Trong truyện Lục Mạch Thần Kiếm của Kim Dung tiên sinh, nhân vật Cô Tô Mộ Dung cuối cùng bị bệnh điên vì khát khao quyền lực quá mạnh mà không thành công. Hằng ngày ông ra bờ ruộng mua bánh phát cho những trẻ chăn trâu để được tụi nó kêu là đại vương, nhằm thỏa mãn phần nào ước

mơ thống trị thiên hạ.

Tâm lý mê tín quá đáng như tin tưởng có quỷ thần lảng vảng xung quanh để xin ăn, để gia hộ, cũng làm nhiều người xuất hiện bệnh điên. Vào bệnh viện tâm thần, hạng người điên vì mê tín khá đông.

Tuy nhiên, đó chỉ là những nguyên nhân gần, nguyên nhân sâu xa thật sự vẫn chính là nghiệp từ quá khứ. Tại sao hai người có tham vọng quyền lực giống nhau mà một người nổi điên và một người không điên. Khi hai người cùng mê tín mà một điên, một không! Hai người cùng tu thiền chung một phương pháp nhưng một điên, một không? Tại sao u não xuất hiện ở người này và chưa lại những người khác?... Nguyên nhân thật sự vẫn thuộc về nghiệp từ quá khứ xa xăm.

Những nghiệp gây nên bệnh điên được kể ra như sau:

Một, sự hủy báng chánh pháp, công kích lẽ thật làm cho mọi người lạc vào tà kiến là tội lỗi nặng nề nhất. Một số người vì bảo vệ chủ thuyết của mình, đã thẳng tay

chống đối tất cả triết thuyết khác, trong đó có những triết thuyết rất chân chính hợp lý. Phủ nhận chân lý là tội lỗi nặng nề nhất.

Hai, công kích người thể hiện được chân lý. Người thể hiện được chân lý có thể là một vị Thánh đã đắc đạo, có thể là một triết gia có suy nghĩ đúng, có thể là một người không nói nhiều nhưng sống đời đức hạnh cao cả. Sự công kích những hạng người này là tội lỗi nặng nề thứ hai đủ để làm cho bệnh điên xuất hiện.

Ba, trong cơn say sưa vì chất kích thích như rượu, ma túy, một kẻ đã quậy phá tùm lum. Họ đã tập điên bằng rượu mặc dầu họ chưa điên. Nhưng đó cũng là cái nhân để gây nên quả báo điên loạn về sau.

Bốn, chọc ghẹo những người điên một cách tàn nhẫn như ném đá, nhái điệu bộ, chửi rủa.

Năm, tâm ác độc quá nhiều lúc nào cũng muốn hãm hại kẻ khác.

Đại khái năm nghiệp nhân trên là căn bản

để gây nên bệnh điên sau này. Ngoài ra còn có rất nhiều những nguyên nhân phụ. Như vậy, nhân cách là một vấn đề đa dạng phức tạp. Chúng ta cần xét qua nhiều khía cạnh để có cái nhìn bao quát, để biết thương yêu và giúp đỡ kẻ khác hơn là mãi lo chê trách họ. Kẻ có nhân cách thấp kém, thật ra cũng chỉ là một dạng bệnh trừu tượng hơn bệnh thực thể mà thôi. Và nếu đã là bệnh thì phải có cách chữa bởi kết hợp tác động khách quan và ý thức chủ quan. Riêng đối với người bị điên không còn ý thức được điều gì nữa thì thân quyến phải làm phước rất nhiều để cầu nguyện cho họ, chứ chính họ không tự giúp mình được điều gì.

15- GIỚI TÍNH

Vũ trụ là một cơ thể sống thống nhất với nhau, trong đó mọi vật thể đều dường như có một sức sống thâm kín ẩn dấu bên trong dù đó là chất hữu cơ hay chất vô cơ. Ngay cả sự bùng vỡ một tinh cầu cũng chỉ là giai đoạn cho những sự sinh hóa kế tiếp theo sau của vũ trụ. Ngay cả một chiếc lá

vàng rơi rụng cũng không nằm ngoài tiến trình sống của vạn hữu. Tất cả đều sống, đều sinh hóa vô tận.

Tuy nhiên, sự sống biểu hiện rõ nét nhất nơi đời sống của sinh vật qua quá trình giao phối của hai giao tử đực cái để cho ra đời những giống con tiếp tục duy trì chủng loại. Giao tử đực có nhiệm vụ cung cấp cho đủ điều kiện để giao tử cái nuôi dưỡng phát triển thai mầm lớn lên.

Dường như giống cái có trách nhiệm nhiều nhất trong việc sinh sản con cái.

Giống đực chỉ có nhiệm vụ hỗ trợ ban đầu qua giao phối, có khi chỉ để tìm khoái lạc cho bản năng. Một vài giống đực có giúp đỡ nuôi nấng vợ mình trong quá trình thai sản. Một số khác chỉ cung cấp tinh trùng rồi chuồn êm, không một chút bận tâm vì bản phận.

Con người cũng vậy, tình yêu và tình dục làm cho nam nữ gắn gũi nhau để duy trì nòi giống. Người mẹ mang nặng đẻ đau. Người cha làm lụng nuôi nấng. Đó là mẫu gia đình bình thường trong xã hội.

Nhưng sự khác biệt về vai trò, năng lực, quyền hạn giữa nam và nữ đã là một vấn đề có ý nghĩa lớn. Một số dân tộc tôn trọng phụ nữ và một số khác thì ngược lại. Thậm chí hiện nay tại một vùng quê ở Á Châu, nếu biết được đứa con sẽ ra đời là con gái, người ta sẽ phá thai. Trong kinh A Di Đà của Phật giáo Bắc Phương, hình ảnh một thế giới lý tưởng là thế giới “không có người nữ và không có đường ác”. Quan niệm trọng nam khinh nữ trở thành phổ biến suốt các đại lục từ Trung Đông qua Châu Á. Điều này có thể giải thích theo luật cung cầu. Dường như tỉ lệ người nữ luôn luôn cao hơn người nam trong cơ chế nhiễm sắc thể khi thụ tinh. Tỉ lệ nhiễm sắc thể có dạng Y để tạo thành bào thai nam luôn luôn thấp. Thêm nữa, người nam do có sức khỏe nên phải luôn luôn dự phần vào chiến tranh và không tránh khỏi chết chóc. Điều này càng làm cho tỉ lệ nam nữ mất cân đối hơn. Khi nữ nhiều nam ít sự phân biệt đối xử là một hệ quả tất yếu buộc phải xảy ra. Giá trị người

nữ trở nên thấp kém so với nam giới. Người ta thành lập ngày phụ nữ 8-3, người ta đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ... Tất cả những điều đó càng chứng tỏ rằng thực sự phụ nữ đã từng bị ngược đãi.

Ngoài lý do cung cầu để giải thích sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, người ta còn đưa ra một số lý do về tính khí. Người nữ được xem là hạng người yếu đuối, ích kỷ, gian trá, thâm hiểm... Đến nỗi chữ “gian” của Trung Quốc được ghép bằng ba chữ “nữ” lại với nhau. Triết gia Schopenhawer cay cú với người nữ không biết đường nào. Ông cho rằng:

“Chỉ có một người đàn ông bị mờ mắt vì sự thúc đẩy của xác thịt mới có thể tặng danh từ phái đẹp cho cái giống người thấp bé, vai hẹp, hông rộng, chân ngắn kia, vì toàn thể vẻ đẹp của giống này đều luôn kết chặt chẽ với bản năng tính dục. Thay vì gọi họ là phái đẹp, để bảo đảm hơn, nên tả đàn bà là giống thiếu thẩm mỹ...”
(Luận về đàn bà)

Chỉ có luật Nghiệp Báo thì vô tư công bình thoát ra ngoài các định kiến của con người. Nơi này người đàn bà phải quy phục với đàn ông thì tại một nơi khác đàn bà là nữ hoàng. Nơi này người đàn bà phải chịu đựng chồng thì ở nơi khác người đàn bà được galant hết mực. Có những người đàn ông phải đi ăn xin trong khi kẻ bố thí là một phụ nữ giàu có sang trọng. Biết bao nhiêu sinh viên nam giới phải lắng lắng nghe lời giảng sâu sắc của một nữ giáo sư đại học. Biết bao nhiêu quyết định sáng suốt của một lãnh tụ là do gợi ý của vị phu nhân ở phía sau...

Dựa vào một tiêu chuẩn nào đó để đánh giá trị hơn kém giữa người nam và người nữ là một điều thiên lệch bất công. Trên bất cứ lãnh vực nào, nữ cũng như nam đều có khả năng đạt đến như nhau. Mặc dù tỉ lệ thành công của người nam cao hơn người nữ rất nhiều. Số lãnh tụ nam, bác học nam, nghệ sĩ nam luôn luôn đông hơn nữ. Một lý do vô cùng đơn giản là vì người nam không bị gián đoạn bởi quá

trình thai sản. Thời gian mang thai và chăm sóc trẻ con đã làm gián đoạn sự nghiệp của người nữ, khiến cho họ không thể nào thành công như người nam. Nhiều công trình đang thực hiện phải dang dở. Nhiều khóa học phải bỏ ngang. người nữ đã khiêm tốn nhận lấy trách nhiệm nuôi dạy con để cho người nam được liên tục trong quá trình tạo nên sự nghiệp. Sự thành công của người nam chính là phần nổi của tảng băng rất dễ trông thấy, trong khi phần chìm ở dưới là công lao của người nữ.

Chính Đức Phật , giữa một xã hội Ấn Độ trọng nam khinh nữ, cũng nói rằng: “Có nhiều người nữ còn tốt hơn người nam”.

Tuy nhiên, một số sai biệt căn bản sau đây vẫn là tiêu chuẩn thông thường giữa nam và nữ.

Một là sức khỏe. Tính trung bình sức khỏe của nam giới vượt hơn nữ giới. Vì thế, tiêu chuẩn thi đấu thể thao của nữ luôn luôn được đòi hỏi thấp hơn của nam.

Hai là vóc dáng. Trung bình vóc dáng người nữ nhỏ nhắn hơn người nam. Nếu đi sâu vào phân tích giải phẫu cơ thể thì còn rất nhiều điểm khác biệt, bên cạnh hình thể, âm thanh người nữ cũng khác với người nam.

Ba là tâm lý. Tính chất đặc trưng của người nữ là kín đáo, rụt rè, kiên nhẫn, dễ xúc động, đa cảm, nhẹ về lý trí, trực giác mạnh. Đôi khi người ta còn gán cho người nữ tính ích kỷ, hẹp hòi.

Bốn là sinh lý. Sinh lý giữa nữ và nam có rất nhiều sai biệt để mỗi bên có thể thực hiện chức năng của mình. Các nội tiết tố, các thời kỳ hành kinh, cấu tạo não, tổ chức sinh dục... làm phân biệt rõ nét hai giới tính.

Nhưng ngoài cấu tạo sinh lý, những tiêu chuẩn khác không lấy gì làm cố định. Có những người nam mang nhiều tính chất của người nữ và ngược lại, cũng có những người nữ mang tính chất của người nam. Có những người nam yếu đuối, rụt rè, ích kỷ và cũng có những

người nữ mạnh bạo, phô trương, rộng rãi. Rất là dễ dàng để cho một người bị chuyển giới tính khi sinh sang một đời sống mới.

Nếu một người nam có tư tưởng khinh thường người nữ, có hành vi hạ thấp nhân phẩm phụ nữ. Kiếp sau, anh ta sẽ sinh làm người nữ trong một xã hội có truyền thống trọng nam khinh nữ để anh ta phải chịu đựng lại những đau khổ mà anh ta từng gây ra cho nữ giới.

Hoặc một chàng trai đa tình, suốt đời dấn lên không biết bao nhiêu cuộc đời của phụ nữ, kiếp sau anh cũng sẽ làm được người nữ để chịu đựng sự bạc tình của người khác.

Ngay cả một người chồng tốt, chung thủy với vợ, nhưng đã làm cho vợ sinh đẻ quá nhiều. Kiếp sau anh cũng có thể trở lại làm người nữ để chịu đựng cái cảnh mang nặng đẻ đau đầy ý nghĩa.

Thông thường, một người nam chuyển thân làm nữ vẫn còn giữ lại nhiều tính chất của người nam như cứng rắn, dạn dĩ, xốc

vác. Đôi khi họ tự cảm thấy bực bội vì thân thể nữ giới của mình.

Ngược lại, có những người nữ hăng hái làm việc từ thiện xã hội, xông xáo vào nơi nguy hiểm để cứu giúp nạn nhân, trong tâm thích được làm người nam để tiện làm việc thiện. Đời sau họ sẽ chuyển thân nam để tiện làm việc thiện, nhưng vẫn còn phải phát một số tính chất của người nữ như dáng đi mềm mại, giọng nói trong thanh.

Có một số người chuyển giới tính ngay trong kiếp hiện tại. Đang là người nam, bỗng nhiên họ dần dần xuất hiện tính chất của người nữ như đổi giọng nói, ngực và hông to ra, vai và eo nhỏ lại. Hoặc một số người không bị biến dạng về hình thể nhưng luôn luôn mang một ý nghĩ mạnh mẽ rằng mình là người nữ, và đem lòng thương yêu những người nam (hiện tượng pédé).

Sự chuyển đổi giới tính này đều có nguyên nhân từ quá khứ. Hoặc là họ đã đủ duyên để làm nữ, khiến cho nghiệp

thúc đẩy tâm lý, sinh lý (tuyến nội tiết) hoặc phẫu thuật đưa họ sang nữ giới ngay trong hiện tại. Hoặc sự trêu chọc kẻ á nam á nữ cũng tạo thành quả báo lưỡng tính không rõ rệt nơi một người.

Bình thường thì người nữ nhiều tình cảm hơn người nam, do đó, dường như người mẹ thương con nhiều hơn người cha. Tình thương của người mẹ là một hình ảnh đẹp để muôn đời được loài người ca ngợi.

Chính tình thương con sâu đậm của người mẹ làm cho người mẹ được phước rất nhiều mà đôi khi người cha không bằng được. Đó là nói trong phạm vi gia đình. Nhưng khi bước sang lãnh vực xã hội, người nam với tính chất hào phóng, gan dạ, xông xáo... đã chiếm ưu thế, đã đóng góp được nhiều công sức hơn người nữ, và do vậy, phước cũng nhiều hơn.

16- NGHỀ NGHIỆP

Vào thuở hoang sơ con người chỉ biết hái trái rừng để sống. Khi có những khám phá

mới về thức ăn động vật, họ bắt đầu săn bắn và bắt tôm cá để bổ sung nguồn lương thực. Tiến dần lên, con người biết định cư để chăn nuôi và trồng trọt. Trong thời kỳ đó, một người phải biết làm lấy tất cả những công việc theo nhu cầu của mình như cất nhà, trồng cây, săn bắn, chế tạo dao búa, cung tên, đẽo thuyền... Lâu dần con người biết trao đổi. Người đem thịt đến đổi lấy lưỡi dao tinh xảo. Tiếng tốt đồn xa, nhiều người khác đều đến năn nỉ để được đánh đổi lưỡi dao của một kẻ có khiếu đặc biệt về công việc rèn đúc dao mác này. Từ đó người thợ rèn ở nhà đi hẳn vào chuyên môn vũ khí và đổi lấy lương thực của những người khác.

Khi giai đoạn chuyên môn tăng dần, xã hội hình thành sự phân công tự nhiên, mỗi người một việc hợp với năng khiếu của mình.

Thị trường đơn giản khởi nguồn từ đạo ấy.

Một khi đã có sự phân công nghề nghiệp, con người trở nên lệ thuộc lẫn nhau.

Người thợ rèn cần lương thực của người nông dân. Người nông dân cần cột nhà của người tiều phu. Người tiều phu cần đôi giày của người thợ thuộc.

Khi thị trường của cung và cầu xuất hiện, nó biến thiên theo các quy luật khách quan chi phối kinh tế của toàn bộ cộng đồng con người. Có những lúc nhu cầu về dao cuốc tăng cao, người thợ rèn trở nên giàu có. Đôi khi thời tiết thất thường, người nông dân trở nên nghèo khổ.

Những yếu tố tác động vào thị trường một cách bất ngờ và không ai có thể lường trước là nghề nghiệp của mình sẽ trở nên phát đạt hay suy thoái. Mỗi nghề đều có ít nhiều tính chất may rủi, nghĩa là đều có tính kinh doanh. Con người phải phán đoán tình hình, bỏ công sức của cải để đầu tư, và thời gian sẽ cho biết thành công

hay thất bại.

Xã hội càng phức tạp thì sự phân công càng rõ rệt dứt khoát. Người chỉ thuần lập chương trình cho máy tính, người chỉ thuần chế tạo thuốc kháng sinh. Kẻ chỉ thuần tạo mẫu thời trang. Kẻ chỉ thuần trình diễn âm nhạc...

Rồi trong mỗi ngành nghề, sự phân công được diễn ra với mức độ vô cùng chuyên sâu tỉ mỉ. Trong việc xây dựng một căn nhà, không một người thợ nào đảm trách tất cả mọi công đoạn. Cần phải có thợ xây, thợ cốt thép, thợ sơn, thợ cấp thoát nước, thợ điện...

Thế là, đứng trong xã hội, hầu như ai cũng phải có nghề để sinh sống. Tuy nhiên, một nghiệp duyên từ kiếp nào đó đã thúc đẩy chúng ta chọn lấy nghề của mình, và chịu luôn cái nghiệp của nó.

Có người chọn ngành y tế chỉ vì từ kiếp trước anh đã từng hành nghề này và rất

yên tâm thoải mái với cuộc sống nghề nghiệp của mình. Anh không mơ ước gì khác, không đứng núi này trông núi nọ. Kiếp này, từ thuở bé, anh đã có con đường đi rõ ràng là y khoa, không phải phân vân tính toán gì thêm nữa. Và anh vào nghề rất suôn sẻ thành công.

Có người thường mang vải vóc cứng dường bậc chân tu, bố thí vải cho người nghèo khổ. Nghiệp nhân đó đưa đến nghề mua bán vải trong kiếp này và bà trở nên giàu có.

Có người thích đắp đường, bắt cầu, đào giếng nơi công cộng để làm phước. Kiếp sau anh trở thành kỹ sư công chánh với nhà cửa rộng lớn, tiền bạc sung mãn.

Có người trở thành kẻ chăn ngựa cho một ông chủ, chỉ vì đời trước anh và bày ngựa là kẻ mắc nợ ông chủ. Riêng anh may mắn giữ được thân người. Những kẻ khác đọa làm ngựa. Duyên xưa chưa hết anh

vẫn lẫn quần bên bày ngựa để chăm sóc chúng nó.

Có người đời trước làm ca sĩ, được lệnh trên là phải ca ngợi lính chiến, kêu gọi thanh niên tham gia quân đội. Đời sau anh phải đeo đẳng nghiệp quân sự suốt đời.

Có người làm nghề lái xe. Không chắc vì đời trước anh là người lái xe để sinh sống. Có khi đời trước anh là một kẻ giàu có và rất mê lái xe. Kiếp này nghèo, trở lại hành nghề lái xe để sinh sống theo đam mê lúc trước của mình.

Như đã nói, ý nghĩ là nhân và hành động là quả. Đôi khi đời trước một người làm nghề khác, nhưng tâm tư lại hướng về nghề này. Tâm ước mơ đó cũng làm xuất hiện kết quả đời nghề mới ở kiếp sau. Ví dụ một bác sĩ thích đọc sách rồi mơ ước viết văn. Nhưng công việc bận rộn khiến cho ông không bao giờ thực hiện được điều đó trong kiếp này. Phải đợi đến kiếp

sau ông mới bắt đầu lạc qua nghề văn chương mặc dù vẫn còn dính líu khá nhiều với nghề thuốc.

Có một số bác sĩ làm giàu nhờ người bệnh, nghĩa là sống sung sướng nhờ vào sự đau khổ của người khác bằng cách tính tiền thù lao quá nặng. Phước bị tổn, đời sau kẻ này vẫn còn ở trong ngành y tế, nhưng nghèo khó và bằng cấp nhỏ.

Có những người chuyên nghiên cứu về nghệ thuật nên ít có thì giờ làm phước.

Đời sau họ sẽ trở thành những nghệ sĩ nhưng cầm chắc cái nghèo trong tay. Chỉ những người đã từng làm phước rộng rãi mới có thể thành đạt trong lĩnh vực nghệ thuật để trở nên nổi danh và giàu có.

Người xưa có câu “Đại phú do thiên, tiểu phú do cần” – Giàu lớn nhờ trời (may mắn) giàu nhỏ do siêng năng. Người thành công trong nghề nghiệp cũng vậy. Có những cơ hội làm ăn từ đâu đem tới ngoài dự định

của họ. Thậm chí có khi họ mệt mỏi, bỏ công việc đi chơi cho khuây khỏa rồi cũng gặp mối lái làm ăn. Ngược lại có những người vất tâm kiệt óc tìm đủ phương kế mà vẫn bị trật vuột thất bại. Cùng một nghề như nhau, nhưng kẻ thì phát to, người thì lụn bại. Tất cả đều do duyên nghiệp quá khứ.

Đức Phật khuyên hàng cư sĩ tại gia phải nuôi sống bằng một nghề chân chính (Chánh mạng). Ngành nghề trong xã hội rất đa dạng phong phú. Nhưng có những nghề càng làm càng có phước và có những nghề càng làm càng có tội. Ví dụ nghề giết thịt, nghề nấu rượu, nghề buôn ma túy, kinh doanh phim ảnh, sách báo đồi trụy, phá rừng... là những nghề làm cho người ta chồng thêm tội lỗi. Sống bằng những nghề đó thì đời sau luôn luôn gặp đau khổ, bất hạnh. Quả báo bệnh hoạn, chết yểu, điên loạn, đọa làm súc

sinh chắc chắn phải xảy ra.

Có những nghề càng làm càng có phước như xây dựng đường xá, cầu cống, trường học, thủy điện, an ninh, giáo dục, bảo vệ môi trường, y tế, lương thực... Nói chung những ngành nghề đem lại lợi ích cho xã hội, đều làm cho chủ nhân có phước, nếu họ biết phục vụ một cách tận tụy cao cả. Đôi khi một người ở trong một ngành nghề dễ tạo phước nhưng họ quá ích kỷ, chỉ nghĩ tới đồng lương, gây khó khăn cho mọi người. Họ cũng bị tổn phước trầm trọng.

Như vậy, có hai yếu tố thực hiện nghề nghiệp chân chính là: Chọn nghề dễ tạo phước và phục vụ tận tình. Hãy nghĩ đến lợi ích chung của xã hội và làm việc nhiệt tình hơn là chỉ nghĩ đến lợi nhuận cá nhân. Đương nhiên ai cũng cần phải được hưởng thành quả lao động của mình với số tiền kiếm được để sinh sống. Nhưng

một người biết làm phước là người luôn luôn “đóng góp nhiều hơn hưởng thụ”. Hãy làm việc thế nào mà chúng ta cảm thấy sự đóng góp của mình đối với xã hội luôn luôn cao hơn quyền lợi thu về. Được như vậy chúng ta sẽ có phước lớn về sau. Còn những kẻ chỉ muốn hưởng thụ tối đa với công sức bỏ ra tối thiểu. Trước mắt họ có vẻ giàu sang nhưng tương lai họ sẽ là một người khốn khổ vì thiếu phước. Mỗi tuần, mỗi tháng khi kiểm lại số tiền kiếm được chúng ta hãy so sánh với công sức lợi ích mà mình đã đóng góp cho xã hội. Nếu thấy công sức nhiều hơn, chúng ta có quyền nở một nụ cười vui vẻ vì biết rằng mình đang tích lũy phước dần dần theo năm tháng. Ngược lại, nếu thấy mình không làm được lợi ích gì cho xã hội mà kiếm tiền được quá nhiều, hãy lo lắng hơn là mừng rỡ, và cũng phải tìm cách cúng dường bố thí để bù đắp lại cái phước

đang bị hao tổn kia.

Có một nghề mà không phải nghề, đó là tu sĩ. Đa phần khi khai giấy tờ, một tu sĩ luôn luôn ghi vào mục nghề nghiệp : tu sĩ. Như vậy, phải chăng mọi người công nhận tu sĩ là một nghề để sống như bao nhiêu nghề khác ? Một số nhân viên chính quyền ít thiện cảm với thầy tu cũng xem làm tu sĩ như là một nghề để kiếm cơm !

Tuy nhiên vấn đề này khá tế nhị.

Nếu xét về phương diện cung cầu, thì tu sĩ là người thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng, cúng tế, giảng dạy giáo lý cho tín đồ, còn tín đồ thì tùy tâm tùy sức giúp đỡ đời sống cho tu sĩ. Điều này giống như một dịch vụ có trao đổi và đòi hỏi tu sĩ phải có một mức độ chuyên môn nhất định nào đó về nghi thức và giáo lý.

Nhưng đứng ở phương diện khác, cách “trao đổi” trong lĩnh vực tôn giáo này không có tính cách thị trường thương mại

vì người tu sĩ xem việc làm cúng tế, giảng dạy giáo lý là một bổn phận thiêng liêng để giúp đỡ đời sống tinh thần của tín đồ chứ không nhằm vào mục đích lợi nhuận, không qui định giá cả, lễ vật mà người tín đồ phải dâng cúng. Cũng vậy, người tín đồ vì tôn trọng đạo đức và minh triết của tu sĩ nên nương tựa và giúp đỡ để vị tu sĩ đó được rảnh rỗi chứ không nghĩ rằng họ phải đánh đổi vật chất để được lợi ích của Thánh linh.

Dĩ nhiên, không một tổ chức nào, một đảng phái nào, một tôn giáo nào, dù tốt đẹp đến đâu đều có thể tránh khỏi sự trà trộn của những phần tử xấu xa, ích kỷ. Chính những phần tử này đã làm tổn thương uy tín của tôn giáo và hàng ngũ tu sĩ, chứ bản chất đường lối của các tôn giáo hoàn toàn không có mục tiêu trục lợi hoặc tìm kiếm lợi nhuận .

Dù sao, một tu sĩ chân chính suốt đời

dùng cuộc sống mình để làm gương, dùng lời nói mình để rao giảng đạo đức, họ xứng đáng được hưởng sự kính trọng và giúp đỡ của người tín đồ.

Thế gian này vốn ngập tràn tội ác, thế nên sự truyền bá đạo đức là một nhu cầu bức thiết của xã hội. Đạo đức cần phải được giảng dạy ở khắp mọi nơi, trong gia đình, học đường, các đoàn thể và các tôn giáo. Mỗi nơi đều có phương pháp riêng để nêu lên hệ thống đạo đức của mình. Tôn giáo vừa mang tính chất thần bí, vừa mang tính chất đạo đức. Ở phương diện đạo đức, tôn giáo là một hình ảnh đẹp của loài người vì đã rao giảng cải hóa tâm hồn con người trở nên thuần lương hướng thượng. Ở khía cạnh thần bí, tôn giáo bị nghi ngờ phê phán, vì có nhiều điểm chưa (xin nhấn mạnh chữ chưa) phù hợp với khoa học. Hầu hết con người tìm đến tôn giáo vì mục đích tâm linh. Nhưng một tôn giáo chân

chính là tôn giáo vừa có khả năng giúp con người đạt được mục đích tâm linh, vừa có khả năng giúp con người cải tạo đạo đức phù hợp với văn minh của cộng đồng xã hội, vừa có khả năng lý luận phù hợp với khoa học để không bị đào thải vì lạc hậu. Nếu một tôn giáo chỉ thiên hẳn về một khía cạnh thần bí, khiến cho tín đồ lập dị, quái lạ với cộng đồng xã hội, đồng thời có quá nhiều điểm phản khoa học. Tôn giáo đó sẽ bị đào thải.

Một người muốn trở thành tu sĩ cũng vậy, phải sáng suốt lựa chọn một tôn giáo nào có thể giúp cho mình trở nên thánh thiện và sau đó đem lại lợi ích cho nhiều người trên cả ba lãnh vực: tâm linh, đạo đức và tính khoa học. Chỉ như vậy hình ảnh của tu sĩ mới là một hình ảnh vừa siêu thoát, vừa gần gũi với con người. Tu sĩ không còn là một nghề tìm sinh kế nữa, mà đã trở thành một thiên chức cao cả cần thiết

cho cuộc đời hôm nay và mai sau.

17. TÌNH CẢM

“Con tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu nổi” Một triết gia phương tây đã nói như vậy.

Đúng! Ý thức dường như không hiểu hết sự hoạt động của tình cảm thương ghét trong lòng mình. Tại sao vừa gặp một người lạ, tâm ta chợt xuất hiện ác cảm. Chợt nhìn thấy một hình bóng xa xa, lòng ta rộn lên niềm cảm xúc. Ý thức chưa kịp nói năng gì thì tình cảm đã rộn ràng múa may quay cuồng kêu réo.

Các nhà khoa học đã tìm thấy hoạt chất ảnh hưởng lên tình cảm của con người. Ví dụ bác sĩ Liebowitz tìm thấy khi não bộ sản xuất ra chất Phenyletilamin thì tình yêu mến tự nhiên dâng trào trong lòng. Một số tình cảm thù ghét, bực bội khó chịu cũng đều liên quan đến các hoạt chất trong cơ thể. Có thể sự tương quan có tính cách

hai chiều. Vì tình cảm khởi dậy nên hoạt chất phát sinh, và ngược lại, khi hoạt chất phát sinh (hoặc do tiêm chích) thì tình cảm khởi dậy.

Người ta tiêm một hoạt chất thúc đẩy tình thương con vào chuột mẹ thì thấy tình thương của con chuột này tăng lên rõ rệt đối với bầy con của nó. Hoạt chất này xuất hiện rất nhiều khi người phụ nữ sinh nở. Đó là nguyên nhân gây tác động lên tình cảm của sinh vật. Nguyên nhân sâu xa vẫn còn dấu trong luật Nghiệp Báo.

Một nguyên nhân gần khác đáng được lưu ý là do tâm lý phát sinh tình cảm.

Ví dụ khi một chàng trai nhìn thấy một cô gái đẹp, một minh tinh màn bạc, một cô tiểu thư nhà giàu, một cô gái thông minh tài giỏi... Lòng anh ta cũng phát sinh một tình cảm ưu ái và muốn chiếm đoạt về mình. Tình cảm ưu ái đó phát xuất từ tâm lý vị kỷ cố hữu của con người luôn luôn

muốn quơ quào về cho mình thật nhiều mọi cái gì tốt đẹp trên thế gian. Tình cảm ưu ái đó là hệ quả của tâm lý tham lam mà thôi !

Trong trường hợp khác, một số cô gái bỗng cảm thấy khó chịu với thí sinh vừa đạt danh hiệu hoa hậu quốc gia. Tình cảm ganh ghét này là hệ quả của tâm lý đố kỵ thâm kín giữa phái nữ với nhau, đó là chuyện thường tình.

Có khi một thiếu phụ tìm cách chiếm đoạt tình cảm của một người đàn ông nhưng không thành công. Từ yêu mến, bỗng bà ta trở nên thù hận cực điểm và tìm cách trả thù cho hả dạ. Như vậy tình cảm yêu mến hay hận thù của người đàn bà này hoàn toàn chỉ là tâm lý ích kỷ tham lam, không phải là tình yêu thương chân thật. Khi khảo sát về tình cảm thương ghét của con người, chúng ta nhận thấy rằng tất cả đều xuất phát từ tâm lý vị kỷ. Cái gì thỏa

mãn được lòng tham muốn, sự ưa thích sẽ phát sinh. Cái gì ngăn cản lòng ham muốn, sự thù ghét sẽ xuất hiện. Tình cảm con người chỉ là một trò lừa dối của chấp ngã bí ẩn phía sau.

Chính vì nhìn thấy bản chất thật sự của tình cảm này mà các bậc thánh nhân luôn luôn kêu gọi một tình thương không điều kiện, một tình thương không đòi hỏi cho tự kỷ, chỉ thuần có ban phát và hy sinh, một tình thương hoàn toàn vô ngã. Tuy nhiên để vượt qua được ngã chấp sâu kín từ trong bản năng vô thức (xem Năm Am Là Gì), chúng ta phải khổ công thực hành thiền định đúng phương pháp. Quả thật không dễ dàng chút nào khi một người muốn vượt khỏi ngã chấp để đạt được một tâm đại bi vô lượng trùm phủ thương yêu tất cả mọi người. Tâm đại bi đó mới là tình thương yêu chân thật, hoàn toàn hy sinh cho tha nhân mà không mong mỗi điều gì

trở lại cho tự kỷ.

Đối với hạng phàm phu như chúng ta, điều quan trọng là cố gắng kiểm soát tâm lý tham lam ích kỷ của mình, phải tự xét nét kỹ lưỡng xem sự thương yêu của mình đối với mọi người có ẩn chứa một mưu tính, một sự trục lợi nào ẩn dấu sâu kín bên trong hay không. Bởi vì chúng ta hầu như chỉ thương yêu cái gì đem lại lợi ích cho mình. Không có lợi ích cho mình, tình thương sẽ vắng bóng (!) Ai mưu hại ta, ta sẽ ghét họ. Ai giúp đỡ ta, ta sẽ thương họ. Đó là quy luật thường tình mà tất cả mọi người không thể vượt qua nổi.

Chúng ta muốn đi tìm một chân lý cao cả, một con đường hướng thượng bao la. Hãy cố gắng thứ tha và “thương yêu kẻ thù ghét mình” (Phúc Âm) và thương yêu kẻ tích cực giúp đỡ mình sau khi đã gạt lọc xong tâm lý “vì họ đem lại lợi ích cho mình”.

Ngoài những nguyên nhân gần, tình cảm còn xuất phát từ nghiệp duyên trong quá khứ.

Một hòa thượng được một gia đình thí chủ thỉnh về cung dưỡng trân trọng đầy đủ để hòa thượng yên tâm tu hành. Sau một thời gian dài hai bên trở nên thù ghét nhau dữ dội và hoà thượng phải ra đi. Nguyên nhân được tìm thấy là từ đời trước gia đình kia chịu ơn với hòa thượng nên đời này phải cung phụng để đền trả. Dĩ nhiên trước khi thỉnh hòa thượng về họ phải khởi lên tình cảm kính thương sâu đậm với hòa thượng. Sau khi trả xong món nợ quá khứ, họ cảm thấy hòa thượng là một gánh nặng đối với gia đình. Tình cảm ưu ái biến mất, sự ghét bỏ thế chỗ, và rồi hòa thượng phải ra đi.

Như vậy tình cảm đời này có khi xuất phát từ một món nợ của quá khứ. Khi thấy ai tự dưng yêu mến giúp đỡ mình, chúng ta

đường vội cho mình có nhiều ưu điểm. Có khi chỉ vì họ mắc một ân nghĩa gì đó và đang trong thời gian đền trả. Trả xong, tình cảm sẽ biến mất. Hiểu được điều này chúng ta sẽ giữ được bình thản khi thấy con người khi thì vồn vã với nhau, khi thì hờ hững với nhau.

Tương tự những lời nói công kích sỉ nhục từ kiếp trước, sự giết hại chiếm đoạt từ quá khứ cũng gây ra tâm lý thù ghét của nạn nhân trong đời này. Chúng ta lỡ lời làm mất thể diện của một người. Rồi chuyện trôi vào quên lãng. Nhưng qua kiếp sau, vừa trông thấy mặt nhau, tâm người kia bỗng khởi lên một sự ác cảm kỳ lạ đối với ta mà chính họ cũng không biết tại sao. Cũng chưa hẳn là sự ác cảm của họ sẽ gây ra phiền toái cho chúng ta, nhưng dù sao ác cảm vẫn còn đó. Vì thế trên bước đường luân hồi vô tận này, chúng ta hãy cố gắng tránh né làm phật

lòng, xúc phạm đến người khác để tránh được oán thù về sau.

Hầu hết các nhân vật nổi tiếng giữa xã hội như các nhà chính trị thành công được nhiều người ưa thích hâm mộ. Nguyên nhân của sự hâm mộ này có thể bắt nguồn từ sự ban ân rộng rãi từ những kiếp trước. Quá nhiều người đã thọ ân của họ nên đời sau buộc lòng phải ủng hộ cho họ đạt đến địa vị trên chính trường thông qua lá phiếu hay một cách thức vận động nào khác.

Chưa hết, nếu trong thời gian làm chính trị, họ giữ được uy tín, tình cảm của quần chúng sẽ còn kéo dài qua nhiều kiếp sau nữa.

Khi so sánh cuộc đời của vua nhạc Rock Elvis Presley, các nhà sử học rất ngạc nhiên khi thấy gương mặt của Elvis Presley giống hệt như bức tượng của một vị vua Ai Cập thời xưa. Vì vua Ai Cập này

đã sống ở một địa danh tên là Memphis ở Ai Cập. Trong khi Elvis sống tại Memphis ở Mỹ. Vị vua Ai Cập này tôn thờ Thần Mặt Trời để thay thế các thần linh khác, trong khi Elvis trở nên nổi tiếng với băng nhạc "Sun" (mặt trời) đầu tiên. Elvis Presley được sự hâm mộ của công chúng, đến nỗi sau khi chết, anh được mọi người yêu cầu tổng thống Carter phải tổ chức quốc tang trọng thể.

Có thể nào cái dư hưởng làm vua từ quá khứ xa xăm vẫn còn đọng lại trên tâm tình của quần chúng, mặc dù bây giờ Elvis Presley đã trở thành một vị vua mới, Vua nhạc Rock chẳng?

Trong luật Nghiệp Báo, một ông vua vẫn có thể trở thành nghệ sĩ nếu trong thời gian trị vì ông đã từng ưu đãi giới nghệ sĩ quá mức. Sau này ông sẽ trở thành nghệ sĩ để được ưu đãi trở lại.

Có hai nguyên nhân dẫn đến sự thu hút

tình cảm của mọi người.

Một, đó là người có tâm từ ái rộng lớn, luôn luôn biết thương yêu, đối xử tử tế, hòa nhã với mọi người. Kiếp sau họ có khuôn mặt hiền lành, phúc hậu khả ái kỳ lạ, bất cứ ai vừa trông thấy đều cảm mến.

Hai, đó là người siêng năng làm việc từ thiện bằng lý trí. Tâm hồn họ không có nhiều tình cảm nhưng lý trí họ rất sáng suốt, luôn luôn chịu khó tích lũy phước thiện, luôn luôn chịu khó giúp đỡ mọi người. Đời sau họ cũng được nhiều người (đã thọ ân) yêu mến mặc dù gương mặt họ có vẻ cứng cõi khôn ngoan chứ không có vẻ hiền lành tự nhiên như trường hợp thứ nhất.

Có một loại tình cảm được đề cập đến nhiều nhất trong tất cả tác phẩm văn hóa của nhân loại đó là tình yêu nam nữ. Có lẽ đây là loại tình cảm mãnh liệt hơn các loại tình cảm khác bởi vì nó liên quan đến bản

năng sâu kín của con người. Thứ nhất con người luôn luôn muốn chiếm đoạt về mình mẫu người có thể đem lại hạnh phúc cho mình (tâm lý vị kỷ). Đó là mẫu người đẹp đẽ, có tài năng, có tiền bạc, đối xử tế nhị. Thứ hai, tình cảm nam nữ có sự thôi thúc âm thầm của hoạt động tính dục, một loại hoạt động gây khoái cảm xác thịt rõ rệt nhất. Ngoài những nhu cầu về ăn uống, tổ chức sinh lý của con người đã sắp sẵn một sự đòi hỏi để được thỏa mãn về khoái cảm tính dục. Vì thế người nam và nữ luôn luôn tìm kiếm đối tượng thích hợp để trao đổi khoái cảm này. Có khi tình yêu và hôn nhân dẫn đến hoạt động tính dục. Có khi họ đến với nhau vì khoái cảm và mua bán mà thôi.

Dù sao thì duyên nghiệp từ quá khứ cũng đã chi phối cho loại tình cảm này.

Nếu quả thật có duyên nợ, hai người sẽ yêu nhau chân thành và đi đến hôn nhân

để trả xong nợ quá khứ (và tiếp tục gây nợ mai sau)

Nếu không có nợ, chỉ có duyên, họ sẽ yêu nhau qua một giai đoạn, rồi trắc trở, tình cảm phai nhạt dần theo năm tháng.

Đôi khi chỉ có tình yêu đơn phương.

Người này mơ tưởng đến người kia nhưng không được đáp lại. Họ tìm thấy người kia những tiêu chuẩn về sắc đẹp, tư cách thích hợp, muốn người kia trở thành của mình, nhưng từ kiếp trước đã không có duyên nên họ không nhận lại một sự đáp ứng nào cả.

Nhưng rồi tình yêu cũng chỉ là bề mặt của bản chất ích kỷ, hưởng thụ của con người. Chính bản năng hưởng thụ đã thúc đẩy nam nữ tìm đến nhau, thì nó cũng thúc đẩy họ làm khổ lẫn nhau. Biết bao chuyện vợ chồng gây gỗ, đánh đập, bao nhiêu chuyện ngoại tình, giết hại lẫn nhau bỏ mặc con cái bơ vơ đau khổ.

Nếu bên cạnh tình yêu, họ có thêm chút tình thương chân chính của sự hy sinh, độ lượng, vị tha, tình yêu đó khả dĩ bớt đi màu sắc ảm đạm của bản năng ích kỷ. Họ biết tha thứ, thông cảm lẫn nhau để cùng xây dựng hạnh phúc. Nếu thiếu tình thương chân chính, một mình tình yêu chỉ là hiện thân của cảm xúc, tính dục và vị kỷ. Thời đại hôm nay vợ chồng dễ ly dị, dễ ngoại tình, dễ hành hạ nhau bởi vì tình yêu của họ thiếu tình thương vị tha chân chính.

Rồi sự ngoại tình, ly dị làm khổ con cái, hành hạ làm khổ nhau sẽ gây thành nghiệp nhân không tốt cho đời sau.

Chiếm vợ người dễ bị người chiếm vợ lại. Hành hạ vợ mình sẽ bị đọa làm người nữ để bị hành hạ trở lại. Ly dị, bỏ rơi con cái sẽ trở thành mồ côi ở đời sau.

Có lẽ Schopenhauer đã có lý khi nói rằng” chỉ có những triết gia chân chính mới sống

hạnh phúc trong hôn nhân, nhưng tiếc thay, nếu là triết gia chân chính, họ sẽ không bao giờ lập gia đình.”

Ngay trong gia đình chúng ta cũng thấy tình thương của cha mẹ với con cái cũng không được đồng đều. Có người con được cha mẹ ưu tiên thương yêu nhiều. Bên cạnh đó là người con bị lơ là ít chú ý. Tất cả đều do ân nghĩa trong quá khứ nhiều hay ít mà thôi. Cha mẹ mang nặng ân nghĩa với người con nào sẽ thương mến người con đó nhiều hơn.

Cũng có trường hợp trong gia đình một đứa con bị ghét thậm tệ, bị đánh đập mắng nhiếc thường xuyên, mặc dù nó là đứa con ruột. Đây chỉ là sự trả thù trở lại. Kiếp trước, khi từng là cha mẹ, nó đã đối xử tàn tệ với con cái của mình. Kiếp này duyên nghiệp đưa đẩy nó rơi vào gia đình có bậc cha mẹ thô lỗ, cộc cằn, hung bạo để nó phải chịu đựng trở lại nỗi khổ mà nó

đã gây ra cho người khác.

Đi tìm sự bình đẳng đồng đều trong cuộc đời này là việc làm không tưởng bởi vì nghiệp duyên của mọi người không đồng nhau. Kẻ phước nhiều, người phước ít, tất cả đều sai biệt. Người có phước luôn luôn thu hút sự chú ý thương mến của mọi người, trong khi kẻ thiếu phước ít khi nhận được cái nhìn nồng nàn của mọi người, huống nữa là nhận được sự đối xử ưu ái. Ngay cả một số tu sĩ cũng bị phê phán là đã vồn vã với kẻ giàu và thờ ơ với kẻ nghèo. Họ vẫn khó giữ được sự đối xử bình đẳng với tất cả mọi người tìm đến nguồn an ủi nơi tín ngưỡng chỉ bởi vì phước của tín đồ đã sai biệt nhau quá nhiều. Chỉ có những tu sĩ đạt được một đạo lực thâm sâu, đủ sức vượt lên trên nghiệp sai biệt của mọi người mới có thể đối xử bình đẳng với tất cả mọi người. Họ sẽ không thờ ơ với kẻ này và ân cần với

kẻ kia. Tất cả đều được thương mến như nhau.

Như vậy, bình đẳng là một “thái độ đạo đức” tự giác của mỗi người chứ không phải là một cơ chế san bằng quyền lợi. Sự san bằng quyền lợi không phải là bình đẳng. Chúng ta cần phân biệt kỹ về ý nghĩa của hai phạm trù này.

Chúng ta kêu gọi một xã hội bình đẳng có nghĩa là chúng ta kêu gọi con người phát huy được đạo đức cao độ để có thể đối xử ưu ái với kẻ có phước cũng như người thiếu phước, chứ không phải bình đẳng là san bằng quyền lợi của mọi người như nhau. Vì sao, vì kẻ đóng góp được nhiều công sức hiệu quả cho xã hội bắt buộc phải được hưởng quyền lợi nhiều hơn. Sự san bằng quyền lợi là sự bất công, làm giảm mất sự hứng thú lao động của mọi người và kéo xã hội về sự thoái bộ. Không ai chấp nhận kẻ lười biếng, kém tài năng

được hưởng quyền lợi ngang với kẻ siêng năng giỏi giẩn.

Còn bình đẳng là “đạo đức trong giao tiếp” nó giúp cho chúng ta lịch sự, lễ độ, tôn trọng với tất cả mọi người. Tuy nhiên, để thực hiện được điều này, đòi hỏi chúng ta phải đạt được chiều sâu thiền định, tâm được thanh tịnh để thoát khỏi sự cuốn hút bởi phước nghiệp sai biệt của mọi người. Người có phước sẽ cuốn hút chúng ta nhiều hơn kẻ thiếu phước. Chúng ta phải đủ đạo lực để thoát khỏi sự thu hút bí ẩn này, để giữ được tình thương bình đẳng với tất cả mọi người.

Tình cảm cũng có khuynh hướng lập lại. Với những người đã từng thương mến nhau từ kiếp trước, kiếp này gặp lại, tình thương mến dễ dàng phát sinh. Đôi khi hai người đã từng là vợ chồng. Kiếp này duyên nợ làm vợ chồng đã hết, nhưng khi gặp nhau, họ vẫn khởi lên một tình cảm

nồng nàn khó diễn tả mặc dù vẫn phải xa nhau. Tương tự như vậy đối với tình anh em, bạn bè, cha con và thầy trò.

Có tu sĩ cảm thấy quý mến một vài tín đồ và muốn họ trở thành đệ tử xuất gia với mình. Nhưng duyên thầy trò là duyên nhiều đời không thể gượng ép. Không có duyên sâu dày với nhau, người đệ tử này cũng sẽ bỏ tìm thầy khác. Hiểu được điều này, một vị thầy luôn luôn bình thản trước các kẻ đến xin học đạo, vì trong số đó, không phải ai cũng là kẻ có duyên làm đệ tử gắn bó suốt đời.

Tóm lại tình cảm là kết quả của nghiệp duyên quá khứ, là hệ quả của những tâm lý ích kỷ thầm kín bên trong. Điều chúng ta cần phải nhắm đến là loại tình thương đại bi trùm phủ tất cả mọi người. Tình thương đó không xuất phát từ bản năng vị kỷ và vượt khỏi duyên hệ lụy của nhiều đời. Nếu nhiều người trên cuộc đời này có thể

trừ diệt bớt bản năng vị kỷ của mình, họ sẽ là những người góp phần tạo nên một khuôn mẫu tốt đẹp cho cộng đồng thế giới, đó là sự đoàn kết.

Do bản năng vị kỷ, con người có tính tự hiềm, chia rẽ, hơn thua, luôn luôn đi tìm sự độc tôn cho mình và đê bẹp kẻ khác. Người ta hơn thua với nhau trong từng lời nói. Các giáo phái không tiếc lời chỉ trích lẫn nhau. Các thế lực chính trị dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt lẫn nhau. Ngay trong cùng một mái nhà, anh em cũng tranh giành, trong một hội đoàn, hội viên cũng ganh tị.

Ai cũng muốn mình hơn hẳn mọi người về tài sản, địa vị và danh tiếng.

Thế giới này là bức tranh đậm nét của sự chia rẽ. Các tập đoàn kinh tế triệt hạ lẫn nhau. Các bang chủng ly khai với nhau. Có khi vì vấn đề ngôn ngữ bất đồng, một vài tỉnh cũng đòi ly khai khỏi cộng đồng

quốc gia. Nước nào cũng muốn cho ngôn ngữ của nước mình trở thành ngôn ngữ thế giới.

Ở đây, bản ngã đã phình to để trở thành gia đình tôi, tông giáo tôi, chủ thuyết tôi, ngôn ngữ tôi... Và không có cái tôi nào chịu thua cái tôi nào. Thế là con người tiếp tục phân hóa, chia rẽ, thù ghét lẫn nhau. Nhưng may mắn thay, con người cũng vẫn còn lý trí. Thay vì tiếp tục cạnh tranh, chia rẽ để tìm sự chiến thắng độc tôn, họ đã thấy kết quả ngược lại là sự hao tổn và thất bại. Họ bắt đầu hướng đến sự hợp tác để có thể đạt được sự thành công lớn lao hơn. Những công ty đa quốc gia được hình thành. Châu Âu chuẩn bị thống nhất. Các cường quốc hợp tác với nhau chặt chẽ trên lãnh vực công nghệ vũ trụ và bảo vệ sinh thái. Nhiều hội đoàn từ thiện quốc tế được thành lập.

Đó là hệ quả của văn minh nhân loại. Khi

tư duy con người càng phát triển cao hơn, lý trí dần dần vượt khỏi sự kèm tỏa của bản ngã, con người thấy rõ sự sai lầm của thái độ chia rẽ thù nghịch. Chỉ có sự hợp tác đoàn kết mới đem lại lợi ích cho lẫn nhau. Kẻ nào tiếp tục ngủ yên trong thái độ độc tôn và chia rẽ, kẻ đó sẽ thất bại, lạc hậu và tự đào thải khỏi quá trình tiến bộ của nhân loại.

Trong cuộc sống hằng ngày, nếu không tỉnh táo, chúng ta cũng rất dễ gây ra sự chia rẽ giữa mọi người với nhau. Đôi khi chúng ta nói xấu một kẻ vắng mặt trước nhiều người chỉ vì vui miệng. Nhưng điều đó khiến cho kẻ vắng mặt bị ác cảm. Thế là mầm mống của sự chia rẽ đã xuất hiện. Đôi khi vì bênh vực tôn giáo mình, chúng ta đã công kích tôn giáo khác và làm cho xã hội bị phân hóa nặng nề hơn. Hãy làm đẹp tôn giáo mình bằng cách tự hoàn chỉnh sự tu hành nơi đồ chúng của mình

hơn là tìm cách hạ thấp tôn giáo khác. Muốn nhà mình đẹp cứ tự xây cất lên, không việc gì phải đi đập nhà của người khác. Muốn mình được trọng vọng hãy tu tti giới hạnh thay vì lo hạ uy tín kẻ khác. Có một vài người mắc loại bệnh tâm lý kỳ lạ là thích ly gián. Thấy những kẻ khác thân ái với nhau, họ bèn tìm cách châm ra chọc vào để gây sự nghi kỵ, chia rẽ. Dường như bệnh tâm lý này phát sinh từ một uẩn khúc sâu kín trong vô thức là mặc cảm cô độc. Họ bị cô độc, bị bỏ quên và không muốn ai hợp đoàn vui vẻ. Nhưng càng gây nhân như thế, họ sẽ càng bị đơn độc, lẻ loi, đau khổ nhiều hơn nữa. Thế giới đã trở nên nhỏ bé. Sự tương quan giữa cộng đồng nhân loại càng lúc càng chặt chẽ. Con người cần đoàn kết, cần chấm dứt sự chia rẽ. Quả báo lành lớn lao sẽ chờ đợi cho những ai đóng góp được cho tình đoàn kết của mọi người. Và

công việc gây tình đoàn kết cho mọi người phải được hiểu là giữa từng người trong đời sống, giữa các chủng tộc, các tôn giáo, các tổ chức, cuối cùng là giữa loài người với loài thú. Tất cả đều cần đoàn kết thương yêu nhau.

18- SINH THÁI

Trong những thập kỷ gần đây vấn đề bảo vệ môi trường sống của trái đất được đặt thành vấn đề quan trọng và thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Song song với sự tiến bộ vũ bão của khoa học kỹ thuật, sự ô nhiễm môi trường cũng tăng lên với mức báo động. Có những thành phố lớn bị khói thải nặng nề đến nỗi không còn nghe tiếng chim hót như Seoul. Hoặc ở Mexico một con chim có thể rơi xuống chết khi bay qua một vùng không khí độc. Số lượng người bị bệnh đường hô hấp tăng nhanh. Nhưng không riêng hô hấp, các tạng phủ,

hệ thống thần kinh, mạch máu, tuyến nội tiết của con người đều bị ảnh hưởng xấu. Sóng điện từ bao phủ dày đặc cả Địa cầu và đang bị nghi ngờ là nguyên nhân gây ra Stress, ung thư. Hệ thống dây dẫn điện cao thế làm xuất hiện sóng từ tai hại cho môi trường sống ở hai bên đường dây. Những hóa chất công nghiệp như Fréon trong máy làm lạnh phá hoại tầng Ozone bảo vệ trái đất. Rừng cây bị đốn phá bừa bãi làm rối loạn nhiệt độ, độ ẩm, lượng nước, sự lọc khí của hành tinh, góp phần làm tăng thêm hiệu ứng nhà kính.

Những lò phản ứng hạt nhân luôn luôn ám ảnh mọi người nếu nó gặp phải sự cố rò rỉ hay nổ tung mà vụ Tchernobyl là một điển hình.

Thuốc trừ sâu hóa học làm sinh vật bị nhiễm độc lây. Con người cũng không thoát khỏi tai họa do mình gây nên trong khi tìm cách diệt trừ sâu bệnh cho cây cối.

Rồi rác, chất phế thải do chính con người tạo ra đang tràn ngập chung quanh mọi người và cũng trở thành vấn đề nghiêm trọng.

Những nhiên liệu địa khai cần thiết cho máy nổ trong phương tiện giao thông, phát điện đều thải ra lượng khói tai hại lớn lao vào khí quyển, nhưng cho đến nay nó vẫn không thể nào được thay thế bởi chất liệu khác. Trong nhiều thập kỷ tới, con người vẫn còn phải lệ thuộc vào dầu mỏ, than đá và khí đốt.

Bên cạnh những khó khăn về sinh thái môi trường, con người còn phải đối diện với một ô nhiễm của các siêu vi gây lây nhiễm mà không có cách nào kiểm soát được như HIV (gây AIDS) các siêu vi A,B,C,D,E (gây ung thư gan) Các virus này lây qua đường máu, sinh dục và cả nước bọt (siêu vi gan).

Dường như với vẻ ngoài văn minh, tiến

bộ, con người đang đứng trước hiểm họa diệt vong mà họ phải tất bật tìm cách chống đỡ rất vất vả gay gắt. Các nhà khoa học âm thầm lao vào cuộc chiến thầm lặng này để tìm ra những phương thức hiệu quả nhằm giành lại môi trường sống tốt đẹp cho con người. Nhiều danh nhân nghệ sĩ đứng lên kêu gọi con người cần phải ý thức nhiều hơn nữa về hiểm họa sinh thái đang đe dọa hành tinh của chúng ta. Không ai có quyền quay lưng lại trước vấn đề sinh thái vì tất cả con người đều là thủ phạm gây nên sự ô nhiễm môi trường. Ai cũng phải dùng chất đốt để nấu ăn, để di chuyển, thắp sáng và các tiện nghi khác. Bất cứ ai có mặt trên hành tinh này đều cũng đã có "tội" góp phần vào việc làm ô nhiễm môi trường chung, chỉ khác nhau là mức độ nhiều hay ít mà thôi. Với người hiểu rõ Luật Nhân Quả Nghiệp Báo, họ sẽ ý thức cao độ trong việc bảo vệ

sinh thái của Địa cầu. Bởi vì những ai góp phần làm dơ bẩn môi trường, trong tương lai, họ sẽ phải sinh về nơi dơ bẩn, phải làm các nghề nghiệp chỗ tối tăm, bụi khói độc hại, hôi hám hoặc nặng nề hơn đọa làm các loài thú vật sống nơi nước tù ao đọng, sống nơi các vùng yếm khí, nóng nảy lạnh giá...

Nhưng chúng ta rất dễ thờ ơ với loại nghiệp nhân này. Xe chúng ta xì khói mù mịt vào đường phố, mặc kệ. Chúng ta quét rác tung vãi bụi li ti vào hàng xóm chung quanh mặc kệ. Khói thuốc lá chúng ta thấm vào phổi của những người cùng phòng, mặc kệ. Người nông dân đốt rẫy, đốt rạ để khói bay vào khí quyển đâu biết rằng điều đó làm cho hiệu ứng nhà kính tăng thêm. Một xí nghiệp xay đá không tưới nước để cột bụi bốc cao cả vùng trời, ảnh hưởng đến cư dân lân cận. Người ta xúm nhau thấp nhang xông khói mờ mịt

các đền chùa vào ngày lễ hội làm nhiễm độc phổi lẫn cho nhau. Không biết thần linh có chứng giám cho lòng thành của họ hay không, nhưng trước hết các tín đồ phải chịu hít khói đầy phổi.

Tiếng ồn cũng là yếu tố làm dư thừa môi trường sống của sinh vật (kể cả cây cối). Chúng ta mở nhạc âm ỹ làm ảnh hưởng đến thần kinh não của hàng xóm. Có những loại nhạc không phù hợp với sở thích và thể tạng sẽ làm tâm lý người nghe bị dồn nén nặng nề, lâu ngày sẽ sinh ra các bệnh thực thể, nội tiết, rối loạn thần kinh chức năng.

Hoặc những người làm các nghề nghiệp phải gõ đập liên tục làm chói tai mọi người. Lâu ngày nghiệp tích lũy rất nặng. Họ sẽ bị những quả báo về bệnh hoạn, và bị lọt vào sống trong những môi trường có nhiều sự huyền ảo gây bứt rứt thường xuyên.

Do thiếu hiểu biết về vấn đề sinh thái, và cũng do thiếu tình thương yêu mọi loài, chúng ta sẽ tạo nhiều nghiệp nhân làm ô nhiễm môi trường chung quanh của Địa cầu, góp phần tăng thêm đau khổ cho nhau. Đối với luật Nghiệp Báo công bình khách quan, hậu quả xấu mà chúng ta phải gánh chịu là điều không thể tránh khỏi. Chúng ta không được quyền thiếu kiến thức về khoa học để khỏi bị sai lầm trong sinh hoạt, để góp phần bảo vệ sinh thái Địa cầu ngày một tốt hơn.

Một trong những vấn đề bức xúc hiện nay trong việc bảo vệ sinh thái Địa cầu là bảo vệ những khu rừng nguyên sinh và phát triển những khu rừng nhân tạo. Từng chiếc lá xanh, từng bóng cây mát đều góp phần bảo vệ sinh thái Địa cầu. Chúng ta mong mỗi những người có đạo tâm, có hiểu biết Luật Nhân Quả Nghiệp Báo, hãy chung tay góp sức với nhau trồng nên

những khu rừng rộng bạt ngàn mênh mông bát ngát. Làm được điều này tức là làm được điều phước thiện lớn lao vì chúng ta để lại cho thế hệ mai sau tài nguyên về gỗ và môi trường sống tốt đẹp. Nào giờ các tín đồ cứ nghĩ rằng chỉ có cúng chùa, đãi tăng mới là phước nghiệp đáng chú ý. Thật ra không đơn giản như vậy.

“Đạo Phật có mặt để đem lại lợi ích cho cuộc đời, chứ không phải để cuộc đời đem lợi ích lại cho đạo Phật”

Một đệ tử Phật chân chính là người thấm nhuần giáo lý của Đức Phật, rồi sau đó quay lại sống với mọi người, sống vì mọi người bằng trái tim từ bi vô ngã. Phật pháp là con đường để sống, là ánh sáng hướng dẫn mọi người sống đúng với chân lý. Rồi vì lẽ đó, mọi người kính trọng Phật pháp. Nhưng chúng ta đừng để cho sau đó, Phật pháp trở thành đối tượng để cung

phụng quá đáng.

Chúng ta tôn trọng Phật Pháp vì Phật pháp cho chúng ta con đường sống tốt đẹp, một con đường giải thoát khỏi đau khổ và thương yêu vô hạn với mọi người. Nhưng không phải vì sự tôn trọng đó mà chúng ta đặt lên một Phật pháp hình thức để cung phụng tôn thờ đến nỗi quên đi sự đau khổ của vô số mọi người chung quanh.

Các đệ tử Phật cần phải thấm nhuần trí tuệ của Phật, mà trí tuệ đó là gì nếu không phải là sự hiểu rõ Nhân Quả Nghiệp Báo, hiểu rõ con đường vượt khỏi sinh tử luân hồi ?

Và trên bình diện Nghiệp Báo, chúng ta phải biết tất cả những gì cấu thành tội cũng như tất cả những gì tạo thành phước.

Bảo vệ sinh thái Địa cầu! Đó là một việc từ thiện có ý nghĩa lớn lao đối với mọi người

nói chung và đối với tín đồ đạo Phật nói riêng.

Ngoài sự ô nhiễm sinh thái có tính cách vật lý vừa kể chúng ta còn phải chống trả lại sự ô nhiễm sinh thái trong không gian tâm linh.

Tư tưởng con người luôn luôn có khuynh hướng lây nhiễm vào tâm hồn của con người chung quanh. Chúng ta có thể thí nghiệm bằng cách như sau. Khi ở gần một vài người bạn, chúng ta thử chọn một vài bài hát bất kỳ trong số người bạn đó đã biết. Rồi chúng ta hát thầm một cách mạnh mẽ trong lòng mình. Lát sau chúng ta sẽ thấy người bạn đó bật khẽ hát theo bài hát đó!

Đó là một ví dụ đơn giản. Còn trong đời sống hàng ngày, tư tưởng thiện và tư tưởng ác của con người lan truyền ngổn ngang trong không gian tâm linh lẫn nhau. Nếu tư tưởng thiện nhiều hơn tư tưởng ác,

chúng ta có một “sinh thái tâm linh” tốt đẹp. Nếu ngược lại, chúng ta phải chịu một “sinh thái tâm linh” xấu xa.

Với những người thụ động, không có lập trường kiên định về đạo đức, những tư tưởng ác lan truyền trong không gian rất dễ ảnh hưởng đến họ. Ban đầu họ chưa phải là kẻ ác, nhưng vì sống trong môi trường có tư tưởng ác quá nhiều, họ dần dần trở thành kẻ ác độc.

Chỉ những người có lập trường kiên định về đạo đức mới đủ sức “đề kháng” với tư tưởng ác lang thang trong không gian.

Nhưng trên cuộc đời này, kẻ có lập trường vững chắc về đạo đức rất ít. Đa số rất dễ bị lây nhiễm bởi tư tưởng ác độc, ích kỷ, bạo động.

Chúng ta chứng kiến ở các nước phương Tây những phong trào hiếu động, bạo hành, trác táng, biểu dương lực lượng, kích động tập thể, thường xuyên xảy ra là

do ảnh hưởng của tư tưởng. Bắt đầu bằng sự kích động của một người. Sau khi có nhiều người bị kích động, sức mạnh của tư tưởng được cộng hưởng và khuếch đại, nó nhanh chóng lan vào tâm của mọi người với cường độ mạnh làm cho họ trở nên cuồng bạo hiếu động một cách kỳ quái. Nhất là những loại tư tưởng đánh mạnh vào bản năng ích kỷ của con người như đề cao chủng tộc (phát xít,) đề cao tinh thần quốc gia cực đoan, đề cao tự do tình dục...

Đa số các trại giam hình sự đều là lò tạo ra kẻ ác, vì nơi đó tập trung nhiều kẻ ác độc. Tư tưởng của họ cứ lây nhiễm vào nhau và cùng làm cho tính chất ác độc của tù nhân được củng cố thêm. Hiếm có ai ra khỏi tù sẽ trở thành kẻ lương thiện. Nếu ngành tư pháp không nắm vững vấn đề này, họ sẽ còn nhiều vất vả trong việc bảo vệ an ninh trật tự cho xã hội. Ngành tư

pháp cần phải hiểu rõ hơn về tính cách “sinh thái tâm linh” này, về sự lây nhiễm vô hình của tư tưởng giữa mọi người với nhau.

Đến lúc đó, chúng ta sẽ thấy trại giam, cái còng, khẩu súng, chưa đủ để chuyển hóa con người. Cần phải có một “sinh thái tâm linh” sạch sẽ, cần có nhiều nhà giáo dục về đạo đức Nhân Quả Nghiệp Báo, cần có nhiều nhà thơ miên để chuyển hóa nhân cách, cần phải có những chuyên gia “sinh hoá đạo đức” để dùng các hoạt chất thay đổi tạm thời các tư tưởng ác của con người. Một số hoạt chất có khả năng khống chế tạm thời khuynh hướng bất thiện trong con người. Phải phối hợp rất nhiều chuyên gia trên nhiều lĩnh vực mới có thể khiến cho con người được cải hóa tốt đẹp hơn.

Như vậy ý nghĩa của sinh thái phải được hiểu rộng rãi trên cả hai lãnh vực: vật lý và

tâm linh, và ở lĩnh vực nào, chúng ta cần phải tích cực đóng góp làm cho sinh thái Địa cầu được chuyển biến tốt. Với sinh thái vật lý, chúng ta tránh gây ra sự nhiễm bẩn, phóng xạ điện từ, tiếng ồn, phá rừng... Với sinh thái tâm linh, chúng ta tránh gieo những tư tưởng ác lang thang vào không gian kéo làm ô nhiễm tâm hồn của những người thụ động.

CHƯƠNG 7

NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ XUẤT THẾ GIAN

1. Ý NGHĨA CỦA GIẢI THOÁT

Người ta chỉ đặt vấn đề giải thoát khi họ ý thức được sự ràng buộc và đau khổ mà mình phải chịu đựng. Nhưng không dễ gì con người ý thức được sự ràng buộc và đau khổ đang tồn tại từng giây phút của cuộc sống hiện hữu này. Đôi khi rơi vào

ngịch cảnh khó chịu, con người cảm thấy cuộc đời có đau khổ. Nhưng khi đạt được vài ước nguyện như ý, họ vẫn cảm thấy cuộc đời còn nhiều hạnh phúc. Và mục đích của con người là suốt đời “tránh né đau khổ và tìm kiếm hạnh phúc”. Để thực hiện cho bằng được sự nghiệp “tránh khổ tìm vui”, mồ hôi và máu của mọi người đã thấm đầy lòng đất.

Cái đau khổ mà con người phải sợ hãi tránh né mãi đó là đói khát, bệnh tật, xấu xí, nghèo khổ, tai nạn, bị ghét bỏ, địa vị thấp, mong ước không toại nguyện, tình yêu đổ vỡ, xa cách người thương, gần gũi kẻ oán, căng thẳng thần kinh, sống trong môi trường không hợp ý, chiến tranh, bị kỳ thị, cô độc... Ngược lại với vô số điều trên là ý nghĩ hạnh phúc mà con người khát khao tìm kiếm đó là no đủ, khoẻ mạnh, đẹp đẽ, giàu sang...

Nếu xét kỹ, chúng ta thấy rõ sự tránh khổ tìm vui của con người chỉ lẫn lẩn trong không gian vật lý.

Họ chưa tìm thấy sự nhiệm màu của

không gian tâm linh và càng không biết gì về Bản Thể Tuyệt Đối. Tất cả mục đích của con người trong không gian vật lý đều phải chịu sự chi phối của luật Nghiệp Báo. Một người đã gây nghiệp nghèo khổ thì không thể nào cảm nhận được cái sung sướng của sự giàu sang. Một người đã gây nghiệp đối xử kỳ thị thì bắt buộc phải chịu sự bất bình đẳng trở lại. Nếu không tin hiểu luật Nghiệp Báo để bắt đầu gây những nhân lành, con người sẽ vĩnh viễn chịu nhiều đau khổ hơn nữa. Chỉ khi nào họ tin hiểu Nghiệp Báo, rồi từng bước tích lũy phước thiện, về sau, họ sẽ gặp nhiều may mắn dễ chịu.

Ở đây, luật Nghiệp Báo là chìa khóa mở ra cho họ con đường bằng phẳng êm ả để họ đi lang thang trong luân hồi sinh tử bớt đau khổ hơn, có vẻ thoải mái hơn.

Tuy nhiên, họ chỉ vẫn lẩn quẩn trong không gian vật lý, rong ruổi trong luân hồi, và cái chấp ngã sâu kín trong vô thức còn nguyên vẹn. Một khi chấp ngã chưa hết, sự phân biệt thương ghét là điều tồn tại,

chắc chắn họ vẫn còn phạm sai lầm, còn gây nghiệp bất thiện và vẫn phải đối diện với đau khổ ở mai sau.

Thế nên, với luật Nghiệp Báo, con người mong muốn tạo thật nhiều thiện nghiệp để tránh khổ tìm vui là điều không thật sự bừng hết cội rễ của sự đau khổ, không thật sự đạt được sự toàn thiện tối thượng, không thật sự an trụ trong niềm vui vĩnh hằng tuyệt đối.

Cần phải có một con đường khác hơn, siêu việt hơn, cao thượng hơn để đưa con người thoát khỏi trò đùa sinh tử, thoát khỏi ngã chấp nhỏ hẹp, thể nhập vào Bản Thể Tuyệt Đối với sự cảm ứng vô biên cùng vạn hữu. Tuy nhiên, ý nghĩa của Bản Thể Tuyệt Đối quá cao siêu trừu tượng, vượt ngoài khả năng diễn tả của ngôn từ và ý tưởng, khó có thể hấp dẫn được đa số mọi người khi mà họ chỉ đủ sức cảm nhận được những trò vui tạm bợ của khoái cảm thế gian. Một ly rượu nồng, một mái ấm đêm đông, một gia tài đồ sộ, một địa vị cao sang, một cuộc vui nghiêng ngửa... có

vẽ cụ thể hơn, dễ dàng đạt tới hơn. Còn sự siêu thoát thanh tịnh minh mông, không hình tượng, không phân biệt, chỉ còn có trí tuệ vô hạn, lòng đại bi vô biên, sức cảm ứng phủ trùm của Bản Thể Tuyệt Đối vẫn là cái gì xa lạ đối với mọi người. Chỉ có những kẻ có căn lành nhiều đời, hôm nay tâm họ có cái “trực cảm” tế nhị sâu sắc, tuy chưa chứng được Bản Thể Tuyệt Đối, nhưng họ đã cơ hồ cảm nhận được, tin tưởng được, và âm thầm khát khao sự chứng đạt viên mãn về Bản Thể Tuyệt Đối đó. Giữa thế gian dày đặc con người này, có được bao nhiêu người có cái “trực cảm” mãnh liệt kia để có thể chuẩn bị cuộc đời mình đi về một hướng khác, một hướng ra khỏi không gian vật lý nặng nề, ra khỏi không gian tâm linh chủ quan và thể nhập vào tuyệt đối?

Chỉ những con người có cái trực cảm sâu sắc đó mới có thể ý thức được sự ràng buộc và đau khổ đang hiện hữu trên thế gian này, cũng như chỉ những ai đã từng trông thấy bầu trời tự do mới ý thức được

cái nhà tù chật hẹp mà mình đang bị giam giữ.

Người ta mê mური đồng vì không biết có cái một triệu đồng. Người ta quay cuồng trong các trò vui giả tạm vì không biết cái hạnh phúc vô biên của TUYỆT ĐỐI. Khổ nỗi, không có ngôn từ để diễn tả được cái hạnh phúc chân thật của Bản Thể Tuyệt Đối. Buổi đầu, Đức Phật cũng tránh nói nhiều đến Bản Thể Tuyệt Đối này. Ngài chỉ cho thấy bản chất của thế gian là đau khổ (khổ đế). Nhưng làm sao cho mọi người ý thức được sâu sắc cái bản chất ràng buộc và đau khổ của thế gian thì đòi hỏi phải có sự so sánh, cũng như chỉ khi đặt màu trắng bên cạnh, người ta mới thấy rõ hơn màu đen. Cũng vậy, khi muốn cho con người thấy rõ sự đau khổ và ràng buộc thì phải so sánh với Bản Thể Tuyệt Đối vốn thanh thang, thanh tịnh, giải thoát, vĩnh hằng. Các kinh điển Đại Thừa về sau đã bổ túc lý luận của Đạo Phật bằng cách đã diễn tả nhiều về tính chất của Bản Thể giải thoát, và gọi bằng nhiều tên như Phật

tánh, Chơn tâm, Pháp thân... Khi các tính chất ưu việt của Bản Thể Tuyệt Đối được tuyên thuyết giảng rộng, mọi người bỗng cảm thấy những cái mà mình đang nắm giữ, ham muốn như tiền tài, danh lợi, yêu đương... thật là lố bịch, nhỏ nhoi, tạm bợ, và chỉ là đau khổ triền miên không lối thoát.

Từ đó, trong lòng họ nhen nhúm một sự khát khao giải thoát !

Tuy nhiên, sự giải thoát viên mãn, nghĩa là thể nhập hoàn toàn vào Bản Thể Tuyệt Đối, vượt khỏi không gian vật lý và không gian tâm linh là điều cực kỳ khó khăn.

Không phải ai cũng đủ PHƯỚC, đủ dũng lực, đủ phương pháp để đạt đến. Đa số những người tu hành đi tìm giải thoát cũng chỉ đạt được giải thoát một phần nào đó mà thôi. Rất ít người đến được giải thoát viên mãn.

Ví dụ, do biết tu hành, một người trước kia có một nhân cách kém cỏi, nay đã trở nên cao cả. Thay vì nhỏ mọn, ích kỷ, họ dễ rộng rãi bố thí, dễ tha thứ hơn; thay vì hay

nổi nóng, họ dễ trầm tĩnh hơn; thay vì hay xúc động, họ dễ bình thản hơn. Tâm từ bi của người này được tăng trưởng. Họ biết xem nhẹ của cải vật chất và biết quý trọng những giá trị tinh thần. Người như vậy cũng là đã giải thoát được khỏi nhân cách kém cỏi.

Hoặc một người, do biết tu hành, nên chấp ngã mỏng nhẹ. Họ ít cố chấp ý kiến của mình, thường biết sống thuận theo ý kiến của mọi người, giống như lời bày tỏ của tôn giả Anuruddha :

“Con không sống bằng tâm của con mà con sống bằng tâm của huynh đệ”

Họ không còn thấy mình là quan trọng, không còn thấy ý kiến của mình là giá trị. Và hạnh phúc cao cả mà họ tìm thấy là sự vô ngã thanh tịnh. Những kẻ hiếu động, thích tranh đấu, ắt là sẽ phê phán thái độ thụ động kỳ lạ này. Tại sao phải sống theo ý người khác? Tại sao chấp nhận sự ức hiếp? Tại sao không đấu tranh cho quyền lợi của mình ? Ở đây không có câu trả lời thừa thãi cho kẻ không có chiều sâu tu

tập. Chỉ những ai đã khổ công tu hành thiền định, tâm được thanh tịnh rõ ràng mới thấy được cái hạnh phúc quý giá của đời sống vô ngã tùy thuận theo tâm của mọi người. Người như vậy là đã giải thoát được một phần ngã chấp.

Hoặc một người, do biết tu hành nên có cái nhìn minh triết sâu thẳm, thấy rõ cả vạn hữu như trò huyễn hóa hư vô. Cả sự hiện diện bản thân họ cũng đều là trò chiêm bao mộng ảo. Họ vẫn sống bình thường như mọi người, vẫn bình thản làm các bổn phận của mình, vẫn nhìn thấy rõ luật Nghiệp Báo sinh hóa vô tận, nhưng vẫn thấy tất cả là ảo ảnh không thật có. Do đạt được cái nhìn minh triết cùng cực như vậy nên tâm người này rời khỏi mọi cố chấp, phiền muộn âu lo, luôn luôn đạt được trạng thái tỉnh giác, thanh tịnh (chánh niệm). Người như vậy là đã giải thoát được một phần chấp trước.

Hoặc một người, do biết tinh tấn thiền định đúng phương pháp (chúng tôi xin nhấn mạnh đúng phương pháp, vì sai phương

pháp rất nguy hiểm) nên tâm được an trụ, không mộng tưởng suy nghĩ lang thang. Họ hưởng được trạng thái hỷ lạc của nội tâm an tịnh. Người như vậy là đã giải thoát được một phần tâm thức loạn động.

Hoặc một người do biết tu tập, nhiếp tâm vào định sâu thẳm, vượt khỏi ý thức ràng buộc với không gian vật lý, nhập được vô thức của không gian tâm linh, và có thể khởi thần thông tác dụng theo ý muốn. Họ có thể phân thân, khinh thân, tàng hình, tiên tri, chữa bệnh, thấu thị, thần nhĩ... Họ có thể phá vỡ các quy luật vật lý khách quan và thực hiện thần thông theo ý muốn chủ quan của mình. Người như vậy là đã giải thoát khỏi tâm ý thức, đã đạt được tâm vô thức. Tuy nhiên, ở đây vẫn chưa phải là giải thoát viên mãn vì “Vô thức là hang ổ của ngã chấp”. Họ chưa ra khỏi hang ổ của ngã chấp, chưa đạt được Bản Thể Tuyệt Đối !

Cần phải tiến lên một bước nữa là vượt khỏi tâm Vô thức, vượt khỏi không gian tâm linh chủ quan và hòa nhập vào Bản

Thế Tuyệt Đối, trở thành duy nhất với toàn thể vạn hữu. Ở đây, bản ngã hoàn toàn biến mất, cái biết nhỏ hẹp được thay thế bằng cái cảm ứng vô lượng vô biên.

Nhiều người lầm tưởng rằng trạng thái Niết Bàn của Phật giáo là tịch diệt, hư vô, có vẻ khô khan buồn tẻ, và cho rằng đạo Phật là thụ động tiêu cực chỉ đi tìm cái trống vắng.

Thật ra nơi Bản Thế Tuyệt Đối, tận cùng của cái Không là vô cùng của cái Có.

Ngay nơi cái thanh tịnh tuyệt đối cũng là cái cảm ứng trùm không gian, vượt thời gian. Vì đã giải thoát, đã thể nhập Bản Thế Tuyệt Đối thì “dường như” không còn là chính mình nữa mà đã trở thành toàn thể vũ trụ, đã trở thành từng hạt bụi nhỏ, từng chiếc lá rơi, đã trở thành mây trời, gió mát, đã trở thành các tinh tú lấp lánh, thành vạn hữu vô biên.

Nơi cái nhìn của không gian vật lý, một hòn gạch đặt ở bên này và một con kiến đang bò bên kia dường như ít có tương tác với nhau, chúng có vẻ rời rạc riêng rẽ.

Nhưng nơi Bản Thể Tuyệt Đối, tất cả đều chung đồng trong cái thanh tịnh, trong cái cảm ứng và vẫn không lẫn lộn với nhau. Tất cả đều màu nhiệm và tràn đầy sáng tạo.

Chỉ những người may mắn có được cái Trực cảm kỳ diệu, dù chưa thực sự chứng ngộ, vẫn mơ hồ cảm nhận được tính chất siêu việt, tuyệt vời của Bản Thể. Chỉ những con người như thế mới xuất hiện từ bên trong niềm khát khao giải thoát, mới ý thức rõ rệt tính chất tạm bợ, giả dối, đau khổ, phù ảo của thế gian chày bồng này. Đối với những người như thế, các trò vui ngây ngất của thế gian không lừa gạt được họ. Tất cả những gì làm cho tâm hồn xao động đều là đau khổ dù đó là xao động buồn hay xao động vui. Chỉ có nội tâm thanh thản bình an mới thật là hạnh phúc. Một lời khen làm ta sung sướng, một sự thành công làm ta hớn hờ... Những cái xao động sung sướng, hớn hờ như thế đều là bất an, đều là bình đẳng như những cái xao động buồn bã thất vọng,

Kẻ phàm phu sợ hãi cái xao động buồn bã để đi tìm cái xao động hơn hờ. Nhưng đối với người đã ý thức sự cao cả của GIẢI THOÁT, cả hai loại xao động đó đều là ràng buộc, đều là đau khổ.

Đức Phật, một người đã hoàn toàn giải thoát, đã tuyên dương ca ngợi sự giải thoát và kêu gọi mọi người hướng về một mục đích cao cả cuối cùng. Dù là một ông vua, một kẻ ăn mày, ai cũng phải lang thang mãi trong luân hồi sinh tử. Rồi trong vô số kiếp tiếp nối đó, có chắc chúng ta sẽ giữ mãi được đạo đức ban đầu ? Có chắc chúng ta sẽ không gây ác nghiệp ? Mà một khi ác nghiệp đã sinh ra thì nẻo đường luân hồi thật chông gai mờ mịt vì quả báo khổ sẽ đến.

Chỉ có sự giải thoát mới thật sự là mục tiêu cuối cùng của chúng ta. Nơi ý nghĩa giải thoát này, chấp ngã hoàn toàn tan biến, tâm đại bi thương yêu mọi người hiển lộ. Còn ngôn ngữ nào có thể diễn tả chỗ cao siêu vi diệu này, ngoài sự tu chứng đích thực của chúng ta?

2. CÔNG ĐỨC QUÁ KHỨ

Hai người bạn cùng đi nghe giảng Thiền, nhưng một người thờ ơ nghe xong rồi bỏ đi, còn một người bỗng cảm thấy khát khao mãnh liệt, muốn đi tìm chứng ngộ đích thực của Thiền. Hai tâm trạng khác nhau này phát sinh từ hai nghiệp nhân khác nhau trong quá khứ.

Một nghiệp nhân được chú ý nhiều nhất là sự KÍNH TRỌNG bậc giác ngộ.

Theo luật Nghiệp Báo, khi ta khởi tâm kính trọng một nhân cách nào, về sau nơi chúng ta xuất hiện một nhân cách tương tự. Nếu trong một tiền kiếp xa xưa, chúng ta đã từng gặp gỡ một vị Thánh Giác ngộ, rồi chúng ta khởi tâm kính trọng, cúng dường, đánh lễ, tán thán. Thế là hạt giống giải thoát Giác ngộ đã rơi vào DÒNG NGHIỆP của chúng ta. Chúng ta đã có mầm mống của SỰ GIÁC NGỘ tiềm ẩn. Chính cái hạt giống Bồ-đề này đã âm thầm thôi thúc chúng ta làm nên nhiều chuyện kỳ diệu.

Người xưa vẫn nói: "Kính Thầy mới được

làm Thầy” cũng là ý này. Có chân thành kính trọng bậc Giải thoát, chúng ta mới đủ PHƯỚC để trở thành bậc Giải thoát.

Thiếu sự kính trọng này, không bao giờ chúng ta đủ phước để trở thành kẻ giác ngộ. Rất nhiều câu chuyện trong kinh Bốn Sanh, Trưởng Lão Tăng Kệ, đều ca ngợi một vị ALaHán, do biết cung kính cúng dường các Đức Phật quá khứ, nên đời này được chứng đạo quả vô lậu.

Có những người khi nghe đến sự tu chứng cũng rất là ham thích, cũng nỗ lực tinh tấn, dụng công tu hành, nhưng không có kết quả hoặc có kết quả rất ít. Lý do đơn giản chỉ vì họ không đủ phước để làm một vị Thánh. Không phải ai trên đời này cũng đã gieo đủ duyên phước để làm Thánh. Có người gieo đã đủ, có người còn thiếu. Một khi phước chưa đủ thì đường tu hành của chúng ta gặp nhiều trở ngại . Trong câu chuyện kể về Trưởng lão Losaka Tissa, kinh nói : “Như ngọn đèn ở trong chiếc ghè, điều kiện để trở thành ALaHán cháy đổ trong tim của đứa bé “

nghĩa là dù đứa bé phải chịu nhiều gian nan cực khổ, nhưng phước để làm một vị ALaHán đã đầy đủ. Sau khi trả xong Nghiệp Báo cũ, đứa bé sẽ chứng ALaHán dễ dàng (Kinh Bốn Sanh) và trở thành trưởng lão Losaka Tissa.

Tuy nhiên, để đủ gọi là sự KÍNH TRỌNG, nó phải được thể hiện ra những hành vi cụ thể sau đây : Đảnh lễ, cúng dường, tán thán và làm theo lời dạy đối với vị Thánh đó.

Chúng ta quỳ xuống dưới chân của một bậc giải thoát, dâng trọn tâm hồn mình, đầu ta cúi sát đất để biểu lộ rằng chúng ta vô cùng nhỏ bé kém cỏi, còn vị chân sư thì vòi vọi như núi cao biển rộng bởi tâm chúng huyền nhiệm sâu xa. Trong giây phút thiêng liêng đó, cái ngã mạn tự cao âm thầm bên trong bị lay động dữ dội bởi vì chúng ta ý thức được sự thấp kém của mình, bởi vì trước chúng ta là một con người cao cả sáng chói như ánh mặt trời rực rỡ.

Nếu trong vô lượng kiếp về trước, đã một

lần chúng ta được cúi mình đánh lễ một Đức Phật, một vị ALaHán với trọn lòng kính tin như thế, nghĩa là chúng ta đã tự có một chút phước để làm một vị Thánh đời sau. Dĩ nhiên, đây mới chỉ là nhân ban đầu. Cần phải có rất nhiều công đức khác mới đủ hình thành sự nghiệp giải thoát một cách viên mãn.

Thứ hai, do lòng kính trọng quý mến vị Thánh, chúng ta đã tìm cách cúng dường giúp đỡ về đời sống để cho vị Thánh đó không phải bận rộn về vấn đề sinh kế. Như vậy, ngài có thể có nhiều thì giờ để giáo hóa mọi người. Do sự cúng dường của chúng ta mà nhiều mọi người khác được lợi ích. Cái phước này tích lũy thêm cho kết quả làm thánh của chúng ta về sau. Hơn nữa, sự cúng dường cho một vị thánh luôn luôn tạo thành kết quả muôn vạn lần. Bậc thánh như một miếng ruộng màu mỡ. Ai gieo một sẽ hưởng gấp bội lần. Vì sao ? Bởi vì từng giây phút trong cuộc sống, các ngài luôn luôn sống bằng nội tâm bình an, thanh tịnh, từ bi và trí tuệ.

Một ngày của các ngài là một ngày tràn đầy tự lợi và lợi tha, khác với kẻ phàm phu tầm thường sống qua từng ngày với tham lam thù hận, không lợi mình cũng không lợi người. Do từ bi, chúng ta có thể giúp đỡ một người qua cơn khó khăn túng thiếu. Tuy nhiên, với tính chất công bình của luật Nghiệp Báo, sự giúp đỡ cho một kẻ phàm phu không bao giờ đem lại phước báo giống như đối với một vị thánh. Nếu trong tiền kiếp chúng ta đã một lần cúng dường cho bậc chân tu đạt đạo thì chúng ta có thể yên trí rằng vĩnh viễn nhiều kiếp sau chúng ta không bao giờ gặp phải cảnh đói kém nữa.

Thứ ba, là sự tán thán bậc Thánh. Trên bình diện Nghiệp Báo, khi chúng ta khen ngợi ai về điều nào, về sau chúng ta cũng thành tựu ưu điểm giống như vậy. Nếu chúng hay ca ngợi vẻ đẹp của người láng giềng, lòng vị tha của người bạn cũ, sự đoan chánh của cô gái đầu ngõ, thì sau này những tính chất đó tập trung đầy đủ nơi chúng ta. Do tính chất này nên khi

chúng ta ca ngợi bậc Thánh về sự giác ngộ nội tâm, lòng từ bi vô hạn, sức trí tuệ ngời sáng, thì về sau những yếu tố đó hội đủ nơi chúng ta. Hơn nữa, do sự ca ngợi này mà nhiều người được biết đến bậc chân sư cao cả, họ tìm đến học hỏi và được lợi ích lớn lao. Sự tán thán của chúng ta khiến cho nhiều mọi người được gặp gỡ chân lý. Cái phước này thật là lớn lao không thể tính kể.

Thông thường, do lòng đố kỵ và ích kỷ, chúng ta ít chịu chấp nhận cái hay của người khác. Người khác được nổi bật làm cho chúng ta lu mờ. Chúng ta khó chịu trước ưu điểm của người và dễ dàng thờ ơ phớt lờ coi như không biết. Ngược lại, một chút khuyết điểm của người cũng dễ dàng bị chúng ta phát hiện. Chúng ta vui mừng khi tìm thấy khuyết điểm của người, vì người khác bị lu mờ làm cho chúng ta có cảm tưởng còn lại mình là kẻ nổi bật. Do tâm lý vị kỷ đó chi phối nên chúng ta dễ dàng rơi vào lỗi “tán kỹ, hủy tha” (chê người, khen mình).

Để vượt khỏi lối mòn này, chúng ta cần phải xoay quan điểm lại, hãy cố gắng nhìn thấy ưu điểm của người để ca ngợi hơn là cứ bươi móc khuyết điểm của người, chúng ta sẽ thấy tình thương yêu được phát triển nhiều hơn. Chúng ta sẽ yêu thương mọi người nhiều hơn trước.

Nếu đối với nhiều người bình thường xung quanh mà chúng ta còn có thể tìm ra cái hay để ca ngợi, thì đối với bậc thánh giải thoát, sự ca ngợi đó còn cảm hứng biết dường nào. Đôi khi sự cảm hứng đó kết thành những vần thơ, những khúc nhạc tuyệt diệu lưu truyền đến muôn đời. Công đức tán thán như thế thật là vô biên vô lượng. Người nào biết ca ngợi bậc thánh bằng sự rung cảm chân thành đủ sức kết thành tác phẩm nghệ thuật độc đáo và truyền sự rung cảm đó qua vô số mọi người, quả báo dành cho họ là đời đời nổi danh lừng lẫy, tiếng tốt đồn xa, dù có chết đi vẫn được mọi người nhắc nhở.

Thứ tư, là làm theo lời dạy. Tất cả những công đức ban đầu như đảnh lễ, cúng

đường, tán thán chỉ là chuẩn bị cho công đức thứ tự, làm theo lời dạy. Rõ ràng không thể gọi là sự kính trọng nếu chúng ta chưa thực hành theo sự hướng dẫn của bậc chân sư. Con đường đi đến giải thoát viên mãn thật là trừu tượng, tế nhị và phức tạp. Nếu không nhờ vào sự hướng dẫn của một chân sư đầy kinh nghiệm, hầu như chúng ta không thể tự mình đi đến mục đích. Chỉ trừ những người đủ phước đức giác, họ có duyên từ nhiều đời khiến cho đời này không nhờ Thầy vẫn có thể chứng ngộ. Mặc dù ở kiếp cuối cùng không có thầy, kỳ thật, nhiều kiếp trước họ vẫn siêng năng học hỏi với một bậc chân sư nào đó rồi. Họ đã tích lũy đầy đủ mọi công đức để được giải thoát. Đời này dù không có Thầy bên cạnh, kết quả vẫn phải xuất hiện, họ vẫn đạt được giác ngộ giải thoát.

Làm theo lời dạy của thầy bao hàm ý nghĩa là cố gắng thực hành tu tập để đạt được trình độ tâm chứng thực sự, không đứng kẹt mãi trên kiến giải và lý luận. Tuy

nhiên, có hai cực đoan cần nên tránh. Một là, nô lệ hoàn toàn vào kinh nghiệm của Thầy. Công đức, nhân duyên và thể tạng của Thầy không giống như đệ tử. Đôi khi một phương pháp thích hợp với Thầy lại không thích hợp cho đệ tử. Đây là một sự thật mà ai có trải qua đều nhận thấy. Hai là, quá chủ quan vào những sáng kiến của riêng mình mà bỏ qua hoàn toàn phương pháp căn bản của Thầy. Đây cũng là bệnh ngã mạn thâm kín. Vị Thầy thật sự đạt đạo thì nhất định có một pháp môn độc đáo. Trên căn bản đó, pháp môn đó là đúng. Sự chối bỏ hoàn toàn đường đi của Thầy cũng đồng nghĩa chối bỏ kết quả của Thầy, người đệ tử sẽ lạc vào sai lầm nghiêm trọng.

Làm theo lời dạy của thầy nghĩa là tinh tấn tu tập dựa vào pháp môn căn bản của Thầy và vận dụng khéo léo với thể tạng, nhân duyên và công đức của riêng mình. Đó là trung đạo.

Trong trường hợp một vị Thầy cực kỳ sáng suốt sẽ khéo léo hướng dẫn uyển

chuyển từng đệ tử riêng biệt mặc dù vẫn dựa vào một đường lối chung. Vị Thầy như vậy không lấy kinh nghiệm của riêng mình áp đặt cho đệ tử mà biết quan sát căn cơ, thể tạng của từng đệ tử để chỉ dạy thích hợp. Gặp được một vị Thầy như vậy, thật là hạnh ngộ lớn cho chúng ta.

Nếu trong quá khứ, chúng ta đã từng gặp một vị chân sư đạt đạo và đã thực hiện đầy đủ bốn công đức: đánh lễ, cúng dường, tán thán và làm theo lời dạy, xuất phát từ sự kính trọng cao tột, chắc chắn kết quả giác ngộ cũng gần kề đâu đây. Một công đức khác được đề cập đến là, nếu từ những kiếp quá khứ, chúng ta đã từng giúp đỡ cho những VỊ CHUYÊN TU THIÊN ĐỊNH, chúng ta đã xây thát, tiếp cơm, bảo vệ những vị chuyên tu không bị khách quấy rầy... khiến họ yên tâm rảnh rang nhiếp tâm vào thiên định. Công đức đó vô cùng lớn lao khiến cho sau này khi chúng ta bắt đầu tọa thiền sẽ nhanh chóng vào sâu trong chánh định.

Đôi khi chúng ta phải nói rằng quả thật

thiền định cũng đòi hỏi năng khiếu bẩm sinh như những bộ môn khác. Ai không có năng khiếu, không có đam mê sẽ không thành công trong việc tu tập thiền định.

Tuy nhiên năng khiếu ở đây chính là phước từ quá khứ. Ai đã từng giúp đỡ những vị chuyên tu, người đó sẽ dễ dàng nhiếp tâm vào định. Ngược lại, nếu trong quá khứ chúng ta đã từng gây bất an cho kẻ khác bằng cách gây náo loạn, gây chiến tranh, hạ nhục, gây đau khổ... thì quả báo là tâm ta luôn bị bất an, khó nhiếp vào định. Vì thế, một người tin hiểu

Nghiệp Báo sẽ sống dè dặt, tránh gây bất an cho kẻ khác dù với một lời nói nhỏ nhất. Họ sẽ sống với phương châm:

“Vào rừng không khua lá,
vào nước không dậy sóng”.

Họ không để cho kẻ khác bận tâm về mình. Họ hiện diện đầy mà như chưa hề có mặt.

Đa số mọi người thích được chú ý, thích nổi bật nên thường “quậy” lên một cái gì đó. Nhưng điều này bất lợi cho những ai

muốn đi tìm công đức giải thoát. Làm cho kẻ khác bận tâm, ta sẽ bị quả báo bất an, khó nhiếp vào định.

Hãy giữ cho mọi người được yên tĩnh tức là tránh cho chúng ta cái quả báo bất an. Một tiệm nước mở máy nhạc inh ỏi suốt ngày gây ồn ào cho hàng xóm. Một cuộc cãi lộn làm náo động cả khu vực. Một tên cướp gây án làm điên đầu những nhân viên điều tra... Vô số nghiệp nhân gây căng thẳng bất an cho mọi người mà chúng ta vẫn gây ra hằng ngày nhưng chúng ta không thấy hậu quả về sau khiến tâm ta luôn luôn bị dằn vặt, căng thẳng, làm trở ngại cho công trình tu tập thiền định .

Ngoài việc tránh gây bất an cho mọi người, chúng ta còn phải giúp cho mọi người tìm được thanh thản trong tâm hồn bằng cách khuyến hóa, khuyến bảo họ thực hành tu tập thiền định. Thêm được một người nghe lời chúng ta tu tập thiền định tức là chúng ta thêm được một số phước rất lớn. Nếu suốt đời chúng ta đã

khuyên bảo rất nhiều người thực hành thiền định, phước chúng ta vô cùng lớn, có thể tác thành những kết quả tu chứng rất vi diệu ở mai sau.

Tuy nhiên, thù thắng hơn cả vẫn là công đức ủng hộ người chuyên tu. Trong công việc này, chúng ta phải xây dựng am thất, cung cấp vật thực đều đặn và bảo vệ họ thoát khỏi sự quấy rầy bên ngoài. Quả báo của công đức này được viên mãn trên nhiều phương diện. Thứ nhất là quả báo vật chất sung mãn vì chúng ta đã tốn công của để xây dựng am thất và cung dưỡng vật thực thường xuyên. Sự giàu sang ở những kiếp sau là điều không tránh khỏi. Thứ hai, là quả báo an ổn vì chúng ta đã bảo vệ người chuyên tu khỏi những xao động bên ngoài. Suốt nhiều kiếp sống về sau cuộc đời chúng ta luôn luôn bình an không bị sóng gió. Quả báo cuối cùng là tâm chứng trong thiền định. Sự thành công của những vị được chúng ta ủng hộ sẽ trở thành sự thành công của chính chúng ta ở vị lai. Họ đắc định sâu chùng

nào, chúng ta cũng sẽ đắc định bằng hoặc hơn như thế.

Đa số các Phật tử ngày nay chỉ tạo phước hời hợt ở bên ngoài. Họ chỉ gây được những cái phước để tạo thành sắc đẹp, tài sản, nhà cửa, danh vọng cho kiếp sau. Họ không biết ủng hộ những người chuyên tu để tạo thành công đức giải thoát cho chính họ ở mai sau.

Chúng ta mong ước nhiều thiền viện chuyên tu được thành lập, trong đó có thanh quy nghiêm túc, hợp lý, có các tu sĩ quyết chí cầu giải thoát, có đường lối tu tập minh bạch rõ ràng phù hợp với Phật pháp và khoa học. Những thiền viện chuyên tu như thế mới thật là phước điền cho mọi người gieo trồng căn lành giải thoát. Ngôi chùa có thể bị tàn hoại theo thời gian, hình tượng có thể bị hư mục theo năm tháng và công đức của người tô đắp cũng theo đó mà biến mất. Nhưng một người chuyên tu được đắc đạo thì vĩnh viễn không có sự thoái chuyển, không có sự thay đổi. Thế nên, giúp đỡ cho một

người chuyên tu được đặc đạo, ủng hộ cho một thiền viện chuyên tu có nhiều người chứng đạo, công đức của thí chủ là vô cùng vô tận ở mai sau, không bao giờ bị biến mất.

Tuy nhiên, công đức này ít có người nhận thức sâu sắc. Phần đông họ chỉ tạo những phước nghiệp dễ thấy qua các lễ hội linh đình, qua các hình thức đẹp đẽ. Còn một đạo tràng chuyên tu thâm lặng ít có ai để ý, nhưng không ngờ đó mới là phước điền chân thật cho mọi người. Chính những người chuyên tu thâm lặng mới là người giữ gìn giá trị đích thực cho Phật pháp bởi sự chứng ngộ tâm linh sâu xa huyền nhiệm. Chỉ bởi những con người có tâm chứng thực sự, đạo Phật mới không bị trống rỗng trên hình tướng và lý luận. Chỉ bởi những con người có tâm chứng thực sự, suối nguồn giải thoát mới lan tràn mạnh mẽ vào trong nhân loại để đánh thức mọi người khỏi đêm dài vô minh tăm tối. Thế nên việc góp công góp sức để xây dựng những thiền viện chuyên tu là một

công đức cực kỳ quan trọng. Nó đem lại sinh khí mới cho đạo Phật và đem lại phước lành vô lượng cho thí chủ.

3. TÂM NGUYỆN CHO VỊ LAI

Ngoài hai công đức quá khứ đã kể trên, trên hành trình tu tập, hành giả còn phải tích lũy thêm một công đức quan trọng khác, đó là tâm nguyện cho vị lai.

Hành giả luôn luôn ý thức cao độ rằng từng giây phút tu tập hôm nay chỉ vì để đủ đạo lực giáo hóa mọi người ngày mai, chỉ vì để chuyển hóa thế giới này trở nên thánh thiện đẹp đẽ mãi mãi. Mọi người si mê chìm trong những thú vui giả tạm, những giá trị ngắn ngủi, những văn minh hào nhoáng bề ngoài, những tiện nghi xa hoa lòe loẹt. Đạo đức loài người luôn luôn bị đe dọa bởi chính ngã chấp của họ, bởi vô số văn hóa đồi trụy và sự lôi kéo của khoái lạc chung quanh. Cuộc chiến đấu giữa thiện và ác, giữa triền phược và giải thoát, giữa ham muốn và từ bỏ mãi mãi là

cuộc chiến đấu gay gắt quyết liệt. Trong cuộc chiến đấu này, người chứng ngộ sẽ là tấm gương tiên phong sáng chói để lôi cuốn con người trở về với sự toàn thiện. Những nhà tư tưởng, những triết gia cũng góp phần khá nhiều vào công cuộc xây dựng cái thiện cho thế giới, bởi lý luận sắc bén uyên bác của họ. Nhưng dù sao lý luận cũng không có sức thuyết phục bằng sự chứng ngộ tâm linh chân thật. Người có tâm chứng sâu thẳm tự nhiên có sức lôi cuốn mãnh liệt với mọi người, làm cho mọi người phát khởi niềm tin đối với sự giải thoát.

Nhận thức được điều này, hành giả không còn có mục đích chỉ tu cho sự giải thoát của chính mình mà đã hướng về một mục đích rộng lớn hơn, đó là tâm nguyện giáo hóa tất cả mọi người cùng đạt được giác ngộ.

Một hành giả mỗi khi tọa thiền đã tự nhủ thầm với chính mình rằng:

“Từng giây phút tỉnh giác thanh tịnh này là để cho thế giới được chuyển hóa trở nên

thánh thiện hơn ở mai sau.”

Nhờ tâm nguyện đó ông cảm thấy tăng thêm sức mạnh của nội tâm và công phu tu hành cũng đạt được nhiều kết quả tốt đẹp.

Hoặc một thiền sư khi còn tu tập đã tự nhắc nhở rằng:

“Sở dĩ Phật pháp còn tồn tại vì còn có người tu chứng”.

Do tâm thiết tha muốn tu chứng đó cho Phật pháp tồn tại mãi, ngài đã vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn để thành tựu đạo quả.

Như vậy, cái động cơ thúc đẩy chúng ta tu tập là vì sự nghiệp cứu độ mọi người chứ không phải là vì sự giải thoát của riêng mình, không phải vì cái vinh quang của kẻ đắc đạo, không phải vì muốn tìm sự kính ngưỡng của mọi người. Chúng ta cần phải cẩn thận xét nét tâm mình thoát khỏi sự lừa gạt của bản ngã khi dụng công tu tập. Mặc dù rất tinh tấn, nhưng có thể tâm chúng ta len lén khởi lên sự mơ tưởng về một tương lai xa khi chúng ta được đắc

đạo. Chúng ta mơ tưởng rằng chúng ta sẽ được nhiều người ca ngợi, lễ bái, cúng dường, trọng vọng, chúng ta sẽ thuyết pháp như mây như mưa và nổi danh khắp nơi. Chính những ước mơ vị kỷ thâm kín đó đã phá hủy công đức tu hành bấy lâu nay mà ta không hề hay biết. Đến khi phước đã hết tội đã nặng, một dạng thiên bệnh sẽ xuất hiện mà người ta quen gọi là tẩu hỏa nhập ma. Có người thường xuyên bị một tiếng nói bí mật bên trong thúc đẩy hành động. Có người thường thấy vô số ảo ảnh lạ lùng trước mặt như thấy quỷ thần đến nói chuyện và họ cũng lảm nhảm trả lời khiến cho mọi người bảo họ bị điên. Có người tự nhiên nội tâm bị kích động lạ lùng luôn luôn muốn nổi nóng la hét hoặc muốn cười cợt nói năng huyên thuyên. Rất nhiều dạng thiên bệnh phức tạp tùy theo nghiệp duyên của từng người. Ở đây chúng ta nhấn mạnh đến loại nghiệp duyên do ước mơ vị kỷ tạo thành. Chúng ta tinh tấn tu hành vì cái vinh quang của địa vị làm thánh chứ không phải vì sự

nghiệp cứu độ tất cả mọi người. Động cơ đó là động cơ vị kỷ và hậu quả của nó là sự thất bại trên bước đường tu tập.

Vì thế, để chuẩn bị cho quá trình tu tập lâu dài, chúng ta phải tạo cho mình một động cơ hoàn toàn vị tha, không bao giờ để cho tâm tư khởi lên một ước vọng tu để tìm ích lợi và vinh quang của bản thân mình, luôn luôn nghĩ đến nỗi khổ đang giăng bủa khắp thế gian và thiết tha muốn chuyển hóa cuộc đời được thánh thiện hơn bằng con đường đạo đức. Và dĩ nhiên để cho lời tuyên dương đạo đức của chúng ta được nhiều người chấp nhận, chúng ta phải đạt được trình độ tâm chứng sâu thẳm. Đó là lý do tại sao chúng ta phải khổ công tinh tấn nhiếp tâm thiền định trong từng phút giây hôm nay.

Để củng cố tâm nguyện vị lai này, đôi khi một hành giả lập thệ nguyện một cách cụ thể. Hành giả sẽ phát lên lời thệ nguyện mỗi khi bắt tréo chân kiết già tọa thiền như:

“Con nguyện tinh tấn tu hành để đủ đạo

lực cứu độ mọi người đều được an vui thoát khổ, để chuyển hóa thế giới này thành cõi đời thánh thiện đạo đức, chứ con không vì cái vinh quang của địa vị làm thánh”.

Tùy theo tâm nguyện riêng, mỗi người tự lập cho mình nhiều lời nguyện khác nhau, miễn sao những lời nguyện đó tràn đầy tính vị tha, hoàn toàn vắng bóng những ước mơ vị kỷ.

Công đức của tâm nguyện cho vị lai rất lớn, sẽ giúp hành giả vượt qua nhiều trở ngại để tiến tu mãi mãi.

4. ĐỨC HẠNH TRONG HIỆN TẠI

Giải thoát cũng đồng nghĩa với vô ngã. Vô ngã và giải thoát là một. Thế nên muốn đạt được quả báo giải thoát, chúng ta phải gieo nhân vô ngã. Thế nào là nhân vô ngã? Đó là một đời sống đạo đức xả kỷ, quên mình để sống trọn vẹn vì mọi người chung quanh.

“Tôi có mặt và lớn lên giữa lòng nhân loại
Nên tình người bao phủ trái tim tôi.
Nên đời tôi đã nguyện hiến dâng rồi

Cho hạnh phúc của loài người yêu mến”...
(20 tuổi)

Đời sống xả kỷ vị tha được coi là một đức hạnh cao đẹp nhất của con người. Dù chúng ta chưa chứng được trạng thái vô ngã thực sự, nhưng trong từng phút giây, từng tâm niệm, chúng ta biết từ bỏ những lợi ích của mình để lo cho lợi ích của mọi người thì ngã chấp bên trong đang bị đốn phá dữ dội. Nó chuẩn bị cho sự chứng ngộ vô ngã chân thật ở mai sau.

Nào giờ chúng ta chỉ nghĩ đến những nhu cầu của mình như mình hãy còn thiếu đôi dép đẹp, còn thiếu chiếc xe tốt, chưa cất thêm được tầng lầu... mà quên đi nhu cầu của mọi người chung quanh. Ngày nay để gieo nhân giải thoát, chúng ta biết xoay ngược khuynh hướng đó lại, là hãy nghĩ đến nhu cầu của người chung quanh trước và xem nhẹ những sự đòi hỏi của mình. Đôi dép của người bạn đã cũ, cây viết của đứa em đã hư, nét mặt của cha mẹ có vẻ không vui, sức khỏe của người láng giềng dường như suy kém... Tất cả

những biểu hiện đó đều bị chúng ta phát hiện nhanh chóng. Trước kia mãi lo cho bản thân mình, vô số nhu cầu người chung quanh bị phai nhạt. Hôm nay khi quên được mình, tự nhiên tình trạng của người chung quanh hiện rõ trong tầm mắt chúng ta. Và khi thấy được điều đó chúng ta sẽ cố gắng đáp ứng được cho họ, giúp cho họ qua được cơn khó khăn buồn khổ. Một đức hạnh khác được đề cập đến là đặt mình vào hoàn cảnh người để cảm thông sâu sắc với họ. Đa số chúng ta chỉ biết đứng ở vị trí mình để phê phán người khác, không biết đặt mình vào hoàn cảnh họ để thông cảm. Mà đứng yên ở vị trí chủ quan của mình tức là ngã chấp được cũng cố, còn quên đi vị trí của mình, tự đặt mình vào hoàn cảnh của người khác tức là phá dần ngã chấp.

Một anh công an hỏi cung một thanh niên bị bắt quả tang phạm tội móc túi ở bến xe. Thông thường, nếu đứng yên ở vị trí người bảo vệ an ninh xã hội, trước tang chứng không thể chối cãi, người công an

có thể khởi tố gã thanh niên vài tháng tù giam. Nhưng anh công an đi tìm hoàn cảnh, động cơ phạm tội. Thì ra người thanh niên là người tốt, rơi vào hoàn cảnh gia đình không may, đi thăm cha ở xa về hết tiền, không muốn bán chiếc quần dài lấy tiền mua vé, nên bắt đắ dĩ đã tìm cách móc túi. Người công an tha bổng. Vài tháng sau anh được thư cảm ơn của người thanh niên báo vào vụ mùa này, anh thu hoạch được ba tấn bắp. Người công an thầm nghĩ, nếu anh không thông cảm, tống giam người thanh niên ấy thì xã hội mất đi ba tấn lương thực. Rất nhiều, rất nhiều khuyết điểm của người khác mà ta chỉ biết trách móc chê bai. Nếu ta bình tâm đặt mình vào hoàn cảnh của người, thì có khi sự tình đã xảy ra ngược lại, kẻ kia hành động đúng chứ không sai lầm như ta nghĩ. Hoặc có khi lỗi của họ còn lại rất ít, những yếu tố khác buộc họ phải hành động như thế. Biết đặt mình vào hoàn cảnh của người, lòng ta sẽ cảm thấy khoan dung độ lượng hơn.

Một đức hạnh khác cũng làm cho ngã chấp mỏng nhạt là tâm tùy hỷ, biết vui theo sự thành công của người khác. Bản chất vị kỷ nào giờ sản sinh ra tâm trạng đố kỵ. Chúng ta cảm thấy khó chịu trước sự vinh quang của kẻ khác. Sự thành công của họ làm cho ta bị lu mờ. Sự khó chịu đó được gọi là sự tật đố. Khi tâm tật đố quá mạnh, chúng ta có thể tìm cách mưu hại gièm pha để phá hủy sự thành công của người, để hạ bớt uy tín của họ. Tâm đố kỵ làm cho ngã chấp tăng trưởng, làm cho đường về giải thoát mất lối. Ngược lại, tâm tùy hỷ là biết quên mình để đồng hóa niềm vui của người làm niềm vui của mình. Nó góp phần làm hóa giải ngã chấp.

Thật ra sống trên cuộc đời này, niềm vui của mỗi người thật ít ỏi hiếm hoi. Vui bằng niềm vui của mình thì không có đáng là bao. Nếu chúng ta biết vui theo niềm vui của mọi người, đồng hóa niềm vui của mọi người làm niềm vui của mình thì thật cả cuộc đời ta bỗng thừa thãi hạnh phúc. Ngoài ra Phật bảo biết tùy hỷ với phước

ngiệp của người khác, ta cũng được công đức tương đương. Thấy người đắp được đoạn đường, bố thí cho kẻ nghèo, giúp đỡ người chuyên tu... lòng ta vui mừng như chính mình làm được những điều đó, vui mừng vì kẻ nghèo hết khổ, người tu được ủng hộ, đường sá được sửa sang. Cái phước phát sinh từ sự tùy hỷ này cũng rất lớn.

Ở phần trước chúng ta đã nói đến các nhân khiêm hạ đưa đến quả báo địa vị cao sang. Đó là nói trên phước nghiệp thế gian. Thêm nữa, khiêm hạ là biểu hiện rõ nét của sự vô ngã. Người ít ngã chấp luôn luôn thấy mình không quan trọng, mặc dù không phải là mặc cảm tự ti. Khiêm hạ và mặc cảm tự ti khác nhau. Mặc cảm tự ti là mặc cảm khi nhận thấy thân phận kém cỏi của mình trong khi mình vẫn thầm kín ao ước vươn lên một vị trí cao cả. Còn khiêm hạ là không thấy mình quan trọng, không có nỗi buồn âm ỉ, không có tham vọng đạt địa vị cao. Do không thấy mình quan trọng nên một tâm lý mới xuất hiện : Tôn trọng

mọi người. Thật vậy, khiêm hạ và lễ độ luôn luôn đi đôi. Người khiêm hạ luôn luôn biết tôn trọng mọi người và sự tôn trọng đó được biểu hiện qua cử chỉ, lời nói để biến thành lễ độ.

Chúng ta cũng nhận thấy rằng ở những chế độ xã hội có văn hóa, sự lễ độ là điều không bao giờ thiếu. Con người biết biểu lộ sự tôn trọng lẫn nhau bằng các tập quán địa phương của họ. Trong đạo Phật, chấp tay xá chào và đảnh lễ là những hình thức thể hiện sự lễ độ.

Có một số người hiểu sơ sơ về thiền và chủ trương rằng tất cả mọi người đều bình đẳng nơi Phật tánh. Vì bình đẳng nên ai cũng như ai, không cần phải đối xử lễ độ với ai hết. Với lý luận như vậy họ ngông cuồng tự đại, xem thường mọi người, đánh mất lễ độ đáng quý của một con người.

Thật ra, sở dĩ Phật tánh bình đẳng vì có tính vô ngã. Nếu có ngã, Phật tánh trở thành sai biệt. Bởi vì mang tính vô ngã nên ai càng thể nhập Phật tánh càng trở

nên khiêm cung lễ độ hơn lúc trước. Họ càng tiến tu càng trở lên hiền lành nhẹ nhàng. Cái tự cao ngày xưa dần dần biến mất.

Một đức hạnh khác đề cao sự vô nhiễm. Vô nhiễm là không chìm đắm vào các trò vui tạm bợ của thế gian để giữ lòng thanh thản dòn hết cho sự tu tập thiền định. Mỗi ngày, mỗi thời đại con người cứ sáng chế ra hết thú vui này đến thú vui khác để hưởng thụ. Từ khúc hát êm dịu, đến bức tranh đẹp đẽ, tiến đến những thú vui dữ dội như rượu nồng, ma túy... Thời đại máy tính cũng phát sinh ra những trò chơi khác để kích động những con người giữa thế gian đầy dẫy những sự mời gọi hưởng thụ. Khó có ai giữ được sự vô nhiễm để dành tâm hồn cho sự tu tập giải thoát. Sự hấp dẫn của thú vui trần gian giăng bẫy khắp nơi. Người thật lòng muốn tránh né đôi khi còn bị vấp ngã hướng hồ là kẻ không hề tránh né. Họ lao vào khoái lạc trần gian và mãi mãi chìm đắm vào đó để bị dày vò, dần vật, xao xuyến, bất an. Tắm

huy chương của khoái lạc, cuối cùng, mặt trái của nó vẫn là đau khổ, ràng buộc. Chính vì thấy bản chất của trò vui thế gian nên các tôn giáo có chiều sâu tâm linh đều đưa ra nhiều giới răn để ngăn cản tu sĩ hưởng thụ hầu giữ được sự vô nhiễm quý giá. Mỗi người chúng ta đều phải tự xét nét, giữ mình trong sạch vì thời đại hôm nay, sự cám dỗ quá nhiều, những tiêu chuẩn giới luật cũ không còn đủ để ngăn cấm nữa. Chúng ta phải tự lập cho mình một tiêu chuẩn mới, một hệ thống mới, để hoàn thành giới hạnh, điều chủ yếu là thoát khỏi sự cám dỗ chung quanh. Vô số những đức hạnh làm NHÂN cho vô ngã, trợ duyên cho quá trình tu tập trong hiện tại mà những ai hướng tới sự giải thoát đều phải tự trang bị cho chính mình. Một vài đức hạnh nêu ra nơi đây chỉ là sự gợi ý nhỏ bé. Mỗi người phải tự thấp đuốc trí tuệ để sáng tạo từng giây phút thành muôn nghìn tế hạnh. Và chính những đức hạnh trong hiện tại này là nhân tố quan trọng đưa hành giả bay cao vào bầu trời

giải thoát mai sau.

5. TU TẬP THIỀN ĐỊNH

Bao nhiêu công đức từ quá khứ, tâm nguyện cho vị lai và đức hạnh trong hiện tại sẽ không bao giờ đưa đến giải thoát nếu thiếu một công hạnh cuối cùng, đó là thiền định. Thiền định là bước đi cuối cùng để mọi người đạt được giải thoát. Mỗi một sự tiến bộ trong công phu thiền định chính là một phần của sự giải thoát hiển lộ. Khi công phu thiền định được hoàn thành viên mãn cũng là lúc hành giả đạt được giải thoát rốt ráo.

Trong phạm vi của luận bản này, chúng tôi không đủ thì giờ nói chi tiết về công phu thiền định chỉ nêu ra một số khái niệm căn bản để đánh giá rằng thiền định là nhân duyên cuối cùng để kết trái giải thoát.

Hầu hết các giáo phái của Đông phương đều lấy sự định tâm làm tông chỉ, tức là lấy sự nghiệp tu tập thiền định làm pháp môn cốt lõi. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kỹ bên trong, chúng ta sẽ thấy sự sai biệt hiện ra trùng điệp. Ai cũng đề cao sự định

tâm, nhưng phương pháp để định tâm và mục đích của sự định tâm lại khác nhau rất xa.

Có những giáo phái chủ trương tu tập thiền định để xuất hồn vân du các cõi. Có giáo phái chủ trương đạt được thần thông phép lạ. Có giáo phái đi tìm sự trường xuân của hình hài. Ngay cả các thầy bùa, thầy ngãi, thầy bói,... cũng cần có sức định để tăng hiệu quả công việc của mình.

Thầy bói mà thiếu trực giác, chỉ dựa vào lý số, quẻ toán sẽ bói không hay. Thật vậy, khi đã có sức định ở nội tâm rồi, họ sẽ bói hay hơn vì năng lực tâm linh có tính chủ quan triệt để, luôn luôn khởi tác dụng theo ý muốn của con người.

Đối với đạo Phật sức định được dùng để đi đến giải thoát, vậy mà các tông phái của đạo Phật vẫn có những sắc thái khác nhau rất nhiều, đôi khi dường như mâu thuẫn lẫn nhau. Như Tịnh Độ Tông dùng câu niệm Phật để định tâm với mục đích vãng sinh về nước cực lạc của Phật ADỊĐÀ. Mật tông dùng câu thần chú để định tâm với

mục đích đạt được quyền năng màu nhiệm. Thiên tông chủ trương kiến tánh đốn ngộ rồi nương theo sức ngộ để vào định và được trí tuệ. Nếu được hỏi về mục đích giải thoát nằm ở chỗ nào thì các tông sư cũng đưa ra nhiều lý luận độc đáo để chứng tỏ rằng tông phái của họ không mâu thuẫn với lý tưởng giải thoát của đạo Phật, cuối cùng mọi người đều được giải thoát !

Ở đây chúng ta không đi sâu vào từng tông phái, chỉ đứng trên bình diện của luật Nghiệp Báo để nhận xét rằng muốn có kết quả giải thoát cần phải tu tập những công hạnh nào mà thôi.

Một công hạnh quan trọng để chuẩn bị sự thực hành thiên định là TRÍ TUỆ PHÁ CHẤP.

Trí tuệ phá chấp là khả năng nhìn vào thật tướng của vạn hữu để xem bản chất của nó có cái gì có bền chắc không, có cố định không, có thật hữu không. Kinh điển của Phật giáo đại thừa gọi khả năng này là trí bát Nhã.

Khi nhìn thẳng vào bản chất của vạn hữu, chúng ta ngạc nhiên khi thấy rằng tất cả đều vô thường, thay đổi, không cố định, trống rỗng, chỉ hiện hữu trên hình tượng và tên gọi mà không có thực thể. Những vật cụ thể như cái nhà, viên đá, cội hoa... đều tương đối, biến dị, hư rỗng. Những cái trừu tượng như không gian, thời gian, sự di chuyển... cũng chỉ là tương đối, không thật có. Toàn thể vũ trụ hiện bày như một giấc chiêm bao!

Hành giả nhìn ra được điều này nên lìa được mọi chấp trước, tâm không bám vào sự vật, sự việc, và dần dần đi vào tỉnh giác thanh tịnh thường xuyên. Mặc dù tâm có chuyển biến tốt nhưng hành giả vẫn thấy kẻ đang tu đang chuyển hóa, vẫn chỉ là người trong mộng tu pháp mộng mà thôi. Như vậy hành giả không chấp vào kết quả của mình (vô sở đắc), không ngã mạn vì thành quả tu tập của mình. Đây là điều rất cần thiết vì đa số hành giả tu thiền khi đạt được một số kết quả ban đầu, thường xuất hiện tâm trạng tự cao thậm kín bên

trong.

Giải thoát là siêu việt khỏi mọi chấp trước của ngã và pháp (chủ thể và đối tượng). Thế nên trí tuệ phá chấp là một nhân duyên quan trọng trong tiến trình đi đến giải thoát. Có lẽ vì tầm quan trọng đó mà bộ kinh Đại Bát Nhã của Phật giáo Bắc Tông dài ngót 600 quyển. Thiếu sự chuẩn bị của trí tuệ Bát Nhã để phá các kiến chấp tàng ẩn trong vô thức, khi sâu vào thiền định, các kiến chấp kia sẽ âm thầm phá rối công phu tu tập của chúng ta, bởi vì khi ý thức chìm lặng, vô thức sẽ hoạt động rất mạnh. Ví dụ từ lâu một vị sư mơ ước đắc được cái định có tên là Lăng Nghiêm tam muội (chấp danh) mơ ước có Thiên nữ mang hoa cõi trời đến cúng dường. Sư từ bỏ thành phố để về tu trên núi Cẩm Thất Sơn. Sư tinh tấn thiền định và đạt được nhiều kết quả tốt, có thể tọa thiền từ sáng sớm đến chiều tối. Nhưng rồi các mơ ước cũ trong vô thức chưa được dọn sạch, nên một lần trong cơn định, một ảo ảnh hiện ra. Sư thấy có Bồ

Tát đến xoa đầu khen sư đắc được Lăng Nghiêm tam muội. Sư thấy các thiên nữ mang hoa đến cúng dường. Một cô cầm vòng hoa đến tròng vào cổ sư siết chặt làm sư thất kinh. Từ đó sư mất bình tĩnh, nhân cách bị rối loạn và sau vài năm đi lang thang, cuối cùng sư tịch khi tuổi đời hãy còn trẻ.

Chính những công phu quán chiếu Bát nhã một cách sâu sắc (thậm thâm Bát nhã), toàn diện và miên mật nên hành giả gột rửa rất nhiều kiến chấp, tham vọng thàm kín còn ẩn núp trong vô thức. Đến khi sự tu tập thiền định có kết quả tốt, ý thức lắng yên, vô thức sẽ không khởi ra ảo ảnh để phá vỡ công phu đang tiến triển tốt.

Thiền định bao gồm hai phương pháp chính yếu: Chánh niệm và chánh định. Trước hết hành giả phải tập điều thân trong tư thế ngồi kiết già. Ngồi giữ thân bất động và mềm mại. Luôn luôn BIẾT RÕ khắp toàn thân đến từng ngón tay, ngón chân, thớ thịt. Nhẹ nhàng quán thân này là

vô thường hư ảo. Tập rất kỹ lưỡng vài tháng liên tiếp chứ không nên vội bước vào điều tâm quá sớm. Nếu công phu điều thân không thuần thục, về sau sẽ phát sinh nhiều trục trặc nguy hiểm. Phải ngồi bất động mà vẫn mềm mại được hơn nửa giờ rồi hãy tu chánh niệm kế tiếp. Sau này có nhập vào những mức thiền cao hơn, cái điều thân vẫn luôn luôn cần thiết. Chánh niệm là tâm tỉnh giác, thanh tịnh, rỗng rang thường xuyên trong mọi phút giây của cuộc sống. Tâm chánh niệm là tâm vô trụ, không bám vào một phương tiện nào, không nhiếp vào một đề mục nào, không trụ vào một đối tượng nào. Tuy không dùng phương tiện, nhưng hành giả vẫn khéo giữ tâm không loạn động, vẫn thường xuyên tỉnh giác không bị lầm theo vọng tưởng. Khi vọng tưởng vừa dấy khởi, lập tức cái tỉnh giác của nội tâm nhìn thấy rõ cái vọng tưởng (cái suy nghĩ) chỉ là đối tượng bên ngoài, không phải là thật ta. Do thấy rõ vọng tưởng chỉ là đối tượng hư dối bên ngoài nên hành giả không chú ý theo

vọng tưởng, không chạy theo vọng tưởng, không chìm trong vọng tưởng, không trôi miên man lang thang theo vọng tưởng, và như thế nên vọng tưởng mất sức mạnh, không thể tương tục kéo dài, đành phải tắt sớm. Rồi một vọng tưởng khác lại khởi lên, lại bị sức tỉnh giác vô trụ biết rõ và lại tắt nghỉ. Trong chánh niệm, cái biết và cái suy nghĩ được tách ra làm hai. Cái biết luôn luôn biết rõ cái suy nghĩ. Người có kinh nghiệm kiểm soát tâm sẽ thấy vọng tưởng khởi lên từ vùng não phía sau, do đó hành giả thường xuyên để ý ở vùng não phía sau để theo dõi tâm.

Thiền sư Quách Am với kinh nghiệm tu tập sâu dày đã vẽ 10 bức tranh chặn trâu để khéo léo diễn tả tiến trình tu tập chánh niệm này.

Ở bức tranh thứ nhất, hình chú bé đi về phía trước nhưng mặt quay ngược về phía sau tượng trưng cho sự điên đảo, chìm theo vọng tưởng.

Bức tranh thứ hai, hình chú bé nhìn thấy dấu chân trâu. Tượng trưng cho giai đoạn

mới tập tu, vọng tưởng đã đi qua khá xa, hành giả bị trôi theo một đoạn rồi mới thức tỉnh: “Chết cha, nầy giờ bị vọng tưởng gạt” !

Bức tranh thứ ba, hình chú bé nhìn thấy phần đuôi con trâu. Tượng trưng cho giai đoạn có tiến bộ một chút. Một ý niệm khởi lên, trôi qua một đoạn, nhưng đến cuối ý niệm hành giả mới tỉnh giác, tách cái biết và cái suy nghĩ ra. Cũng muộn mạt một phần.

Bức tranh thứ tư, hình chú bé cầm dây vàm, vất vả giữ con trâu lại, con trâu đã hiện nguyên hình từ đầu đến cuối. Tượng trưng cho giai đoạn khá hơn, hành giả hết sức cố gắng tỉnh giác thấy rõ từ đầu niệm đến cuối niệm, không còn bị chìm theo vọng tưởng nữa.

Bức tranh thứ năm, chú bé thông thả cầm dây vàm, nắm đầu trâu đi theo. Tượng trưng cho giai đoạn dụng công đã nhẹ nhàng, ý niệm vừa chớm khởi âm thầm, chưa thành lời, đã bị biết và chấm dứt. Sức tỉnh giác của nội tâm hành giả rất

sáng. Hành giả thấy tâm mình như chiếc thùng không đáy, vọng tưởng khởi rồi tự mất mà dường như hành giả không cần cố gắng nhiều. Sự dụng công rất nhẹ nhàng thanh thoi. Đức hạnh bắt đầu xuất hiện. Đây là giai đoạn phá được Năm triền cái. Bước tranh thứ sáu, hình chú bé ngồi trên lưng trâu ung dung thối sáo, tượng trưng cho giai đoạn không còn dụng công mà tâm vào định dần dần, vào định dần dần. Hành giả hoàn toàn làm chủ vọng tưởng. Chỉ khi nào có việc cần phải khởi ý sắp xếp thì sử dụng đến tâm niệm, còn ngoài ra vọng tưởng không khởi một cách thô lậu, chỉ còn những vọng tưởng rất tế nhị như bụi bặm nhỏ nhiệm nhưng bị sức tỉnh giác của tâm thường xuyên hóa giải dần. Đây là trạng thái chứng Sơ thiền.

Từ bước tranh thứ bảy trở đi là đã thuộc về chánh định, sẽ nói về sau.

Trong phương pháp chánh niệm này, hành giả chỉ thuần sử dụng một sự dụng công duy nhất là tách cái biết và cái suy nghĩ ra làm hai, cái biết thấy rõ vọng

tưởng là đối tượng hư dối bên ngoài, không chấp nhận cái suy nghĩ và thế là vọng tưởng không còn được cung cấp sức mạnh để có thể kéo dài, nó phải chấm dứt. Tâm hành giả không trụ vào một điểm nào, không dựa vào một phương tiện nào, thường xuyên tỉnh giác rỗng rang. Một số các thiền sư Trung Hoa gọi trạng thái này là chơn tâm, là ông chủ, là kiến tánh. Trong mọi phút giây của cuộc sống, hành giả thường xuyên miên mật giữ gìn trạng thái tỉnh giác như thế. Khi làm các công việc mặc dù chỉ lo giữ tâm, không màng đến công việc, nhưng hành giả rất khéo léo, làm việc rất chu đáo ít sơ sót vì không nghĩ ngợi lung tung. Không chăm chú vào công việc nhưng từng thao tác hiện ra rõ ràng vì tâm không vẫn vướng nghĩ các chuyện khác. Chỉ giữ cái gốc tâm thể mà tự nhiên không lơ đãng nơi việc làm. Việc làm rất cần trọng.

Khi bước đi, từng bước chân chạm đất như thế nào luôn luôn được biết rõ mặc dù hành giả chỉ lo giữ tâm chứ không chú

trương chú ý vào bước chân.

Có một số người kêu gọi làm việc gì phải chú ý vào công việc đó, là sai ! Nhiều người nghe lời khuyên này nên cắt lúa, cuốc đất, cưa cây gì cũng lo chú ý vào công việc. Tới đến tọa thiền, những hình ảnh làm việc trong ngày khởi lên chập chùng trước mặt bởi vì sự chú ý đã làm cho việc làm ghi đậm vào tâm.

Người tu chánh niệm chỉ lo giữ gốc tâm, không lo chú ý vào công việc nhưng công việc tự nhiên chu đáo kỳ lạ. Ở giai đoạn ban đầu khi còn phải chần trêu cực khổ, chỉ lo giữ gốc tâm, có khi hành giả bị xao lãng nơi việc làm. Nhưng đừng sợ, cứ lo giữ tâm. Đến khi tâm thuần thực, tự nhiên việc làm sẽ chu đáo hơn trước bội phần.

Phương pháp thứ hai là chánh định.

Chánh định là giai đoạn rất ráo cuối cùng trong Bát chánh đạo. Yêu cầu của chánh định gắt gao hơn chánh niệm. Nếu chánh niệm chỉ yêu cầu biết rõ vọng tưởng, tách cái biết khỏi vọng tưởng để không làm theo vọng tưởng thì yêu cầu của chánh

định là hoàn toàn không khởi vọng tưởng. Hành giả không được dẫn ép nhưng phải làm sao vừa nhẹ nhàng, vừa chăm chú, làm cho vọng tưởng hoàn toàn không khởi.

Chánh Niệm và Chánh Định luôn luôn hỗ trợ cho nhau.

Chánh niệm đòi hỏi phải tu trong từng phút giây của cuộc sống trong khi chánh định đòi hỏi phải tu trong tư thế kiết già.

Chánh niệm sử dụng tâm vô trụ, không phương tiện trong khi chánh định trụ tâm vào hơi thở, có sử dụng phương tiện.

Phương tiện trụ tâm trong hơi thở giúp cho sức nhiếp tâm mạnh hơn rõ rệt.

Chánh niệm giúp cho hành giả dễ vào chánh định và ngược lại, chánh định giúp cho hành giả thuận thực chánh niệm trong đời sống bình thường. Chánh niệm theo dõi tâm từ phía sau giúp hành giả hình thành được căn bản Đạo Đức ban đầu.

Chánh định an trụ hơi thở giúp hành giả đi sâu vào định. Hành giả phải tu tập chánh niệm kỹ lưỡng để tạo thành Đức hạnh làm

nền tảng cho suốt cuộc đời tu hành của mình, không được vội vàng đi sớm vào tu tập chánh định sẽ đổ vỡ về sau.

Với phương pháp chánh định hành giả có thể vượt khỏi Năm ấm trong thời gian ngắn hơn là sử dụng chánh niệm đơn thuần.

Trong phương pháp chánh định, hành giả phải tập điều thân trong tư thế kiết già. Phải làm sao cho thân ngồi bất động, không nhúc nhích nhưng vẫn nhẹ nhàng thoải mái và lưng không bị chùng xuống. Không một ngón tay hay một thớ thịt nào được nhúc nhích hay gồng cứng. Bất động và nhẹ nhàng. Khi điều thân, tự hành giả kiểm soát khắp châu thân, thường xuyên để ý ở thất lưng đừng để bị mỏi rồi chùng xuống, để ý ở hai vai có bị lệch hay không có thả đều nhẹ nhàng hay không, để ý từng bắp tay bắp chân, ngón tay có nhúc nhích hay gồng cứng hay không, mắt có nhìn xuống một chỗ hay còn lảo liên đảo tròn hay không. Hành giả phải kiểm soát được thân trong tư thế kiết già như

vậy suốt 30 phút mà hoàn toàn đạt đúng những yêu cầu như trên thì mới bắt đầu tập nhiếp tâm vào hơi thở để bắt đầu tu chánh định. Nếu công phu điều thân chưa vững vàng, về sau hành giả sẽ bị một số bệnh về thiền. Sau khi xả, hành giả xoa bóp khắp châu thân. Có thể kết hợp với phương pháp thở bụng để củng cố nội lực. Hít vào phình bụng ra; thở ra hóp bụng lại.

Sau một thời gian điều thân thuần thục, cái tỉnh giác trở nên mạnh mẽ tràn đầy. Hành giả bắt đầu tách được cái Biết và cái Suy nghĩ ra với nhau. Những ý nghĩ khởi lên liền bị phát hiện kịp thời và trở thành đối tượng hư ảo bên ngoài. Tâm luôn luôn tỉnh giác biết rõ vọng tưởng, không bị vọng tưởng lừa gạt dẫn đi lang thang nữa. Đây là thành tựu Chánh Niệm. Nhưng hành giả cần phải tiếp tục an trụ Chánh Niệm này lâu dài để đủ sức phá trừ Năm Triền Cái. Không nên vội vàng muốn nhiếp sâu vào định.

Khi đang an trụ Chánh Niệm, hành giả

phải khéo tác ý trừ diệt ái dục, trừ diệt sân hận, trừ diệt kiêu mạn. Đừng nghĩ rằng khởi tác ý là động tâm. Những tác ý chân chính hỗ trợ rất tốt cho việc tu hành lâu dài về sau. Phải khởi những tác ý chân chính để hóa giải những tập khí xấu còn tồn tại trong tâm mình.

Sau một thời gian dài an trụ Chánh Niệm và phá trừ các Triền Cái, sức mạnh của công phu Điều Thân vẫn tiếp tục tăng trưởng làm cho cái tỉnh giác, cái Biết sáng hơn trước kia bội phần. Vọng tưởng dường như không còn khởi. Lúc này, hơi thở hiện ra!

Tự nhiên hành giả Biết Rõ Hơi Thở từng chút một. Hơi thở vào, biết rõ hơi thở vào; hơi thở ra, biết rõ hơi thở ra; hơi thở dài, biết hơi thở dài; hơi thở ngắn, biết hơi thở ngắn...

Khi hơi thở vào, vẫn có cảm giác khắp toàn thân của công phu Điều Thân; khi hơi thở ra vẫn có cảm giác khắp toàn thân của công phu Điều thân. Trong kinh NIKAYA, Đức Phật dạy phép tu hơi thở như sau,

“cảm giác toàn thân tôi thở vào; cảm giác toàn thân tôi thở ra...” Hành giả phải luôn luôn nhẹ nhàng biết rõ toàn thân mình dù đang dụng công như thế nào. Cái biết rõ toàn thân tạo nên sức mạnh tinh thần giúp cho việc nhiếp tâm.

Càng biết rõ hơi thở chừng nào thì tâm càng đi sâu vào định chừng nấy.

Hành giả phải chủ động điều khiển hơi thở theo ý mình chứ không được để cho hơi thở tự do ra vào, tự do nhiều ít mạnh yếu. Hành giả phải điều khiển hơi thở dài hơn một chút, êm hơn một chút, sao cho chính mình cảm thấy sảng khoái dễ chịu, tâm có yên lặng rõ ràng theo từng hơi thở. Như vậy hơi thở với cường độ đó đã hợp với thể tạng của mình, cứ giữ hơi thở như thế mà tiến tu về sau.

Nếu hành giả không chủ động điều khiển hơi thở, về sau khi tâm bắt đầu vào định, hơi thở sẽ tự động dừng lại và hành giả đứng kẹt tại đó, không thể đi sâu vào các mức định khác nữa. Phải chủ động điều khiển hơi thở khi ra, khi vào, dài như thế

nào êm như thế nào hoàn toàn theo ý mình để giữ sự chủ động cho đến ngày viên mãn quá trình tu tập, không buông lơì hơi thở tự do.

Không nên nghe lời một số người cho rằng phải ráng hít thật đầy bụng, đầy phổi. Vì như vậy sẽ gây choáng. Chỉ cần hơi thở dài hơn một chút, êm hơn một chút sao cho mình thấy rõ hơi thở đó làm cho thân mình dễ chịu, tâm mình yên lắng đó là hơi thở phù hợp với thể tạng của chính mình, không bắt chước ai hết.

Ở đây không có sự đè nén vọng tưởng, không có sự trừ diệt vọng tưởng, chỉ là khi chú tâm biết rõ hơi thở, điều khiển hơi thở, tự động vọng tưởng không khởi. Đây là bí quyết quan trọng.

Các nhà tâm thần kinh cũng xác nhận điểm này rằng, khi thần kinh thở trong trạng thái tập trung hưng phấn thì các vùng thần kinh khác đi vào trạng thái yên nghỉ.

Ý nghĩa của chánh định là hoàn toàn không khởi vọng tưởng trong khi nhiếp

vào hơi thở.

Phạm vi tác phẩm này không cho phép chúng tôi đi quá sâu vào công phu thiền định. Trên đây là những nét căn bản để gieo duyên cho những ai muốn tạo nghiệp nhân xuất thế gian, vì thiền định là nhân duyên cuối cùng, giống như trái trên cây còn cần một chút dinh dưỡng, ánh nắng để chín rục. Thiếu công phu thiền định, dù đã tạo phước rất nhiều, một người vẫn không thể giải thoát.

6. Ý NGHĨA TÍCH CỰC CỦA SỰ GIẢI THOÁT

Một số tín đồ các tôn giáo Tây phương đã công kích rằng đường lối của đạo Phật là ích kỷ, vì chỉ đi tìm sự giải thoát cho chính mình, trong khi tôn giáo của họ tích cực triệt để hoạt động từ thiện để cứu giúp mọi người.

Lời phê phán đó xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa của giải thoát.

Như phần trước đã nói, giải thoát có nhiều mức độ. Có khi một người được giải thoát khỏi thói hư tật xấu. Có khi một người được giải thoát khỏi những vọng tưởng thô lậu. Có khi một người giải thoát khỏi ý thức để thể nhập vô thức. Hoặc có người giải thoát khỏi vô thức để thể nhập Bản Thể Tuyệt Đối.

Dù cho người đó được giải thoát ở mức độ thấp hay mức độ cao, bản thân họ vẫn có lợi ích và mọi người chung quanh cũng có lợi ích lây. Chỉ cần một người bỏ được một số thói quen nóng nảy, ích kỷ, trở nên hiền lành vị tha thì không cần phải nói nhiều, những người chung quanh cũng thở phào nhẹ nhõm. Đó là chưa nói đến người giải thoát hẳn ngã chấp, chứng đạt Bản Thể, hoàn toàn vô ngã, từ đây tất cả mọi bóng dáng ích kỷ đều biến mất, chỉ còn tâm đại bi trùm phủ thương yêu mọi người. Lúc đó họ dần thân vào cuộc đời

để làm lợi ích cho mọi người mà không còn ngăn ngại, không còn sợ khó sợ khổ. Họ thường xuyên yêu cả người tốt lẫn người xấu, họ bình thản trước vinh quang cũng như trước nghịch cảnh.

Không bao giờ có hành vi từ thiện hoàn hảo nếu một người chưa thoát ngã chấp. Có thể họ cũng tích cực hoạt động từ thiện, nhưng vì còn ngã chấp, họ vẫn còn áp ủ một ước mơ thầm kín cho tự kỷ. Có thể đó là một danh tiếng, một sự đền bù, hoặc một sự ban ơn của thần linh. Bản ngã luôn luôn đòi hỏi một quyền lợi trở lại cho chính nó. Đôi khi với lý luận tinh tế, người ta cũng chứng tỏ hành vi từ thiện của mình là vô vụ lợi, là lòng vị tha bác ái. Nhưng một khi ngã chấp chưa hết, hành vi đó vẫn dấu diếm một sự lừa gạt của bản ngã. Bản ngã lừa gạt chúng ta trong từng giờ phút mặc dù nó được che đậy rất kỹ bằng nhiều chiêu bài tốt đẹp bên ngoài.

Nó tương tự như câu chuyện sau này. Một viên chức nhà nước phê chuẩn cho phép thực hiện thi công một nhà hát cao cấp với lý do để phục vụ sinh hoạt văn hóa vui chơi cho nhân dân. Kỳ thực, khi được trúng thầu để thi công, nhà thầu đã phải lót tay cho ông quan nọ một số tiền rất lớn. Chiêu bài đưa ra là phục vụ văn hóa cho dân chúng, nhưng động cơ thực sự là khoản hối lộ cho cá nhân của ông quan. Cũng vậy, nếu xét thật kỹ động cơ thật sự của việc làm từ thiện, đôi khi chúng ta giật mình vì rõ ràng bản ngã vẫn mấp mòi ngạo nghễ. Nó vẫn có một cái lợi gì đó. Tuy nhiên, chúng ta không thể đòi hỏi ai cũng phải diệt sạch chấp ngã rồi mới làm việc từ thiện, vì xét cho cùng, việc làm từ thiện và việc trừ diệt ngã chấp hỗ trợ lẫn cho nhau. Nhờ biết diệt trừ chấp ngã, việc làm từ thiện sẽ hoàn hảo hơn và ngược lại, nhờ việc làm từ thiện mà chấp ngã

mau chóng được trừ diệt hơn. Chỉ có những người thiên lệch một chiều mới là đáng trách. Hoặc họ chỉ biết nói là diệt trừ ngã chấp mà không bao giờ chịu làm lợi ích cho ai. Hoặc họ chỉ biết làm việc từ thiện mà không bao giờ biết quay lại để diệt trừ chấp ngã.

Mẫu người lý tưởng là người vừa biết tu tập để hóa giải bản ngã, vừa biết làm việc từ thiện. Hai khía cạnh đó là đôi cánh đưa chúng ta bay đến mặt trời chân lý. Thiếu một bên, chân lý chỉ là ước mơ suông.

Chúa Jésus phán một ẩn dụ.

“Như một hạt giống rơi xuống đất, nếu nó không bị nát vỡ ra, mầm cây sẽ không mọc. Nếu nó nát vỡ ra, mầm cây sẽ nảy nở.”

Khi bản ngã nát vỡ ra, chân lý sẽ xuất hiện. Nếu bản ngã không nát vỡ, chân lý sẽ dấu mặt.

Nhiều người làm tưởng rằng kẻ giải thoát

là kẻ coi như vắng mặt khỏi trần thế bụi bặm này. Họ không thể cảm nhận được rằng Bản Thể Tuyệt Đối là sự cảm ứng tuyệt đối với tất cả mọi người, với tất cả vạn hữu. Bậc giải thoát đã chan hòa để trở thành tất cả mọi người, thường xuyên cảm ứng và áp ủ mọi người trong lòng từ bi vô hạn của mình. Tuy nhiên không phải vì thương yêu mọi người mà bậc giải thoát trở thành một vị thần linh chuyên đáp ứng những nhu cầu vị kỷ của mọi người.

Luật Nghiệp Báo vẫn là chân lý tối hậu chi phối tất cả, con người phải thực sự là thượng đế của chính mình trong việc tạo cho mình một đời sống tốt đẹp bằng cách tu tạo phước và đức. Không ai có thể đem lại cho mình hạnh phúc ngoài chính mình. Chỉ có chính mình bằng cách tạo ra nhiều nghiệp phước, bằng cách đem niềm vui đến cho mọi người, mới làm cho mình trở lên an vui hạnh lạc.

Sự thương yêu và gia hộ của bậc giải thoát chỉ có tính cách hộ trợ mà thôi, vai trò trách nhiệm chính vẫn thuộc về trách nhiệm của mọi người.

7. TU SĨ

Có một số tôn giáo hoàn toàn không có giới tu sĩ chuyên biệt như Hồi giáo, Khổng giáo, Cao Đài giáo... Tất cả các tín đồ đều như nhau, vẫn sống đời sống bình thường với gia đình, trong đó một vài người được cử ra, nhận thêm trách nhiệm trong việc cúng lễ, giữ gìn đền thờ. Còn một số tôn giáo khác thì có tổ chức một hệ thống tu sĩ chuyên biệt, thoát ly gia đình, sống chan hòa trong khuôn khổ để dành trọn đời đi theo lý tưởng của đạo như đạo Phật, đạo Thiên Chúa...

Đối với tôn giáo có tổ chức hệ thống tu sĩ, thì vai trò của tu sĩ khá quan trọng trong việc duy trì tổ chức tôn giáo, giảng dạy

giáo lý và nêu gương lành cho các tín hữu. Và để đáp lại, tu sĩ luôn luôn nhận được sự quý mến giúp đỡ rất nồng nhiệt của tín đồ.

Ở đây chúng ta không đề cập đến hạng người đi tu vì mong muốn hưởng thụ sự cung kính giúp đỡ của tín hữu. Chúng ta chỉ nói đến nghiệp duyên nào đã khiến cho một người phải trở thành tu sĩ mà thôi.

Điều hiển nhiên là đời sống tu sĩ giúp cho vị này thuận tiện trong việc tu hành hơn là đời sống tại gia. Người tu sĩ hầu như chỉ sống nhờ vào sự giúp đỡ của tín hữu, không bận tâm về sinh kế nên có khá nhiều thời giờ dành cho đạo. Với điều kiện thuận tiện như vậy, người tu sĩ sống nghiêm trì giới luật, nghiên cứu giáo điển, thực hành tâm linh để trở thành tấm gương sáng chói giữa cuộc đời làm chỗ dựa cho các tín hữu. Người tín hữu tại gia cảm thấy kính trọng một vị tu sĩ như vậy

nên không hề tiếc rẽ trong việc giúp đỡ cúng dường vị đó.

Hầu như vai trò của tu sĩ được đề cao quá mức đến độ trở thành thiêng liêng thần thánh. Các tín đồ dễ tin thì cúi đầu vâng phục không thắc mắc. Các tín đồ đa nghi thì xét lại phẩm giá từng vị. Còn những người vô thần thì công kích tối đa.

Có một số tu sĩ, do phước đời trước nên hiện diện tại một xứ sở mà người tín đồ ở đó trọn lòng tin kính và vị này sống suốt một đời tu sĩ đầy đủ, sung túc.

Có vị, do nghiệp đời trước đã từng gây khó khăn cho người tu, nên đời này cảm quả báo làm tu sĩ tại một xứ sở chính quyền và dân bản xứ có ác cảm với tôn giáo khiến cho đời sống tu hành không được thoải mái.

Nhưng để được làm tu sĩ, một người trong quá khứ phải đã từng biết kính trọng tu sĩ. Có kính trọng và giúp đỡ người tu, chúng

ta mới gieo nghiệp nhân trở thành tu sĩ mai sau. Một số người hiểu đạo, hiểu thiền cũng muốn đứng vào vị trí tu sĩ, nhưng chưa gieo nhân đủ để làm tu sĩ lâu dài nên cuối cùng dù có được xuất gia, vẫn phải gặp trở ngại để quay lại với hình thức tại gia cư sĩ. Phước làm tăng của họ quá ít, không đủ kéo dài suốt đời còn lại.

Người làm tu sĩ lâu hay mau là do phước làm tăng của họ đã gieo đời trước nhiều hay ít. Có người đức hạnh cũng tốt, nhưng đời trước gieo phước làm tăng quá mỏng nên đời này không đủ để đi trọn đời. Trái lại, có người đức hạnh khiếm khuyết nhưng đời trước đã gieo phước làm tăng rất nhiều nên đời nay vẫn ung dung làm tu sĩ hết kiếp.

Trong “Tưởng Lão Tăng Kệ” có kể chuyện Tôn giả Sumangala hoàn tục bảy lần trước khi chứng Alahán. Nguyên nhân được tìm thấy là trong một tiền kiếp xa xưa, tôn giả

đã khuyến khích một tôn giả hoàn tục khi huynh đệ đó đang buồn nản. Như vậy, sự trợ duyên khuyến khích cho người khác đi tu, cũng là cách gieo phước làm tăng, và ngược lại, sự cản trở chống đối việc xuất gia của người khác cũng làm cho mình mất phước làm tăng.

Tuy nhiên, việc này không thể nhìn một chiều. Chúng ta phải chín chắn khuyến khích một người đi tu khi thấy người đó có khả năng trở thành một tu sĩ chân chính mẫu mực, đủ sức để làm rạng danh cho Phật pháp. Được như vậy phước của chúng ta rất lớn. Còn những người không thể làm tu sĩ chân chính, hãy khuyến khích họ tập tu trong hoàn cảnh tại gia cư sĩ để chuẩn bị thêm. Đừng rủ rê lôi kéo họ vào vị trí tu sĩ một cách nông nổi vội vàng để rồi họ trở thành kẻ phá đạo, làm mất tín tâm của mọi người, và phước của người rủ rê cũng tổn giảm trầm trọng.

Hãy làm sao cho trong đạo pháp, thà ít tu sĩ, nhưng là những tu sĩ chân chính cao thượng, hơn là nhiều mà tạp nhạp lôi thôi. Khi một người đã đứng vào vị trí tu sĩ đương nhiên họ nhận được sự kính trọng và giúp đỡ của các tín đồ. Họ đang hưởng những cái phước mà đã từng gieo trong quá khứ. Nếu họ không tạo phước tiếp tục, phước cũ sẽ hết. Hoặc là phước đó hết quá sớm, họ phải hoàn tục trong kiếp này. Hoặc là phước đó hết muộn, họ phải trở lại làm cư sĩ tại gia ở kiếp sau và phải làm lụng vất vả để đền bù sự thụ hưởng ở kiếp trước.

Nhưng cách tạo phước của người tu sĩ có khác với người tại gia. Người tu sĩ không cần phải làm kinh tế kiếm tiền để bố thí cúng dường, vì chuyện đó thuộc về lãnh vực của cư sĩ. Người tu sĩ cần phải sống với giới hạnh đẹp đẽ, thông suốt giáo lý, đạt được tâm chứng sâu xa, và cuối cùng

là tuyên giảng giáo pháp cho mọi người. Chính việc rao giảng giáo pháp mới là công đức quan trọng của người tu sĩ. Nó chuyển hóa tâm hồn của mọi người trở nên thánh thiện đạo đức. Ích lợi của nó còn lớn hơn sự bố thí cúng dường tài vật. Với một số tiền, người ta có thể sống qua một thời gian rồi hết. Nhưng khi hạt giống đạo đức đã gieo vào tâm hồn họ rồi thì nó sẽ nảy nở mãi từ kiếp này sang kiếp khác. Với đạo đức đó họ sẽ làm được nhiều việc thiện và hạnh phúc tràn ngập cuộc đời họ. Hơn nữa, giáo pháp còn dạy họ hướng về giải thoát giác ngộ. Đây mới là nguồn hạnh phúc an lạc vĩnh hằng tuyệt đối. Công đức của vị thầy truyền bá giáo lý giải thoát là vô lượng vô biên, không bút mực nào tính kể hết được

CHƯƠNG 8

CHUYỂN NGHIỆP

Một khi đứa bé vừa lọt lòng mẹ, nó đã được đặt vào định mệnh do chính nó tạo ra từ kiếp trước. Chúng ta dùng “định mệnh” nghe có vẻ nặng nề; kỳ thực sự tình cũng không khác bao nhiêu. Đây là một định mệnh không do thần linh áp đặt mà do chính mỗi người tự tạo lấy cho mình.

Với những nghiệp đã hình thành, chúng ta bị sức mạnh của nghiệp cuốn trôi khó cưỡng lại nổi. Phải nhìn nhận rằng sự tự do của chúng ta trong việc định hướng cuộc đời mình rất là ít ỏi. Mọi sự dường như đã được an bài. Ở phần trước chúng ta đã đưa ra thang giá trị tượng trưng có ý nghĩa Định và Bất định của nghiệp, trong đó hoàn cảnh được qui định hầu như 100%, hành động được qui định 70%, chỉ còn 30% để chúng ta còn cân nhắc lần

cuối. Chỉ có trong tư tưởng, sự qui định của nghiệp là 50%, còn 50% để chúng ta tự do chọn lựa tư tưởng tốt xấu mà suy nghĩ.

Hiểu được điều này chúng ta có một nhân sinh quan khá ổn định, không bận tâm nhiều về sự may rủi thành bại trong đời.

Điều đáng cho chúng ta phải bận tâm là giữ vững được 50% tự do trong tư tưởng để chiến thắng hẳn 50% tập khí để lại.

Chúng ta phải bắt đầu chuyển nghiệp bằng cách chuyển hóa nội tâm mình trước đã, rồi hành động và hoàn cảnh sẽ dần dần thay đổi theo sau.

Từ nhiều kiếp, tâm ta tích lũy những khuynh hướng vị kỷ, tham lam, thù hận, đố kỵ, hơn thua, kiêu kỳ... Bây giờ những khuynh hướng đó vẫn còn tồn đọng và luôn luôn thôi thúc lập lại trong hiện tại. Nếu chúng ta dễ dãi buông thả, những khuynh hướng cũ sẽ chiếm ưu thế và kéo

chúng ta mãi mãi vào tối tăm tội lỗi. Nhưng điều may mắn là trong tư tưởng, sức mạnh của khuynh hướng quá khứ chỉ có 50%. Chúng ta còn 50% để cưỡng lại, để tạo cho mình một khuynh hướng đạo đức mới, chiến thắng hẳn những khuynh hướng vô minh từ trước.

Muốn chuyển hóa nội tâm mình trước hết chúng ta phải tìm đọc nhiều về cuộc đời của những bậc hiền thánh khắp Đông Tây kim cổ. Cuộc đời cao cả của những vị đó sẽ gợi ý cho ta nhiều điều hay lẽ phải để suy nghĩ. Chính những điều đáng suy nghĩ đó là khởi điểm của công cuộc chuyển hóa nội tâm. Ví dụ, khi chiếm được xứ Syrie, Đại đế Alexandre le Grande nghe danh nhà hiền triết Diogène, Nhà hiền triết này không có một tài sản nào ngoài một cái bát để uống nước. Ông ngủ trong một cái thùng gỗ ở ven đường. Khi Alexandre le Grande cùng với tùy tùng đến thì Diogène

đang phơi nắng buổi sáng. Ông bình thản ngồi phơi nắng mặc dù trước mắt ông là một hoàng đế chinh phục cả phần lớn đất đai từ Hy Lạp sang Ấn Độ. Thái độ bình thản của Diogène làm cho Alexandre le Grande phải nể phục và hỏi ông có mong muốn điều gì.

“Có” Diogène đáp “Tôi mong muốn ngày hãy làm ơn tránh ra xa một bên đừng che khuất ánh nắng mặt trời mà tôi đang phơi.”

Alexandre quay lại nói với tùy tùng :

“Nếu ta không là Alexandre, ta sẽ là Diogène.”

Về sau Diogène chết bằng cách nhập định, dùng hơi thở lại.

Có bao nhiêu điều đáng cho chúng ta phân tích suy gẫm từ câu chuyện trên đây ? Chúng ta so sánh mình còn bao nhiêu điều kém cỏi cần phải sửa đổi.

Hoặc một câu chuyện khác. Nhiều nhà hoạt động xã hội chủ trương rằng muốn

cải cách ruộng đất, muốn san bằng bớt tài sản sở hữu của mọi người thì cần phải dùng đến bạo lực. Nhưng nhà hiền triết Vinoba-Ấn Độ đã chủ trương dùng tình thương để cải cách tình trạng này. Ông đi bộ với manh áo đơn sơ, cầm chiếc đèn lồng từ vùng này đến vùng khác. Ông đến gặp các địa chủ tại đây, và với gương mặt hiền lành phúc hậu, với ánh mắt từ ái yêu thương, với cử chỉ lễ độ từ tốn Ông đã gây một ấn tượng tốt đẹp với chủ nhà. Ông nói nhiều về sự cực khổ của các nông dân phải vất vả làm lụng nhưng không bao giờ đủ ăn, vì không có đất đai sở hữu, phải làm thuê, làm mướn, đóng địa tô. Ông kêu gọi lòng trắc ẩn của các địa chủ, ông dùng đến tín ngưỡng với sự chứng giám của ơn trên. Cuối cùng ông nói:

“Thưa ông, ông có sáu người con. Xin ông hãy xem tôi như người con thứ bảy và cho tôi bớt một phần đất của ông để tôi chia lại

những nông dân nghèo khổ ở đây!”
Với phương pháp này ông đã xin được từ các địa chủ rất nhiều đất đai. Ông gọi những nông dân tại đó đến và chia cho họ. Rồi ông lại lên đường đi đến nơi khác. Có bao nhiêu điều đáng cho chúng ta suy gẫm từ câu chuyện trên đây. Phải chăng tình thương sẽ chuyển hóa thế giới hiệu quả hơn là bạo lực ?
Còn bản thân chúng ta có một phần tâm từ ái nào giống như ngài Vinoba chưa? Chung quanh chúng ta có bao nhiêu chuyện đau lòng, bất công, và bao giờ chúng ta cũng dùng tâm thương yêu, sức kiên nhẫn của mình để hóa giải chưa ?
Hoặc một câu chuyện khác. Mạc Đĩnh Chi tuy làm Trạng Nguyên cả hai nước nhưng rất nghèo vì thanh liêm. Vua Trần Minh Tông biết chuyện nên sai người nửa đêm đến lén để trước nhà ông một túi vàng. Sáng ra nhặt được, ông lại đem trình với

vua. Vua cười bảo nếu không biết của ai thì vua cho phép sử dụng.

Đúng là thời nào cũng vậy, làm quan mà sống vồn vẹn với đồng lương của mình thì không thể giàu được. Nhưng giữ được sự thanh liêm cao độ như Mạc Đĩnh Chi thì có mấy người. Nếu chúng ta đứng ở địa vị của ông, liệu chúng ta có giữ được sự liêm khiết như vậy chăng ?

Vô số câu chuyện của các bậc hiền thánh đáng để cho chúng ta suy gẫm và soi rọi lại cuộc đời của mình. Chính những giây phút suy gẫm và soi rọi lại cuộc đời của mình, Chính những giây phút suy tư về đời sống và các lời nói của danh nhân là bước đầu để chuyển hóa nội tâm của ta, để ta thắng lướt hoàn toàn 50% tập khí xấu xa còn âm thầm đọng lại. Và sự chuyển hoá nội tâm là nền tảng vững chắc cho sự chuyển nghiệp kế tiếp.

Nhiều người nhận thấy cuộc đời của mình

kém may mắn, thường gặp trái ý nghịch lòng. Do có tin hiểu Luật Nhân Quả Nghiệp Báo nên họ công nhận rằng từ những kiếp trước họ ít biết làm phước và có lẽ họ tạo nhiều nghiệp bất thiện. Họ khát khao muốn chuyển nghiệp. Nhưng họ không biết chuyển nghiệp từ căn bản nội tâm. Họ vội vã lo đi các đền chùa cầu nguyện sự gia bị của thần thánh. Họ cúng món tiền nhỏ và mong được mối lợi gấp bội phần. Hoặc họ cũng chịu khó làm việc phước như đắp đường, đào giếng công cộng, góp tiền in kinh... Nhưng dù làm rất nhiều việc thiện, nội tâm tham lam ích kỷ vẫn còn nguyên vẹn. Họ làm việc thiện vì quả báo cho chính họ chứ không phải tình thương yêu đối với mọi người. Họ xây lâu đài phước thiện trên bãi cát vì nó không xuất phát từ nội tâm thuần thiện cao cả. Đời sau họ sẽ là người gặp nhiều may mắn, nhưng bản chất ích kỷ tham lam vẫn

hiện diện đồng thời. Rồi chính bản chất ích kỷ tham lam sẽ thúc đẩy họ làm các nghiệp bất thiện khác.

Người biết chuyển nghiệp phải biết chuyển hóa từ nội tâm trước đã. Sau đó hành động sẽ chuyển theo.

Như đã nói, những việc làm của chúng ta đã được quyết định hết 70% từ kiếp trước, chỉ còn 30% là bất định. Vào thời gian nào ta sẽ xây một ngôi nhà, vào lúc nào ta sẽ tạo một việc thiện, lúc nào sẽ tạo ác. Gặp ai ta sẽ giúp đỡ, gặp ai ta sẽ mưu hại...

Tất cả điều đó dường như đã an bài hết 70%. Nhưng nếu nội tâm ta được chuyển hóa mạnh mẽ, đã thắng lướt 50% tập khí cũ, ta đã hoàn toàn tự do giữ vững tư tưởng thánh thiện trong lòng mình, thì chúng ta sẽ đủ sức mạnh để củng cố lại sự an bài 70% của hành động. Chúng ta sẽ đủ sức mạnh để sử dụng 30% bất định còn lại để chọn hành động khôn ngoan

nhất, hợp lý nhất và đạo đức nhất.
Ví dụ gặp ông Thành, do túc duyên oan trái đời trước, lẽ ra ông Hải sẽ tìm cách trừ dập, công kích vì tự nhiên ông Hải cảm thấy ác cảm kỳ lạ. Nhưng vì ông Hải đã thuần thực trong việc chuyển hóa nội tâm nên khi từ trong vô thức ra lệnh thúc đẩy ông ta mưu hại ông Thành, ông đã nhanh chóng trừ diệt những ý niệm bất thiện đó. Nghiệp thúc đẩy chúng ta hành động tận trong vô thức, mà sức mạnh của vô thức rất vĩ đại. Thế nên hầu như chúng ta khó cưỡng lại sự an bài 70% của hành động được tạo bởi nghiệp đời trước. Chỉ khi nào chúng ta đã dùng ý chí tỉnh giác để huân tập những tư tưởng thiện thường xuyên. Rồi những tư tưởng thiện mới mẽ này được tích chứa trong Thức Am (xem Năm Am Là Gì) để dành đối phó với sự thúc đẩy bất thiện, lúc đó chúng ta mới không bị nghiệp thôi thúc làm việc bất thiện.

Ngoài ra, do nội tâm đã được chuyển hóa thuần thiện, chúng ta sẽ siêng năng tạo nhiều công đức, tác nhiều phước nghiệp. Những công đức đó như khuyến khích mọi người tu dưỡng đạo đức, giúp người nghèo khổ, an ủi người buồn rầu... và một khi quá nhiều phước nghiệp được tác thành, không những nó đủ khả năng tạo ra một kiếp sống tràn đầy tốt đẹp ở vị lai, mà ngay trong hiện tại, nó cũng đủ sức làm thay đổi một phần hoàn cảnh, mặc dù dường như hoàn cảnh đã được quy định 100%.

Ví dụ nghiệp đã quy định ông Tám sẽ bị cháy nhà vào năm tới. Nhưng trước đó ba năm ông đã tạo được nhiều thiện nghiệp. Đến thời điểm phải cháy nhà, lửa cũng đã bốc lên, nhưng đã được dập tắt rất sớm khiến cho ông không bị thiệt hại nhiều. Những thiện nghiệp của ông đã chuyển đi một phần hoàn cảnh trong kiếp hiện tại và

còn để dành cho ông nhiều may mắn ở kiếp sau.

Như đã nói, tất cả quả báo đều đã được sắp đặt từ trong Bản Thể. Luật Nghiệp Báo tận trong Bản Thể giống như một máy siêu điện toán đã phối hợp tất cả nghiệp nhân của mỗi người và đã hình thành xong quả báo về sau. Tuy nhiên do được cung cấp thêm nhiều thiện nghiệp mới tạo trong hiện tại nên đáp số đã bị biến dạng. Lẽ ra ba cộng với năm sẽ là tám, nhưng vì bất ngờ người ta đã đưa vài con số chen vào nên kết quả đã khác lúc trước. Không còn là tám nữa mà là hai mươi.

Nghe nói như vậy, nhiều người sẽ cho rằng vậy thì trong thang giá trị, hoàn cảnh được quy định 100 % không còn đúng nữa rồi.

Vâng, không còn đúng với người biết tin hiểu luật Nghiệp Báo, thiết tha muốn chuyển nghiệp, và biết chuyển hóa bất

đầu từ nội tâm của mình. Ngoài ra với tất cả mọi người khác. Hoàn cảnh được qui định 100 %, không ai có tài gì thay đổi được, dù đó là thiên tài Khổng minh Gia Cát Lượng.

Tuy nhiên, người ta chỉ chuyển được một số chi tiết chứ không thể chuyển toàn bộ nét chính của hoàn cảnh. Ví dụ nhà ông Tám phải bị cháy, đó là nét chính. Còn cháy nhiều hay ít là do ông có chuyển được nghiệp hay không. Ví dụ, anh Sáu phải bị tai nạn xe. Đó là nét chính, còn tai nạn nặng hay nhẹ là do anh có chuyển được nghiệp hay không.

Cái sườn chính, cái nét đại cương về hoàn cảnh của cuộc đời như những khi gặp may, những khi gặp rủi, khi thăng chức, giáng chức, chọn nghề, đổi nghề, đối tượng hôn nhân, những người con sẽ sinh vào gia đình ta, những bạn bè tốt xấu, các thời kỳ thăng trầm... đã được an bài

sẵn bởi nghiệp nhân của nhiều đời trước chứ không phải ngẫu nhiên của đời này. Vì hoàn cảnh của đời này là hệ quả tích lũy của nhiều đời trước nên nó dường như cố định, rất khó thay đổi. Dù chúng ta có tạo phước rất nhiều, nó cũng chỉ thay đổi một số chi tiết phụ thuộc mà thôi, còn những nét chính vẫn lạng lẽ đi theo sự quy định của nghiệp.

Nếu một người có ý muốn chuyển đổi hoàn cảnh nên đã tạo phước như bố thí viện mồ côi, bố thí người nghèo, người bệnh, in kinh,... Thì chỉ có khoảng 1/5 phước đó ảnh hưởng vào hoàn cảnh hiện tại, còn 4/5 phước đó để dành qua kiếp sau. 1/5 phước đó làm cho các bệnh tật, tai nạn được giảm một chút, chứ không thể xóa hết hoàn toàn Nghiệp Báo cũ. Cành cây vẫn phải rớt xuống khi ông Năm đi ngang qua. Nhưng thay vì nó rớt trúng đầu để làm ông chấn thương sọ não, nó

chỉ rớt trứng tay ông làm ông bị sưng một tháng mà thôi, chỉ vì trước đó ông có mua chim phóng sanh rất nhiều. Quả báo cứ vẫn phải hiện ra để báo cho chúng ta biết rằng chúng ta đã từng làm một ác nghiệp hay thiện nghiệp trong quá khứ. Nếu chúng ta không chuyển nghiệp, quả báo sẽ hiện ra nguyên vẹn, xứng đáng với nghiệp nhân mà chúng ta đã gây ra. Nếu chúng ta đã tạo phước chuyển nghiệp, nó sẽ hiện ra với mức độ nhẹ hơn. Nhưng nó phải hiện ra, không bao giờ bị xóa mất hoàn toàn, để báo cho chúng ta biết những gì chúng ta đã làm trong quá khứ. Như vậy trong tiến trình chuyển nghiệp, chúng ta phải chuyển hóa nội tâm làm căn bản để thắng lướt 50% tập khí cũ. Khi nội tâm đã thuần thiện, chúng ta mới đủ sức thắng luôn sự thôi thúc 70% của nghiệp quá khứ buộc chúng ta phải hành động một cách thiếu đạo đức. Khi hành động đã

được kiểm soát kỹ lưỡng, chỉ còn có hành vi thiện chứ không còn có hành vi ác, thì hoàn cảnh sẽ thay đổi những nét chi tiết, tai nạn sẽ giảm nhẹ hơn, sự may mắn sẽ đến nhiều hơn. Còn nét chính của định mạng vẫn không thay đổi.

Tín đồ của các tôn giáo đặt niềm tin vào sự cầu nguyện rất nhiều. Họ tin rằng sự cầu nguyện với ơn trên, họ sẽ được ơn trên gia hộ cho họ thoát được những tai nạn, tăng thêm may mắn và mọi chuyện sẽ xảy ra theo sự mong ước của họ. Họ sẽ cầu nguyện ơn trên cho họ thi đậu, trúng số, mua bán lời nhiều, lấy chồng giàu, đẻ con ngoan, đi đường bình yên, thăng quan tiến chức... Để đáp ứng những lời cầu xin này mà vô số hình thức tín ngưỡng dân gian đã xuất hiện. Các đền, miếu, dinh đã mọc như nấm với vô số các thần linh, bà chúa, ông Thánh, ông Trạng được thờ phượng với bốn phận là lắng

nghe và đáp ứng sự cầu nguyện của các kẻ đến cầu nguyện. Người đến cầu nguyện cũng thành tâm mang theo hoa quả, nhang đèn, tiền bạc để dâng lễ tỏ lòng thành đối với thần linh tại đó. Thu nhập của các đền miếu nổi tiếng linh thiêng rất lớn. Thậm chí các tượng thần còn được đeo cả dây chuyền ngót mười lạng vàng. Còn sau một dịp cúng hội, tiền mặt được dâng cúng nhiều không kể xiết. Nếu các số tiền đó được ban thủ tục dùng vào các việc công ích như cứu tế, đắp đường, bố thí,... thì người dâng cúng sẽ được phước. Nếu số tiền đó bị chia chác riêng tư thì chẳng ai có phước. Còn sự cầu nguyện thầm kín của mỗi người có được Thần linh đáp ứng đầy đủ hay không thì chưa có con số thống kê rõ ràng.

Tuy nhiên, trên quan điểm của luật Nghiệp Báo, sự thành tâm cầu nguyện của con

người không phải hoàn toàn không có tác dụng. Tâm cầu nguyện chân thành tha thiết khiến cho năng lực của tâm thức trở dậy. Sức mạnh của vô thức rất lớn lao mầu nhiệm, có thể tạo ra hiệu quả không ngờ. Ví dụ, một người mẹ đau khổ vì đứa con lêu lổng, đã cầu nguyện cho đứa con hồi tâm hướng thiện. Sau một thời gian dài, đứa con thay đổi rõ rệt, đã từ bỏ khá nhiều thói hư tật xấu lúc trước. Ở đây sự cầu nguyện tha thiết của bà mẹ có tác dụng giống như sự thôi miên ám thị từ xa. Lâu ngày nó đủ sức làm chuyển biến nội tâm của con bà. Hơn nữa, những bậc thánh giải thoát an trú trong Bản Thể tuyệt đối, luôn luôn cảm ứng với tất cả mọi người. Tâm thành cầu nguyện điều lành luôn luôn được chư Phật gia hộ, vì tâm nguyện lành đã là một nghiệp nhân thiện rồi, nó xứng đáng được hưởng kết quả tương xứng.

Hiểu được điều này chúng ta có thêm một phương pháp chuyển nghiệp cho mọi người từ sự đau khổ của mình.

Mỗi khi chúng ta gặp nghịch cảnh, đừng cầu nguyện ơn trên gia hộ cho mình tai qua nạn khỏi, mà phải cầu nguyện cho tất cả mọi người tránh được nghịch cảnh đó. Tâm nguyện vị tha này làm xuất hiện phước nghiệp lớn lao hơn là lời cầu xin vị kỷ cho riêng mình. Một người bị rơi vào cảnh thất nghiệp, nghèo khổ, do biết tin hiểu Nghiệp Báo nên anh đã cầu nguyện ơn trên gia hộ cho mọi người đừng thất nghiệp nghèo khổ, ai ai cũng có công ăn chuyện làm. Rồi tâm nguyện tốt của anh được đền bù xứng đáng. thời gian sau anh kiếm được việc làm dễ dàng.

Như vậy từ nay chúng ta mong muốn được điều gì, hãy tha thiết cầu nguyện cho tất cả mọi người đạt được điều đó trước, nếu chúng ta né tránh đau khổ nào, hãy tha thiết cầu nguyện cho tất cả mọi người thoát khỏi đau khổ đó. Thế là chúng ta vừa biết chuyển nghiệp, vừa biết tăng trưởng tâm vị tha của mình.

Trở lại sự cầu xin của nhiều người khi đến viếng đền miếu. Họ cầu xin tài lộc, địa vị,

hôn nhân. Có những người sẽ đạt được và những người không đạt được tất cả đều do nghiệp chi phối. Ai đã từng tạo nhiều phước trong quá khứ, lời cầu nguyện sẽ có kết quả. Ai thiếu phước sẽ không được như ý nguyện hiện tại.

Rất đông tín đồ đạo Phật đặt niềm tin vào Bồ Tát Quan Thế Âm, mà theo Phẩm Phổ Môn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ngài có khả năng nghe lời cầu nguyện của mọi người để cứu khổ. Họ tạc bức tượng của Bồ tát như hình ảnh của một người mẹ hiền thương yêu tất cả mọi người sẵn sàng cứu vớt mọi người ra khỏi tai nạn.

Rất nhiều giai thoại về sự linh ứng của Bồ Tát Quan Thế Âm. Nhiều người cho rằng đã tự thân kinh nghiệm việc này khi gặp tai nạn. Họ đã thành tâm niệm danh hiệu Bồ Tát và đã thoát hiểm một cách kỳ lạ không thể tưởng tượng được.

Một bà đi sông bị cướp uy hiếp giết hại cả chồng và con. Bà bị đập đầu thả xuống sông. Nhưng nhờ niệm danh hiệu Bồ Tát nên bà không bị chìm, đã trôi vào bờ được

dân làng cứu sống.

Một người như có ai xách lên quăng ra khỏi xe đò trước khi chiếc xe lật xuống ruộng. Người này đã lầm nhằm niệm danh hiệu Bồ Tát trong khi đi đường xa.

Một người thanh niên bị cướp đuổi rượt, đã niệm danh hiệu Bồ Tát. Đến bờ sông, chợt một ông lão chèo chiếc ghe đến rước anh sang bên kia bờ bỏ bọn cướp nhìn theo tức tối. Lên bờ, anh quay lại cả ông lão và chiếc ghe đều biến mất như trong chuyện thần thoại.

Thật ra kinh Pháp Hoa là một bộ kinh bí ẩn nhất của Phật Giáo Bắc Phương. Lời lẽ của kinh đều ẩn chứa nhiều nghĩa. Mỗi người tùy theo căn cơ của mình mà hiểu sâu cạn khác nhau. Trong kinh có rất nhiều ẩn dụ khó hiểu mà phẩm Phổ Môn là một thách đố lớn cho những ai muốn nghiên cứu về giáo nghĩa của kinh này. Phạm vi của tác phẩm này không cho phép chúng ta đi lạc sang giáo nghĩa của kinh Pháp Hoa vốn rất mênh mông uẩn áo, chỉ tóm tắt trên lập trường của Nghiệp

Báo rằng chính NIỀM TIN và PHƯỚC LỰC đã đem lại kết quả như trên. Hơn nữa, trong khi bối rối mà con người có thể nhớ tới danh hiệu Bồ Tát để niệm thì ắt hẳn người đó biết tu tập, biết tạo phước chứ chẳng không. Chính phước quá khứ đã theo sự cầu nguyện để hóa giải bớt nạn khổ của họ.

Một số học giả chỉ trích rằng thuyết Nghiệp Báo đã khiến cho con người cam chịu những bất công. Người nghèo khổ bị bóc lột không hề nghĩ đến việc phải đấu tranh giành quyền lợi vì họ cho rằng nghiệp đã sắp đặt cho họ số phận như thế. Sự tin tưởng vào nghiệp đã khiến cho họ cam chịu, chấp nhận và khuất phục. Tính cách đó không phù hợp với công việc cải cách xã hội vốn cần có những con người gan dạ đấu tranh hy sinh vì quyền lợi tập thể. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể xem lại một ít lịch sử.

Trong thời gian các bạo chúa nắm quyền như Néron, Tần Thủy Hoàng, Hitler... Có rất nhiều người muốn nổi lên chống lại.

Nhưng khi phước của các bạo chúa vẫn còn, tội của dân chưa hết mọi âm mưu chống đối đều bị tiêu diệt. Đến khi phước của các bạo chúa đã cạn, đất nước đã đến lúc phục hưng, tự nhiên các bạo chúa bị sụp đổ một cách dễ dàng. Có khi là một cái chết do bệnh, có khi chỉ là một cuộc mưu sát đơn giản.

Trong tương quan Nghiệp Báo, số phận của đất nước và lãnh tụ liên quan với nhau. Khi đất nước đến kỳ hưng thịnh, tự nhiên lãnh tụ là người tài đức vẹn toàn. Khi đất nước suy vong, tự nhiên lãnh tụ là người hôn ám độc đoán mà nắm quyền rất vững, không ai làm cho nhúc nhích được. Trong âm thầm, nghiệp vẫn chi phối tất cả. Thêm nữa, trong lịch sử, sau các cuộc đấu tranh, đảo chính thành công, đời sống dân chúng nhiều khi còn đói kém hơn trước thời kỳ đấu tranh. Sự đấu tranh bằng bạo lực chưa phải là nguồn gốc đem lại sự sung túc cho xã hội. Chính đạo đức xương minh mới làm cho xã hội hưng thịnh.

Trong xã hội có đạo đức, con người biết lo

cho việc chung và quên đi cái riêng. Họ sẽ cố gắng làm việc có hiệu quả cao. Tất cả mọi người đều như vậy thì xã hội sẽ chuyển mình nhanh chóng. Giống như Nhật Bản sau 1945. Tất cả mọi người Nhật đều tử nhục và cùng chung một ý muốn phục hồi danh dự của Tổ Quốc. Họ đã miệt mài lao động (là một thiện nghiệp) cho đất nước. Bây giờ họ đang chuẩn bị “mua cả thế giới” bằng đồng tiền từ lao động đó.

Chính đạo đức làm cho con người no ấm, làm cho xã hội tiến bộ chứ không phải bạo lực làm được điều đó. Một bài trong báo Công An TP.HCM đã ghi tiêu đề rằng: “Tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội bằng việc làm từ thiện” (tức thiện nghiệp) cũng là phù hợp với ý nghĩa này. Hãy xây dựng một nền tảng đạo đức vững chắc cho xã hội, rồi chúng ta sẽ thấy đất nước chuyển mình. Nếu phải đấu tranh, chúng ta phải đấu tranh với sự ích kỷ của mình trước đã, còn việc đấu tranh bên ngoài có khi còn làm tăng thêm sự ích kỷ của mình. Cái mà

làm con người bóc lột lẫn nhau chính là tâm vị kỷ của họ. Khi bị bóc lột, họ đấu tranh giành quyền lợi. Sau khi đấu tranh thành công, không khéo họ lại trở thành kẻ bóc lột bởi vì họ chưa chiến thắng được sự vị kỷ tiềm ẩn trong lòng mình.

Chính chỗ này làm cho chúng ta thấy giá trị của việc tin hiểu luật Nghiệp Báo.

Người tin hiểu luật Nghiệp Báo không phải là kẻ an phận trước bất công, bởi vì họ đang đấu tranh với một cái bất công ghê gớm nhất: đó là sự vị kỷ. Bất công chính là muốn chiếm đoạt thật nhiều về cho mình mà không nghĩ đến người khác. Bất công và vị kỷ cũng là một. Chúng ta muốn xã hội không còn bất công. Tốt lắm. Nhưng trước hết hãy đấu tranh với cái bất công đang còn ngự trị ở trong lòng mình. Ai cũng biết như vậy thì xã hội sẽ hết bất công.

CHƯƠNG 9

NGHIỆP VÀ SỰ LIÊN HỆ VỚI VẠN

TỰỌNG

Trong phần trước nói về diện mạo, chúng ta đã nhận thấy rằng nghiệp đời trước ghi dấu rất rõ nơi diện mạo của mỗi người.

Người tạo phước nhiều thì diện mạo rạng rỡ đẹp đẽ. Người tạo tội nhiều thì diện mạo tối tăm xấu xí. Người có trực giác mạnh sẽ thấy được mỗi một nét nhỏ nơi hình dáng nói lên một nghiệp quả như thế nào. Một ánh mắt hung ác nói lên một nghiệp nhân tàn bạo trong quá khứ và cũng báo trước một quả báo bi thảm ở tương lai. Lối đi nghênh ngang lắc vai nói lên thói quen kênh kiệu trong quá khứ và báo trước sự hèn hạ sắp tới.

Rồi theo thời gian dài tích lũy giữa trực giác và kinh nghiệm, khoa tướng số hình thành với cả một hệ thống phức tạp, chi li, chuyên biệt. Nhà tướng số có thể phân tích từng nét lông mày, độ dày của vành tai, độ lớn nhỏ của tròng mắt, màu da sáng tối... để nhìn ra nghiệp quả của mỗi người, và có thể thấy được những nét tổng quát cuộc đời của một người.

Chúng ta đã biết, luật Nghiệp Báo ẩn dấu tận trong Bản Thể, mà Bản Thể thì bao hàm toàn thể vạn hữu vũ trụ. Thế nên dấu vết của nghiệp luôn luôn ghi lại trên mọi hiện tượng, mọi khía cạnh của cuộc đời. Những người có trực giác mạnh, có sự nhận xét tinh tế sẽ nhìn ra một phần nào ý nghĩa của nghiệp khi dựa vào những hiện tượng được bày ra nơi vạn tượng. Trên ý nghĩa đi tìm sự giải thoát, đạo Phật không chú trọng vào việc khám phá dấu vết của nghiệp hiện trên các hiện tượng đó vì e làm mất thì giờ tu tập thiền định. Đó là lý do tại sao trong các kinh điển luôn luôn bài xích các nghề nghiệp như bói toán, xem thiên văn, địa lý, tướng số, xem ngày giờ tốt, xấu, tử vi...

Các nhà địa lý xem tướng nhà, tướng bếp, xem vị trí phong cảnh chung quanh ngôi mộ tổ tiên để đoán được vận mệnh của một gia đình, một dòng họ. Các nhà thiên văn xem tinh tú có thể đoán được sự hưng suy của triều đại, của các nhân vật quan trọng. Các nhà tử vi dựa vào thời điểm ra

đời của một người để lập nên một lá số gồm một hệ thống sao sắp xếp quanh 12 cung, rồi từ đó luận đoán ra cuộc đời của người đó.

Những khoa thuật trên là dấu vết đặc thù của văn minh Đông phương mà khoa học ngày nay vẫn chưa chấp nhận vì chưa chứng minh được. Nhưng sự tồn tại của nó theo thời gian mấy nghìn năm cũng nói lên một phần giá trị thực tế của nó. Nếu đứng trên lập trường giải thoát, chúng ta không bận tâm vì những khoa thuật này. Tuy nhiên, trong một luận bản khảo sát về nghiệp, chúng ta cũng phải điếm qua sự liên hệ giữa nghiệp và các dấu hiệu của nghiệp. Còn phương pháp đọc các dấu hiệu đó gọi là các khoa thuật như trên.

Theo Einstein, khi nói đến một sự vật nào, chúng ta phải nói đến một tọa độ “không - thời gian”. Ví dụ như muốn gặp ông A, chúng ta phải biết ông ở đâu, vào lúc nào, chứ không phải chỉ biết địa chỉ (không gian) mà không biết được lúc ông có mặt (thời gian). Như vậy, vũ trụ này là một vũ

trụ không-thời gian chứ không phải không gian thời gian là có thể phân ly. Nói đến một sự kiện, một sự vật, một sự việc, một nhân vật... chúng ta phải nói đến nơi chốn và thời gian của nó chứ không thể bỏ qua một yếu tố nào. Sự vật hiện diện bị kết dính chặt chẽ bởi không gian và thời gian. Cũng vậy, nghiệp cũng ghi dấu lên không gian và thời gian. Đọc được dấu hiệu đó người ta biết được nghiệp quả của con người.

Nếu nghiệp đã in dấu lên diện mạo của một người thì nghiệp cũng in dấu lên thời điểm ra đời của người đó. Khoa tử vi xuất hiện từ luận cứ này. Vào đầu nhà Tống, Hy Di Trần Đoàn đã khám phá ra phương pháp lập một lá số tử vi dựa vào ngày giờ sinh của một người. Hơn 100 ngôi sao sắp xếp quanh 12 cung. Các ngôi sao đó phối hợp lẫn nhau để nói lên các tính chất nào đó. Gọi là sao, kỳ thực chúng ta chỉ nên coi đó là một ký hiệu, một mật mã mà thôi, và sự phối hợp các mật mã đó mới làm thành một câu văn, một ý nghĩa đầy đủ. Ví

dụ như trong khoa tử vi nói rằng “Liên trinh, Tham lang đóng tại cung Tỵ, Hợi thì khó thoát được hình ngục” hoặc “sao Ân quang, Thiên quý đóng tại cung Sửu, Mùi thì lòng danh thiên hạ”...

Các nhà tử vi chỉ chú trọng vào quả báo mà không để ý đến nghiệp nhân chứ thật ra khi quả báo hiện diện tức là nghiệp nhân đã có mặt. Nếu lá số tử vi nói rằng người đó giàu có thì có nghĩa là người này đã từng bố thí rất nhiều trong quá khứ. Nếu lá số tử vi nói rằng người đó sẽ gặp thất bại thì nó cũng có những ngôi sao (ký hiệu) để nói lên rằng người này có tính xấu, ít kiên nhẫn, hẹp hòi.

Một khoa thuật khác cũng được chú ý là khoa địa lý phong thủy. Nhìn phong cảnh chung quanh một ngôi nhà, một ngôi mộ, nhà địa lý có thể biết được vận hưng suy của gia đình, dòng họ đó. Những gò đồng chung quanh báo hiệu điều gì, dòng nước chảy ngang nói lên điều gì, con đường cái đi gần đấy báo hiệu điều gì... Các dấu hiệu đó được các nhà địa lý phân tích ý nghĩa

để đoán được vận số của những người có liên quan huyết thống.

Tuy nhiên, về sau các nhà địa lý thay vì khách quan tìm hiểu, đã tìm cách can thiệp để mong đạt được kết quả như ý. Họ tìm các vị trí tốt để táng mả và hy vọng rằng con cháu về sau sẽ thành đạt rục rĩ. Nhiều gia đình giàu có đã bao thuê các nhà địa lý rất tốn kém để nhờ các thầy tìm huyết tốt.

Chúng ta chưa vội phủ nhận hiệu quả của việc làm này, chỉ cho rằng nếu quả thực việc táng mả vào vị trí tốt khiến cho con cái phát đạt thì nó cũng không nằm ngoài luật Nghiệp Báo. Chỉ người có phước mới sinh vào gia đình được mả. Còn những người khổ công tìm mả mà thiếu phước lại sẽ sinh qua dòng họ khác, bỏ cái mả tốt cho người khác hưởng. Cũng vì hiểu được điều này nên các nhà địa lý đã khuyên “tiên tích phúc nhi hậu tầm long”, trước phải tích chứa phúc rồi sau đó mới tìm long mạch.

Nghiệp cũng in dấu vào khung cảnh chung

quanh chỗ ở của mỗi người. Khoa thuật đọc các dấu hiệu này gọi là khoa đoán điềm. Khi bước đến chỗ ở của một người, nhà đoán điềm nhìn thấy lối đi, gốc cây, lu nước, cửa, cột, giếng nước, màu sắc,... chung quanh chỗ ở của người đó và có thể đoán được sự may rủi, buồn vui của người đó như thế nào. Ví dụ như thấy lối đi đâm thẳng vào cửa chính họ cho rằng nhà này thường xuyên xảy ra chuyện rắc rối. Hoặc một giếng nước nằm sai chỗ có thể cho biết con trai trộm cướp, con gái bán hoa.

Và cũng như nhà địa lý, họ cũng tìm cách can thiệp bằng cách sửa đổi lối đi, dời bếp, đổi cột,... Nhưng nếu nghiệp của gia đình đó chưa hết thì điềm xấu vẫn hiện ra. Sửa được chỗ này lại phạm phải chỗ khác. Còn những người có phước, tự nhiên khung cảnh chung quanh hiện ra một cách hài hòa hợp lý không cần phải thay đổi gì thêm.

Trong khoa đoán điềm, họ cũng ghi nhận các dấu hiệu khác như tiếng chim lạ từ

đâu bay đến, cây cối tự nhiên héo úa, ly tách bỗng dựng vỡ, hoặc những tặng vật của khách đem đến, giếng nước đổi màu... Qua các dấu hiệu đó, họ đoán được điều gì sắp xảy ra.

Người Trung Hoa còn có khoa đoán khẩu khí. Trong những thời điểm quan trọng như dịp lễ hội... nghe một người nói lên một câu, họ có thể đoán được vận mệnh tổng quát của người đó. Khoa này cũng lan sang Việt Nam. Ví dụ khi Thiền Sư Vạn Hạnh nghe Lý Công Uẩn than:

“Đêm khuya không dám dang chân ngủ
Vì ngại non sông xã tắc xiêu”

Ông kinh ngạc vì khẩu khí của một vị vua tương lai.

Hoặc khi nghe Mạc Đĩnh Chi thốt lên câu:
“Hoàng hôn xa lạc Kim ô”

Người Tàu đoán về sau con cháu Mạc Đĩnh Chi sẽ cướp ngôi vua. Quả nhiên về sau Mạc Đăng Dung cướp nhà Lê.

Hoặc nghe người học trò là Nguyễn Đăng đối lại câu:

“Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách”

(Mưa không trời buộc nhưng có thể giữ khách).

Bằng câu: “Sắc bắt ba đào dị mịch nhân” (Sắc đẹp không phải là sóng gió mà vẫn dìm người).

Ông thầy cho biết Nguyễn Đăng sẽ đỗ trạng nguyên, nhưng sẽ ô danh vì nữ sắc. Điều đó đã xảy ra.

Ở đây, chính vô thức đã báo trước sự kiện bằng những khẩu khí như trên, và người tinh ý có thể nhìn ra.

Trong truyền sử, nhiều khi người ta còn ghi nhận các điềm của trời đất báo hiệu sự hưng vong của một đất nước như cầu vồng lạ xuất hiện, nước sông đổi màu, các sao lạ hiện ra hoặc tắt mất, sự sụp đổ những ngọn núi truyền thống, sự đổi dòng chảy của sông...

Như vậy, nghiệp của mỗi người và của xã hội đều có liên quan đến vạn tượng và quả thật có biểu lộ ra bằng các dấu hiệu nào đó. Nhiều người đã để tâm nghiên cứu các dấu hiệu này và thành hình những khoa thuật chuyên biệt. Ấn Độ và

Trung Hoa là nơi có nhiều khoa thuật loại này hơn cả.

Tuy nhiên, nếu hiểu Nghiệp Báo rồi, chúng ta chỉ bình tâm tu dưỡng đạo đức và tạo phước. Mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp. Đó là lý do tại sao trong đạo Phật không chú trọng đến các khoa thuật như trên, mặc dù nó không phải hoàn toàn vô lý như một số người đã phủ nhận.

CHƯƠNG 10

CÔNG ĐỨC

Mặc dù ở trình độ của ngày hôm nay chúng ta vẫn chưa thể chứng minh hoàn toàn luật Nghiệp Báo một cách logic chặt chẽ với sự thí nghiệm chính xác của máy móc, chúng ta chỉ gợi ý về sự thật hữu của Nghiệp Báo và dùng trực cảm tâm linh để suy diễn vấn đề. Nhưng cuối cùng, luật Nghiệp Báo vẫn là chân lý, một chân lý

dầu mặt tặn trong Bản Thể Tuyệt Đối, và âm thầm chi phối tất cả vận hữu vũ trụ, tất cả vận mệnh của kiếp người. Nhiều người đã chứng kiến sự vận hành của Nghiệp Báo ngay trong hiện đời và vững tin vào sự công bình của luật Nghiệp Báo. Họ đã thấy kẻ ác, dù có xên xang quyền lực, cuối cùng sẽ phải chịu đau khổ. Người thiện, dù có gian nan vất vả, rồi sẽ được đền bù. Trừ một số trường hợp mà quả báo không đến được trong hiện đời, phải đợi những kiếp về sau, thì không lý giải được.

Ở đây, chúng ta nói đến sự lợi ích của vấn đề tin hiểu luật Nghiệp Báo.

Một người có lòng tin hiểu vững chắc đối với luật Nghiệp Báo, chắc chắn không bao giờ là kẻ ác. Họ luôn luôn tính đến quả báo của mỗi hành động và không cho phép mình phạm sai lầm gây nhân xấu. Nếu họ muốn đi tìm hạnh phúc, họ sẽ biết đem lại niềm vui cho mọi người trước đã và luật Nghiệp Báo sẽ đền bù cho họ gấp bội lần ở mai sau. Nó khác với người

không tin hiểu Nghiệp Báo. Kẻ không tin hiểu Nghiệp Báo sẽ mưu cầu hạnh phúc cho chính mình bằng cách chiếm đoạt của người khác, cướp đi niềm vui của kẻ khác làm niềm vui của mình. Chỉ so sánh thái độ của hai hạng người này, chúng ta cũng thấy rõ tầm quan trọng của việc tin hiểu luật Nghiệp Báo.

Nếu trong một xã hội, người tin hiểu luật Nghiệp Báo chiếm số đông, xã hội đó sẽ là một xã hội đạo đức thánh thiện, phát triển, văn minh. Ngược lại, xã hội ít người tin hiểu luật Nghiệp Báo, xã hội đó sẽ sa đọa, hỗn loạn, tàn lụi.

Như vậy, vấn đề truyền bá sự tin hiểu luật Nghiệp Báo không phải là chuyện dư thừa của riêng các nhà hoạt động tôn giáo, mà nó thật sự là vấn đề cốt tủy, là vấn đề sống còn, là vấn đề hệ trọng đối với toàn xã hội.

Khi đạo đức con người được cải thiện thông qua việc giáo dục luật Nghiệp Báo, tự nhiên những vụ án hình sự sẽ giảm hẳn, vì con người sẽ tự kiềm chế lấy mình;

sẽ tự biết tránh tội, làm phước. Chi phí giành cho an ninh sẽ được tiết kiệm. Khi con người hiểu sâu sắc luật Nghiệp Báo, nền kinh tế quốc dân tự nhiên chuyển mình mạnh mẽ vì ai cũng ý thức được việc làm lợi ích cho xã hội tức là đã làm việc thiện lớn lao rồi. Họ làm việc không phải vì đồng lương mà vì lợi ích chung cho toàn xã hội. Chính những con người có ý thức cộng đồng cao này mới là những người đưa xã hội chuyển sang một hình thái văn minh mới mà bao nhiêu vĩ nhân đều mong ước, đó là xã hội rất ít sự chiếm đoạt tự hữu. Mọi người biết nhường nhịn lẫn nhau một cách tự giác, tự nguyện, không phải do cơ chế bắt buộc.

Quyền tự do tự hữu là quyền thiêng liêng của con người, nhưng sự san sẻ tài vật cho công tác từ thiện, sự đóng góp tài sản cho cộng đồng xã hội một cách tự nguyện là đạo đức cao cả của con người. Đạo đức này chỉ được thành hình do giáo dục chứ không phải do cơ chế.

Chỉ khi nào đạo đức của toàn xã hội được

nâng cao tột độ, lúc đó không cần phải tranh đấu, chủ nghĩa xã hội bỗng nhiên hiện diện một cách hoàn hảo, đẹp để lạ lùng.

Điều chúng ta phải đấu tranh là giáo dục để nâng cao đạo đức của mọi người lên gấp bội lần hiện nay, trong đó việc truyền bá sự tin hiểu luật Nghiệp Báo là yếu tố quan trọng nhất.

Đức Phật đã tán thán công đức của việc truyền bá sự tin hiểu luật Nghiệp Báo qua ẩn dụ sau đây.

Một Bà La Môn hỏi Phật

“Có một ai không phải đạo Phật đã được sinh Thiên chưa?”

Đức Phật trả lời

“Chín mươi một kiếp qua ta chưa từng thấy một ngoại đạo nào được sinh Thiên, chỉ trừ một người, vì người này hay tuyên giảng về Nghiệp Báo.”

Qua mẫu đối thoại trên, Đức Phật đã xác nhận rằng công đức của việc truyền bá sự tin hiểu về luật Nghiệp Báo vô cùng lớn lao. Chúng ta bố thí một số tiền cho người

nghèo, có thể giúp cho người ấy sống lây
lắt qua vài ngày, vài tháng. Nhưng một khi
chúng ta giúp cho họ tin hiểu luật Nghiệp
Báo một cách **VỮNG CHẮC SÂU SẮC**, thì
cuộc đời họ sẽ thay đổi tận gốc rễ. Họ sẽ
biết tránh tội làm phước, và hạnh phúc sẽ
đến với họ từ kiếp này sang kiếp khác. Cái
lợi ích của việc truyền đạt sự tin hiểu luật
Nghiệp Báo so với cái lợi ích của việc bố
thí tài vật là hoàn toàn không thể so sánh.
Lợi ích của bố thí chỉ tồn tại vài ngày trong
khi lợi ích của việc giáo dục Nghiệp Báo
tồn tại vô hạn. Cái khuynh hướng đạo đức
trong tâm hồn họ sẽ kéo dài từ đời này
sang đời khác và càng lúc càng nảy nở
mạnh hơn. Lợi ích của họ **LỚN LAO** thế
nào, **BỀN BỈ** ra sao thì cái phước của
người truyền đạt sự tin hiểu Nghiệp Báo
cũng to tát và miên viễn chừng ấy.
Nếu người kia, sau khi tin hiểu Nghiệp
Báo, làm được một việc phước thiện, thì
người truyền đạt đương nhiên hưởng
được một phần ba công đức đó. Nói như
vậy không có nghĩa là người hành động

chỉ còn hai phần ba công đức. Họ vẫn hưởng trọn vẹn công đức của việc làm từ thiện, nhưng người giáo dục cho họ tự nhiên được hưởng một phần công đức do công lao giáo dục. Công đức không giống như tiền. Tiền phải bị hao khi phải chia sẻ. Công đức không bị hao khi chia sẻ. Nó giống như lửa, dù được mỗi từ ngọn đuốc này sang ngọn đuốc khác, ngọn lửa ban đầu vẫn không bị giảm bớt chút nào. Thế nên, dù cho chính chúng ta không trực tiếp làm được việc từ thiện, nhưng đã có công khuyến khích người khác làm việc từ thiện, tránh được tội lỗi, phước của chúng ta cũng rất lớn.

Một người bắt đầu tin hiểu luật Nghiệp Báo, sự tốt đẹp cũng bắt đầu hiện diện nơi đời họ và lan tỏa sang mọi người chung quanh. Công đức của người giáo dục cho họ sự tin hiểu đó thật sự vô cùng to lớn. Nếu chúng ta đã là người tin hiểu luật Nghiệp Báo rồi thì chúng ta phải phát nguyện mạnh mẽ là sẽ truyền đạt sự tin hiểu này cho tất cả mọi người trên thế giới

cùng có được sự tin hiểu như thế. Lời phát nguyện đó dù không được thực hiện trong kiếp này, chúng ta sẽ tiếp tục thực hiện trong những kiếp kế tiếp. Miễn là làm sao cuối cùng thế giới này trở thành cõi đời thánh thiện, hiền lương, đạo đức. Hãy thiết tha ấp ủ hoài bão đem luật Nghiệp Báo truyền đạt khắp nơi. Hãy lấy đó làm lý tưởng cho cuộc sống của chúng ta. Hãy lấy đó làm niềm vui cho cuộc đời của chúng ta.

Có nhiều cách để chúng ta góp phần truyền bá sự tin hiểu luật Nghiệp Báo. Hoặc là chúng ta đóng góp tiền bạc, công sức để in những luận bản nói về Nghiệp Báo. Chúng ta lựa những luận bản có giá trị, có chiều sâu, có thể gây ảnh hưởng mạnh cho người đọc, làm cho người đọc chuyển biến mạnh mẽ, làm cho người đọc phát khởi niềm tin đối với luật Nghiệp Báo. Chúng ta chọn những luận bản có nhiều tính khoa học, có lý luận vững vàng, có khả năng đào sâu về mọi khía cạnh của nghiệp để cho người đọc có thể hiểu kỹ về

đường đi của nghiệp. Bởi vì sự hiểu biết càng sâu xa chừng nào, thì niềm tin càng vững chắc chừng ấy. Niềm tin mà thiếu hiểu biết chỉ là mê tín. Một luận bản nói về nghiệp phải cung cấp cho người đọc nhiều kiến thức, nhiều luận cứ sắc bén để họ đạt được sự hiểu biết kỹ càng về nghiệp, từ sự hiểu biết đó, niềm tin của họ mới không bị lung lay.

Một cuốn sách nói về nghiệp được in ra có thể được năm bảy người đọc, chỉ cần năm bảy người phát tâm tin hiểu Nghiệp Báo thì phước của người ấn tống cũng rất lớn lao, huống nữa là hàng ngàn cuốn sách được in ra rồi lan rộng trong mọi ngõ ngách của cuộc đời. Những cuốn sách đó lan đến đâu thì tội ác được đẩy lùi, đạo đức được thắp sáng đến đấy. Và như vậy, phước của người ấn tống không thể nào kể xiết được. Có thể do phước này, đời sau họ đạt được những địa vị cao quý có nhiều người tuân phục, kính nể, bởi vì những người kia đã chịu ơn của họ, đã nhờ họ mà được đạo đức và làm được

nhiều việc từ thiện. Người giáo dục đạo đức và người được giáo dục nhiều đời sẽ quây quần với nhau đề cùng nhau hưởng phước. Và người giáo dục luôn luôn đứng ở vị trí hướng dẫn chỉ huy.

Hoặc những ai có duyên tiếp xúc với nhiều người như các giáo viên đứng lớp, như người có nhiều bạn bè thân hữu, thì trong những lúc thuận tiện cũng có thể giải thích về nghiệp cho người khác tin hiểu. Thông thường, muốn đi vào vấn đề nghiệp, hãy khởi đầu bằng những câu chuyện có thực mà chúng ta chứng kiến được trong đời sống của mình. Những câu chuyện đó có sức thuyết phục mạnh mẽ để chuẩn bị cho những lý luận trừu tượng kế tiếp. Nói về nghiệp mà thiếu dẫn chứng chuyện tích là điều thiếu sót lớn (Xem “Luận về Nhân Quả “ Chơn Quang).

Ví dụ câu chuyện rằng Một ông nọ lúc còn trẻ và khá giả, thường đến bệnh viện vào dịp tết, tự tay chăm sóc, quét dọn cho những người bệnh không có thân nhân giúp đỡ. Ông này vốn là người cô độc,

không hề có thân nhân ruột thịt. Về sau ông bỏ về rẫy cát am tu một mình, chợt có một tu sĩ trẻ tuổi đến ở chung, và đứng vào dịp tết, ông ngã bệnh nặng, được người tu sĩ chăm sóc quét dọn tận tình. Qua tết, ông ra đi. Quả báo đã đến với ông trong hiện đời và lập lại chính xác cả cái thời gian vào dịp tết. Thật sự, những gì chúng ta đã làm không bao giờ mất. Nó vẫn còn đấy và đem lại một kết quả tương xứng.

Hoặc câu chuyện khác. Người con dâu vì muốn ra riêng nên la toáng lên là cha chồng hãm cô. Làng đem người cha chồng ra xử đóng cãng giữa làng. Quá xấu hổ, ông cắn lưỡi tự tử. Hai vợ chồng trẻ được ra riêng và được hưởng gia tài. Về già bà vợ đổ bệnh không cách nào chữa được, phải nằm tiêu tiểu một chỗ. Con cháu chán ghét, đóng một cái sạp ló ra bờ sông cho bà nằm đấy để tiêu tiểu tùy thích. Trong tình cảnh này, bà ngậm ngùi nhớ lại nghiệp cũ và thấy hối hận. Bà gọi một người bạn đến thú nhận câu chuyện

mấy mươi năm về trước và nghĩ rằng sở dĩ bà bị hành hạ và bị con cháu xa lánh chán ghét là quả báo do bà đã vu khống người cha chồng đáng thương nọ.

Rất nhiều những câu chuyện thực tế như thế có thể dẫn dắt người khác tin hiểu Nghiệp Báo dần dần.

Khi nói về nghiệp chúng ta cũng phải tùy đối tượng để có những lý luận thích hợp. Với người có sẵn khuynh hướng tín ngưỡng thì rất dễ, họ dễ dàng chấp nhận sự chi phối âm thầm của nghiệp, giống như họ đã chấp nhận các thần thánh vô hình. Còn đối với người không có khuynh hướng tín ngưỡng, họ thích có những chứng minh cụ thể. Với hạng người này, chúng ta sẽ kể nhiều các mẫu chuyện Nghiệp Báo và kết luận rằng:

“Đó là sự công bình tự nhiên của vũ trụ”. Bản chất của vũ trụ là công bình, là đền bù hợp lý. Năng lượng và vật chất thay đổi qua lại mà không hề bị mất đi. Nó vắng ở chỗ này và xuất hiện ở chỗ khác. Cũng vậy, người tạo nhân ở chỗ này sẽ đón

nhận kết quả ở chỗ khác. Không có gì biến mất, vũ trụ vốn công bằng và hợp lý. Trong một gia đình, một dòng tộc, nếu người cha hay khuyến bảo đạo đức, nhắc nhở về Nghiệp Báo cho con cháu, chắc chắn, gia đình đó, dòng họ đó sẽ càng lúc càng thịnh đạt. Một ông cụ trước khi mất đã nói với con cháu rằng:

“Ta không có gì nhiều để lại cho các con, chỉ có một chữ phước () viết ở giữa nhà để làm gia tài cho các con mà thôi !”

Quả nhiên, càng về sau con cháu của ông cụ có rất nhiều người hiển đạt.

Thế nên, nơi mà chúng ta phải truyền bá sự tin hiểu Nghiệp Báo trước hết là gia đình của mình. Hãy giúp cho cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái của mình có được niềm tin vững chắc đối với luật Nghiệp Báo. Được như vậy là chúng ta đã làm tròn bổn phận hiếu nghĩa đối với gia đình mình. Dù chúng ta có nuôi dưỡng cha mẹ mình bằng bao nhiêu thức ngon vật lạ cũng không bằng hướng dẫn cha mẹ mình tin hiểu Nghiệp Báo. Dù chúng ta có

nuông chiều con cái của mình bằng bao nhiêu sự thương yêu đùm bọc, cũng không bằng dạy cho con mình sự tin hiểu Nghiệp Báo. Bởi vì chỉ có sự tin hiểu Nghiệp Báo mới gây được một nền tảng đạo đức vững bền trong lòng họ. Nhờ nền tảng đạo đức này, những người thân của ta sẽ được an lạc từ đời này sang đời khác.

Tóm lại, nếu chúng ta đã đạt được cái điểm phước là người có niềm tin hiểu sâu sắc đối với luật Nghiệp Báo mà nhiệm, thì điều còn lại là hãy thiết tha đem trọn đời mình tuyên giảng về Nghiệp Báo cho mọi người để đạo đức được sáng tỏ, tội lỗi được đẩy lui, để thế giới này vĩnh viễn trở thành cõi thiên đường bình an, thánh thiện.

Viết xong Ngày

20 Tháng Giêng Nhâm Thân.

CHÂN QUANG

